

Các khu vực đã bị chiếm và bị bắt trong giai đoạn 1961 - 1962 (theo Cade Tourism)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

Đội quân bí mật, cuộc chiến bí mật

Sedgwick Tourison - 1995

LỜI TÁC GIẢ

Phần I. GIAI ĐOẠN MỞ ĐẦU (1945-1963)

1. KẾT GIAO VỚI HÀ NỘI

2. NHỮNG ĐIỀU NAN GIẢI

3. NHỮNG CUỘC ĐỌ TRÍ

4. CHIẾN LƯỢC CÀI RĂNG LƯỘC ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Phần II. CÁI GIÁ CỦA SỰ KHÔNG HIỂU BIẾT (1964-1965)

[5. GIẢI PHÁP MC NAMARA](#)

[6. KẾ HOẠCH ANPHA 34.](#)

[7. “HO” MUỐN CÓ KẾT QUẢ NGAY...](#)

[8. MÙA HÈ 1964.](#)

[9. TOÁN BOONE ĐẦU HÀNG.](#)

[10. SỰ KIẾN VINH BẮC BỘ.](#)

[Phần III SỰ NGUY TRẠNG \(1965-1967\)](#)

[11. “ROMEO BỊ BẮT...”](#)

[12. TOÁN HECTOR](#)

[13. CHÚNG TÔI ĐÃ BIẾT "AI" ĐANG ĐẾN.](#)

[Phần IV RÚT LUI TRONG DANH DỰ \(1967-1973\)](#)

[14. BẮT ĐẦU GIAI ĐOẠN KẾT THÚC.](#)

[15. CHUỘT VÀ NGƯỜI \(*\)](#)

[16. LÀM RÕ SỰ THẬT.](#)

[17. NHỮNG KẺ PHẢN BỘI Ở PHONG QUANG.](#)

[18. CẢI HUẤN.](#)

[19. CHUẨN BỊ TRAO TRẢ.](#)

[20. TUYẾT THỰC](#)

[21. TRỞ LẠI QUYẾT TIẾN.](#)

[Phần V TRỞ VỀ TỪ CỖ CHẾT \(1980-1994\)](#)

[22. NHỮNG NHÀ TÙ Ở THANH HÓA.](#)

[PHẦN KẾT](#)

Tháng 6 năm 1985, khi đánh giá về cuộc chiến tranh Việt Nam, thượng nghị sĩ John Mc Cain đã phát biểu:

“...Quân đội Mỹ có thể cuốn gói đưa về nước xe tăng, máy bay, tàu chiến, đại bác, thiết giáp, súng M16 và hàng chục vạn binh lính các loại. Nhưng còn rất lâu nữa, nước Mỹ mới tìm thấy sự yên ổn và thanh thản trong tâm hồn “.

Quả thật “*nước Mỹ sau Việt Nam*” vẫn còn nhiều nhức nhối. Nhiều chính khách Mỹ không thể kìm nén được đã chủ động viết thành sách để phê phán, phân tích, mổ xẻ, giải bày về từng khía cạnh nhằm bộc bạch tâm trạng, thanh minh lỗi lầm, bào chữa, biện minh cho trường hợp dính líu của mình cốt làm vơi bớt đi những day dứt mặc cảm đang đè nặng lên tâm tư họ.

Không chỉ vì những suy tư ấy, Sedgwick Tourison, nguyên là một cựu điệp viên CIA đã nhiều năm hoạt động ở Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan... Sau đó, ông là thành viên của Ủy ban đặc biệt Thượng nghị viện Mỹ chuyên trách về POW/MIA cho đến năm 1993. Vốn là người trong cuộc, có những hiểu biết sâu về thực tế, lại có điều kiện quan hệ, gặp gỡ với nhiều người có liên quan, được tiếp cận với nhiều nguồn tài liệu mật. . . Ông đã bỏ công sức trên 10 năm liền để viết cuốn “*Đội quân bí mật, cuộc chiến bí mật*” (Secret Army-Secret war), được Nhà xuất bản của Viện Hải quân Mỹ (Naval Institute Press Annapolis MD.USA) in năm 1995.

Ngay trong lời tự sự của mình, Sedgwick viết:

“...Đây không phải là câu chuyện về các điệp viên bí mật của quân đội Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam thuộc Liên đội quan sát số 1 và Phái bộ Viện trợ quân sự Mỹ ở Việt Nam (MACSOG). Trái lại, đây là câu chuyện về những người Việt Nam được MACSOG tuyển mộ đúng với bản chất của cuộc chiến tranh, họ đã bị đẩy vào con đường cực kỳ nguy hiểm. Câu chuyện về họ chưa một ai được biết, ngoại trừ một số rất ít người Mỹ giữ cương vị và am hiểu tiếng Việt. Bởi lẽ đây là câu chuyện riêng của chúng ta, nói về cuộc chiến tranh của chúng ta, và vì cuộc chiến tranh đó mà họ đã phải trả giá quá đắt.

...Đây là câu chuyện có thật về hoạt động của đội quân gián điệp biệt kích do Mỹ sử dụng trong chiến tranh. Một đội quân đông tới 500 người gồm trên 50 toán và đã bị bắt, bị vô hiệu hóa trong khi thực thi các hoạt động tuyệt mật của Washington chống lại Bắc Việt Nam. Họ là một trong những lý do chủ yếu làm cho cuộc chiến tranh Việt Nam bùng nổ. Nhưng họ lại không đóng một vai trò quan trọng nào trong cuộc chiến tranh sau đó. Bởi vì họ đã bị xóa sổ và đã ba lần bị chối bỏ trong cuộc tháo chạy hoảng loạn, vội vã của Mỹ nhằm rút khỏi

Việt Nam trong danh dự”.

Trong cuốn sách này, tác giả đã kết cấu thành năm phần lớn và 22 đề mục nhỏ. Ông đã phác hoạ ra một bức tranh toàn diện của các hoạt động tình báo Mỹ ở Việt Nam trong nửa thế kỷ qua (1945-1994). Tác giả đã chọn nhiều ảnh, nhiều bản đồ để minh hoạ cho sự kiện. Ở đây, tác giả còn muốn phơi bày một sự thật phũ phàng, đó là sự lẩn tránh, sự chối từ trách nhiệm, đó là ý đồ bưng bít, che giấu sự thật lịch sử của Lầu Năm góc và tình báo Mỹ. Ngay từ năm 1970, mọi tài liệu có liên quan đến các toán gián điệp biệt kích người Việt Nam đều đã được xếp vào loại tuyệt mật, được đào sâu, chôn chặt, khoá kỹ trong các kết sắt đặc biệt. Đây là loại tài liệu không một ai, không bao giờ được đem ra ánh sáng. Người ta mong muốn sẽ nhanh chóng xoá nhoà câu chuyện, thời gian sẽ làm lãng quên, tài liệu sẽ bị thiêu hủy. . . Tác giả cũng muốn kêu gọi những người biết rõ sự việc hãy nói lên sự thật đó. Ông viết:

“...Tôi hy vọng rằng các quân nhân trong lực lượng MACSOG hãy nói lên những điều mà họ còn giữ kín trong lòng. Hãy nói lên sự thật bằng chính tên của mình chứ không cần phải giấu diếm dưới những bút danh khác một khi sự thật đã trở thành hiển nhiên, không thể phủ nhận hoặc lừa dối được nữa. Việc công khai hoá cho quần chúng nhân dân Mỹ biết rõ sự thật là điều cần thiết và bổ ích”.

Công khai thú nhận thất bại quả thật là một điều không dễ dàng gì.

Chính tác giả cũng chẳng muốn "vạch hết áo cho người xem lưng" đâu. Mà đó là điều bắt buộc phải làm, phải viết không thể làm khác đi được.

Đánh giá về thất bại, tác giả đã dùng lời của một điệp viên thú nhận:

“Tôi không cho rằng không có một toán gián điệp biệt kích nào thành công cả. Thực tế đã có những toán xâm nhập vào và rút ra an toàn. Nhưng đó chỉ là những toán gián điệp con thoi hoạt động có tính chất chớp nhoáng, có tính chất gây rối ở phía Bắc khu phi quân sự mà thôi. Còn các toán được tung ra hoạt động ở các vùng xa, trên phạm vi rộng và trong thời gian dài thì hầu như hoàn toàn bị thất bại.

Hình như các điệp viên của chúng ta đã bị đón lõng trước khi họ được tung vào miền Bắc. Bất cứ bằng đường không, đường biên, đường bộ, ở nơi hẻo lánh, hoặc khu vực dân cư, dù vào ban đêm hay ban ngày. . . họ luôn được những người trên đất liền chờ đón . Nếu có điệp viên nào đó may mắn vào ra trót lọt thì có thể đặt câu hỏi là: liệu đó có phải là họ 'thả lỏng' do không cần phải làm gì nữa vì họ đã biết rất rõ mọi điều rồi."

Tác giả cũng dành ra 10 đề mục nhỏ để viết về miền Bắc, về sinh hoạt, cuộc sống, thái độ đối xử của những người tù trong các trại giam. Viết về trại Quyết Tiến, trại Phong Quang, trại Phổ Lu, trại Quảng Ninh, nhà tù Sơn La, Thanh Liệt. . . Viết về công tác giáo dục, cải tạo và các hình thức kỷ luật, viết về những dẫn vật, ương bướng, lo ngại, khổ đau của các tù nhân trước thời cuộc, trước số phận. . .

Có thể nói tác giả đã cung cấp cho người đọc cái nhìn khái quát, toàn diện về hoạt động tình báo gián điệp Mỹ đối với đất nước ta . Những ý đồ chiến lược của CIA, của Lầu Năm Góc, về kế hoạch 34A . . . và sự thất bại thảm hại. . . Về chi tiết tuy có chỗ còn quá cường điệu, quá nhấn mạnh hoặc thể hiện rõ dụng ý nói xấu, bôi nhọ...

Nhưng điều đó cũng là tất nhiên. Tác giả có ý đồ, có cách nhìn và mục đích riêng. Hơn nữa các tài liệu, tư liệu về phía chúng ta tác giả có được phần lớn là dựa vào lời kể của các đối tượng bị tù, đang sẵn cảm ghét và hận thù. Vì vậy khó mà tránh được sai lệch, méo mó và cả sự vu khống có dụng ý nữa!

Chính tác giả cũng đã thừa nhận :

"...Vẫn còn rất nhiều câu hỏi chưa được giải đáp. Do bản chất của hoạt động này và những vấn đề phức tạp thuộc về công việc, về nghề nghiệp, pháp lý và đạo lý...Cho nên không bao giờ, không một ai có thể đưa ra đầy đủ câu trả lời cho mọi vấn đề."

Về điểm này, ngay lực lượng Công An Nhân Dân ta đã từng chiến đấu và bắt sống nhiều toán gián điệp biệt kích cũng chưa biết hết, tường tận. Do vậy mà cuốn sách mang tính tư

thú của chính người tham gia chỉ huy tung gián điệp biệt kích này sẽ giúp ta hiểu rõ thêm tầm cỡ chiến thắng và nhiều điều trước đây còn đang là ẩn số.

Bỏ qua tất cả những hạn chế trên, chúng tôi cho rằng đây là một tài liệu tham khảo bổ ích và lý thú. Bởi tác giả là người trong cuộc, là người ở phía đối phương viết về chính nước Mỹ và thất bại của họ. Viết về Gián điệp biệt kích - một lĩnh vực đang được giấu kín, bị phong tỏa, một lĩnh vực chưa có nhiều tác giả viết sâu về nó. Đọc nó chắc sẽ giúp cho chúng ta có cái nhìn sâu hơn, toàn diện hơn về thắng lợi và về đường lối chiến tranh nhân dân của chúng ta .

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc và mong nhận được nhiều ý kiến bổ sung, góp ý.

HOÀNG HÀ

LỜI TÁC GIẢ

Quá nửa đêm ngày 27-5-1961, trên bầu trời tỉnh miền núi Sơn La thuộc vùng Tây Bắc xa xôi của Bắc Việt Nam, trong chốc lát mặt trăng bị che khuất bởi thân hình của chiếc máy bay

bà già hai động cơ C47 từ thời Thế chiến thứ II. Chiếc máy bay hạ thấp độ cao trên vùng Phú Yên, một khu dân cư của huyện Mộc Châu về phía Đông-Bắc, kinh đô cộng sản của nước Lào láng giềng là Sầm Nưa.

Bốn thân hình nhỏ nhoi bỗng nhiên tách khỏi chiếc máy bay vận tải. Chúng lập tức bung ra bốn chiếc dù, rơi theo qui luật tự nhiên xuống khu vực đổ bộ đã được dự tính ở các đồi cây phía dưới. Các thành viên của toán biệt kích mang biệt danh CASTER đang được đưa trở về quê hương chôn rau cắt rốn của họ.

Con ngựa già của cuộc chiến tranh trước đó (với người Pháp) đã nhanh chóng leo lên thành một viên phi công. Một viên sĩ quan xuất sắc của không lực Nam Việt Nam đã vui mừng thở phào nhẹ nhõm khi hoàn thành phi vụ của mình. Chiếc C47 bay trong vùng không khí loãng dọc theo hướng nam để thoát khỏi không phận của kẻ thù trên vùng trời Bắc Việt Nam và sang vùng an toàn của nước Lào bên cạnh. Nó biến mất trong khi bốn chiếc dù xanh lá cây của quân đội Mỹ lắt lư, từ từ rơi xuống bóng đêm và những bụi rậm đang đợi chúng ở phía dưới.

Họ vừa đặt chân xuống đất được vài phút thì những ngọn lửa bập bùng đã tỏa ra để chào đón các biệt kích của Nam Việt Nam. Tiếng súng trường và tiểu liên nổ rộ lên từ phía những người tấn công vô hình rồi đột nhiên ngừng bật và im lặng như tờ.

Các binh sĩ của quân chủ lực Bắc Việt Nam tìm thấy một điệp viên đang nằm trên một vũng máu, bên cạnh anh ta là chiếc đài còn nguyên vẹn.

Họ dùng điện đài gọi binh sĩ thuộc lực lượng chống biệt kích của quân khu Tây Bắc đến để lùng bắt các biệt kích đang lẩn trốn. Các binh lính Bắc Việt bắt được một biệt kích bị thương cùng với điện đài của anh ta, thế nhưng họ rất cần khoá mật mã của toán biệt kích này.

Đinh Văn Anh, một trung sĩ của quân lực Nam Việt Nam là một trong những người sống sót, anh ta chạy trốn được hai ngày rồi cũng bị bắt. Đinh Văn Anh là người giữ mật mã của toán CASTER. Trong cuốn sổ mật mã của anh ta đầy rẫy những khối chữ số được mã hoá

bằng máy tính điện tử.

Thế là những người bắt biệt kích Bắc Việt đã có đủ mọi thứ-hầu như thế. Sự thách thức bây giờ là tìm ra được những biệt kích sẵn sàng hợp tác với họ.

Sau vài ngày đặt chân xuống mặt đất và được đón tiếp bằng những loạt súng vang rền. Đến lượt anh phải đương đầu với người hỏi cung trong tư thế của một kẻ hoàn toàn bị khuất phục, hai tay bị trói chặt sau lưng, các dây trói được buộc chặt trên khuỷu tay của anh gần như bị tê liệt. Người Bắc Việt tra tấn anh đóng vai trò một quan toà. Người bị bắt ngồi bệt dưới đất, người hỏi cung ngồi trên cao nhìn chăm chăm xuống anh ta. Cuộc hỏi cung được bắt đầu bằng một loạt các câu hỏi và trả lời chi tiết dường như không dứt và không biết chán.

Trả lời, trả lời và trả lời.

“Anh khai cho tôi biết ông Chương ở đâu?”

Người bị bắt cố lục tìm trong trí nhớ của mình nhưng không thể tìm ra câu trả lời.

Đối với người hỏi cung, sự im lặng của kẻ bị bắt có nghĩa là anh ta biết sự thật phải được bóc trần một cách khéo léo cũng như người ta bóc một cách cẩn thận vỏ ngoài của một quả thạch lựu để khỏi làm hỏng các hạt bên trong. Một biệt kích bị bắt không bị làm thương tổn và sẵn sàng hợp tác là vô cùng quý giá. Điều tồi tệ là một số lính tráng Bắc Việt nổ súng quá nhanh.

“Tôi hỏi anh thêm một lần nữa, ông Chương ở đâu?”

“Tôi... Tôi không biết ông Chương nào cả!”

Câu trả lời của anh ta là không có sức thuyết phục. Người ta muốn một câu trả lời tích cực cơ, luôn luôn phải là như vậy.

Anh được giao nhiệm vụ liên lạc với ông Chương. Ông Chương là ai và ông ta ở đâu?"

"Tôi không biết. Tôi không biết ai tên là Chương cả."

Thậm chí không cần những câu hỏi thẳng về một ông Chương mà anh ta không biết, thì anh cũng nhận ra rằng mọi thứ đều có thể đã hỏng cả. Các bản đồ của toán, các bức ảnh chụp từ trên không và các lời huấn thị ở Sài Gòn trước lúc ra đi đã cho thấy rằng các biệt kích sẽ đổ bộ xuống một khu vực không có dân cư. Thay vì một khu vực được tính trước là tương đối an toàn, thì họ lại đổ bộ thẳng xuống một trung tâm huấn luyện dân quân địa phương cạnh một làng nhỏ. Rõ ràng là cuộc viếng thăm của họ đã được mong đợi và cũng không kém phần rõ ràng là những người hồi cung Bắc Việt Nam biết về hoạt động của họ nhiều hơn là bốn người họ biết. Tội tệ nhất là chỉ huy của họ ở Sài Gòn lại trao cho mỗi người một tên thật. Điều này đã dễ dàng cho Hà Nội, hầu như quá dễ. Điều gì sai lầm đã xảy ra?

Toán biệt kích CASTER đã nhận được chỉ thị rằng nhiệm vụ của họ là xây dựng một căn cứ kháng chiến và một mạng lưới cơ sở ngầm ở sân sau phòng tuyến của Bắc Việt Nam. Người ta bảo rằng nhiều toán nữa sẽ được phái đi. Họ tin những gì người ta bảo họ, và vì thế cho nên họ đã tình nguyện tham gia vào đội thập tự chinh này.

Chẳng bao lâu sau khi toán biệt kích CASTER đổ bộ, điện đài Mỹ đã thu được báo cáo đầu tiên của CASTER. Bức điện nói rằng toán CASTER đã đến đúng mục tiêu và đang chuẩn bị thực thi nhiệm vụ của mình. Như CIA đã hy vọng, CASTER đề nghị cho chỉ thị.

Nhân viên điện đài đó đã không báo cáo rằng anh ta đang truyền đi bức điện được mã hoá của mình trước họng súng của một sĩ quan an ninh Bắc Việt Nam đang chìa thẳng vào đầu anh ta. Anh ta cũng không báo rằng có những dấu hiệu cho thấy là đối phương đã biết trước về cuộc đổ bộ của toán CASTER và đã kiên nhẫn chờ đợi hàng tuần lễ trước khi toán CASTER được chiếc máy bay bà già C47 thả dù họ xuống.

Hà Nội còn trên tài cả CIA vì họ đã biết trước kế hoạch hoạt động của CIA và đã phục kích

chờ toán CASTER mò tới. Hà Nội kiên nhẫn chờ đợi. Họ còn làm cho William Colby, trưởng trung tâm CIA ở Sài Gòn, bị nhiều phen sửng sốt khác.

Câu chuyện không phải được bắt đầu bằng toán biệt kích mang biệt danh CASTER, mà nó được bắt đầu từ trước đó những hai mươi năm với một người mang tên PATTI.

Phần I

GIAI ĐOẠN MỞ ĐẦU (1945-1963)

1. KẾT GIAO VỚI HÀ NỘI

Các toán điệp viên được Mỹ đào tạo kiểu như CASTER vẫn là sự tiếp nối các bài bản về công tác tình báo bí mật của Mỹ đã tồn tại ở Việt Nam gần hai thập kỷ qua.

Hoạt động lớn đầu tiên của Mỹ là vào mùa xuân năm 1945 dưới sự chỉ huy của Archimedes L.A.Patti - Phụ trách khu vực Bắc Đông Dương với nhóm cơ quan công tác chiến lược (OSS) đóng ở Côn Minh, Nam Trung Quốc. Theo Patti, người được giới thiệu tới cơ sở vào năm 1943, khi thôi làm ở Tổng hành dinh của OSS Washington thì lực lượng địa phương ở Đông Dương là Việt Minh do Cộng sản thống lĩnh.

Việc Việt Minh chủ yếu do Cộng sản nắm quyền không quan trọng bằng sự xuất hiện trong bản thân lực lượng Việt Minh, một tổ chức rộng rãi những người theo chủ nghĩa dân tộc, tạo điều kiện cho Mỹ có thể xâm nhập và ủng hộ trong toàn Đông Dương. Hơn nữa, trong chiến tranh Thế giới thứ 2 thì OSS phối hợp một cách tích cực với các lực lượng dân tộc chủ nghĩa

khác nhau phát triển từ Pháp cho đến Trung Quốc. Theo như cách nhìn nhận của Patti thì cách giải quyết mà ông ta đã đưa ra trong giai đoạn 1945 là có được kết quả phù hợp với chính sách của Washington tại thời điểm đó, chứ không phải sản phẩm riêng được tạo nên bởi sự đánh giá chủ quan của Patti. Như vậy Việt Minh đã biết Mỹ tiến hành hoạt động bí mật ở Đông Dương như thế nào không phải bằng cách đánh cắp mà là thông qua các sĩ quan OSS, những người đã đào tạo các nhân viên Việt Nam hoạt động theo kiểu Mỹ.

Việc làm đầu tiên của Patti là gặp lãnh tụ Việt Nam, Hồ Chí Minh ở Trung Quốc. Chẳng bao lâu sau đó, Hồ Chí Minh và những người Việt Nam khác được đưa vào hồ sơ của Patti như những người cộng tác của Mỹ. Tháng 7 năm đó Thiếu tá Allison R. Thomas chỉ huy trưởng của toán DEER có tên là "Con nai" của OSS, đã nhảy dù xuống Bắc Việt Nam, gần Tuyên Quang, nơi mà ông ta đã trực tiếp gặp Hồ Chí Minh. Cùng đi với Thomas có hai thượng sĩ Mỹ, một sĩ quan Pháp và hai người Việt Nam.

Những nhiệm vụ mà OSS và những nhóm nhỏ của họ phải giải quyết ở Đông Dương là rất lớn. Nó bao gồm một loạt các mối quan tâm về tình báo chiến lược cũng như chiến thuật của Mỹ trên toàn Đông Dương: cung cấp các tài liệu của Nhật, tiến hành chiến tranh tâm lý, điều tra các lực lượng của Nhật, phát hiện các phi công Mỹ bị bắn rơi, các tù binh Mỹ (POW), cùng với các thông tin về tội phạm chiến tranh của Nhật Bản. Một trong những nhiệm vụ đầu tiên mà Hồ Chí Minh đã làm là: lãnh đạo sự phối hợp của Việt Minh để thu thập và chuyển thông tin cho OSS ở Trung Quốc về các lực lượng của Nhật Bản ở Đông Dương. Khi mùa hè đến thì các chuyên gia đào tạo của Patti đã giúp lực lượng tuyên truyền võ trang non trẻ của Võ Nguyên Giáp xây dựng và đào tạo hai đơn vị tác chiến đặc biệt đầu tiên của Việt Minh. Để giúp cho việc lập kế hoạch các hoạt động của OSS, có rất nhiều hồ sơ từ Côn Minh liên quan đến các cá nhân và tổ chức mà OSS đã gặp và sẽ có khả năng gặp.

Sau khi đến Côn Minh, Patti đã kết luận rằng: Hai tổ chức chính trị lớn khác là Đại Việt và Việt Nam Quốc dân Đảng hoàn toàn thân Nhật không đáng tin cậy vì một bộ phận của VNQDD đã có quan hệ với cơ quan tình báo quân sự Nhật trước khi Patti đến Việt Nam. Quốc dân đảng là phái thân Trung Quốc hoạt động chủ yếu ở Bắc Việt và theo mẫu hình của Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc (QDD), Patti đã phát hiện ra rằng:

những đảng viên của Quốc dân đảng mà ông ta tiếp xúc và làm việc đã cung cấp thông tin về những hoạt động của ông ta cho cả Trung Quốc và Pháp. Patti cho rằng những hoạt động trên đã loại trừ các nhóm, vì những lợi ích chính trị của họ đi ngược lại với những lợi ích của Mỹ, ra khỏi việc liên minh với OSS, nếu không thì các mục tiêu tình báo của Mỹ sẽ bị tổn hại.

Khi Đức chuẩn bị đầu hàng thì rất nhiều nhân viên tác chiến của OSS đã được cử đến Côn Minh. Theo Patti thì vấn đề cơ bản là phải thuyết phục các sĩ quan trẻ, hăng hái đọc tất cả các tài liệu gốc và nghiên cứu kỹ trước khi ra chiến trường, giống như là họ đang ở trên chiến tuyến nước Pháp.

Vào cuối tháng 8, Patti đến sân bay Gia Lâm, Hà Nội để giải quyết vấn đề đầu hàng của Nhật. Đến sau là Lucien Conein, một sĩ quan có trình độ, một nhà ngôn ngữ gốc Pháp, mới được chỉ định vào lực lượng OSS ở Côn Minh. Đầu tháng 9, tại Quảng trường Ba Đình, Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập và tuyên bố chính thức thành lập Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng Hoà lâm thời. Sài Gòn, hòn ngọc Viễn Đông ở miền Nam Việt Nam được Việt Minh đổi tên là thành phố Hồ Chí Minh. (1)

Một cái tên đầy ý nghĩa dù chỉ tồn tại ngắn ngủi, chủ yếu là trên giấy tờ chứ chưa phải trên thực tế.

Theo Patti thì cái chết của Tổng thống Roosevelt năm 1945 là kết thúc quan hệ ngắn ngủi của Mỹ đối với nước Việt Nam độc lập của Hồ Chí Minh. Các mối quan hệ của Hồ Chí Minh với Mạc Tư Khoa bị Washington coi như là dấu hiệu bành trướng của sự cấu kết Cộng sản quốc tế rộng lớn đang đối chọi với Mỹ. Những hành động của Mỹ cùng với các liên minh lực địa của mình trong việc xây dựng lại một Châu Âu đã bị chiến tranh tàn phá-kể cả nước Pháp đồng nghĩa với việc Washington tạm thời chấm dứt kêu gọi độc lập cho các nước thuộc địa của Châu Âu. Cuối tháng 10 năm đó, Patti và các sĩ quan OSS khác rời Việt Nam và những lá thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi cho chính quyền Truman không được trả lời. Mùa xuân tiếp theo, quân đội Pháp quay trở lại để giành lấy thuộc địa của mình ở Đông Dương.

Năm 1952, Pháp bị sa lầy trong cuộc chiến tranh với Việt Minh đã phải nhường lại cho lực lượng Việt Minh phần lớn các khu vực miền núi ít người ở Bắc Việt. Vào thời điểm đó, đa phần cán bộ Việt Minh không thuộc đảng cộng sản đã rời bỏ Việt Minh. Lúc ấy có một sĩ quan Mỹ trẻ, lần đầu đến Hà Nội để thực hiện nhiệm vụ. Anh ta đã kể lại những ấn tượng và nhận xét của mình trong năm 1952 ở Bắc Việt như sau.

“...Quan điểm chính thức của những người ở Bộ Ngoại giao Mỹ là ủng hộ đường lối thân Pháp, ủng hộ Pháp trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Đại sứ Mỹ thời kỳ này là Donald Heath tỏ ra trung thành với chính sách đó. Vì vậy có sự xung đột giữa phó trưởng đoàn ngoại giao (DCM) và đại sứ. Mỗi khi đại sứ xuống các địa phương hay đi đến một trong những nước mà mình phụ trách như Lào và Campuchia, thì Gullian liên tục đánh điện về Mỹ báo cáo những vấn đề bất đồng với đại sứ. Sao ông ta lại có thể làm những điều đó được? Bởi vì ông ta được Dan Adeson ủng hộ.

Pháp hiểu tương đối rõ về Việt Minh và các chiến thuật của Mặt trận thống nhất mà Việt Minh đang sử dụng, đó là một liên minh của các nhóm khác nhau. Đối với đảng Đại Việt, họ là những người hoàn toàn bị lừa gạt bởi ý tưởng là Nhật sẽ trao độc lập cho họ. Đảng Đại Việt trung thành với Nhật Bản, bởi vì Nhật nói rằng: khi nào chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, thì lập tức họ sẽ được độc lập. Vì vậy, họ trở thành Đảng cánh hữu, Đảng lớn nhất, lớn hơn tất cả những Đảng còn lại, kể cả Việt Minh. VNQDDĐ được gọi là một biến tướng ở Việt Nam của Quốc dân đảng Trung Quốc. Họ có rất nhiều đảng viên và cơ sở.

Pháp và Việt Minh có những mục tiêu giống nhau đối với Việt Nam Quốc dân đảng. Mục tiêu của Việt Minh rõ ràng là loại trừ càng nhiều càng tốt những nhóm người theo chủ nghĩa dân tộc, và họ không tìm cách hợp tác với Pháp.

Pháp muốn loại trừ VNQDDĐ bởi vì VNQDDĐ có nhiều khả năng cầu cứu các nước Phương Tây kể cả Mỹ, bởi họ là những người theo chủ nghĩa dân tộc thuần túy. Pháp rất quan tâm đến việc loại trừ họ vì Pháp muốn chính mình chiến đấu với Việt Minh cũng như đóng vai trò là bức tường thành chống lại sự xâm nhập của Cộng sản trong khuôn khổ của Châu Âu.

Vì vậy việc chống lại Việt Minh dễ dàng hơn là chống lại VNQDD-một Đảng được coi như là một tổ chức theo chủ nghĩa dân tộc thực thụ. Do đó, cả Pháp và Việt Minh dù muốn hay không trong thực tế đã cộng tác với nhau, đấu tranh để loại trừ VNQDD-một Đảng được coi là có khả năng đứng vững.

Trước khi đạt điều đó thì trong chúng tôi có rất nhiều người ủng hộ quan điểm dàn xếp với VNQDD và thuyết phục chính quyền Mỹ một lần nữa suy nghĩ về vấn đề ủng hộ Pháp và tiếp tục cuộc đấu tranh chống Việt Minh đồng thời ủng hộ những người theo chủ nghĩa dân tộc thực thụ. Tôi ủng hộ quan điểm này và cả Edmond Gullian là người của sứ quán Mỹ cũng ủng hộ. Vì những quan điểm này, trước tiên giúp chúng tôi thiết lập một mối liên lạc dưới hình thức bí mật và sau đó là việc xâm nhập vào tổ chức của VNQDD. Vì vậy, họ rất hiểu chúng tôi và chúng tôi cũng rất hiểu họ.

Cuộc tranh luận này đã kéo dài giữa đại sứ Mỹ và những người ở Washington với Ed.Gullian, người được những nhân viên tình báo dạng như tôi ủng hộ. Theo tôi thì ở chừng mực nào đó, nó còn được tiếp tục tranh luận ở Washington . Nhưng các áp lực thì quá lớn. Quyết định không can thiệp... VNQDD đã mất đi tính liên kết tuy nó vẫn là một tổ chức, nhưng không còn là một tổ chức mạnh nữa(2). Vì vậy chỉ còn một cách lựa chọn khác là công giáo.

(1). Ở đây tác giả đã có nhầm lẫn về việc đổi tên thành phố SG thành Thành Phố Hồ Chí Minh năm 1945.

(2). Đoạn này người dịch có lẽ không dịch đủ ý, nhưng có thể hiểu là sự lúng túng của Mỹ trong việc lựa chọn một lực lượng chính trị nào đó mà có thể điều khiển được và là không cộng sản.

Tôi nghĩ công giáo đã không được tiếp cận một cách đúng đắn. Mà thực tế phong trào công giáo rất có kỷ luật ở Việt Nam. Họ có thể được Vatican chú ý, nhưng ở Việt Nam thì chưa hẳn đã như vậy. Trong thực tế thì công giáo chia làm 3 nhóm chính : Một Tổng giám mục ở Sài Gòn, một ở Phát Diệm và một ở Bùi Chu. Những nhóm này rất khác nhau và hoạt động theo những phương thức khác nhau. Những người công giáo rất trung thành với họ.

Họ có một truyền thống mạnh mẽ thậm chí rất khủng khiếp, và ủng hộ đối với những vấn đề mà trên thực tế sẽ có hiệu quả để chống lại Việt Minh.

Người sĩ quan ấy bây giờ đã về hưu kể lại rằng: năm 1952, ông ta đã được cấp trên của mình hỏi : "Liệu anh có thể làm nổ một trong những cái cầu lớn ở vùng Việt Minh không?"

Điều này đối với tôi có vẻ hợp lý, vì vậy tôi đã tổ chức một nhóm phá hoại bao gồm phần lớn là người Trung Quốc và chúng ta đã thực hiện khá tốt. Phần lớn là tôi đưa chất nổ C-3 vào. Tôi có rất nhiều C-3 dự trữ và chúng tôi phân tán ra. Những người này vận chuyển và bị Pháp bắt khi vượt qua ranh giới vào vùng của Việt Minh. Chuyện ầm ĩ cả lên, những người Pháp thì nổi nóng . . .

Bây giờ có hai vấn đề xảy ra: Pháp cử...trùm tình báo của mình....Đến Washington và gặp Bedell Smith để phản đối hành động của Patti...(3) Bedell Smith nói: "Này, các ngài đã ngăn cản chúng tôi tiến hành hoạt động bí mật, táo bạo. Nhưng chúng tôi đã thiết kế chiến dịch này để chứng tỏ cho các ngài biết rằng điều đó có thể làm được, và các ngài cần mạnh dạn hơn trong việc tiến vào khu vực của Việt Minh chứ không phải chỉ nhằm bảo vệ các khu vực thuộc địa cũ của mình...". Sau đó, tôi tìm thấy một bị vong lục do tôi viết cho cấp trên của ông ta, trong đó nói rằng chúng tôi muốn tiến hành hoạt động này để tạo điều kiện cho người sĩ quan trên có làm nổ được cái cầu đó hay không? Điều đó giúp ngài hiểu rõ thêm vấn đề và gửi thông báo cho Pháp biết là có thể tiến hành chiến dịch theo kiểu này.

Khi nói về cơ quan tình báo cộng sản Việt Minh người cựu sĩ quan tặc lưỡi: "tôi đối chọi với Pháp, chứ không phải với Việt Minh".

Rõ ràng ông ta đã không biết rằng: ít nhất là đã có một sĩ quan tình báo chuyên nghiệp của Việt Minh theo dõi rất sát hai nhân viên mà ông ta vừa mới tuyển mộ. Theo như thông báo thì người sĩ quan Việt Minh này là trùm tình báo của tổ chức Việt Minh ở tỉnh Thái Bình. Điệp viên nằm vùng này đã chiếm được lòng tin của hai Tổng giám mục ở địa phận Bùi Chu-Phát Diệm với cái vỏ bọc của một con chiên rất ngoan đạo. Sau đó điệp viên này đã đi theo dòng người di cư vào Nam Việt Nam và trở thành người lãnh đạo các hoạt động của lực lượng tự vệ của Tổng giám mục.

Khi người sĩ quan Mỹ tới các mục tiêu bán quân sự của mình ở đồng bằng sông Hồng phía ngoại vi Hà Nội thì người thanh niên trẻ 20 tuổi là Lê Văn Bưởi một giáo dân ngoan đạo từ miền Đông bắc Bắc Việt đã tham gia quân đội quốc gia do Pháp chỉ huy. Sau một năm đào tạo ở trường sĩ quan Thủ Đức anh ta mang lon thiếu úy làm việc trong cơ quan tình báo do thiếu tá Biler chỉ huy. Biler là tư lệnh trưởng của Pháp ở Quảng Yên-quê hương của Bưởi. Theo Bưởi kể thì: "Pháp tin tưởng vào những giáo dân trung thành. Họ là tai mắt để theo dõi cộng đồng người Việt. Khi Điện Biên Phủ thất bại, tôi là một trong những người được chọn để đào tạo ở Pháp. Mục tiêu là xây dựng một nhóm gồm những giáo dân Việt Nam ở lại trong lòng Bắc Việt sau khi Pháp rút vào 1955. Vì nhiều nguyên nhân tôi chẳng bao giờ sang Pháp cả.

Theo hiệp định Giơnevơ (năm 1954), trung úy Bưởi thuộc lực lượng quân đội quốc gia Việt Nam rút về Nam Việt Nam. Những điệp viên mà anh ta chẳng bao giờ biết đến đã ở lại Quảng Yên và các khu vực khác tại miền Bắc .

Sự đầu hàng của Pháp ở Điện Biên Phủ là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc ký hiệp định Giơnevơ 1954, chia cắt đất nước Việt Nam thành hai phần ở vĩ tuyến 17. Hiệp định này cuối cùng đã tạo ra hai Nhà nước ở Việt Nam: Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở miền Bắc (VNDCCH) và Cộng hoà Việt Nam (CHVN) ở miền Nam. Một dải đất hẹp phân cách hai bên ở vĩ tuyến 17 gọi là khu phi quân sự (KPQS). Sông Bến Hải chảy từ Tây sang Đông cắt ngang phần lớn khu vực này. Nó là sự chia cắt tạm thời và sẽ được giải quyết thông qua Tổng tuyển cử thống nhất đất nước vào 1956.

Trong vòng một tháng sau khi ký hiệp định cùng với việc Pháp có kế hoạch rút khỏi Bắc Việt trong vòng 300 ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định Mỹ là kẻ thù trong một cuộc họp của Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam: "Mỹ không chỉ là kẻ thù của nhân dân Thế giới, mà Mỹ còn là kẻ thù chủ yếu của nhân dân Việt Nam, Campuchia và Lào".

Dưới sự lãnh đạo của Allen Dulles giám đốc cục tình báo trung ương Mỹ (CIA), đại tá không quân Mỹ Edward Lansdale đã đến Việt Nam sau khi hiệp định Giơnevơ được ký kết. Nhiệm vụ của ông ta là phát động các chiến dịch bán quân sự tổ chức đội quân ngầm ở phía Bắc trước khi Cộng sản nắm quyền. Sau đó, ông ta sẽ tiếp tục giúp đỡ để dựng Ngô Đình Diệm - một người theo đạo thiên chúa làm Tổng thống Nam Việt Nam, thay thế vua Bảo Đại.

Các điệp viên Việt Nam đã được cử đến căn cứ huấn luyện điệp viên của CIA tại đảo Saipan (thuộc quần đảo Mariana ở Thái Bình Dương).

Năm 1955, Hải quân Mỹ đã giúp các điệp viên này ém sẵn ở cảng Hải Phòng (Bắc Việt) với mục đích nằm chờ cho đến khi được lệnh hành động. Vũ khí, điện đài và vàng của họ được giấu ở những khu vực mà cơ quan tình báo Cộng sản Việt Nam khó phát hiện được. Khi Việt Minh chuẩn bị tiếp quản Bắc Việt theo các điều khoản hiệp định Giơnevơ thì Nhà thờ thiên chúa giáo đã chỉ đạo cho những giáo dân trung thành của mình di cư vào Nam.

Phạm Xuân Ẩn, một người Việt Nam còn trẻ đã liên lạc với đại tá Lansdale và các nhân viên của ông ta.

Cùng tham gia lực lượng của Lansdale bên cạnh Phái bộ quân sự Sài Gòn (SMM) và tham gia một cách rất tin cẩn vào việc cài cắm các lực lượng bán quân sự Việt Nam nằm vùng được huấn luyện ở đảo Saipan là một cựu chiến binh lành nghề và là một điệp viên trá hình - thiếu tá lực lượng quân Mỹ Lucien Conein. Nhóm của Lansdale có thể không biết Phạm Xuân Ẩn là một sĩ quan tình báo Cộng sản đã hàng chục năm nay chuyên quan tâm tới các hoạt động của Lansdale.

Đại tá Lansdale khá nổi tiếng đối với cơ quan tình báo Bắc Việt, ông ta vừa mới hoàn thành

một loạt phi vụ thắng lợi được đánh giá cao trong việc chống phiến loạn Cộng sản ở Philipin. Conein cũng nổi tiếng tương tự trong các hoạt động của mình với tư cách là điệp viên trá hình dưới quyền Patti và các cơ quan tình báo phía Bắc thường xuyên giám sát các chuyến bay Sài Gòn-Hà Nội.

Khi Pháp rút khỏi miền Bắc thì họ đã cài lại một mạng lưới điệp viên rộng lớn mà đa phần là giáo dân Việt Nam. Các hồ sơ của những điệp viên nằm vùng này được chuyển về Paris ngay khi Pháp hoàn thành việc rút quân năm 1955. Sau đó một số hồ sơ này được chuyển giao cho Ngô Đình Nhu, em ruột Ngô Đình Diệm.

Các điệp viên khác của CIA thuộc đảng Đại Việt và VNQDDĐ được chuyển lại miền Bắc trước khi Pháp rút khỏi Việt Nam. Lucien Conein đã kể lại chiến dịch cài cắm người như sau.

“...Tôi nhớ là có khoảng 20 điệp viên bán quân sự nằm vùng ở miền Bắc. Chúng tôi chọn họ và gửi đi đào tạo ở Philipin. Phần lớn bọn họ thuộc Đảng Đại Việt, một số thuộc VNQDDĐ. Sau khi huấn luyện chúng tôi chở họ đến Okinawa. CIA bố trí cho họ quay trở lại miền Bắc bằng tàu thủy, vì chúng tôi không có khả năng đưa họ ra Bắc từ Philipin. Những gì mà tôi làm ở Philipin cho đại tá Ed.Lansdale không đáng giá tới những gì mà CIA làm ở Saipan.

Để giúp đỡ các điệp viên của chúng tôi, khi họ trở về tôi đã thiết lập những nơi tàng trữ vàng, điện đài, vũ khí và các vật dụng khác. Các điệp viên được bố trí rải rác khắp nơi chứ không tập trung ở một điểm cụ thể nào. Họ được lệnh nằm im chờ khi có lệnh mới hành động. Tôi không nhớ rõ có một điệp viên nào đào tạo ở Philipin được triệu về miền Nam năm 1956 để xem có ai bị bắt và bị khống chế rồi chống lại chúng tôi không.

Tuy nhiên, tôi vẫn tiếp tục cử các điệp viên ra miền Bắc cho đến cuối năm 1956. Phần lớn họ đều xuất phát từ Huế và... rất ít người quay trở lại.

Một số điệp viên nằm vùng đã có lúc liên lạc được bằng điện đài từ miền Bắc, nhưng sau đó đột nhiên tất cả đều im bật.

Dường như tất cả đều đổ vỡ. Lúc đó là năm 1956. Hiển nhiên là các điệp viên của chúng tôi đã bị bắt, nhưng tôi chẳng bao giờ biết rõ là ai đã khai báo hay đầu hàng.

Bây giờ thì tôi biết rằng, lực lượng an ninh Bắc Việt đã liên tục theo dõi giám sát chặt những chuyến bay của tôi từ Sài Gòn ra Hà Nội. Nhưng việc ấy chẳng đủ để giải thích được những gì đã xảy ra. Điều đó cũng không thể dẫn tới việc cơ quan phản gián Bắc Việt có thể lần ra các điệp viên và các nơi cất giấu vũ khí, vật dụng của chúng tôi. Không phải vậy mà chắc chắn phải có một điều gì nguy hiểm hơn thế. Có lẽ là họ đã nắm trong tay toàn bộ mạng lưới và tổ chức quét một mẻ quyết định vào cùng thời điểm.”

(3). Chỗ này bản dịch không rõ ý.

Gilbert Layton một trong những cựu chuyên gia biệt kích của CIA đã đánh giá lại giai đoạn này như sau:

“...Nhận lệnh từ Châu Âu đến Sài Gòn vào đầu năm 1960 tôi đã được thừa hưởng một hoặc hai két sắt trong đó chứa rất nhiều tài liệu của Ed. Lansdale bao gồm các báo cáo về những kho vàng bí mật từ những năm 1955 mà nhân viên của ông đã bí mật đưa ra miền Bắc. Tôi không rõ đã có ai biết sau Lansdale và trước cả tôi không. Những báo cáo cho thấy các kho tàng trữ của Lansdale đã chôn giấu rất nhiều vàng, một số thì dưới móng nhà, trong những hố xi măng, một số được phủ bằng một lượng xi măng dày từ 0,3 - 0,6 mét. Một số người ở Tổng hành dinh muốn chúng tôi cử ra một nhóm để tìm kiếm số vàng này. Theo tôi nhớ thì số vàng đó trị giá khoảng 700.000 USD vào năm 1960. Cuối cùng thì họ đã từ bỏ ý định đó.

Các điệp viên nằm vùng đã được đào tạo ở căn cứ Saipan. Đây cũng là nơi chúng tôi dùng để huấn luyện cho người Trung Quốc. Tôi nhớ người Việt Nam cuối cùng được đào tạo ở

Saipan là một ông già nhỏ bé. Sau đó được đưa ra miền Bắc và ông ta đã mở một xưởng sản xuất pháo. Khốn nỗi là một lần xưởng đó bị nổ tung và ông ta đã bị chết.”

Khi Lansdale thực thi nhiệm vụ của mình ở Sài Gòn trong những năm 1955-1956 thì Tổng thống Diệm đã củng cố được quyền lực của mình ở Việt Nam Cộng hoà để chống lại các lực lượng đối lập rất rộng lớn bao gồm các giáo phái, tội phạm hình sự và Cộng sản nằm vùng. Đảng Lao động Việt Nam cũng hoạt động rất tích cực ở đó. Các đường lối đưa từ Bộ Chính trị ở Bắc Việt vào cho Lê Duẩn là đại diện ở miền Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ định đã định hướng cho phong trào Cộng sản sau khi Pháp rút vào năm 1955.

Đảng Lao động Việt Nam đã quyết định rằng không nhất thiết tất cả mọi người phải tập kết ra Bắc theo Hiệp định Giơnevơ. Những cán bộ trung thành của Đảng được lệnh ở lại hoạt động bí mật. Rất nhiều tổ chức quần chúng Việt Minh trước kia xuống đường ủng hộ phong trào Cộng sản trong những năm chiến tranh đã bị giải tán trên giấy tờ nay nổi dậy hoạt động dưới hình thức các nhóm chính trị đối lập với Diệm. Những vũ khí trước kia sử dụng để chống lại Pháp nay được cất giấu để phục vụ cho cuộc đấu tranh vũ trang chống lại chính quyền Diệm. Người nằm vùng đã tổ chức thành các tổ, hoặc đơn vị vũ trang cấp tiểu đội, trung đội. Rất nhiều đơn vị tự xưng là tiểu đoàn, mặc dù con số của họ không quá 40 người. Tên của các đơn vị này thường được gắn với tên của các tổ chức phi Cộng sản đối địch với Diệm như Cao Đài, Bình Xuyên, Hoà Hảo.

George Carve là một sĩ quan CIA ở Sài Gòn cho đến năm 1960 và là một chuyên gia phân tích tình báo cao cấp của CIA về các vấn đề Việt Nam. Đối với chiến tranh Việt Nam lần thứ hai ông ta đã đưa ra dự đoán của mình về những thách thức trong giai đoạn này:

“...Người ta rất lo lắng về hiệu ứng Domino và nếu những người Cộng sản Việt Nam chiếm toàn bộ đất nước thì họ sẽ nhanh chóng gây áp lực đối với Lào và Campuchia và cả đối với Thái Lan nữa. Điều này đối với các nhà lịch sử theo trường phái xét lại hiện nay thì rất buồn cười, nhưng thời đó lại chẳng buồn cười chút nào. Còn những người được hưởng phần lợi trong đó thì chắc sẽ chẳng bao giờ coi nó là buồn cười cả, vì tôi đã nghe những người Singapo, Thái Lan và một số nơi khác nói rằng: Những thành tựu về mặt chính trị cũng như

kinh tế trong các nước còn lại ở Đông Nam Á sẽ không thể nào phát triển được nếu chúng ta không khống chế nổi những người Cộng sản Việt Nam.”

Có một sự mong muốn lớn trong giai đoạn sau hiệp định Giơnevơ là không để cho quyền lực của Cộng sản phát triển bằng vũ lực ở miền Nam Việt Nam.

Các điều khoản trong hiệp định về tuyển cử đã được nhất trí, ngoại trừ một rắc rối là việc Pierre Mendes, Thủ tướng Pháp không chấp nhận công bố thời hạn cuối cùng của giải pháp, đó là việc quyết định chọn vĩ tuyến 17 chứ không phải vĩ tuyến 16 mà lẽ ra phải như vậy.

Lúc này, miền Bắc có lợi thế số dân lớn hơn miền Nam khoảng 2.000.000 người trước khi cuộc bỏ phiếu lần đầu được tiến hành. Như vậy, mặc nhiên họ sẽ giành được 99.9% số phiếu.

Cũng do Diệm không muốn bị tự sát về chính trị nên đã tiến hành những biện pháp cứng rắn hữu hiệu của mình.

Diệm đã đạt được những kết quả nhất định trong việc thanh trừng những người Cộng sản nằm vùng. Nhất là những thành viên của bộ máy lãnh đạo Đảng Lao động phụ trách phía Nam Việt Nam thuộc Xứ uỷ Nam Kỳ đã lặng lẽ rút khỏi miền Nam vào năm 1956, đến một cơ sở an toàn hơn ở Nông Pênh-Campuchia. Ở đó, họ có thể đi lại một cách an toàn bằng máy bay giữa Nông Pênh và Hà Nội. Một số cán bộ Đảng ở miền Trung cũng bắt đầu rút ra miền Bắc bằng cách vượt sông Bến Hải hoặc đi qua Lào. Người lãnh đạo bộ phận phía Nam của Đảng-Lê Duẩn đã phải đối đầu với một cuộc đấu tranh chính trị kéo dài với Diệm và không đạt kết quả.

Việc ủng hộ của Mỹ đối với Diệm đòi hỏi phải có sự hiểu biết chính xác về sự đe dọa thực sự của Cộng sản để đưa ra một kế hoạch toàn diện và chặt chẽ nhằm giúp đỡ Việt Nam, bao gồm cả việc giúp đỡ về mặt quân sự do Washington đầu tư thông qua chương trình an ninh và tương trợ lẫn nhau (MASP). Xuất hiện các quan điểm khác nhau liên quan đến bản chất cũng như mức độ của mối đe dọa chưa kể đến trình độ và phẩm chất lãnh đạo của Diệm.

Một tổ chức thông tin tình báo về các lực lượng đối lập với Diệm đã được thành lập do tổ chức tình báo ngầm của Diệm hoạt động ngoài dinh Tổng thống. Tổ chức này do bác sĩ Trần Kim Tuyến ở Huế phụ trách và chủ yếu dựa vào lực lượng giáo dân để tiến hành các hoạt động gián điệp cho Diệm. Một phần khác của lực lượng an ninh thuộc cơ quan an ninh của Diệm là lực lượng hoạt động bí mật cũng do bác sĩ Trần Kim Tuyến phụ trách mang tên Sở liên lạc do đại tá Lê Quang Tung phụ trách hoạt động dưới sự chỉ huy trực tiếp của Tổng thống Diệm. Tổ chức của bác sĩ Tuyến có thể cầu viện sự giúp đỡ của công giáo trung thành ở cả trong và ngoài chính phủ. Lực lượng của bác sĩ Tuyến tiến hành các hoạt động bí mật và thu thập các thông tin tình báo. Ngoài ra, tổ chức đó còn cài cắm những người có trình độ và năng lực mà bác sĩ Tuyến thấy cần cho các hoạt động tình báo được tiến hành trong toàn bộ Nam Việt Nam và ở một số nước láng giềng.

Bác sĩ Tuyến đã bố trí các nhân viên của mình liên minh với một Đảng chính trị bí mật mới thành lập là Đảng Cần lao Nhân vị do Tổng thống Diệm chỉ đạo.

Một trong những người em của Diệm là Ngô Đình Cẩn đã chỉ huy tổ chức tình báo riêng của mình và trực tiếp lãnh đạo Đảng bí mật thực hiện các hoạt động tình báo của giáo dân ở Huế, nơi mà ông ta có nhiệm vụ làm cố vấn cho Diệm đối với khu vực miền Trung Việt Nam. Vì sự chia cắt về mặt không gian giữa hai anh em, nên bác sĩ Tuyến báo cáo cho Tổng thống của mình qua Ngô Đình Nhu. Sự gần gũi về mặt không gian giữa Nhu và Diệm đã tạo nên một sự đối địch tất nhiên giữa ông ta với Cẩn. Một sự cạnh tranh không phải là không lường trước được đối với quyền lực và sự quan tâm.

Thành viên và mạng lưới thành viên Đảng Cần lao đã nhanh chóng trở thành phương tiện để những người ủng hộ trung thành với Diệm nhận được những hợp đồng béo bở của chính phủ và các lợi ích tài chính trực tiếp khác do đã thể hiện sự trung thành ủng hộ Diệm. Vào cuối những năm 50, điều này dẫn đến những lời buộc tội rằng: sự viện trợ của Mỹ cho Việt Nam Cộng Hoà chủ yếu rơi vào túi của những thành viên Đảng Cần lao.

Những nhu cầu của cộng đồng tình báo Mỹ đã được đáp ứng bởi một loạt các nhân viên

tình báo quân sự và dân sự làm nhiệm vụ thành lập và xử lý thông tin đã cung cấp được những thông tin tình báo cần thiết. Cựu trùm tình báo CIA ở Việt Nam, William Colbly đã kể lại những nguyên tắc hoạt động với những người Nam Việt Nam như sau:

“...Ngô Đình Cẩn chỉ huy lực lượng độc lập của mình ở Huế. Đây là vấn đề kinh doanh của ông ta. Vì vậy, nếu bạn cần làm việc ở Huế thì phải bàn với ông Cẩn. Còn nếu bạn muốn làm ở khu vực còn lại của Nam Việt Nam thì phải bàn với ông Nhu. Có một số sự cạnh tranh tự nhiên giữa các nhân viên của hai phía. Diệm thì có ý kiến rất tốt với Cẩn. Cẩn có một số ý tưởng rất xuất sắc.

Đối với CIA thì kênh chỉ huy là người Việt Nam thông qua Tuyển và Lê Quang Tung.

Chúng tôi có những quan chức chính phủ giúp đỡ, nhưng họ vẫn là những người quyết định chủ yếu còn chúng tôi chỉ đóng vai trò cố vấn, xem xét các vấn đề. Một trong những triết lý của tôi là luôn luôn coi họ là những người chỉ huy. Không nên có ý định giành mất quyền của họ, bởi vì điều đó sẽ làm họ có mặc cảm bị lãnh đạo tạo ra những phản ứng ngầm bất lợi.

Tôi chưa hề gặp Ngô Đình Cẩn. Thực tế thì ông ta không bao giờ đến các cuộc họp. Trên lý thuyết, tôi làm việc với ông ta trong nhiều năm và một số nhân viên của tôi cũng thế, nhưng họ không bao giờ gặp ông ấy cả. Tôi nghĩ rằng tôi là người duy nhất thích ông Nhu. Đại tá Tung là con người tế nhị nhất mà tôi gặp từ trước tới nay.

Trong Sở Liên lạc của bác sĩ Tuyển có phòng 45 do đại úy Ngô Thế Linh, một sĩ quan quân đội hoạt động dưới cái tên "ông Bình", phụ trách. Đại úy Linh chịu trách nhiệm về các hoạt động bí mật chống Bắc Việt Nam và các hoạt động ở các nước láng giềng Lào Campuchia. Khi cần có điệp viên, họ liên lạc với những Giám mục có thế lực của Công giáo để tìm những người cần thiết, rồi giới thiệu cho các nhân viên của bác sĩ Tuyển. Những người tỏ ra có khả năng thì được tuyển dụng. Đối với những yêu cầu về con người và kỹ năng quân sự thì đại tá Tung chịu trách nhiệm về bộ máy quân sự của Việt Nam Cộng Hoà. Đại úy Lê Quang Triều-em của đại tá Tung phụ trách Văn phòng hành chính của Sở Liên lạc dưới hình thức chỉ huy một đại đội trong đơn vị phòng vệ Phủ Tổng thống mà các điệp viên

tương lai thường được cử vào đó để che giấu những hoạt động bí mật của mình.

Năm 1956, Sở Liên lạc yêu cầu cung cấp các thuyền gỗ để đưa các điệp viên và vật tư ra Bắc, cũng như từ Bắc trở vào. Cuối năm đó, một nhóm 6 người Việt Nam phần lớn độ tuổi 20, tất cả đều sinh ra ở tỉnh Quảng Bình-phía Bắc khu phi quân sự, đã được tuyển từ nhà thờ công giáo ở cảng Nha Trang để tham gia lực lượng Hải quân mới này. Cuối cùng, lực lượng Sở phòng vệ Duyên hải là lực lượng hải quân bí mật được bố trí trà trộn trên những chiếc thuyền mà các ngư dân miền Bắc của họ thường sử dụng và hình như lực lượng an ninh Bắc Việt không phát hiện ra điều này.

Sự giúp đỡ của CIA và Lầu Năm góc đối với các hoạt động ra phía Bắc của Sở Liên lạc được tiến hành thông qua Liên đội quan sát số 1. Một đơn vị quân sự do đại tá Tung chỉ huy, được xây dựng vào 1956 với sự giúp đỡ của CIA. Nó có nhiệm vụ xây dựng lực lượng nằm vùng trong trường hợp miền Nam Việt Nam bị Cộng sản xâm chiếm. Bộ máy quân sự được cử đến Liên đội 1 với mục đích hành chính nhưng thực tế lại tiến hành các hoạt động tình báo do Sở liên lạc chỉ đạo. Thậm chí cuối năm 1958, đơn vị vẫn còn phải giấu các vũ khí và lực lượng nằm vùng chủ yếu vẫn là trên giấy tờ, chứ không phải trên thực tế.

Một nguồn tin tình báo khác của Washington là tổ chức việc mã thám các liên lạc vô tuyến của Hà Nội, nguồn thông tin mà độ tin cậy được xác nhận là cao nhất. Việc thu các liên lạc vô tuyến của miền Bắc từ năm 1955 chủ yếu là dựa trên một bộ phận mã thám của Pháp được triển khai ở Nam Việt Nam trước đó với 5 đội đã chiến đấu trải trên lãnh thổ Việt Nam và Lào để do thám thông tin đối phương trong và sau khi cộng sản rút ra miền Bắc năm 1955. Với sự giúp đỡ của Mỹ, nhóm công tác của Pháp ở lại trong khi các lực lượng khác của Pháp rút khỏi Nam Việt Nam vào năm 1956. Pháp đã chia sẻ kết quả các hoạt động mã thám của họ với Mỹ để đổi lấy thông tin của Mỹ về các máy phát vô tuyến của Bắc Việt, thông qua các thiết bị dò thông tin vô tuyến của Mỹ. Đến giữa năm 1957 thì nhóm hoạt động của Pháp rút.

Kết quả của thông tin tình báo nhận được khẳng định: Các máy phát vô tuyến Cộng sản vẫn hoạt động ở miền Nam và liên lạc trực tiếp với Hà Nội. Điều này thể hiện rõ ràng rằng: Các lực lượng Cộng sản Việt Nam chưa rút hết khỏi Nam Việt Nam và lực lượng bí mật của Cộng

sản vẫn tiếp tục tồn tại. Chẳng hạn như các thông tin vô tuyến từ Hà Nội năm 1958 xác nhận hai cơ quan đầu não ở Nam Việt Nam. Một ở phía Tây Đà Nẵng đối với Cộng sản Liên khu 5 phụ trách miền Trung Việt Nam, và một cơ quan đầu não khác phụ trách đồng bằng phía Nam, nằm ở phía Tây Sài Gòn, gần biên giới Campuchia. Trạm Tây Đà Nẵng giữ liên lạc liên tục với các đơn vị bằng cách xâm nhập gián tiếp từ Bắc vào Nam. Mặc dù Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cam kết ủng hộ cách mạng miền Nam nhưng nhu cầu bức bách hơn đối với miền Bắc là củng cố sự kiểm soát của mình và bắt đầu quá trình quản lý một Nhà nước mới giành được. Tuy nhiên đó cũng là thời kỳ mà giới lãnh đạo ở miền Nam, bao gồm Lê Duẩn và các nhà lãnh đạo cao cấp khác như Nguyễn Văn Linh-phụ trách đồng bằng Nam BỘ và Võ Chí Công-phụ trách vùng bờ biển dân cư thưa thớt ở miền Trung Việt Nam, cần sự giúp đỡ hơn là những lời nói chính trị mỹ miều.

Ba người này, cũng như Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc đó, biết quá rõ về những thành công của Tổng thống Diệm bởi vì vào thời kỳ 1958 tổ chức Đảng Cộng sản ở miền Nam bị tan rã. Từ một lực lượng (theo như báo cáo) có khoảng 60 nghìn đảng viên ở khu vực đồng bằng đông dân cư năm 1954, đã giảm xuống còn khoảng 5 nghìn. Tệ hại hơn là 70% các tổ chức Đảng cơ sở từ cấp huyện trở lên ở miền Trung đã bị phá vỡ. Vấn đề nan giải ở đây là có quá nhiều người lãnh đạo chính trị và quá ít quần chúng.

Lê Duẩn và các nhà lãnh đạo khác ở miền Nam nắm rất rõ chính sách của miền Bắc trong ba năm đầu sau khi chia cắt đất nước. Nhưng khi mà tổ chức Đảng ở miền Nam bị tan rã, cần phải có một sự thay đổi cơ bản về mức độ ủng hộ cách mạng miền Nam nếu Bộ Chính trị của Hà Nội muốn giữ vững niềm tin trong dân chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng. Vấn đề mà Đảng cần lúc đó là một giải pháp truyền thống giống như các giải pháp khác đã huy động được người dân Việt Nam trong quá khứ. Đó là: một lực lượng quân sự nước ngoài hiện diện ở Việt Nam có thể coi như là sự xâm lược.

Năm 1958, Lê Duẩn được gọi về giữ cương vị xứng đáng trong hoạt động thường ngày của Bộ Chính trị Đảng Lao động và lúc này ông ta đã có thể vạch rõ sự thất bại ở miền Nam. Trong khi thực hiện lời kêu gọi của Đảng tiến hành đấu tranh chính trị đúng vào thời kỳ mà tổ chức Đảng ở miền Nam đang bị thoái trào. Ông ta khẳng định rằng năm 1956 ông đã

không nhận được chỉ thị gì của Hà Nội về việc phát động lại phong trào đấu tranh vũ trang.

Chủ tịch HỒ Chí Minh và các nhà lãnh đạo khác đã coi Mỹ là kẻ thù chính. Nhưng vào cuối những năm 1950 còn có quá ít người Mỹ ở Nam Việt Nam để chứng tỏ rằng Mỹ xâm lược Việt Nam. Một điều may mắn đối với Hà Nội là lúc đó bắt đầu kỷ nguyên giải phóng dân tộc nên Hà Nội gạt hái được sự giúp đỡ của nước ngoài. Với Lê Duẩn đứng sau, Bộ Chính trị đã được thuyết phục rằng đây là thời cơ để tiếp tục kêu gọi đấu tranh cho quan điểm của Đảng về một nước Việt Nam Cộng sản thống nhất.

Tại thời điểm này, Đảng gặp phải một hạn chế lớn trong nỗ lực nhằm phát động lại cuộc cách mạng đã bị đình trệ ở miền Nam. Đảng có cách nhìn và lực lượng nhưng thiếu vũ khí và vật tư cần thiết để xây dựng, phát triển và giữ được xung đột dưới một trạng thái chính quy chứ không phải là những xung đột lẻ tẻ chống lại chính quyền Diệm. Đảng cũng vấp phải một thực tế là sự đàn áp mạnh mẽ năm 1956 và những sai lầm trong quá trình thực hiện công cuộc cải cách ruộng đất.

Tuy nhiên, tháng 11 năm 1958, theo báo cáo cho biết thì một chỉ thị được chuyển từ Hà Nội với nội dung là phải "chuyển từ đấu tranh chính trị sang đấu tranh vũ trang". Chỉ thị này thực tế là bản sao trước của quyết định chính thức sẽ được Bộ Chính trị biểu quyết vào tháng 1 năm 1959 và sẽ được thông qua tại Đại hội Đảng toàn quốc vào cuối năm 1960.

Trong khi các chỉ thị được chuyển vào Nam thì cơ quan tình báo Bắc Việt chuẩn bị một điệp viên khác để phái vào Nam với nhiệm vụ bí mật có tầm quan trọng không kém. Điệp viên này trong hồ sơ hoạt động của cơ quan tình báo Mỹ được biết dưới mật danh ARES, ARES đến miền Nam vào đúng thời điểm Colby, một sĩ quan CIA đóng ở Roma và là một cựu chiến binh OSS của chiến tranh thế giới lần thứ II cũng đến miền Nam.

ARES và Colby với những nguyên nhân hoàn toàn khác nhau, đã đóng vai trò trong nấc thang chiến tranh này.

-----o0o-----

(Hết mục 1).

Vài lời của meofmaths:

- có cảm giác là người dịch và biên dịch quyển sách này không được cẩn thận lắm, nhiều đoạn khá "mờ" nghĩa.

- nếu huynh đệ nào phát hiện sai lỗi chính tả hay có góp ý gì làm ơn pm cho meofmaths.

2.NHỮNG ĐIỀU NAN GIẢI.

Tháng 8 năm 1958, Tổng thống Diệm lại một lần nữa yêu cầu sự giúp đỡ của Mỹ để tiến hành các hoạt động bí mật chống lại những người cộng sản Việt Nam. Những cuộc hội đàm của ông ta với cơ quan tình báo Mỹ xảy ra đúng vào lúc mà các tùy viên quân sự Mỹ ở Sài Gòn yêu cầu phải có sự can thiệp của chuyên gia tình báo trong các chiến dịch phối hợp với chính quyền Diệm. Điều này trùng hợp với yêu cầu của Diệm là mong muốn Washington giúp đỡ về mặt mã. Ông ta đã nhận được sự giúp đỡ đó của CIA, nhưng ở các lĩnh vực khác thì chưa có gì.

Suy nghĩ của Mỹ tại thời điểm đó là mặc dù các đề nghị phối hợp hoạt động bí mật tuy đã được đặt ra nhưng đây là lúc thích hợp có thể áp dụng đối với Bắc Việt Nam. Điều này dẫn tới sự nhất trí về nguyên tắc đối với CIA và chính quyền Diệm là tiến hành các hoạt động tình báo chung chống lại Bắc Việt vào năm 1958. Trạm CIA ở Sài Gòn đã trở thành quan hệ chính thức từ 1-1-1959, một tháng trước khi Colby đến Sài Gòn.

Colby đã kể lại một cách rất rõ ràng giai đoạn này: "... Khi tôi đến đó thì đang thực hiện quyết định từ năm 1956 là ủng hộ Tổng thống Ngô Đình Diệm chứ không có tuyển cử và biến Nam Việt Nam thành một nước độc lập nên chúng tôi làm việc đó tương đối thuận lợi. Chương trình viện trợ được tiến hành một cách trôi chảy. Diệm không phải là người ưa chuộng dân chủ về lâu dài nên đã tổ chức đàn áp tương đối thành công những người cộng sản ở Nam Việt Nam. Họ đã chuyển các cán bộ của mình ra Bắc để đào tạo một cách lặng lẽ. Giờ đây thì họ đã thú nhận nguyên nhân thành lập đoàn vận tải 559. Đoàn đã xây dựng đường mòn Hồ Chí Minh nên gọi là đoàn 559 bởi vì nó bắt đầu vào tháng 5-1959. Đây là thời điểm mà họ quyết định phát động cuộc chiến tranh và tiến hành khử một vài xã trưởng ác ôn hoặc làm những việc tương tự như tổ chức lực lượng trong dân chúng, xây dựng mạng lưới linh hoạt đợi thời điểm thích hợp thì sẽ hành động.

Phản ứng của chính phủ chúng ta lúc đó có vẻ như là tăng cường vũ lực và tiếp đó là sự phân biệt quan điểm giữa Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng: có nghĩa là chúng ta có cần phải xây dựng một lực lượng quân sự mạnh như Bộ Quốc phòng hay theo quan điểm của Bộ Ngoại giao là mở rộng dân chủ. Mâu thuẫn này là tất yếu vì cả hai bên đều xuất phát từ những chỗ đứng khác nhau. Phái quân sự cho rằng muốn đối chọi với chiến tranh thì tốt hơn hết là phải xây dựng lực lượng của mình, còn viên chức Bộ Ngoại giao thì cho rằng chúng ta không thể huy động sự ủng hộ của toàn quốc nếu như không thực thi dân chủ. Điều mà tôi cho là chưa phải là tiên quyết và chưa có sức thuyết phục, nhưng đấy lại là quan điểm của Sài Gòn. Tất nhiên tiếp theo là sự lật đổ của Diệm. Tôi cho rằng đó là một bi kịch và là một sai lầm lớn nhất mà chúng ta mắc phải.

Thế nhưng trong năm 1959 chúng ta đã dần dần có định hướng rõ hơn. CIA bị áp lực phải phát triển khả năng tình báo để biết rõ được kẻ thù đang làm gì. Chúng tôi không có nhiều khả năng độc lập nên phải bàn bạc với Ban đặc biệt của Việt Nam. Những người của Diệm trong năm 1959, sử dụng hầu hết thời gian nhằm làm đảo lộn tình hình ở Campuchia và họ đã làm như vậy. Còn tôi thì đã tốn rất nhiều thời gian để khuyên họ đừng làm thế.

Đối với một số hoạt động của họ giữ được độc lập với Mỹ tôi không ngạc nhiên gì. Bởi vì chúng tôi biết hơi bị muộn đối với Campuchia, chính quyền Sài Gòn sống chết muốn làm

một cái gì đó với Sihanuk (Quốc trưởng của Campuchia) và chúng tôi cũng biết rằng Sihanuk biết rất rõ những điều đó... Chúng tôi bỏ qua và khuyên nhưng họ chẳng hề mấy may quan tâm đến lời khuyên của chúng tôi. Họ muốn tự làm điều đó và cuối cùng thì họ phải gánh chịu thất bại.

Các sỹ quan mà chúng tôi cử làm việc với người Việt Nam đều ăn mặc đồng phục nhà binh. Một trong số đó là Gilbert Layton-chỉ huy bộ phận làm việc với lực lượng an ninh biên giới. Tôi cũng có một sỹ quan khác là Russel Miller trực tiếp phụ trách những hoạt động đối với Bắc Việt. Chẳng bao lâu một trong những vấn đề được đặt ra tại sao chúng ta không làm với họ như chúng ta đã làm với Bắc Việt Nam. Chúng tôi nhớ lại kinh nghiệm trong chiến tranh thế giới thứ 2 đưa người vào bằng cách thả dù hoặc những việc tương tự đã làm ở đó.

Khoảng một năm sau chúng tôi thiết lập cơ quan mới gọi là Phủ Đặc uỷ Trung ương tình báo nhằm cung cấp những thông tin về trung tâm nơi mà chúng tôi có thể tiếp cận với họ. Chúng tôi tổ chức một cơ quan thẩm vấn chỉ xét hỏi những nhân vật cấp cao bị bắt chứ không phải với những cán bộ bình thường. Chúng tôi cố gắng đào tạo các nhân viên tác chiến hoặc các vấn đề tương tự để xem họ tiến hành hoạt động này như thế nào nhưng thành công chưa nhiều.

Chúng tôi bắt đầu đào tạo lực lượng không quân cho Việt Nam Cộng hoà để tiến hành các chuyến bay kiểu này. Đại tá Nguyễn Cao Kỳ là chỉ huy trưởng Không vận, nên ông ta đã đảm nhận việc đó. Chúng tôi cũng lấy một vài phi công từ hàng không Trung Quốc (CAL) từ Đài Bắc để giúp đào tạo họ. Chúng tôi thiết lập một bộ phận liên quan ở Việt Nam với cái tên là Hãng Vận tải hàng không Việt Nam (VIAT) để làm vỏ bọc cho hoạt động đó. Nó được làm giống như Hãng Vận tải hàng không Trung Quốc-Đài Loan (CAT) chỉ có điều là nó không trực thuộc Hãng hàng không Mỹ như CAT. Nó là sở hữu của hãng CAL Đài Loan (China Air Lines). Thật ra tôi muốn có mối quan hệ phong phú hơn đối với những người Việt Nam thay cho việc chỉ quan hệ với những người CAS2 và Hãng hàng không Mỹ mà tôi cho là đã được đặt tên giả. Nếu bạn muốn có một công ty tư nhân để núp dưới đó, thì bạn không nên gọi nó là hãng Hàng không Mỹ.

Tiếp đến chúng tôi đào tạo một vài lực lượng hải quân mới. Bạn biết rằng cần phải đổ bộ lên bờ biển, rút lui, phá hoại hoặc tiến hành những việc tương tự. Vì vậy cần phải nghĩ tới việc đưa người và điện đài vào đất liền để liên lạc.

Tôi không còn nhớ khi chúng tôi tiến hành chiến dịch đầu tiên vào khi nào, nhưng có thể vào khoảng đầu năm 1961. Kỳ kiên quyết đòi bay chuyển bay đầu tiên mặc dù như thế là vi phạm nguyên tắc nếu để ông ta bay. Nhưng ông ta cứ khẳng khẳng đòi lên máy bay và ra Hà Nội. Ông ta nói: "Tôi là chỉ huy trưởng. Tôi sẽ bay chuyển đầu tiên".

Liên đội quan sát 1 là lực lượng quân sự đặc biệt của Mỹ và nhiệm vụ trước tiên của nó là đào tạo cho Không lực Việt Nam Cộng hòa. Họ đến chính là để làm việc đó. Còn CIA chúng tôi thì chẳng có liên quan gì tới việc này. Mãi sau này, chúng tôi mới có quan hệ với Liên đội quan sát 1. Chúng tôi bị bắn rơi một chiếc máy bay vào tháng 7-1961. Chúng tôi đã giữ liên lạc với họ khi bay vào vùng bờ biển phía Bắc Việt Nam. Miền Bắc đã công bố vụ xâm nhập này. Chúng tôi đã tìm mọi cách để phủ nhận nhưng sự việc không đơn giản thế, nếu nói rằng vụ này không dính dáng gì tới chúng tôi thì nó còn là của ai nữa. Tôi không cho rằng đã xảy ra một vấn đề gì đó quá nghiêm trọng. Nhưng sự thực thì chúng tôi đã bị người ta bắt vì làm gián điệp ở một đất nước khác. Tôi không nghĩ rằng có một vấn đề gì đó quá rắc rối về mặt chính sách, bởi vì chúng tôi đã thống nhất về mặt chính sách với nhóm đặc biệt hỗn hợp-Ban 5413. Đề nghị đầu tiên của chúng tôi gồm việc triển khai hoạt động ra phía Bắc và cả phía Nam đã được họ chấp nhận. Lúc đó là tháng 11/1960. Vì vậy, khi tiến hành công việc chắc chắn có vấn đề gì trục trặc lớn về khía cạnh chính sách.

Theo thiếu tá Lê Văn Bưởi lúc đó ở Huế từ 1959-1961 thì đã có một sự công phần trong các sỹ quan Việt Nam vì họ cho rằng những cố gắng của CIA là nhằm đạt được một thoả hiệp chung là bắt liên lạc với tất cả các điệp viên trong tổ chức của bác sĩ Tuyền. Bưởi coi vấn đề đó thiên về mặt kiểm soát hơn là để chia sẻ: "CIA định tiếp quản tất cả các điệp viên của chúng ta, và liệu chúng ta sẽ định giữ ai?" Họ cứ đòi chúng ta cung cấp cho họ ngày càng nhiều các điệp viên nằm vùng mà chúng ta đã tiếp nhận từ tay người Pháp. Liệu Pháp đã đưa cho chúng ta tất cả những gì mà họ đã xây dựng không? Không, tất nhiên là không. Nhưng cái gì đã có thì chúng ta nhất thiết không muốn chia sẻ.

William Colby đã không ngạc nhiên: "Tôi không thể kể chi tiết cho bạn nghe về vấn đề đó, nhưng nó có vẻ đúng".

Tại Hội nghị lần thứ 15 của Bộ Chính trị Đảng Lao động tháng 1 năm ấy đã đưa ra quyết định chính thức tăng cường hoạt động của cộng sản ở miền Nam Việt Nam và đưa cách mạng tiến lên, như vậy là đã chuyển nó từ một cuộc đấu tranh chủ yếu là về mặt chính trị ban đầu sang đấu tranh vũ trang bằng các đơn vị vũ trang song song với các hoạt động chính trị của các tổ chức quần chúng thích hợp. Trong tình huống đó Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ rằng: "...Cuộc đấu tranh ở miền Nam bây giờ sẽ nhằm thu hút mọi lực lượng của toàn quốc, và được coi như là một bộ phận của phong trào cộng sản quốc tế chống lại chủ nghĩa tư bản". Đó cũng là lời kêu gọi xuống đường về mặt chính trị của Đảng đối với tất cả người dân Việt Nam.

Cũng như tất cả những quyết định chính thức, nó báo hiệu một sự thống nhất về quan điểm đã được phát động nhiều tháng trước đó. Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thiếu sự ủng hộ rộng rãi và to lớn về quân sự từ khối cộng sản, mà sự ủng hộ của họ rất quan trọng đối với các kế hoạch của Bắc Việt. Tháng 5 năm đó theo lệnh của Bộ Chính trị, quân đội nhân dân đã xây dựng một nhóm nghiên cứu đặc biệt do Võ Bẩm, Phó trưởng ban nông nghiệp phụ trách. Võ Bẩm có kinh nghiệm ở vùng núi miền Trung Việt Nam. Nhiệm vụ của ông ta là phát triển một đường dây cung cấp để chuẩn bị hậu cần cho cuộc chiến tranh sắp xảy ra ở miền Nam mà chủ yếu là tuyến đường ống dẫn dầu từ miền Bắc vào.

Ngày 19/5/1959, đoàn vận tải quân sự 559 được thiết lập để tiến hành các mục tiêu của Bộ Chính trị thông qua Võ Bẩm, và như vậy đã tạo ra một bộ khung của cái mà sau này được lịch sử biết đến với cái tên: Đường mòn Hồ Chí Minh.

Cũng tháng ấy, Bộ Công an đã cử 5 đảng viên cao cấp của mình xâm nhập vào Nam Việt Nam và tăng cường cơ cấu của các đơn vị an ninh đã có ở đó. Họ mang vào Nam những chỉ thị mới chủ yếu của Bộ về vai trò của các đơn vị tình báo và an ninh cộng sản. Ngày 14/5/1959, người ta đã truyền mã Mooc qua đài Hà Nội cho cơ sở miền Nam một cách

trung thành quyết định mới của Đảng: phát động chiến tranh ở miền Nam. Vào cuối 1959, theo báo cáo thì đoàn 559 đã đưa 542 cán bộ vào Nam Việt Nam, trong đó 515 người có nhiệm vụ phát triển cơ sở chiến lược ở các khu vực dọc theo biên giới Việt-Lào.

Các vũ khí do phương Tây sản xuất cũng được chuyển theo đường dây cung cấp mới đến các đơn vị du kích ở miền Trung Việt Nam. Sư đoàn 338, một trong hai sư đoàn đã ra Bắc năm 1954-1955 được đặt trong tình trạng báo động và những người miền Nam tập kết được thông báo quay trở về các đơn vị cũ của mình đóng ở Xuân Mai. Mùa hè năm đó, Quân đội Nhân dân VN đã thiết lập một trạm vô tuyến bí mật gần đèo chiến lược Hải Vân trên quốc lộ số 1 ở miền Trung Việt Nam. Nhiệm vụ của trạm vô tuyến là phối hợp vận chuyển những chuyến hàng vũ khí đầu tiên chở bằng đường biển từ một kho dự trữ gần Bến Thủy và ở cửa sông Gianh, tỉnh Quảng Bình. Do biển động và thời tiết xấu đã cản trở hai chuyến hàng đầu tiên không đến mục tiêu theo kế hoạch.

Suốt năm 1959, các mệnh lệnh từ Bộ Chính trị ở Hà Nội về việc củng cố lại cuộc đấu tranh vũ trang đã tạo được phong trào nổi dậy lẻ tẻ, rải rác ở khắp miền Nam. Cần phải đàn áp-Diệm trả lời ngay bằng một sắc lệnh của Nhà nước nhằm lập lại sự bất ổn định mới tái diễn vào mùa thu năm đó.

Mặc dù cộng đồng người Mỹ ở Sài Gòn chưa thấy rõ nguyên nhân của việc báo động, nhưng ở Washington và Bộ tư lệnh Thái Bình Dương ở Hawaii đã có những quyết định dứt khoát để hoàn tất. Ý định của Washington là tăng cường xung đột ở Việt Nam, Lào đã buộc Hội đồng An ninh quốc gia (NSC) ra chỉ thị 5809 kêu gọi tăng cường giúp đỡ chính phủ Diệm và ngăn cản Bắc Việt giành chiến thắng. Ở Honolulu kế hoạch đối phó với khu vực châu Á là kế hoạch chiến dịch 32-59 do bộ Tư lệnh Thái Bình Dương đưa ra ngày 16/2/1959 bao gồm cả chính sách của chỉ thị 5809 NSC.

Năm 1960, Bộ tư lệnh Thái Bình Dương đã đáp lại sự tăng cường những hoạt động quân sự của Bắc Việt Nam vào Lào bằng các kế hoạch triển khai các lực lượng viễn chinh của Mỹ vào khu vực đó. Thông qua các động thái của chiến thuật này, Hà Nội đã thu nhận được một tin tức quan trọng: Mỹ quyết tâm phản ứng lại bằng sự hiện diện tích cực hơn để bảo vệ những

lợi ích của mình ở Đông Nam Á.

Năm 1960, tài liệu nghiên cứu Quốc gia do Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn cung cấp và được đại diện CIA tại Sài Gòn là William Colby thông qua cho thấy rằng đường lối Đảng Cần lao của Diệm vẫn có giá trị trong việc chống lại chủ nghĩa cộng sản. Một ẩn ý trong quan điểm của Colby là phản đối lại sự chỉ trích gay gắt về một số việc làm quá đáng của Đảng Cần lao. Một Đảng mà những thành viên của nó có quan hệ mật thiết và ủng hộ các hoạt động của CIA chống lại Bắc Việt Nam. Mối liên hệ này của chính người em ông Diệm đối với CIA đã buộc Mỹ phải gắn với lực lượng cảnh sát quốc gia. Những hành động quá nặng tay, quá cứng rắn của ông Nhu nhiều khi được coi như là nguyên nhân của những rắc rối chính trị hơn là một giải pháp hữu hiệu.

Vì Colby muốn giữ mối quan hệ tình báo của mình với giới cầm quyền tại Việt Nam, nên Gilbert Layton đã đến Sài Gòn để tham gia vào các nỗ lực của CIA nhằm chuẩn bị cho việc tăng cường các hoạt động chống cộng sản trong toàn khu vực. Trong vài tháng đầu, Layton không có nhiệm vụ cụ thể gì. Sau đó, Colby đã gọi ông ta đến để giao nhiệm vụ mới. Layton đã kể lại việc được giao nhiệm vụ của mình như sau: “...Một buổi, Colby gọi tôi đến và nói một cách rất trịnh trọng: Này, anh Gilbert, ngoài kia đang xảy ra chuyện gì đó? Anh hãy tìm hiểu kỹ xem chuyện gì xảy ra, và chúng ta cần phải làm gì?”

Suốt năm sau, chúng tôi đã tập hợp được một lực lượng khoảng 36.000 người địa phương, gồm phần lớn là người dân tộc thiểu số. Có khoảng 36 nhóm lực lượng đặc biệt của quân đội Mỹ đến huấn luyện. Hiển nhiên là chúng tôi đã đào tạo một số nhóm điệp viên cho Russ Miller, nhưng lúc đó thì tôi không hay biết việc này, tức là trước lúc trung tâm huấn luyện Long Thành ra đời. Điều này do Cộng tác viên Việt Nam của tôi lúc đó là đại tá Lê Quang Tung phụ trách, nhưng tôi chỉ gần gũi với đại úy Trần Văn Minh mà thôi.

Các cố vấn quân sự Mỹ đến Sài Gòn chỉ được biết ông ta dưới cái tên là đại tá Gilbert Layton thuộc Ban nghiên cứu phối hợp (CSD). Layton tặc lưỡi và tiếp tục: “ Khi quân đội Mỹ bắt đầu đến để đào tạo những người mà chúng tôi đã tuyển mộ thì quân đội của chúng tôi cần được cử đi đâu đó theo kiểu hành quân quân sự. Vì vậy, chúng tôi đã xây dựng một tổ

chức bình phong. Điều này nghe có vẻ tương đối ổn, và phái quân sự rất thích thú. Bộ phận đó không trực thuộc đầu cả, nó chỉ cần có một cái tên chính thức thế thôi. Các hoạt động do tôi chỉ huy được tiến hành bằng các nhóm điều tra bí mật và các hoạt động gián điệp mà Russ Miller triển khai ra Bắc Việt được gọi là nhóm điều tra trên không. Tucker Gougelmann ở Đà Nẵng cũng giống như Ed Regan và Carl Jenkins ở khu vực phía trên. Tất cả đó mới chỉ là một sự đầu tư rất khiêm tốn.

Sự hiện diện và những hoạt động của Layton ở Sài Gòn đã phục vụ có hiệu quả cho việc che đậy các cơ quan đầu não bí mật của CIA, cho những hoạt động gián điệp được triển khai ra miền Bắc của Russ Miller. Đối với những người đến thăm văn phòng của Layton thì Miller và bộ máy của ông ta chỉ là "những nhân viên bàn giấy".

Ed Regan, một trong những sĩ quan của văn phòng CIA làm việc cho Russell Miller đã tham gia tích cực vào việc đưa các nhóm từ Đà Nẵng ra Bắc ngay trong thời kỳ xây dựng đầu tiên theo cách nhìn của ông ta; công bằng mà nói thì không ai trong chúng tôi đặt nhiều hy vọng vào hoạt động này. Tôi biết Gordon Grey (cố vấn An ninh Quốc gia của Tổng thống Eisenhower) đã rời Washington để thanh tra và đánh giá hoạt động, trong chuyến đi của mình ông ta kết luận rằng: hoạt động này sẽ không thành công.

Trong giai đoạn đầu tiên mối quan hệ giữa chúng tôi với người của đại tá Tung chủ yếu là phối hợp với các cộng sự Việt Nam cất giấu vật tư chuẩn bị cho khả năng cộng sản sẽ đánh chiếm miền Nam.

Tiếp đó cần phải tìm hiểu tình hình miền Bắc thế nào và chúng tôi chuyển sang các hoạt động gián điệp đơn. Mục tiêu của chúng tôi là đưa một số gián điệp con thoi để biết rõ tình hình ngoài đó. Theo tôi nhớ thì đã có khoảng một tá điệp viên kiểu này (trước khi có các nhóm điệp viên) hoạt động.

Tôi không thể kể hết tất cả những việc mà cộng sự của tôi đã làm, bởi vì mỗi người trong họ đều làm một cái gì đó riêng biệt mà chúng ta không thể nào biết được. Chẳng hạn, em của Tổng thống Diệm ở Huế hình như đã cử một số điệp viên của mình vượt qua Khu phi Quân

sự ra Bắc, vào tỉnh Quảng Bình và chúng tôi không có quan hệ với họ. Bác sĩ Tuyến và Lê Quang Tung cũng có những hoạt động riêng lẻ của mình, độc lập với

Ngô Đình Cẩn. Quan hệ của chúng tôi với những người Nam Việt Nam chỉ là để giúp họ thu thập các thông tin cần thiết cho CIA hiểu được rõ hơn những điều gì đang xảy ra ở miền Bắc. Chúng tôi đã phải trả tiền cho các hoạt động này nhưng lại không nắm được quyền kiểm soát vì có những nhóm cạnh tranh tất yếu trong và ngoài chính quyền Diệm.

Trong khi Russ Miller tổ chức cuộc họp đầu tiên giữa chúng tôi với Ngô Đình Cẩn vào năm 1960 thì một trong những sĩ quan khác đã đặt quan hệ với Cẩn và một trong những điệp viên của Cẩn đã được cử ra Bắc vào mùa hè 1961. Có hai sĩ quan người nhỏ bé thuộc lực lượng hải quân Mỹ ở Đà Nẵng làm việc cho chúng tôi. Nhiệm vụ chủ yếu của họ là lo việc dùng thuyền đổ bộ quân của SEAL (nhóm biệt kích Hải-Lục-Không quân) đối với các hoạt động đường thủy của chúng tôi ra Bắc.

Trong khi Bắc Việt triển khai những hoạt động của mình vào phía Nam thì CIA ở Sài Gòn triển khai các hoạt động ra miền Bắc. Cơ quan phản gián của Diệm đã bắt được một mạng lưới gián điệp lớn của Bắc Việt cài lại ở miền Nam, trong đó có một điệp viên trong Quân lực Việt Nam Cộng hoà. Anh ta là sỹ quan thông tin quân đội VNCH phụ trách Trung tâm thông tin của Bộ tổng Tham mưu liên quân (JGS).

Các hệ thống mật mã của Nam Việt Nam mà anh ta dùng là do tiếp nhận từ những người Pháp, chắc Hà Nội cũng biết rất rõ điều đó. Nhưng việc bắt anh ta đã cho thấy, những mục tiêu xâm nhập của Bắc Việt là ở mức độ cao.

Một trong những điệp viên của Hà nội là Phạm Chuyên từ Đông Bắc của Bắc Việt. Người mà chẳng bao lâu sau được Sài Gòn và Washington biết đến với cái tên ARES.

Điệp viên ARES? Tôi biết anh ta quá đi chứ. Tôi đã đọc hồ sơ của anh ta. Anh ta có nhiều tên, nhưng tên thực là Phạm Chuyên. Chuyên vào Nam năm 1959 và được chúng tôi tuyển mộ để đánh anh ta quay trở lại Bắc Việt vào tháng 2/1961. Anh ta vẫn giữ liên lạc với chúng tôi ít ra là cho đến 1969 và tôi không biết rõ anh ta hoạt động cho chúng tôi hay hoạt động

cho Bắc Việt. Sau khi cộng sản tiếp quản năm 1975 thì những người Bắc Việt có hỏi tôi về anh ta. Bạn có biết là chúng tôi có thực sự tin anh ta không? Tôi không nghĩ rằng họ hoàn toàn tin tưởng anh ta.

Một sĩ quan khác, người chưa từng gặp Chuyên cũng có quan điểm tương tự:

- Chuyên ấy à?Ồ!... Tôi được cử đến Huế làm phiên dịch, trong khi phỏng vấn anh ta. Tôi nhớ anh ta nhận mình là cháu của Thủ tướng Phạm Văn Đồng và bản thân anh ta cũng giữ chức vị cao trong Đảng, nhưng sau đó vì bất mãn. Anh ta vào Nam năm 1959, được tuyển mộ vào năm 1960. Kết quả phỏng vấn không đưa đến kết luận gì, mặc dù một số người trong tổ chức của bác sĩ Tuyến vẫn nghĩ rằng: anh ta là người của Hà Nội được cài vào. Nếu thực sự anh ta làm việc cho họ thì điều đó cũng chẳng làm cho tôi ngạc nhiên, bởi vì đấy không phải là trường hợp đầu tiên xảy ra. Tôi sẽ giải thích tại sao.

Trước đó, chúng tôi bắt được một nhân viên tình báo cao cấp của Hà Nội. Chúng tôi bắt giữ anh ta và cố gắng lôi kéo anh ta. Cuối cùng, anh ta đồng ý làm việc cho chúng tôi và được đánh trả lại. Nhưng sau năm 1975, anh ta xuất hiện với tư cách là một cán bộ phụ trách hải sản của Việt Nam. Điều đó nói lên rằng: anh ta được tin cẩn và chắc chắn là trá hàng để điều tra xem chúng tôi làm ăn ra sao, có một tình huống khác xảy ra trước đó, ngay từ đầu cũng chứng tỏ Hà Nội đã biết chúng tôi là ai và đang làm gì. Điều đó xảy ra đầu năm 1959, có một chương trình phát thanh của Hà Nội mà Phòng thông tin phát thanh nước ngoài của CIA hiệu thính từ Sài Gòn. Chương trình này thông báo một tin khẳng định rằng: Một thuyền xâm nhập đã bị bắt ở tỉnh Hà Tĩnh cùng thuyền viên và dụng cụ trên thuyền.

Đài Hà Nội nói rằng: chiếc thuyền đó thuộc tổ chức của chúng tôi dưới quyền lãnh đạo của bác sĩ Tuyến và đọc một danh sách những người trong tổ chức lãnh đạo các hoạt động này rất chính xác: Lê Quang Tung, Trần Khắc Kính, Ngô Thế Linh và những người khác. Một ai đó đã cung cấp thông tin cho họ rất nhanh và chuyện đó thì mọi người rất khó mà quên được.

Chương trình phát thanh này nhằm cảnh cáo chúng tôi, Hà Nội nói với chúng tôi rằng họ biết chúng tôi là ai và chúng tôi đang làm gì. Thực ra chúng tôi không bị mất cái thuyền nào

cả và điều đó cũng giúp chúng tôi hiểu rõ mục đích của chương trình phát thanh đó. Chúng tôi chỉ việc chuyển tên của tổ chức này thành "Sở Khai thác địa hình".

Lê Văn Bưởi có cách miêu tả kỹ hơn về một điệp viên do CIA gửi ra Bắc Việt vào tháng 2-1961. Mùa xuân năm 1960, Ngô Đình Cẩn đến Vũng Tàu để dự một cuộc hội nghị cấp cao (bao gồm các chỉ huy tình báo) của chúng tôi. Vừa đến ông ta đã thông báo rằng ông vừa gặp Phó Tổng thống Mỹ (Lyndon B Johnson) và được biết rằng Mỹ quyết tâm phá hoại và sẽ tấn công Bắc Việt. Đây là sự trao quyền chính thức nhằm tiến hành các hoạt động hỗn hợp liên quan tới các bộ phận của chúng tôi và của CIA. Sau buổi họp đó Cẩn quyết định tham gia tích cực vào nỗ lực này bởi ảnh hưởng của Mỹ và sự giúp đỡ đối với Tổng thống của chúng tôi bắt nguồn từ mối quan hệ với CIA của Trần Kim Tuyến và Ngô Đình Nhu.

Cẩn có cảm giác là mình bị bỏ rơi vì Tuyến làm cái gì cũng hoàn toàn độc lập với Cẩn và điều đó có nghĩa rằng sự ủng hộ của CIA chỉ dành cho một người đó là Ngô Đình Nhu. Tôi gặp đại tá Lê Quang Tung và trình bày với ông ta về suy nghĩ của Ngô Đình Cẩn. Chúng tôi muốn bắt đầu những hoạt động tình báo tấn công độc lập chống lại Bắc Việt và nhờ sự giúp đỡ của đại tá Tung. Tung không đáp ứng một cách tích cực kế hoạch của chúng tôi. Ông ta nói là đã có các nhóm công tác ở miền Bắc và họ làm việc rất tốt. Họ có bị mất một vài người nhưng tin rằng họ sẽ thành công. Hiển nhiên đại tá Tung sẽ không giúp đỡ như chúng tôi hy vọng. Chúng tôi muốn làm một cái gì đó ở Lào, nhưng đề nghị đó cũng bị đại tá Tung từ chối nốt.

Có rất nhiều dạng hoạt động chống lại Bắc Việt lúc đó. Có những nhóm nhân viên của đại tá Tung từ quân đội. Những người đã được cử đến Liên đội quan sát 1 vào tháng 1 năm 1961 và họ đã ra Bắc. Chúng tôi biết điều này do có những thông tin truyền nhận và phối hợp giữa Ngô Đình Cẩn và Ngô Đình Nhu.

Có cả những mạng lưới điệp viên nằm vùng. Các mạng lưới này được Pháp xây dựng trước khi họ rút vào năm 1955 và họ chuyển các hồ sơ điệp viên đó cho chúng tôi. Pháp cũng chuyển một số cho một linh mục Việt Nam, linh mục đó được cử sang Vatican nhưng ông được giao nhiệm vụ phải đi khắp châu Á. Ông ta thường đến giảng đạo ở nhà thờ Huế.

Chúng tôi bắt đầu hiểu ra rằng Ngô Đình Nhu đã tiếp cận được với các tài liệu này theo con đường của Pháp, và năm 1961 ông ta đã cung cấp các điệp viên nằm vùng này cho CIA để phục vụ hoạt động gián điệp ra Bắc Việt Nam cùng với tổ chức của bác sĩ Tuyền.

Chúng tôi đã liên lạc với các điệp viên này qua cơ sở ở Đông Hà ngay sát khu phi quân sự. Cơ sở này là một bộ phận của Tuyền chứ không phải của riêng Cẩn, nhưng Cẩn vẫn có thể chuyển những thông tin của mình qua nó. Theo tôi biết thì CIA cũng đã giúp đỡ cơ sở này vào thời điểm ấy.

Để kéo chúng tôi vào những hoạt động này, Ngô Đình Cẩn đã trực tiếp đề nghị tôi giới thiệu cố vấn CIA cho Cẩn. Tôi là người đầu tiên mà Ngô Đình Cẩn cử ra Bắc để chứng tỏ rằng chúng tôi có thể làm không kém gì Ngô Đình Nhu. Đề nghị được chấp nhận, bởi vậy tôi đã tham dự một cuộc họp của Ngô Đình Cẩn, Phan Quang Đông cùng cố vấn của CIA và một vài người Việt Nam khác.

Sỹ quan CIA cho tôi biết rằng chiến tranh sắp xảy ra và nhiệm vụ của tôi là giúp đỡ họ chuẩn bị cho chiến tranh. Tôi phải phát hiện các mục tiêu để máy bay ném bom, và viên sĩ quan CIA nói với tôi rằng các cuộc ném bom bằng không quân sẽ có thể xảy ra trong khoảng 2 năm tới. Điều này có nghĩa là chiến tranh có thể diễn ra công khai vào khoảng năm 1963. Sau đó Cẩn đề nghị cấp cho tôi số tiền mà tôi cần. Tôi biết đó chỉ là tiền giả, CIA đã in rất nhiều loại tiền đó. Tôi không màng đến một đồng nào bởi tôi sợ rằng sẽ bị nguy hiểm nếu họ phát hiện ra tôi có rất nhiều tiền giả và buộc cho tôi có quan hệ với CIA. Tôi được quyền tiến hành các hoạt động phá hoại mà không cần đợi ý kiến của Huế. Tôi đã được xem tất cả ảnh của từng cá nhân mà tôi phải bắt liên lạc từ người đầu tiên mà tôi sẽ phải gặp ở phía Bắc khu phi quân sự cho đến những người ở nơi xa xôi phải đến là Quảng Yên. Vì thế tôi biết hình dáng của họ như thế nào. Tôi còn được cấp một hộ chiếu nội bộ để sử dụng nếu gặp trở ngại trước khi bắt liên lạc với người đầu tiên.

Tất cả chúng tôi đều nhận thấy rằng tôi rất có thể bị giữ lại ngay trước khi đi sâu vào đất liền. Bất kể bị giữ lại ở đâu tôi chỉ khai rằng tôi đi từ miền Nam. Phan Quang Đông là chỉ huy trưởng cơ quan tình báo công giáo của Cẩn và là người lãnh đạo trực tiếp của tôi cho tôi biết

rằng tổ chức của Trần Kim Tuyến đã gửi 2 điệp viên tới Quảng Yên. Người thứ nhất là người miền Nam. Tôi không biết anh ta là ai và tôi cũng chẳng bao giờ biết gì hơn về anh ta. Người thứ hai là Phạm Chuyên. Tôi là người tiếp theo và có thể có người nào nữa sau tôi nhưng tôi không biết chắc. Chuyên trước là cán bộ trung cấp của Đảng đã vượt biên vào Nam năm 1959. Anh ta khẳng định rằng do bất mãn nên trốn. Tổ chức của bác sĩ Tuyến đã tuyển anh ta làm điệp viên và cử anh ta trở lại Quảng Yên đầu năm 1961.

Sở dĩ Ngô Đình Cẩn muốn đưa tôi ra Bắc bởi vì ông ta có cảm giác rằng việc cài thành công Chuyên ra Bắc đã tạo cho tổ chức của Tuyến một uy tín thực sự dưới con mắt của CIA. Nếu Nhu và Tuyến có thể đưa Chuyên đến đó thì tôi cũng có thể làm được. Bên cạnh đó, Chuyên trước kia là một đảng viên Cộng sản và có những lo lắng cho rằng Bộ Công an đã cử anh ta vào Nam với nhiệm vụ xâm nhập vào tổ chức của Tuyến. Vì vậy Cẩn bảo tôi là phải tránh xa Chuyên, nhưng phải báo cáo mọi điều mà tôi biết về anh ta.

Tất nhiên chúng tôi muốn sự giúp đỡ của Mỹ dẫu có bị hạn chế. Chẳng hạn, Ngô Đình Cẩn ve vãn người Nhật vì có tin người Nhật sắp đầu tư vào Việt Nam và Cẩn có vẻ xuôi theo hướng đó.

Việc tăng cường sự hiện diện của quân đội Mỹ ở Việt Nam theo những gì mà tôi được nghe Tổng thống Diệm muốn nhận được viện trợ của Mỹ nhưng lại không muốn quân đội Mỹ có mặt ở Việt Nam, và chúng tôi đã tranh luận với nhau quan điểm đó.

Diệm sợ rằng nếu lực lượng bộ binh của Mỹ vào Nam Việt Nam thì quân Trung Quốc có thể nhảy vào phía Bắc. Nếu điều đó xảy ra thì cuối cùng người Mỹ sẽ phải rút khỏi Việt Nam và lực lượng của Hà Nội sẽ chiếm miền Nam và sử dụng nó để thiết lập quan hệ với chính phủ Bắc Kinh. Vì vậy nếu một khi quân đội Mỹ không vào Nam Việt Nam thì Trung Quốc cũng không vào Bắc Việt Nam, và Bắc Việt Nam sẽ không có sự giúp đỡ rộng lớn từ khối cộng sản.

Đầu năm 1961 thiếu tá Lê Văn Bưởi vượt sông Bến Hải ra Bắc Việt Nam. Sau khi được chuyển qua các cơ sở liên lạc anh ta đã đến cảng Đông Bắc - Hòn Gai. Bưởi tiếp tục kể:

- Lúc ấy mạng lưới điệp viên nằm vùng ở đó còn rất nhỏ bé. Họ có quan hệ thường xuyên

với miền Nam, được cung cấp điện đài và các vật dụng khác do tàu đánh cá Đài Loan-loại dùng để cung ứng cho các mạng lưới. Tôi biết họ vì tôi đã đến một lần bằng thuyền vào năm 1959 và gặp những người đi lên thuyền của chúng tôi. Sau đó, tôi đến lần nữa vào năm 1961, với một người và gặp những người đánh cá đó là những người cung ứng thường xuyên theo định kỳ của mạng lưới. Thời điểm đó thì việc làm này cũng đơn giản vì việc đánh cá ở vịnh Bắc Bộ chưa bị ai cản trở.

Mạng lưới điệp viên chúng tôi ở Hòn Gai sử dụng máy điện đài để liên lạc với miền Nam mỗi tuần một lần. Và tôi có thể gửi những thông tin bằng vô tuyến về cho Ngô Đình Cẩn. Chúng tôi có thể chuyển điện đài di động ở nhiều địa điểm trong và ngoài thành phố-những nơi được gọi là các hòm thư chết-nơi mà chúng tôi có thể gửi hoặc nhận thông tin mà không bị ai phát hiện. Tôi không nhìn thấy máy điện đài và cũng chẳng biết người ta sử dụng mã gì. Hơn nữa tôi cũng chẳng quan tâm đến điều đó.

Tất cả những gì cần cho tôi là có thể gửi và nhận thông tin. Tôi có thể nhận thông tin thường xuyên từ Ngô Đình Cẩn và luôn biết rằng các thông tin đó chính là của ông ta. Tất cả các tin ấy đều có dấu hiệu xác thực theo quy ước có nghĩa là thông tin đó là của ông Cẩn với các dấu hiệu quen thuộc.

Rồi sau nửa năm thu thập thông tin và tiến hành một số hoạt động phá hoại nhỏ, Bưởi kể rằng tình hình bắt đầu thay đổi: có những cuộc tuần tra ở trong khu vực nhưng chưa có chuyện gì quan trọng xảy ra. Cho đến đầu năm 1962 khi một chiếc thuyền xâm nhập từ miền Nam ra bị bắt gần Hòn Gai cùng với các thuyền viên. Thuyền đó không phải cung cấp cho tôi và tôi cũng chẳng làm gì có hại đến họ. Vì vậy tôi bắt đầu nghi ngờ Chuyên. Một trong những liên lạc viên của tôi đã chỉ Chuyên cho tôi và nói rằng mạng lưới rất lo lắng vì nghi anh ta làm việc cho Bộ Công an. Câu hỏi duy nhất mà họ đặt ra là anh ta đã bị bắt và được họ sử dụng hay anh ta là một gián điệp đôi. Chuyên có vẻ rất nổi tiếng và được một trong những nhân viên công an địa phương một lần đã nói rằng có điều gì đó không ổn bởi sự có mặt của Chuyên ở Hòn Gai. Công an Hòn Gai biết rằng anh ta đã vào Nam một thời gian rồi sau đó đột nhiên quay trở về và sống yên ổn y như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Nhân viên công an này nói Chuyên chắc là một cán bộ có cỡ và được giao nhiệm vụ làm tắt

cả những điều mà không bị bắt cho đến khi anh ta quay trở lại Bắc Việt. Trong một thông tin gửi cho Cần tôi đã báo cáo sự lo lắng về Chuyên. Cần đáp lại rằng: ông ta và cố vấn CIA rất hài lòng với công việc mà tôi đã làm. Sau đó Chuyên rời khỏi Uông Bí về Hà Nội và tôi mất dấu vết của anh ta.

Tại sao một người bị nghi là gián điệp đôi như Chuyên lại có thể dễ dàng rời khỏi miền Bắc như một người tỵ nạn và đi suốt vào Sài Gòn mà không bị một ai nghi ngờ hoặc lên tiếng cảnh báo? Thực ra tôi cũng không thể đưa ra lời lý giải về nó. Có bao nhiêu việc đã xảy ra cứ tưởng chúng liên quan với nhau, nhưng lại được ngăn cách riêng biệt. Trường hợp của Chuyên có thể là đã đi qua Quảng Trị, ai mà khẳng định được nhỉ. Nếu đi theo chương trình tỵ nạn thì sau khi chuyển tới Quảng Trị rồi tới Huế. Giả sử chúng tôi phát hiện ra một người nào đó có thiện chí hợp tác thì Ngô Đình Cần sẽ lập tức rút người đó ra khỏi danh sách rồi khéo léo tác động để đưa họ trở lại miền Bắc làm việc cho chúng tôi. Ngược lại, nếu chúng tôi có ấn tượng nghi ngờ ai đó là gián điệp đôi thì người đó sẽ được gửi vào Sài Gòn để xử lý thông qua trung tâm thẩm vấn Gia Định. Ở trường hợp của Chuyên lại đưa thẳng đến Sài Gòn, điều đó đã nói rằng qua thẩm vấn sơ bộ đã có căn cứ để kết luận anh ta làm việc cho Bắc Việt. Song chỉ việc anh ta được phái trở lại miền Bắc đã đủ sức phản bác lại kết luận trên vì nếu không tin tưởng, không có thiện chí thì sao lại như vậy được. Phải chăng đây là trường hợp ngoại lệ? Có nhiều khả năng là đã phát hiện ra anh ta là ai và quyết định thử xem Hà Nội sẽ làm gì, có lẽ nên giả thiết như vậy chẳng? Nếu Chuyên cung cấp thông tin tốt thì chúng tôi sẽ có thông tin tốt còn nếu anh ta cung cấp thông tin tồi thì chúng tôi sẽ khử anh ta.

"Như vậy chuyện gì đã xảy ra trong vụ Chuyên?" Tôi hỏi Bưởi.

"Tôi không biết." Anh ta uể oải trả lời, cơn đau đầu lại hoành hành: "Tôi làm việc cho Cần còn Chuyên thì làm việc cho Tuyển. Tôi có những nhiệm vụ khác phải thực hiện".

Ed Regan cũng đưa ra quan điểm của mình về việc thay đổi trong hoạt động:

- Sau khi Kennedy trở thành Tổng thống (qua cuộc bầu cử tháng 11-1959) thì sức ép tăng dần lên đòi hỏi phải tiếp tục tăng cường hoạt động gián điệp ở mức thấp sang các nhóm bán

vũ trang. Áp lực đòi phải đưa các nhóm điệp viên bán vũ trang ra miền Bắc không phải xuất phát từ trung tâm ở Sài Gòn mà là từ Washington.

Tổng thống Diệm và những người thuộc cơ quan CIA tại Sài Gòn đều nhất trí dự kiến số lượng vũ trang của cộng sản ở miền Nam không quá 3000 vào thời điểm 1959. Vào cuối năm 1960 theo như báo cáo thì lực lượng "Việt cộng" đã lên tới 7000, vì thế Diệm và một số người Mỹ đã rung chuông báo động là số lượng cộng sản còn nhiều hơn. Diệm và những tư lệnh quân sự của mình đã mong nhận được sự giúp đỡ của Mỹ lớn hơn thông qua chương trình viện trợ quân sự (MAP), và sự gia tăng sức mạnh của kẻ thù chính là động lực để Washington có phản ứng. Nếu Chủ tịch Hồ Chí Minh và Lê Duẩn có năng lực thuyết phục khối cộng sản và những người cộng sản ủng hộ mình thì Tổng thống Diệm cũng chẳng kém tài cán trong việc ve vãn Washington, bởi họ cũng mong muốn tăng cường sự hiện diện của Mỹ ở Việt Nam.

Bắc Việt hiểu rất rõ rằng bất kỳ sự tăng cường chiến tranh nào ở miền Nam cũng đều đòi hỏi có sự đảm bảo hậu phương ở miền Bắc vững chắc.

Để ngăn chặn những hoạt động gián điệp của miền Nam, Bộ Công an ở Hà Nội đã ra sắc lệnh số 20 VP-P4 ngày 8/1/1960 đóng cửa biên giới trên tuyến đường biển và đường bộ miền Bắc. Mệnh lệnh này bao gồm cả sự tăng cường các hoạt động giữ vững an ninh chính trị trong các khu vực này. Ngày 17/1 Bộ Chính trị ra chỉ thị số 186-CT-TW nhằm tập trung sự chú ý của toàn dân vào 2 nhóm chủ yếu cần phải loại trừ về mặt chính trị được xác định là có liên quan trực tiếp trong hoạt động "phản cách mạng" do nước ngoài chỉ huy: công giáo và các dân tộc thiểu số. Vào tháng 9 đại hội lần thứ ba của Đảng Lao động đề cập đặc biệt đến chiến tranh tâm lý, gián điệp, các hoạt động bán quân sự chống lại miền Bắc. Đại hội kêu gọi đấu tranh vũ trang ở miền Nam. Điều này diễn ra khi Đảng đang chuẩn bị kế hoạch 5 năm lần thứ nhất bắt đầu vào năm 1961.

Sau hơn 3 thập kỷ khi viết về giai đoạn này Việt Nam coi tháng 2/1960 là thời điểm mà lực lượng Công an Nhân dân Vũ trang (LLCANDVT) tiếp nhận hệ thống mật mã T09 thay cho hệ thống mật mã cũ là DB2. Là một dạng của KTB4-một hệ thống mật mã không sử dụng rộng

rãi đối với QĐNDVN trong 7 năm tiếp theo-hệ thống T90 được coi là có độ an toàn gấp đôi hệ thống mật mã cung cấp cho LLCANDVT năm 1959. Giờ đây, Hà Nội công nhận các bộ mã và các quá trình liên lạc đã được cải tiến này là chìa khoá để họ có thể đối phó với các điệp viên của miền Nam xâm nhập ra miền Bắc.

Việc chuyển sang mật mã mới an toàn hơn là kết quả của cuộc họp Bộ Chính trị ngày 17/2/1960. Cuộc họp này đã xem xét các hoạt động gián điệp bán vũ trang được cài cắm chống lại miền Bắc và điều chỉnh kế hoạch để đối phó với chúng. LLCANDVT được giao nhiệm vụ hỗ trợ cho các hoạt động phản gián do Bộ Công an chỉ đạo. Đây là lực lượng mũi nhọn trong việc bắt các nhóm gián điệp khi chúng xâm nhập và đảm bảo an ninh xung quanh khu vực, phát hiện tín hiệu có nghi vấn hoặc các điện báo viên từ phía Nam đến. LLCANDVT toàn Việt Nam đã xây dựng và thực hiện một chế độ báo cáo hàng ngày và hàng tuần về tất cả các hành vi khả nghi dọc tuyến biên giới phía Bắc.

Ngày 10/3, tư lệnh LLCANDVT đã giao quyền cho một số đồn biên phòng và các địa phương dọc biên giới Lào trực tiếp báo cáo bằng vô tuyến cho Bộ chỉ huy LLCANDVT về tất cả những hoạt động khả nghi càng nhanh càng tốt. Điều này là cần thiết để đảm bảo rằng mọi thông tin về những nhóm điệp viên khả nghi được chuyển ngay lập tức đến bộ phận lãnh đạo cao nhất của LLCANDVT. Những dấu hiệu khả nghi bao gồm cả việc nhìn thấy các máy bay khả nghi, có khả năng hoặc thực tế có biệt kích nhảy dù; từ khi bắt đầu báo cáo thì các chỉ thị giữa Bộ chỉ huy các LLCANDVT và các đồn, các trạm biên phòng được chuyển tiếp và nhận ở Hà Nội chậm nhất trong vòng vài giờ.

Nhờ sự đánh giá trùng lặp của Bắc Việt rằng: "Các hoạt động mã thám của kẻ thù đang được tăng cường", nên thông tin cần phải chuyển bằng các tín hiệu mật mã trên mạng lưới vô tuyến của LLCANDVT chỉ giới hạn trong các vấn đề có tính chất khẩn cấp. Các thông tin vô tuyến tiếp tục được ngụy trang bằng cách xáo trộn nội dung của chúng và bằng cách sử dụng các phương pháp gây nhiễu khác nhằm cản trở khả năng thu thập của đối phương khi có ý định giải mã các thông tin này.

Lực lượng phản gián trực thuộc Bộ Công an, một lực lượng thường gọi là biệt động được

Bắc Việt xem như là "một phương pháp an ninh đặc biệt" sử dụng để tấn công kẻ thù. Như Bắc Việt mô tả khái niệm biệt động, đó là vấn đề phải đấu trí ngay với kẻ thù.

Khi một nhóm điệp viên bị bắt và nhân viên điện đài phải phát tín hiệu theo lệnh của Hà Nội. Vấn đề mấu chốt đối với hoạt động này là giữ an toàn tuyệt đối đối với các mệnh lệnh, chỉ thị và thông tin có liên quan đến hoạt động khi mà các chi tiết này được truyền bằng tín hiệu mật mã. Chỉ một sơ suất nhỏ cũng có thể làm kẻ thù nghi ngờ và cuộc chiến tranh thầm lặng này sẽ có thể dẫn đến thất bại. Chỉ những cán bộ trực tiếp phụ trách thực hiện chiến dịch, các cán bộ mật mã và các chuyên gia giúp đỡ trực tiếp là những người duy nhất được phép biết nội dung bí mật của các hoạt động này.

Suốt cả năm 1960 CIA ở Sài Gòn tiếp tục nhằm vào các hoạt động gián điệp ở mức tương đối thấp chống lại Bắc Việt. Đối với quan chức CIA ở Sài Gòn và Đà Nẵng, những người trực tiếp cử điệp viên ra Bắc thì thành công được đo bằng kết quả thực tế các điệp viên được cài cắm một cách an toàn và trở về Nam với nhiều thông tin có giá trị. Sau đó, vào cuối 1960 đề nghị của CIA được nhóm đặc biệt của Hội đồng An ninh Quốc gia (NSC) thông qua, thì các hoạt động của CIA Sài Gòn chuyển sang các nhóm điệp viên bán vũ trang, chứ không chỉ là các điệp viên bình thường.

Đầu năm 1961, tổ chức của bác sĩ Tuyền đã tuyển các nhóm điệp viên vũ trang theo mục đích của Colby bắt đầu gây nên một vài sự rối ren đối với miền Bắc, trong khi miền Bắc gây nên tình hình xáo trộn lớn ở miền Nam. Colby giải thích:

- Chiến lược của chúng tôi chỉ nhằm xây dựng một bộ khung ở đây. Chỉ cần một bộ khung dưới hình thức nào đó mà chúng tôi có thể dựa vào để xây dựng lực lượng kháng chiến và phá hoại hoặc làm bất cứ cái gì cần làm như chiến tranh tâm lý hay các việc tương tự. Bước đầu chỉ cần một số người để có thể liên lạc được, chứ không cần quá tinh tế.

Theo như tôi nhớ và chắc là như vậy thì vị trí của các nhóm chủ yếu được chọn trên cơ sở sự quen thuộc địa hình, địa vật trong nhóm. Điều này có nghĩa là một trong những người trong nhóm của bạn đến từ một vùng quê nào đó thì yêu cầu anh ta quay trở lại và bắt liên lạc ở vùng ấy. Tôi cho rằng nếu bạn có thể sống ở vùng núi thì sẽ an toàn hơn là sống ở vùng

bị kiểm soát chặt chẽ ở đồng bằng. Vì vậy, có xu thế đưa bạn ra khỏi các trung tâm thành phố. Nhưng theo tôi tưởng, vẫn là ở chỗ phải xây dựng cơ sở mà dựa vào đó chúng ta có thể xâm nhập vào vùng đồng bằng.

Về vấn đề các nhóm điệp viên ra Bắc, có thể nhanh chóng cầm chốt dọc theo đường sắt của Hà Nội, Colby nói: "Điều đó có thể là một mục tiêu bổ sung. Cùng với mục tiêu cuối cùng là phá hoại chúng."

Với tư cách là trùm tình báo CIA ở Sài Gòn, Colby cũng phải tranh cãi với các viên chức của Diệm-là những người rất cần thiết cho hoạt động bí mật nhưng lại đang ngày càng trở thành mục tiêu của sự hằn thù trong và ngoài nước, bởi Diệm không muốn chia sẻ quyền lực.

Colby đã tỏ ra quá mệt mỏi trong việc ủng hộ ông Nhu và bác sĩ Tuyền nên ông đã cùng với các quan chức Mỹ ở Sài Gòn hối thúc việc gạt bỏ họ. Thế nhưng Diệm đã phớt lờ mọi yêu cầu này.

Điệp viên ARES ra Bắc bằng thuyền vào tháng 2/1961 và đổ bộ an toàn vào vùng Đông Bắc Quảng Ninh. Ngay lập tức, anh ta thông báo việc đổ bộ an toàn của mình cho Sài Gòn.

Khi quan điểm mới của Colby về hoạt động của các nhóm bán vũ trang đang được thực hiện thì một sự kiện khác lại xảy ra ở nửa bán cầu bên kia có ảnh hưởng lâu dài đến chương trình bí mật của CIA, nếu không nói là ảnh hưởng đến bản thân chiến tranh Việt Nam. Đó là sự kiện Vịnh Con Lợn 17-19/4/1961 vụ đổ bộ vùi vảng vào Cu Ba bị thất bại, gây ra tác động đối với Việt Nam xảy ra ngày 20-4: khi Tổng thống Kennedy thành lập nhóm "nghiên cứu đặc biệt", do tướng Maxwell Taylor phụ trách, có nhiệm vụ xem xét về thảm họa vịnh Con Lợn và khuyến nghị để những hoạt động tương tự của Mỹ trong tương lai ở môi trường không có chiến tranh công khai trở nên có hiệu quả.

Tổng thống Kennedy cho rằng "Chủ nghĩa cộng sản" đang tiến hành chiến dịch gặm nhấm. Ông ta cũng bày tỏ sự quan tâm nhiều đến các hoạt động bán quân sự đối đầu với cuộc chạy đua vũ trang đang tiếp tục leo thang. Quan điểm của ông ta cho thấy: "Cách mạng 1959" của

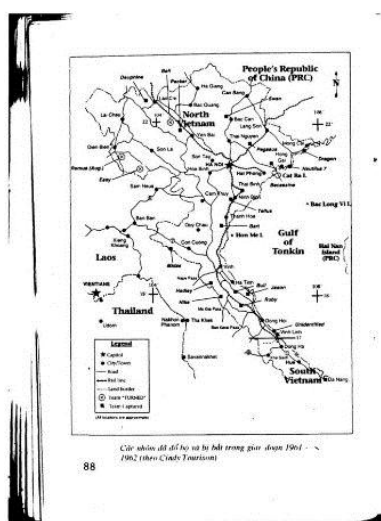
Cu Ba và thất bại ở vịnh Con Lợn hai năm sau đó chỉ là dấu hiệu của những vấn đề sắp xảy ra. Ông cho rằng: cả Nam Việt Nam và Lào tiếp theo cũng trở thành cộng sản, nếu không có một biện pháp gì đó thật hữu hiệu để ngăn chặn và phải tiến hành thật nhanh. Giải pháp của Tổng thống là bắt đầu một quá trình chuyển các hoạt động dạng bán quân sự kiểu này từ CIA sang Bộ Quốc phòng ở Việt Nam, đồng thời đưa vào kế hoạch chiến tranh đã được Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân (JCS) thông qua.

Ngày 13/6, nhóm của tướng Taylor đã đệ trình báo cáo kết quả nghiên cứu của mình cho Tổng thống Kennedy, báo cáo chỉ ra rằng: "Mỹ đang ở trong một cuộc chiến tranh một mất một còn mà chúng ta có thể đang hoặc sẽ thất bại, trừ khi chúng ta thay đổi cách thức và điều phối được các nguồn lực, với một cường độ giống như thời kỳ chiến tranh trước kia". Báo cáo đề nghị là phải phối hợp tập trung lực lượng bán quân sự bí mật ở Việt Nam, và những phần chủ yếu của đề nghị này đã được Kennedy thông qua vào ngày 28/6.

Trong khi Kennedy yêu cầu đánh giá về sự kiện Vịnh Con Lợn, thì bốn trung sĩ thuộc sư đoàn 22 quân đội Việt Nam Cộng hoà cũng đang chuẩn bị tiến hành thực hiện chương trình mở rộng hoạt động ra miền Bắc của CIA. Họ được các sĩ quan tình báo của sư đoàn 22 phát hiện là có khả năng tiến hành các hoạt động cho Sở khai thác địa hình xâm nhập vào Bắc Việt. Tất cả bốn họ đều người gốc Sơn La và đã phục vụ quân đội Việt Nam trong liên hiệp Pháp.

Họ được đưa về Sài Gòn sau khi đồng ý tự nguyện tham gia chuyển công tác bí mật ra Bắc. Khi văn phòng 45 thông báo cho biết là sẽ nhảy dù xuống Sơn La thì họ đã không khước từ ý định tham gia chuyển công tác này. Tháng 5, bốn người đó trở thành toán CASTER dưới sự chỉ huy của Hà Văn Chắp. Họ được thả xuống Sơn La và ở đó lực lượng của Bắc Việt đã sẵn sàng chờ đón. Chẳng bao lâu sau khi họ bị bắt, nhân viên điện đài đã buộc phải làm việc cho Cục phản gián-Bộ Công an. Anh ta đã thông báo cho Sài Gòn là nhóm đã đến nơi an toàn. Toán CASTER vẫn tiếp tục liên lạc qua điện đài như là một toán độc lập cho đến tháng 7/1963 khi CIA cho rằng họ đã mất liên lạc với CASTER. Lần xuất hiện cuối cùng của CASTER là ở Lào. Ngày 2/6, 3 người thuộc toán ECHO nhảy dù xuống huyện Lam Trạch thuộc vùng ven biển Quảng Bình. Họ bị bắt cùng với các thiết bị điện đài mà Cục phản gián

đã sử dụng để mở rộng chiến dịch nghi binh lúc đó đang phát triển. Nhân viên điện đài đã làm theo mệnh lệnh của Bắc Việt nhưng bí mật báo cho Sài Gòn biết là mình đang bị khống chế. Sau đó, Trung tâm CIA ở Sài Gòn liền dùng cái gọi là "trò chơi vô tuyến" mèo vờn chuột thăm lạng với kẻ thù thông qua sóng vô tuyến. Trò chơi này được tiếp tục cho đến 8/1962 khi CIA chủ động chấm dứt.



Cũng tháng 6 năm đó, 4 trung sĩ khác đều là người Tây Bắc Việt Nam đã tham gia lực lượng bán quân sự đang phát triển. Được lập thành toán DIDO, họ nhảy dù xuống Lai Châu, gần thị xã. Một thành viên trong toán đã kể lại số phận của họ cho một bi kịch khác trong tù như sau: "Sau khi đổ bộ, chúng tôi chạy ra khỏi rừng. Tôi chạy về nhà lấy thức ăn liền bị bắt trước khi quay trở lại với đồng đội".

Lực lượng an ninh Hà Nội được đưa đến chỗ của DIDO và nhân viên điện đài đã bị thuyết phục phát tin hiệu dưới sự khống chế của Hà Nội. Anh ta cũng phải theo những thủ tục qui định nhưng đã ngầm báo cho Sài Gòn biết mình đang phát tin dưới sự khống chế của Hà Nội, và còn có hai điệp viên khác đã nhảy dù để tăng cường cho toán này.

Toán DIDO cũng giống như ECHO trở thành đối tượng của "trò chơi điện đài" giữa CIA và Hà Nội cho đến khi CIA từ bỏ liên lạc với DIDO. Mặc dù Sài Gòn nhận biết được họ đã bị bắt nhưng theo báo cáo thì DIDO chịu trách nhiệm đối với sự mất tích của toán REMUS sau đó.

Cũng vào tháng 6/1961, sĩ quan CIA Samuel Halpern đến Sài Gòn. Là sĩ quan văn phòng ở Tổng hành dinh của CIA ở Washington năm 1945, ông ta đã giám sát các hoạt động của điệp viên Patti thuộc OSS ở Đông Dương. Halpern đến Sài Gòn với một nhiệm vụ rất đặc biệt.

Ông ta đã kể lại một cách ngắn gọn nhận thức của mình về hoạt động của Colby:

-Tháng 6/1961, Cục trưởng Cục Viễn Đông Desmond Fitzgerald đã cử tôi đến Sài Gòn thực hiện một nhiệm vụ bất thường. Tôi ở đó khoảng 4 tháng do liên quan đến một ý tưởng khác của tướng Edward Lansdale. Ý tưởng đó là phải tìm ra vị trí của tất cả các máy phát vô tuyến của Việt cộng ở Nam Việt Nam rồi thả các nhóm lính dù xuống đó để bắt nhân viên điện đài cùng các trang thiết bị liên quan. Lúc đó, tôi là đại diện của CIA Sài Gòn trong một nhóm hỗn hợp Mỹ-Việt Nam Cộng hoà có nhiệm vụ thực thi ý tưởng đó. Nó tưởng chừng như đơn giản nhưng chưa bao giờ thành công. Lansdale là phó cho thiếu tướng Graves Erskine-chỉ huy văn phòng các hoạt động đặc biệt trực thuộc Bộ Quốc phòng. Lansdale làm phó văn phòng từ 1957-1963 và văn phòng của Erskine là điểm chốt trong Bộ Quốc phòng để trợ giúp về mặt quân sự nếu CIA cần hoặc yêu cầu. Lansdale đã phục vụ đặc lực cho Tổng thống Magsaysay ở Philippine vào giữa những năm 1950, và đã trở thành một nhân viên "kỳ diệu". Sự "kỳ diệu" này không thể có ở Nam Việt Nam và Cu Ba. Trong khi phỏng vấn, tôi đã hỏi Halpern: "Nhìn chung, các hoạt động này được thực hiện như thế nào theo quan điểm phát triển đã được ban NSC5412 thông qua sự cho phép của Bộ tổng hành dinh và các yêu cầu của CIA ở Sài Gòn để phối hợp tác chiến theo quan điểm và sự điều chỉnh của Bộ tổng hành dinh?" Ông ta tiếp tục: "Tôi nghĩ rằng sự phân cấp ở đây cũng giống như tất cả các hoạt động dạng thế này, cụ thể là được nhóm đặc biệt của Hội đồng an ninh thông qua. Trong nhiều năm, nhóm đặc biệt đã được biết đến dưới nhiều cái tên khác nhau: 5412, 303 nhóm đặc biệt"...

Sự phân cấp cơ bản đối với các hoạt động này có thể bắt đầu với sự thông qua về mặt nguyên tắc từ nhóm đặc biệt, hoặc cũng nhóm đó với một tên khác vào một thời điểm khác. Nó có thể xuất phát từ ý tưởng của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng hay Bộ Tổng hành dinh của CIA, hoặc theo đề nghị của chỉ huy một bộ phận CIA ở nước ngoài. Đề nghị được đưa đến cho nhóm đặc biệt phải viết theo mẫu chuẩn của tài liệu dạng quân sự. Bất cứ sự thay đổi lớn nào về quan điểm, cần phải có sự chấp nhận của nhóm đặc biệt. Sự chấp nhận quan

điểm thường được xử lý bởi một sĩ quan văn phòng thích hợp phụ trách khu vực hoạt động đó.

Tất cả mọi hoạt động đều có tính độc lập. Chẳng hạn rất ít sĩ quan trong cơ quan tình báo biết được rõ ràng những thông tin về U2, và còn ít hơn nữa có thể nhìn thấy những sản phẩm cụ thể. Tôi không nhớ rằng Việt Nam được coi là mục tiêu ưu tiên cao vào cuối năm 1960 hay đầu 1961. Không phải theo nghĩa về sự ưu tiên quốc gia của chúng ta được đặt ở đâu. Như mối quan tâm hàng đầu là Liên Xô, sau đó là Trung Quốc và những vấn đề khác. Việt Nam không phải là một trong những ưu tiên hàng đầu của chúng ta. Tôi đã đại diện cho trạm CIA Sài Gòn ở Hội nghị chỉ huy các trạm trưởng vào đầu 1961 ở Tổng hành dinh Thái Bình Dương và tôi không nhớ rằng: chúng tôi đã thảo luận về các hoạt động bán vũ trang có áp lực gì đối với trạm CIA ở Sài Gòn không? Tôi hỏi Halpern. Ông ta cười và trả lời: "Có thể là có áp lực ở thời điểm đó bởi vì họ chắc chắn là có mặt ở các khu vực khác và ở các thời điểm khác. Chẳng hạn như vụ Mongoóe ở CuBa vào cuối năm 61-62 rồi sau đó nữa. Ví như sau vụ Vịnh Con Lợn, Giám đốc CIA sẽ tiếp tục phát triển các hoạt động của mình. Đây là một giai đoạn khó khăn nhưng chúng tôi cũng vẫn phát triển. Tôi nghĩ là không có ảnh hưởng gì đến hoạt động của bản thân Sài Gòn. Bởi vì CuBa là CuBa mà Việt Nam là Việt Nam".

Khi tôi hỏi Halpern là ông đánh giá thế nào về trạm CIA Sài Gòn thì ông ta nói: "Chỉ huy trưởng trạm CIA Sài Gòn rất tích cực trong việc tiến hành các hoạt động ra miền Bắc. Tôi nhận ra vấn đề này vào cuối tháng 6/1961, khi đến gặp ông ta ở Văn phòng và thấy ông ta cùng với cấp phó của mình ở Trung tâm tín hiệu nằm trên tầng cao nhất của Đại sứ quán cũ. Trạm đã có một nhóm sẵn sàng lên đường nhưng vẫn chưa nhận được lệnh cho phép từ Bộ Tổng hành dinh.

Trưởng trạm CIA Sài Gòn đã gửi một bức điện báo khẩn trước đó, và tôi ngạc nhiên là ông ta vẫn chưa nhận được trả lời, nhất là khi máy bay đang chờ cất cánh để đưa các điệp viên đi. Tôi đề nghị là cần phải gửi một bức điện báo thượng khẩn và họ cũng đã gửi bức điện báo đó. Chỉ trong vòng vài phút sau họ đã nhận được bức điện "thượng khẩn" trả lời.

Ở Sài Gòn, tôi biết rất ít về các hoạt động ở miền Bắc, ngoại trừ một điều: hình như mục đích của chúng chỉ là để thu thập thông tin. Ý tưởng ở đây là đưa một số người ra Bắc thu thập thông tin và báo cáo về Sài Gòn. Nhiệm vụ của họ là đi thăm dò xem có điều gì xảy ra ở đó? Ai là cái gì? Rồi báo cáo. Bây giờ thì tôi mới biết rằng: các toán còn được giao những nhiệm vụ khác nữa.

Việc ngủ lại trung tâm tín hiệu của Trạm CIA Sài Gòn có lẽ đã làm cho Samuel Halpern trở thành ngoài cuộc đối với sự kiện quốc tế đang xảy ra. Sáng sớm ngày 1/7, một chiếc máy bay C47 khác của đại tá Nguyễn Cao Kỳ đã bay ra Bắc để thả một nhóm điệp viên vào hậu phương của địch, chiếc máy bay đó bị rơi ở Ninh Bình ngay khi mới bay vào đất liền, theo như báo cáo thì do một đơn vị phòng không có tên là Gun Crew 40 nhận được lệnh bắn. Một điệp viên và hai nhân viên của đội bay đã thoát nạn. Họ đã bị bắt vào ngày 2/7 và chờ xử án ở Hà Nội vào tháng 11 năm đó. Việt Nam đã gán sự kiện này với sự thành công bắt được toán CASTER trong khi đó lại làm thình về vai trò thực tế của ARES.

Tháng 12 năm đó, Quân đội Nhân dân Việt Nam đã đưa ra thông báo về việc xử ba điệp viên bị bắt ở Ninh Bình, trong đó có nói rằng: những hoạt động gián điệp chống lại Bắc Việt là do quân đội Mỹ tiến hành. Các lời xác nhận của phi công C47 đã khẳng định: mệnh lệnh mà anh ta nhận được là từ quân đội Mỹ, từ một văn phòng mang tên là "nhóm cố vấn Mỹ". Đối với mọi người Mỹ có liên quan đến các hoạt động gián điệp được Hà Nội coi như là chịu sự chỉ đạo của Cục điều tra liên bang Mỹ (FBI). CIA không được nhắc đến trong vụ án công khai tháng 12/1961.

Vụ án đã nhắc tới Liên đội quan sát 1 và Ngô Thế Linh-Phụ trách văn phòng 45 như là những người chỉ huy các hoạt động của các nhóm gián điệp dưới sự điều khiển của quân đội Mỹ.

Vì Hà Nội đã biết vai trò thực sự của CIA trong các hoạt động bí mật, nên coi vụ này là trách nhiệm của Lầu Năm góc. Đây là một sự liên kết lưới trong dàn hợp xướng rất thận trọng của Hà Nội, nhằm thuyết phục những người dân Bắc Việt về sự tăng cường đe dọa quân sự của Mỹ. Việc sử dụng các nhân viên quân sự mặc quân phục đã không được Hội đồng tình báo

an ninh quốc gia (NSCID) 5412/2 thông qua. Sự phủ quyết này theo William Colby thì không thể áp dụng được. Căn cứ vào sự phê chuẩn ngày 11/1960 của Ban 5412, trong đó ông ta nhắc lại đã thông qua quan điểm của CIA về các hoạt động đối với Bắc Việt, và quan điểm về sử dụng lực lượng không quân Việt Nam Cộng hoà để chuyên chở các điệp viên. Mặc dù Colby phủ nhận việc máy bay C47 rơi là một sự kiện quốc tế, nhưng báo chí quốc tế kể cả báo chí Mỹ cũng đã viết vấn đề này. Samuel Halpern cũng ủng hộ lập luận của Colby: "Tôi ở Sài Gòn khi sự việc xảy ra và tôi chẳng biết tí gì về nó vì tôi không tham gia vụ này". Có thể là không có mâu thuẫn với 5412-nơi đề ra các đường lối chung. Đối với trường hợp của Sài Gòn, nếu có nhân viên mặc quân phục tham gia thì điều đó có nghĩa rằng: nhóm đặc biệt đã chấp nhận việc sử dụng họ trong những hoạt động đặc biệt. Sự cấm đoán không quá cứng nhắc đến nỗi Ban 5412 không thể điều chỉnh được khi viện ra một nguyên nhân hợp lý nào đó.

Có một nguyên nhân: điều khoản phủ nhận khả thi trong NSCID 5412/2 là sự thể hiện rằng hoạt động này là do Việt Nam Cộng hoà tiến hành.

Colby tin tưởng rằng: đã có một sự cố gắng để loại bỏ những bằng chứng về sự hiện diện của Mỹ ở trên máy bay, mặc dầu vụ án ở Hà Nội đã đưa ra rất nhiều bằng chứng về các vật liệu do Mỹ sản xuất nhặt được từ các mảnh vụn xác máy bay. Trong đó bao gồm một phần của bản đồ cũ năm 1954 của Cục bản đồ quân đội Mỹ trên đó có một đường bay ghi bằng bút chì mà chiếc máy bay C47 phải đi theo và những điểm cụ thể mà máy bay phải đổi hướng. Người phi công đã thú nhận rằng đây chính là bản đồ mà anh ta dùng để định hướng đường bay của mình. Sự đổi hướng cuối cùng của anh ta ở Bắc Việt lẽ ra là ở phía Tây Hoà Bình trước khi anh ta bay về căn cứ không quân Udorn, Thái Lan và sau đó trở về Sài Gòn.

Regan đã kể lại sự kiện chiếc C47 bị bắn rơi và sự mất tích của toán NAUTILUS 1 (N1) sau đó 33 năm: "Tôi nhớ vụ C47 bị rơi, nhưng tôi không nhớ có bao nhiêu người trên máy bay. Chúng tôi nhận được các báo cáo về đường bay cho đến khi nó bị rơi. Vì vậy chúng tôi biết rằng thực sự họ đã bắn rơi nó..."

"...Điều tương tự cũng xảy ra với toán trên thuyền cùng với những người nhái mà chúng tôi

bị mất cuối 1962.

Chúng tôi đang theo dõi những người Bắc Việt khi họ đang đuổi chiến thuyền xâm nhập, mà nó đang cố gắng đến vĩ tuyến 17 để được an toàn. Chúng tôi rất thất vọng theo dõi những điều đã xảy ra, bởi vì biết rằng mình không thể vượt qua khu phi quân sự để giúp đỡ họ. Cuối cùng thuyền của họ đã bị chìm ở phía Bắc khu phi quân sự, và những người trên thuyền bị bắt.”

CIA bị trách cứ về hàng loạt vấn đề xảy ra ở miền Bắc nhưng không phải tất cả đều là do chúng tôi gây ra. Chẳng hạn căn cứ không quân Đà Nẵng là nơi hạ cánh khẩn cấp cho các hoạt động do CIA bảo trợ liên quan đến việc đưa máy bay sang Trung Quốc. Tôi nhớ Hà Nội đưa tin bắn rơi một máy bay của chúng tôi nhưng sự thực lại không phải là của chúng tôi. Té ra là một máy bay của chúng tôi làm nhiệm vụ ở Trung Quốc đã bị rơi ở Bắc Việt trên đường quay trở lại Nam Việt Nam. Tôi kể lại điều này để làm ví dụ cho một sự rắc rối mà Hà Nội trách cứ chúng tôi mặc dù chẳng có gì liên quan đến trạm CIA ở Sài Gòn cả.

Trong khi các nhân viên còn sống sót trên chiếc máy bay C47 bị tra hỏi thì thiếu tá Lê Văn Bưởi rời Huế ra Quảng Ninh theo chuyến công tác riêng của mình. Tháng 9, những người trên thuyền của Ngô Thế Linh tiếp nhận một điệp viên khác để đổ bộ vào bờ biển Nghệ An. Bưởi đến được Hòn Gai, nhưng điệp viên được cử đến Nghệ An bị bắt ngay sau khi đổ bộ.

Ed Regan nhớ lại các sự kiện xảy ra ở Huế: trong khi Russ Miller có một cuộc họp rất thú vị giữa chúng tôi và Ngô Đình Cẩn năm 1960 (một trong những sĩ quan của chúng tôi đã có điều kiện tiếp xúc với Cẩn).

Tôi tin rằng có thể chúng tôi đã gửi ra Bắc một ai đó từ nhóm của Cẩn vào mùa hè 1961, nhưng còn bị giới hạn trong việc đầu tư cho hoạt động với hy vọng rằng sẽ có thông tin tình báo do điệp viên được tung ra Bắc Việt. Tôi không nhớ là điều gì đã xảy ra với điệp viên đó. Có một điệp viên khác cũng đã được lấy vào nhưng chúng tôi được biết hình như đã bị bắt tại một ga tàu hỏa.

Đến cuối năm, ít ra là có 3 nhóm bán vũ trang đã đổ bộ xuống Bắc Việt, hai trong số đó hình như bị sự khống chế của kẻ địch: một chiếc C47 cùng với các nhân viên trên máy bay cũng bị mất; và người thứ ba - một gián điệp đôi có tên là ARES đã giúp Hà Nội chuẩn bị cho nạn nhân tiếp theo toán điệp viên có mật danh là NAUTILUS.

-----o0o-----

Hết mục 2.

3. NHỮNG CUỘC ĐỘ TRÍ.

Đêm 14 tháng 01 năm 1962, một chiếc thuyền đánh cá không số hiệu lặn lẽ di chuyển đến vùng biển Việt Nam theo hướng Bắc vào vịnh Bắc Bộ. Đối với những người bình thường thì đó chỉ là một nhóm ngư dân đánh cá về muộn. Nhưng thực tế chiếc thuyền này chở một toán nhân viên CIA có mật danh là NAUTILUS1 (N1). Những người trong toán này đều ở tuổi thanh niên.

Toán này đã xuất phát từ cảng Đà Nẵng vào lúc 5 giờ sáng, ngày 12 tháng 1 năm 1962. Ngoại trừ viên thuyền trưởng, còn không một ai biết về kế hoạch của trung tâm chỉ huy trực tiếp do Sở phòng vệ duyên hải phụ trách. Không một ai biết được nội dung bức điện của ARES nói rằng anh ta cần tiếp tế lương thực, vũ khí, điện đài. Họ chỉ được biết rằng đó là một chuyến đi ngắn khoảng 4-5 ngày. Vài tháng trước đây N1 đã chở một điệp viên mà những người trong nhóm chỉ biết tên là Quang và được đưa vào bờ biển Hà Tĩnh tại một điểm ở đèo Ngang. Đây là một vị trí mà các điệp viên thường đổ bộ từ biển rồi trà trộn trong số ngư dân trong thị trấn để thu lượm những tin tức qua trò chuyện của người dân ở đây. Bờ biển phía Bắc vẫn là nơi dễ dàng xâm nhập và rút lui vì việc tuần tra kiểm soát ít khi diễn ra trên biển.

Những người đi trên thuyền đã trải qua hai ngày đầy vất vả, lặng lẽ đưa thuyền từ hướng Bắc tiến vào Vịnh Bắc Bộ. Đến gần Hòn Gai họ thả neo dọc theo một trong hàng trăm hòn đảo lô nhô gần bờ đánh dấu vị trí bờ biển và giả vờ câu cá để chờ trời tối. Những ngư dân địa phương chèo thuyền đến gần và hỏi họ đang làm gì. Họ nói là đi mua cá và sau đó ngư dân địa phương bỏ đi.

Đến khuya NAUTILUS 1 nhổ neo. Chiếc thuyền chạy vòng quanh một hòn đảo nhỏ ở phía bắc cảng Hòn Gai và thận trọng tiến về phía bờ biển. Viên thuyền trưởng bóp đầu suy nghĩ tìm cách để đưa 27 chiếc hòm đựng hàng tiếp tế được giấu sẵn dưới khoang thuyền trót lọt. Sài Gòn và Washington hy vọng rằng những trang thiết bị này sẽ được giao cho điệp viên ARES.

Để giảm bớt thời gian bốc dỡ hàng, viên thuyền trưởng mạo hiểm cho thuyền chạy thẳng đến một điểm sát bờ nơi có nhiều nguy hiểm, nhưng chưa có dấu hiệu nào chứng tỏ họ bị phát hiện. Họ thả một chiếc xuồng nhỏ xuống và chuyển những hòm hàng vào bờ, chỉ cách đó một khoảng không xa. Ba người trong toán trèo lên xuồng để xếp hàng tiếp tế cho một người đàn ông có tên là Thụy-một điệp viên mà họ đưa vào bờ năm 1961 ở khu vực đó.

Khi những hòm hàng đầu tiên vừa mới được xếp xuống xuồng thì có tiếng hô của những người trên một chiếc tàu tuần tiểu của Việt Nam. Đây là chiếc tàu đã theo dõi mà NAUTILUS 1 không một ai phát hiện được. Đường tháo chạy đã bị tàu tuần tiểu chặn lại:

"Hãy đầu hàng nếu không sẽ bị chết!"

Toán thủy thủ biết không thể chống cự để thoát ra khỏi bãi biển được. Ba người trên xuồng liền nhảy ào xuống nước, nhưng những người Bắc Việt đã nhanh chóng kéo họ lên chiếc tàu tuần tiểu.

Viên thuyền trưởng của nhóm N1 mang theo trong mình tất cả những tấm thẻ của Sở Phòng vệ duyên hải. An ninh bờ biển tỏ vẻ vui mừng khi phát hiện và bắt giữ họ. Thế là đã khẳng định được những người trên chiếc thuyền đó là ai mà không cần phải điều tra khai

thác thêm gì nữa. Tuy nhiên họ cũng đặt ra một số câu hỏi để kiểm tra từng người và những mối quan hệ gia đình...

Một người trên chiếc tàu tuần tiễu nói rằng: "Các anh biết đấy, chúng tôi đã đợi sẵn rồi, các anh không thể lọt qua khỏi mắt chúng tôi được đâu, thế là các anh đã bị sập bẫy. Chúng tôi biết rõ ai sẽ đến và đến làm gì".

Những người trong toán N1 liền bị trói, bị bịt mắt và sau đó được đưa lên xe tải chở về Hòn Gai để giam giữ riêng từng người một tại khu nhà tạm giam. Từng người một được chụp ảnh và sau đó là cuộc thẩm vấn kéo dài 6 tháng. Những câu hỏi xoáy vào những chi tiết tỷ mỉ nhất về những người chỉ huy, những người Mỹ đã huấn luyện họ, về những chiếc thuyền, từng vai trò công vụ của toán N1 và những toán khác tại Đà Nẵng. Mùa hè năm đó họ bị toà án quân sự đưa ra xét xử, rồi tuyên án từng người với các mức độ khác nhau và cuối cùng họ bị giam giữ trong hệ thống nhà tù khổ sai được canh giữ nghiêm ngặt nhất ở Hà Nội, do Bộ Công an quản lý.

Mấy tháng sau, người dẫn đường của toán, lúc gần chết có gọi một người trong toán đến để nói điều mà bấy lâu nay anh ta sợ không dám nói ra. Anh ta tắt thở và người bạn đã hiểu được điều anh ta nói đó là:

"...Một người có tên là Thuy, Thuy được chúng ta đưa vào Quảng Yên năm 1961. Hắn đến thăm tôi tại phòng giam ở Hòn Gai trong bộ pijama màu đen. Nhìn hắn có vẻ tự do thoải mái. Hắn đứng hút thuốc và nói chuyện tự nhiên. Hắn bảo tôi rằng hắn biết người phụ trách nhà tù và được phép đến thăm tôi. Tôi và hắn nói chuyện một lúc là tôi biết rõ điều gì đã xảy ra. Rõ ràng hắn đã làm việc cho cơ quan công an Bắc Việt từ lâu rồi, hắn là gián điệp đôi".

Sau năm đó, viên chỉ huy Sở phòng vệ duyên hải theo lệnh của Ngô Thế Linh báo cáo là đã ra lệnh cho toán NAUTILUS quay trở lại khu vực Hòn Gai. Người ta định sẽ đưa vợ và hai con nhỏ của Thuy cùng với em trai trên chuyến tàu đó. Một số người được nghe là Thuy đã báo cáo rằng hắn đang hoạt động một cách an toàn gần ngay Hòn Gai và yêu cầu đưa vợ con đến với hắn. Sài Gòn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu đó. Toán N1 đang ở trong tù khi chiếc tàu tới

nơi với một gia đình có 4 người lên bờ và trở về Nam Việt Nam an toàn.

Vụ bắt NAUTILUS 1 xảy ra khi lực lượng Công an vũ trang Bắc Việt thay đổi lại mật mã. Thay thế hệ thống T90 với hệ thống mã VQL thành VQ5. Đồng thời họ phát triển một loạt các quy định mới để báo cáo những sự việc đáng quan tâm qua đài phát đến cơ quan chỉ huy của họ. Dạng quy định mới này đã giảm bớt thời gian cần thiết để đưa thông tin đến nơi thích hợp. Mặc dù không để lộ ý đồ, nhưng nó cũng giảm được thời gian phát song biên phòng trên không trung. Điều ấy hạn chế khả năng những bức điện có thể bị lộ.

Hệ thống mật mã đó đã phát huy hiệu quả khi toán EUROPA khởi hành đến tỉnh Hoà Bình vào ngày 20 tháng 2. Toán này đã bị bắt gần địa điểm đổ bộ vào ngày 22 tháng 2 và nhân viên điện đài đã chấp nhận việc duy trì sự liên lạc ổn định mạng đài phát của các toán gián điệp theo sự điều khiển của Hà Nội.

Vào tháng 3, toán ATLAS-dưới sự chỉ huy của điệp viên Trần Hữu Quang-trên một chiếc máy bay vận tải tới Thái Lan. Toán này được chuyển sang một chiếc trực thăng đợi sẵn để chở tới vị trí tập kết ở phía nam khu vực đổ bộ của toán EUROPA trong địa phận tỉnh Khăm Muộn-Lào, tiếp giáp với biên giới Nghệ An-Việt Nam. Bốn điệp viên bị một người nhìn thấy và đã báo cho bộ phận Công an vũ trang gần đó. Chỉ còn lại hai người trong số họ sống sót và bị đưa ra trước vành móng ngựa vào ngày 5 tháng 4.



Trong khi những người của toán ATLAS còn sống sót đang ở trong nhà tù tỉnh Nghệ An thì toán REMUS dưới sự chỉ huy của Diêu Chính Ích đã được thả xuống vùng Tây Bắc của Bắc Việt gần Điện Biên Phủ.

Họ đều thuộc dân tộc Tày, đã từng sống ở khu vực này trước 1954 và được đánh trở lại vào ngày 16 tháng 4.

Tính ra thì toán REMUS đã hoạt động một cách an toàn trong thời gian hai tháng. Họ đã gặp những người thân và đã báo cho Sài Gòn tiếp tế thêm. Trong lần thứ hai khi họ đến nơi nhận hàng tiếp tế, có đem theo trang thiết bị đến địa điểm máy bay thả hàng, họ đã bị một lực lượng vũ trang Bắc Việt rất đông bao vây. Các thành viên trong toán bỏ chạy tán loạn, vứt bỏ tất cả các trang thiết bị kể cả máy phát vô tuyến điện và mật mã. Người bị bắt đầu tiên là toán trưởng vào ngày 23 tháng 6. Những người giúp đỡ cũng đều bị bắt và bị tù tại một nhà tù cũ của Pháp ở Sơn La.

Qua các thành viên của toán DIDO, các điệp viên bị bắt đã biết được vụ bắt toán DIDO và buộc phải cộng tác trong năm 1961. Một trong số những người sống sót của toán DIDO sau đó đã miêu tả vai trò của toán DIDO về vụ toán REMUS bị thất bại như sau:

-Vào mùa xuân năm 1962 toán DIDO được lệnh từ miền Nam ra hoạt động ở Điện Biên Phủ.

Những bức điện đã được đánh về Sài Gòn báo rằng chúng tôi đã hết lương thực rất cần được tiếp tế thêm. Toán này đã di chuyển đến phía nam tỉnh Lai Châu và lấy hàng tiếp tế tại điểm mà toán REMUS đã sử dụng để nhận đồ tiếp tế. Việc làm đó đã mang tai họa cho toán REMUS.

Vào tháng 7, điệp viên Nguyễn Châu Thanh được đưa vào đất liền bằng thuyền tại khu vực Hà Tĩnh. Lẽ ra anh ta đi với toán NAUTILUS 3 nhưng cuối cùng anh ta được đi theo toán khác. Thanh cũng bị bắt ngay khi mới lên bờ. Bốn thành viên của toán EROS đổ bộ vào Thanh Hoá ngày 20 tháng 5 đã nhanh chóng bị bao vây bởi các lực lượng an ninh biên giới hình như đã được sắp đặt sẵn. Nhân viên sử dụng điện đài buộc phải hoạt động trong mạng điện đài cùng với các nhân viên điện đài khác dọc theo suốt biên giới Bắc Việt với Lào.

Khi toán REMUS đổ bộ vào Bắc Việt, Đô đốc hải quân hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ Adm. Harry D. Felt đã miêu tả hoạt động yếu ớt trên biển của CIA rõ ràng là không thể hoàn thành được nhiệm vụ. Đô đốc Felt thậm chí còn hồi thúc cần có một sự nỗ lực cao hơn để trả đũa lại Bắc Việt về những vụ tấn công chủ yếu là do Việt cộng tiến hành ở Nam Việt Nam. Ví dụ ông ta cho rằng một cuộc tấn công vào đường sắt ở Nam Việt Nam sẽ được giáng trả bằng việc phá hỏng tuyến đường sắt từ Hà Nội đi biên giới Việt-Trung. Ông ta cho rằng các toán biệt kích cần được đưa bằng tàu ngầm vào Bắc Việt, coi đó như là một "ưu thế về kỹ thuật" của Mỹ chống lại cái mà "Bắc Việt không có khả năng tự vệ". Mặc dù sự khuếch trương đó có thể giúp cho đẩy nhanh tiến độ, tạo ra sự chuyển biến, nhưng lực lượng Hải quân Mỹ đang hoạt động với một ngân sách có hạn. Chỉ có một số quan chức trong lực lượng hải quân có thể hứa hẹn đối với một cuộc chiến tranh bí mật trên biển mà không cần đến sự tài trợ để hỗ trợ cho việc huấn luyện và sắp xếp lại lực lượng của họ.

Tháng 7 năm 1962 Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara triệu tập cuộc họp gồm các quan chức Ngoại giao, Bộ Quốc phòng và CIA để tranh luận về việc chuyển giao kiểm soát các hoạt động bán vũ trang ở Việt Nam từ tay CIA sang Bộ Quốc phòng trong chương trình một năm được gọi là "Chiến dịch quay trở lại". Đại tá George C. Morton, chỉ huy trưởng lực lượng yểm trợ quân sự ở Việt Nam thuộc lực lượng chiến tranh đặc biệt đã kêu gọi tăng cường sự can thiệp của lực lượng đặc biệt của Mỹ vào Việt Nam. Đại tá Morton,

người đã có một quá trình chỉ đạo ngầm các hoạt động ở Hy Lạp trong những năm 1950, được nhìn nhận như là "một chuyên gia về chiến tranh đặc biệt".

Tháng 9 năm đó, nhóm đặc biệt của Hội đồng An ninh Quốc gia (5412) thông qua kiến nghị ủng hộ ý tưởng của đô đốc Felt trước đây bằng việc đưa ra một khuyến nghị về vai trò tác dụng của các tàu phóng ngư lôi và SEALs đối với các hoạt động ngầm chống Bắc Việt. Song những nỗ lực ấy cũng không thể tạo ra vật chất đem lại kết quả ngay tức thời, vì thiếu tàu ngầm và lính biệt kích.

Sự việc này được diễn ra trong bối cảnh các hoạt động ngầm chống Bắc Việt không ngừng mở rộng. Đây là nhiệm vụ mà Hội đồng an ninh quốc gia giao cho CIA thực hiện theo chỉ thị NSCID 5412/2 để tiến hành các hoạt động bán vũ trang. Về lý thuyết nó là cơ sở để phát triển các toán gián điệp biệt kích ở trong lòng địch, ém sẵn lực lượng chờ chiến tranh công khai và là biện pháp cần thiết cho việc mở rộng chiến tranh của Lầu Năm Góc. Những kinh nghiệm này được các sĩ quan OSS đúc rút từ chiến tranh thế giới thứ hai ở Châu Âu mà có. Những người đó đang làm việc trong Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, CIA...

Những kinh nghiệm đó tuy đã được áp dụng trong cuộc chiến tranh thế giới thứ hai nhưng thành công còn phụ thuộc vào một loạt các yếu tố và hoàn cảnh cụ thể mà người chỉ huy vận dụng nó. Rất nhiều người trong số họ đã trưởng thành lên từ OSS, đó cũng còn là những cơ sở để CIA vạch kế hoạch hoạt động sau Đại chiến thế giới thứ hai. Hiển nhiên, có ba điều khác biệt, rất cơ bản cho thấy ý niệm này khó áp dụng ở Việt Nam, đó là:

-Thứ nhất, các toán bán vũ trang đòi hỏi sự hỗ trợ rộng lớn của các đồng minh chiến tranh. Ví dụ trong chiến tranh thế giới lần thứ 2 các toán OSS ở Pháp và các nước bị Đức chiếm đóng chứ không phải ở chính nước Đức. Bắc Việt Nam tất nhiên không phải là nước Pháp.

-Thứ hai, việc làm mất tác dụng của lực lượng phản gián đối phương chống lại các toán biệt kích đã đòi hỏi một khả năng phán đoán nhạy bén để biết bằng cách nào và khi nào các lực lượng của đối phương sẽ áp dụng. Trong chiến tranh thế giới thứ 2 việc bắt và kiểm soát các điệp viên Đức được đưa tới nước Anh, cũng như hiểu biết về các kế hoạch hiện tại và tương

lai của tổ chức gián điệp đối phương, đã giúp cho việc đảm bảo thành công của các nước Đồng minh trở lại lục địa Châu Âu. Chưa có một bằng chứng xác đáng nào nói rằng điều đó đã xảy ra ở Việt Nam.

-Thứ ba, khả năng ngăn chặn và giải mã của đối phương là vấn đề mấu chốt đối với những thành công của các nước Đồng minh chống lại Đức. Ở Việt Nam kết quả quan trọng hàng đầu của hệ thống thông tin tình báo quân đội Mỹ gắn liền với các máy phát sóng công suất thấp của Bắc Việt đã không xảy ra cho đến tận mùa xuân năm 1961 khi bộ phận nghiên cứu về điện đài thứ 3 của quân đội Mỹ có mặt ở Sài Gòn. Vài năm sau, một sự may mắn cho phép tình báo Mỹ mở được những mật mã tốt nhất của Hà Nội, nhưng đồng thời cũng làm hạn chế cả khả năng của Mỹ trong việc thu thập và giải mã đối với bất kỳ một bức điện nào của Bắc Việt.

Vì vậy, ý tưởng về một lực lượng ngầm gồm các toán gián điệp đang hoạt động chỉ có thể tồn tại trong suy nghĩ của những người ở Lầu Năm Góc cho rằng họ đang tiếp quản cả mạng lưới điệp viên thực thụ. Còn những quan chức của CIA thì đã nhận ra rằng các toán đó đang bị vô hiệu hóa, và chính Hà Nội là những người đang kiểm soát các toán gián điệp đó. Họ đang khuyến khích Washington đưa tiếp các toán khác vào, chứng tỏ đó là một ý tưởng rất mơ hồ.

Trần Văn Minh, một trong những người Nam Việt Nam đối lập với Gilbert Layton đã đưa ra những nguyên nhân thất bại khá cụ thể. Anh ta cho rằng, vào thời điểm đó hầu hết các sĩ quan tình báo Mỹ đến Việt Nam đều muốn chứng tỏ mình là người có thể đảo ngược tình thế một cách nhanh chóng, nhưng họ lại không rnuốn đối mặt với những hậu quả tệ hại do hành động của họ gây ra. Họ muốn ngay từ đầu gây ấn tượng mạnh với cấp trên để được đánh giá tốt về năng lực và phẩm chất công tác.

Cũng như đối với những kết quả trong hoạt động phản gián chúng tôi không có gì để nói về mình khi mà những toán gián điệp đầu tiên tung ra miền Bắc không có kết quả. Phòng 25 là một bộ phận phản gián của chúng tôi và họ làm rất ít việc. Họ quan tâm chủ yếu đến việc điều tra về tiểu sử của những người được tuyển vào lực lượng bí mật. Phòng 25 có quá ít

người so với lực lượng bí mật khổng lồ mà chúng tôi đang đánh đi. Mỗi người trong số họ đều cần có sự điều tra kỹ lưỡng. Bộ Nội vụ của Tổng thống Diệm đã không làm gì và Cục tình báo Quân đội cũng không làm được gì hơn. Cũng như đối với lực lượng cảnh sát, nhiệm vụ chính của họ là giữ gìn trật tự xã hội mà ngày đó có bao nhiêu cuộc bạo loạn xảy ra.

Layton thừa nhận có khả năng điệp viên của đối phương nằm trong lực lượng an ninh biên giới. Ông ta kể lại cách nhìn nhận của bản thân và kinh nghiệm của trung tâm CIA về các hoạt động "trò chơi" điện đài ở Lào:

-Năm 1963, một trong các toán của chúng tôi bị bắt ở Attapeu, cực nam của Lào. Nhân viên điện đài của toán đó chuyển đi một bức điện báo động cho chúng tôi biết rằng anh ta đang bị bắt buộc phải truyền tin dưới sự kiểm soát của đối phương. Những người bắt anh ta là bộ đội giải phóng Lào và các cố vấn Bắc Việt đã táo bạo bắt nhân viên điện đài đó yêu cầu chúng tôi cung cấp đủ lương thực cho cỡ một tiểu đoàn, gấp mười lần số lương thực mà toán đó cần. Điều đó đã giúp chúng tôi xác định ở đó có khoảng một tiểu đoàn. Chúng tôi đã báo cho nhân viên điện đài biết chúng tôi sẽ đến cứu họ. Chúng tôi liền cho máy bay bắn phá vào vị trí mà đối phương đóng quân, và kết quả là toán đó đã trốn thoát đến sân bay Attapeu.

Ông đại sứ Mỹ ở Viên Chăn tỏ ra khó chịu về việc toán biệt kích bị phát hiện, bởi vì chúng tôi không được phép có mặt ở Lào-sau khi ranh giới Harriman (Harriman line) có hiệu lực vào mùa thu 1962 sau hoà ước Giơnevơ về Lào được ký kết.

Trong cơ quan của tôi và phần lớn các cơ sở của cục tình báo đều phải giả định đã có người của đối phương xâm nhập (trong các đối tác người Nam Việt Nam). Điều này có thể đúng trong hầu hết các trường hợp. Khi tôi bắt đầu tuyển một nhân viên, có người nói: ông không sợ trong số họ có Việt cộng cài vào mà ông phải trả công cho họ à? Tôi nói rằng có khoảng 10%, nhưng tính ra thì người của chúng tôi đông hơn họ: chín chọi một cơ mà. Người ta giải quyết khả năng này bằng cách kiểm tra các toán biệt kích: họ chỉ được biết những gì cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ, động viên họ để nếu cần xả thân thực hiện nhiệm vụ mà thôi.

Layton thừa nhận rằng hiệu quả của một chương trình bán quân sự sẽ trở thành vô nghĩa nếu mức độ xâm nhập của đối phương cao hơn nhiều so với dự tính. Về sự có mặt của các chuyên gia phản gián ở cơ quan CIA, Layton bình luận: “Tìm đâu ra những người như vậy? Chúng tôi được sự giúp đỡ cần thiết đúng lúc, thực ra thì cũng có vài người nhưng không giúp gì được nhiều”.

Dẫu cho trong thực tế có thể không bị xâm nhập đi nữa thì cũng cần phải giả định là có thể bị xâm nhập và phải tiến hành chống xâm nhập. Đó là phương thức duy nhất có thể làm. Bởi vì đối phương cũng thành thạo như chúng ta thậm chí họ còn thành thạo, khôn khéo hơn chúng ta nhiều lần. Ed Regan nói về giai đoạn chuyển tiếp này theo khía cạnh tác chiến như sau:

- Cơ quan CIA chúng ta vừa làm việc với lực lượng tình báo bí mật của ông Diệm lại vừa cố gắng giám sát những kẻ muốn loại bỏ ông Diệm... Năm 1962 sự việc đã trở nên căng thẳng. Ông Diệm bắt đầu kiểm soát các sĩ quan của chúng ta và những mối liên hệ của họ với phái đối lập với ông Diệm... Trên cương vị Tổng thống, ông Diệm không chỉ chống lại Cộng sản và phật tử, mà còn phải tranh đấu với các phe phái chính trị khác như Đảng Đại Việt và Việt Nam Quốc dân Đảng nữa.

Ví dụ như Lou Conein có những mối quan hệ với các nhóm như Việt Nam Quốc dân Đảng và thông qua Voòng A Sáng, một chỉ huy cũ của lực lượng người Nùng ở vùng Đông Bắc của Bắc Việt, biết rằng mạng lưới cũ của Sáng đã hoàn toàn bị phá vỡ. Từ những mối liên hệ của chúng tôi với Việt Nam Quốc dân Đảng, Đại Việt, chúng tôi đề nghị Tổng thống Diệm đưa một số người của Đại Việt ra miền Bắc để xác định xem lực lượng nào còn hoạt động ở đó. Đại úy Ngô Thế Linh, sĩ quan phụ trách các hoạt động ở phía Bắc của đại tá Tung có vẻ như nắm được các vấn đề đã cử một số điệp viên cùng đi với các điệp viên Đại Việt của chúng tôi. Sau đó thông qua nhân viên điện đài chúng tôi được biết rằng Linh đã phân công một điệp viên vào trong nhóm chủ yếu là để theo dõi hoạt động của CIA và Đại Việt. Nhóm đó trong thực tế đã không bao giờ được đưa ra miền Bắc...

Một lần nữa với sự hỗ trợ của Washington để mở rộng hoạt động trên tuyến đường sắt mà chúng tôi đã nêu ra, khoảng cuối năm 1962 Tucker Gougelmann, chỉ huy trưởng căn cứ ở

Đà Nẵng, và Cart Jenkins, sĩ quan trừ bị của chúng tôi tại trung tâm huấn luyện Hoàng Hoa Thám, đã được bổ sung.

Russ Miller đã ra đi vào mùa xuân 1962 và W.T.Cheney, một người Châu Âu, đến thay. Tôi biết ông ta là một sĩ quan xuất sắc trong những công việc được giao trước đây, nhưng ông ta lại quá thiên về Châu Âu và không hiểu được phải làm thế nào để gần gũi người châu Á. Lúc đó Bill Colby đang ở Tổng hành dinh và ông ta đã bắt đầu luân chuyển các sĩ quan đến khu vực Đông Nam Châu Á để mở rộng kinh nghiệm của họ. Đến bây giờ các hoạt động bán vũ trang đã bộc lộ rõ ràng nó đã bị đối phương xâm nhập vào nhiều hơn là chúng tôi nghĩ. Không một ai trong chúng tôi thuộc lực lượng bí mật đã báo cáo hết những điều mà lẽ ra phải báo cáo các hoạt động xâm nhập đó cho Lầu Năm Góc như chúng tôi đã biết. Đó là một tội lỗi.

Sự cần thiết của cơ quan CIA trong việc theo dõi các lực lượng đối lập với Diệm dẫn đến việc mùa xuân 1962 tôi gặp gỡ một số toán trên và kéo tôi ra khỏi các hoạt động bán vũ trang, trừ việc đi Đà Nẵng để đánh ra Bắc. Larry Jackson lưu lại thêm một thời gian, sau đó ông ta chuyển về Long Thành làm chỉ đạo viên kỹ thuật khi căn cứ này mở cửa lần đầu tiên vào mùa xuân năm đó. Phải giải quyết thế nào trước một thực tế là tất cả các nhóm phái đi đều bị bắt, và một số trong đó đã hợp tác với Bắc Việt?

Regan đã nêu một câu hỏi mà dường như không có câu trả lời:

-Sẽ có lý nếu như đặt câu hỏi phải chăng tổn thất này là ngẫu nhiên hay do đã có sự tính toán trước? Xin nhớ rằng các sắc tộc thiểu số là mối đe dọa lớn đối với Diệm, bởi vì họ đang đấu tranh để giành quyền tự quyết và chúng ta đã có những người trong lực lượng đặc biệt của quân đội Mỹ cùng làm việc với họ. Vậy sẽ đem lại quyền lợi cho ai nếu như tất cả họ bị bắt? Tất nhiên là cho Diệm. Nó sẽ là một sự suy đoán khi nói rằng chúng đã được thoả thuận một cách có tính toán.

Nếu như các sĩ quan CIA ở Sài Gòn không phát hiện ra sự xâm nhập của Hà Nội, thì câu hỏi ở đây là tại sao? William R. Johnson nguyên trưởng trung tâm CIA ở Viễn Đông đã đưa ra lời nhận xét sau:

- Các hoạt động của cơ quan tình báo được đưa ra tranh luận ở đây thực sự không có sự kết hợp với bất kỳ công tác phản gián nào và không được phối hợp với bất cứ hoạt động phản gián nào đang được tiến hành ở các bộ phận trong cơ quan tình báo hoặc của các bộ phận khác trong chính phủ...

Không có hoạt động phản gián nào để đảm bảo an ninh kể cả các hoạt động chống lại Bắc Việt. Vấn đề an ninh không được coi trọng của trung tâm, hoặc việc xâm nhập của chính phủ Nam Việt Nam. Vào khoảng năm 1965, khi John Hart tiếp nhận trung tâm ở Sài Gòn, ông ta nói với tôi rằng ở đó không có hoạt động phản gián rõ nét-chỉ là "hữu danh vô thực" mà thôi.

Bill Johnson quy kết cho William Colby như là nguyên nhân của vấn đề và miêu tả những khía cạnh hoạt động rời rạc của CIA đang được chuyển giao cho Lầu Năm Góc.

Sự thật là các trung tâm và các sĩ quan của chúng ta ở Viễn Đông với các bộ phận nghiên cứu ở Washington đã thổi phồng kết quả việc tuyển lựa bằng bất cứ phương tiện nào, bao gồm các hoạt động tiếp xúc và các điệp viên là những người điều hành được tài trợ với những động cơ chính trị hơn là đã tuyển chọn một cách giấu giếm và kiểm soát sự xâm nhập vào các mục tiêu của đối phương. Việc đảm bảo an ninh cho hoạt động tình báo mang tính máy móc như tin tưởng vào các điệp viên có triển vọng, dựa vào kiểm tra tên tuổi của họ qua quá trình hoạt động, thậm chí sử dụng máy kiểm tra nói dối ở địa bàn châu Á là hoàn toàn không thích hợp.

Russell Holmes, nguyên sĩ quan phản gián của CIA, lặp lại những quan điểm tương tự về giai đoạn này:

- Việt Nam không được nhìn nhận như là một sự đe dọa ở mức độ cao về mặt phản gián vào thời điểm đó. Phần lớn những gì chúng ta biết về Cộng sản Việt Nam là thông qua người Pháp trong đó có rất ít điều đáng được quan tâm về phản gián thực sự. Dù sao thì cuối cùng Đông Dương vẫn là của họ.

Liệu có phải các hoạt động của chúng ta đã bị xâm nhập trong suốt cả giai đoạn đó không?

Rõ ràng là có. Tại sao? Sự thất bại mới chỉ nhấn mạnh đối với công tác phản gián ở khía cạnh hoạt động bí mật. Sự bất đồng giữa các lực lượng ủng hộ công tác phản gián và chống đối nó mới là mâu thuẫn có tính đối địch trong các hoạt động của CIA ở Việt Nam. Có thể khẳng định rằng các sĩ quan ở phòng Viễn đông không sốt sắng gì trong việc áp dụng các biện pháp chuẩn mực về phản gián. Bởi lẽ những người lãnh đạo ở đây thực sự đã không quan tâm tới hoạt động phản gián.

Căn cứ vào thông tin do các điệp viên bán vũ trang (người Việt) cung cấp chúng ta đã tung các toán gián điệp ra miền Bắc vào đầu những năm 1960. Đây là hoạt động chính của phòng Viễn Đông dưới thời William Colby và thực sự đã bị những người cộng sản phát hiện ngay khi mới bắt đầu. Điều muốn nói là họ đã xâm nhập cả vào miền Nam mà chúng ta không hay biết hoặc vẫn làm ngơ nên phải gánh chịu hậu quả.

Các toán được đánh ra miền Bắc năm 1962 phần lớn là người dân tộc thiểu số được tuyển lựa từ quân đội Nam Việt Nam năm 1961. Số này được tuyển chọn trong nhiều nguồn: họ là những người vượt tuyến từ Bắc vào, những người di cư, những người trước đây sống ở miền Bắc rồi sang sinh sống ở Lào... Tuy nhiên lực lượng để tuyển chọn ngày càng khó kiếm những người tự nguyện tham gia vào các hoạt động xâm nhập của miền Nam chưa kể đến các hoạt động mở rộng qua biên giới sang Lào.

Một điệp viên cũ đã nói về giai đoạn này như sau:

-Tôi không cho rằng không có toán biệt kích nào thành công cả. Thực tế có những toán đã xâm nhập vào và rút ra an toàn, nhưng đó chỉ là những toán có nhiệm vụ hoạt động chớp nhoáng gây rối ở phía Bắc khu vực phi quân sự. Còn hoạt động trên phạm vi rộng và trong thời gian dài ở các vùng xa thì hầu như hoàn toàn thất bại. Cũng tương tự như các hoạt động gián điệp. Điều đó thật có ý nghĩa nếu như người ta chịu suy nghĩ nghiêm túc về nó. Những toán đó thực sự đáng lo ngại nhất vì dễ dàng bị loại khỏi vòng chiến. Còn những toán khác không cùng chịu chung số phận thì lại bị bỏ rơi.

Trần Quốc Hùng một điệp viên cũ cũng nói rõ ý kiến của mình về giai đoạn đó. Khoá đào tạo của anh ta gồm một số môn cơ bản chung, một phần nghe về học thuyết của Đảng Cần

lao. Anh ta không được đào tạo về các hoạt động dành riêng đối với miền Bắc. Một trong những nhiệm vụ đầu tiên của anh ta là xâm nhập vào hàng ngũ sinh viên ở Sài Gòn và thu thập thông tin về các hoạt động chống chính quyền Diệm. Từ việc huấn luyện này và qua các hoạt động gián điệp ở Nam Việt Nam, Hùng đã biết rằng tổ chức của bác sĩ Tuyền đã tiến hành công tác tình báo chính trị nội bộ song song với hoạt động tình báo đối ngoại. Hùng đã kể lại việc xâm nhập của anh ta ở miền Bắc:

-Năm 1962, tôi được chiếc tàu xâm nhập đưa ra miền Bắc. Tôi rời Đà Nẵng và được đưa vào bờ tại tỉnh Hà Tĩnh. Đây là sai với địa điểm định đổ bộ và nơi cần đến. Sau đó tôi ra Hà Nội, tôi luôn lo sợ rằng họ đã biết sự xuất hiện của tôi. Tôi có ấn tượng dễ bị lộ và có cảm giác bị theo dõi ngay từ khi tới Hà Nội. Tôi không biết vì sao họ lại biết được tôi, nhưng có một cái gì đó như là một sự sắp đặt sẵn ở mọi nơi hoặc có kẻ nào đó đã bán đứng chúng tôi giúp cho họ phát hiện được tôi một cách rất nhanh chóng. Họ theo dõi ngay từ lần tiếp xúc đầu tiên với những linh mục tại một nhà thờ, vì họ đã từng làm cho Pháp trước 1955.

William Colby, trưởng trung tâm CIA ở thời điểm Hùng được đánh ra miền Bắc đã lập luận rằng: trung tâm CIA ở Sài Gòn đánh giá thấp về khả năng thực tế của những hoạt động đó. Colby giải thích thêm:

-Tôi không biết người Pháp chuyển giao họ thế nào nhưng nếu quả như vậy thì một số người Việt Nam có thể nghi ngờ đối với người Pháp, bởi vì họ bị choáng váng về người Pháp. Họ tin rằng người Pháp đang tiến hành một số chính sách ở đó, nhất là Ngô Đình Nhu. Ông ta thường tìm kiếm sự vận động của người Pháp trong một số sự việc. Tất nhiên là ông Diệm rất trung thành với đạo Thiên chúa cùng các linh mục, và tin tưởng rằng có thể dựa vào họ được. Đó là phép thử của ông ta. Và như là kết quả của một số linh mục trong việc tổ chức các nhóm tự vệ thuộc cộng đồng của họ. Điều đó dường như rất có khả năng là người của Diệm sẽ liên hệ với các linh mục Thiên chúa ở ngoài ấy bởi họ có một niềm tin nhất định. Và những người Thiên chúa giáo vẫn bị coi là không được tin cậy dưới chế độ Cộng sản ở Bắc Việt.

Khi được hỏi rằng liệu ngoài đó còn những cơ sở của người Pháp vẫn có tác dụng sau 1955 không? Colby đã nhấn mạnh thêm:

-Tôi nghĩ rằng các việc chúng ta đã tiến hành ở miền Bắc đều đã bị tiêu tan. Tôi không

muốn nhắc lại là chúng ta đã có bao nhiêu đầu mối ở ngoài ấy. Tôi hoàn toàn tin rằng chúng ta đã không làm được điều đó. Chúng ta có thể có một số ý kiến về sự đồng cảm nếu các bạn đến đây và tiếp xúc với họ. Điều đó lẽ ra đã không còn tồn tại trong cộng đồng những người di cư và mối liên hệ của Diệm đối với cộng đồng Thiên chúa Giáo.

Hùng đã không tán thành. Theo Hùng thì người Mỹ đã đào tạo cho anh về hoạt động tình báo và dựng nên những câu chuyện ngụy trang để sử dụng khi anh ta đến gặp các linh mục ở Hà Nội. Người Mỹ đã chỉ dẫn cho anh ta từng trường hợp một, trong khi người Việt Nam chỉ có nhiệm vụ dịch lại cho anh ta nghe. Hùng nói tiếp:

- Tôi nắm rõ về địa bàn xâm nhập như trong lòng bàn tay. Qua các chuyến bay trinh sát, các sĩ quan huấn luyện CIA đã treo đầy cả bức tường với các tấm ảnh chụp từ trên không về địa điểm tôi sẽ đổ bộ tới Hà Nội. Chi tiết đến mức không thể tưởng tượng được! Tôi không biết bằng cách nào họ có thể chụp được những tấm ảnh như vậy, nhưng rõ ràng những tấm ảnh ấy là có thực và chi tiết đến mức có thể đếm được từng người ở trên tàu.

Hình như các điệp viên của chúng tôi đã bị đón lõng trước khi họ được tung vào miền Bắc. Họ luôn luôn được những người ở trên đất liền chờ đón. Nếu có điệp viên nào đó đã vào ra trót lọt thì ta có thể đặt câu hỏi là liệu đó có phải là họ không cần phải làm gì nữa không, vì đã biết rất rõ mọi điều rồi.

Những người theo đạo Thiên chúa đã thổi phồng lên rằng hệ thống nhà tù của Hà Nội vào những năm 1962 đã giam giữ nhiều người được gọi là lợi dụng đạo Thiên chúa. Một cựu tù nhân đã từng bị giam giữ miêu tả bầu không khí ngột ngạt lúc đó và vai trò của ông ta trong việc tạo nên bầu không khí đó. Ông ta ngồi khom lưng nhìn ra một phía và cao giọng kể lể: "Tất nhiên là các anh đúng. Quả thật lúc ấy tôi có mặt ở đó. Đây là một cơn ác mộng. Các anh phải có mặt ở đó thì mới hiểu hết được", giọng anh ta vang xa trong khi anh ta ngồi ở mép giường, đôi tay ôm lấy ngực.

Tên của tôi đã có sẵn ở trong danh sách. Tôi bị bắt năm 1955 khi tôi cố gắng vượt qua sông Bến Hải. Họ đã biết rõ tiểu sử của tôi. Không phải chỉ là tôi đã không gắn bó với Nhà nước nên đã bỏ trốn mà còn vì tôi là một linh mục mới vào nghề. Điều đó đã làm cho tôi tự

nhân trở thành kẻ thù của Đảng. Các cán bộ an ninh nhà nước từ Bộ Công an ở Hà Nội đã đến gặp tôi vào năm 1960. Tôi trở lại Hà Nội sau ba năm học tập cải tạo về tội trốn vào Nam. Họ biết tôi có dính líu tới các hoạt động Thiên chúa giáo ở Hà Nội. Họ có thể bắt giam tôi bất cứ lúc nào. Nhưng họ lại ban ơn cho tôi. Họ nói rằng họ chỉ muốn tìm ra ai là kẻ chủ mưu gây rối thôi. Họ nói có những "lực lượng thù địch nước ngoài" đang cố gắng gây hại. Đây tất nhiên là những phần tử tội phạm đang muốn lợi dụng sự mất ổn định. Họ có nhiều lý do để chứng minh điều ấy. Họ chỉ cần tôi theo dõi sát những gì đang xảy ra. Vì vậy tôi đã làm việc cho họ.

Hàng tháng tôi có một cuộc gặp gỡ với cán bộ an ninh Nhà nước thuộc bộ phận an ninh của Hà Nội, bộ phận chuyên trách theo dõi các nhà thờ Thiên chúa giáo. Chúng tôi gặp nhau trong một khách sạn đối diện cửa ra vào phía Đông cửa ga Hà Nội. Các cuộc gặp gỡ của chúng tôi thường ngắn gọn. Tôi nói cho họ biết tôi đã đi đâu, gặp ai, các linh mục đang làm gì, những người dân xứ đạo làm gì và nói gì.

Sự việc đó diễn ra cho đến năm 1962. Khi Sở công an Hà Nội đã bắt hầu hết các linh mục, tu sĩ theo sắc lệnh tập trung cải tạo. Còn những người chưa bị bắt thì tiếp tục bị giám sát. Tôi nói với cán bộ an ninh người mà tôi đã từng tiếp xúc rằng tôi không thể tiếp tục làm việc cho ông ta được nữa. Ông ta chỉ mỉm cười và nói rằng tôi sẽ thay đổi ý nghĩ đó. Vài tuần sau họ trở lại gõ cửa phòng tôi trước khi trời sáng. Họ gồm vài nhân viên cảnh sát, một quan chức địa phương. Tôi bị còng tay và họ kéo tôi ra giữa một ngõ hẹp, họ đọc cho tôi nghe một bản án. Bản tuyên án đó nói rằng tôi bị phát hiện là có tham gia vào các hoạt động phá rối trật tự xã hội và bị bắt giam tại nhà giam của Sở Công an Hà Nội để thực hiện sắc lệnh tập trung cải tạo.

Tôi rất bức mình! Tôi đã cộng tác với họ hơn hai năm và để rồi bị bắt. Những điều tôi làm cho họ là không đáng kể. Thật không có gì đáng kể. Tôi muốn nói rằng việc báo cáo tin cho họ chưa làm cho ai bị chết cả.

Giọng của ông ta trầm xuống và im lặng, đôi tay ôm lấy ngang người rồi duỗi ra phía trước, đưa về phía sau như là làm động tác thư giãn. Ông ta nói tiếp sau một hồi suy nghĩ: lệnh bắt

tôi không ghi rõ thời hạn giam giữ. Sau đó tôi được biết rõ là 3 năm. Đúng là một trò cười. Tôi đã phải lao động khổ cực ở trong tù 15 năm, phần lớn là ở Phong Quang và Tuyên Quang. Tôi ra khỏi tù năm 1977 khi họ bắt đầu trả tự do cho một số linh mục.

Tôi hỏi ông ta: "Ông còn nhớ những gì về 15 năm đó không?".

"Nhớ?". Ông ta ngừng một lúc. "Nhớ gì à? Sự đau đớn..."

Một tháng trước ngày toán REMUS nhảy dù xuống khu vực biên giới Lào-Bắc Việt Nam, toán TOURBILLON được tập trung tại Sài Gòn để chuẩn bị cho nhiệm vụ của toán xâm nhập vào tỉnh Sơn La, về phía đông của toán REMUS. Đại úy Triết đã gặp riêng Vàng A Giong, nhân viên điện đài của toán TOURBILLON để hướng dẫn anh ta việc sử dụng điện đài và giao cho anh ta bộ mã của toán.

Giong nhận thấy bộ mã này cùng dạng với loại mà anh ta đã sử dụng nhiều năm trước đây, đó là loại mã một tầng. Đồng thời anh ta cũng được giao một tín hiệu nhận diện cá nhân, một nhóm năm chữ số, và được chỉ định đưa vào nhóm thứ ba của bức điện. Điều đó sẽ giúp cho Sài Gòn xác nhận được rằng đúng anh ta là người đang đánh bức điện đó.

Đại úy Triết yêu cầu: "Không được ghi lại bất cứ cái gì. Anh phải nhớ lấy". Đêm hôm ấy Giong đã ghi lại tín hiệu riêng đó ở ngoài bìa cuốn sổ hướng dẫn sử dụng tín hiệu.

Mấy năm sau, Giong giải thích:

-Các ông phải hiểu cho tôi. Tôi sợ sẽ quên mất... nếu điều đó xảy ra, tôi biết rằng chúng tôi sẽ không bao giờ được tiếp tế bởi vì tôi không thể chứng minh rằng tôi đang phát đi những bức điện. Tôi không tin vào trí nhớ của tôi. Vì vậy tôi đã ghi lại, chính điều đó đã làm hại tôi và tôi đành để cho điều có hại đó tiếp tục diễn ra.

Tôi tham gia quân đội năm 1960 và được chỉ định vào nhóm quan sát đầu tiên ở Nha Trang. Đó là thời gian đại tá Trần Khắc Kinh (phó của đại tá Tung) bắt đầu đưa các toán xâm nhập vào Lào hợp tác với người H'mông dưới sự chỉ đạo của Vàng Pao. Trong đó có 10 toán

của chúng tôi, mỗi toán 15 người. Tôi là nhân viên điện đài của toán số 9. Khoảng năm 1961 tôi đã đánh đi 5 bức điện qua biên giới...

Vào năm 1962 tôi được chuyển về Sài Gòn và tham gia vào toán TOURBILLON làm nhân viên điện đài. Tôi học một khoá huấn luyện một tháng, chủ yếu là gài mìn và chiến thuật.

Ngô Thế Linh tập hợp chúng tôi lại và nói là chúng tôi sẽ xâm nhập vào tỉnh Sơn La, Bắc Việt Nam. Ông ta giải thích rằng họ đã đưa một toán vào Sơn La năm 1961. Toán đó có tên gọi là CASTER. Toán CASTER đã báo cáo về Sài Gòn là đã đến nơi an toàn và trụ vững được. Trong năm đầu họ đã phát triển được cơ sở và tuyển chọn được nhiều người làm việc cho họ. Nhưng dù sao thì toán của họ cũng không đủ sức để phát triển cơ sở và huấn luyện cho nên phải điện về Sài Gòn yêu cầu giúp đỡ. Nhiệm vụ của toán chúng tôi là tăng cường cho toán CASTER và huấn luyện cho họ. Đồng thời chúng tôi tiến hành việc trinh sát dọc theo tuyến đường 41 (con đường mà sau này họ đổi tên là đường số 6 chạy từ Sơn La đến Sầm Nưa của Lào) kiêm cả nhiệm vụ phá huỷ 17 chiếc cầu dọc theo đường 6 sau khi chúng tôi đến nơi hoạt động. Tôi không hiểu tại sao họ lại muốn chúng tôi thực hiện một phần nhiệm vụ đó.

Ông Linh nói với chúng tôi rằng không có gì đáng ngại. Toán CASTER đang đợi chúng tôi và mọi thứ đều an toàn. Chúng tôi không được biết gì hơn về lực lượng của đối phương ở đó và cũng không có ai nói rõ là chúng tôi phải làm gì nếu bị bắt. Ông Linh và sĩ quan điện đài của toán Pang chỉ nói rằng không có gì phải lo. Toán CASTER đang ở đó, toán CASTER vẫn an toàn, và toán CASTER sẽ bảo vệ cho chúng tôi.

Bây giờ, nhìn lại những gì đã xảy ra 32 năm trước đây và những gì đang xảy ra thật rõ ràng rằng không một ai ở Tổng hành dinh có ý kiến gì về việc chúng tôi phải đương đầu với miền Bắc. Tôi cho rằng chúng ta không có hoạt động tình báo thật sự ở ngoài Bắc và chúng ta cũng giống như toán CASTER, thậm chí đã dựa vào những tấm bản đồ cũ kỹ mà người Pháp đã sử dụng trước 1954. Vào năm 1962, mọi thứ đã thay đổi cả rồi. Nhược điểm lớn nhất là không một ai hiểu rõ được kết quả công tác phản gián của Bắc Việt Nam.

Ngày 16 tháng 5 năm 1962, chúng tôi đã bay đến đó trên một chiếc máy bay vận tải của Mỹ với phi hành đoàn người Đài Loan. Chúng tôi nhảy dù vào khoảng nửa đêm và phát hiện thấy có người đang đợi dưới mặt đất. Nhưng không phải là toán CASTER đón chúng tôi, mà là những người miền Bắc Việt Nam.

Nhưng người miền Bắc đã bao vây xung quanh chúng tôi khi vừa tiếp đất, một vài người trong số chúng tôi đã kịp chạy trốn nhưng chỉ được một vài ngày. Tôi tính sẽ huỷ quyển mật mã nhưng tôi biết rằng nếu làm như vậy sẽ không thể liên lạc được với bất cứ ai. Sau đó họ bắt được tôi và phát hiện ra tài liệu tôi mang theo. Đó là lý do tại sao họ biết được tín hiệu riêng của tôi.

Tại sao tôi lại cộng tác với họ? Họ đã cố gắng làm cho tôi nghĩ rằng tất cả như vậy đã kết thúc. Và tôi đã phải chọn lựa giữa việc cộng tác với họ để sống sót hoặc là bị thủ tiêu kể cả toán CASTER. Vì vậy tôi phải nhận cộng tác với họ và cho điện đài tiếp tục hoạt động. Đây là cách duy nhất mà tôi có thể thoát chết. Nó cũng chính là suy nghĩ của tôi lúc đó. Mười một ngày sau khi chúng tôi nhảy dù, tôi đã chuyển bức điện đầu tiên về Sài Gòn. Tất nhiên đó không phải là bức điện thực của chúng tôi mà là những điều Hà Nội muốn điện cho Sài Gòn.

Tôi ở đó sử dụng điện đài trong hai năm trước khi toán COOTS đến thay thế. Đó là lúc tôi được đưa về trại giam Thanh Trì-nơi họ giam giữ các toán bị bắt.

Trong hai năm ở Sơn La. Tôi bị giam giữ trong một nhà giam của tỉnh. Đến giờ chuyển điện đi, tôi được đưa đến một làng hẻo lánh ở trên núi là nơi tôi phát điện đi báo cho Sài Gòn biết rằng chúng tôi đang hoạt động. Một tay tôi được tự do còn tay kia bị khoá vào một thứ gì đó ở xung quanh. Tôi là một nhân viên điện đài giỏi khi tôi mới ra miền Bắc, thường thì tôi phát điện đi rất nhanh. Nhưng sức khoẻ của tôi sút kém đến nỗi mà tôi chuyển điện đi quá chậm, điều đó làm cho Sài Gòn lo ngại. Tôi đoán rằng họ chẳng thể kiểm tra lại điều đó.

Các cán bộ phản gián của Bộ Công an rất tử tế. Họ chỉ cần một người ở đó quản lý tôi, lắng nghe mọi thứ tôi chuyển đi và đó là điều mà ai cũng có thể hiểu được. Thậm chí nếu Sài Gòn phát hiện được Bắc Việt Nam đã bắt được chúng tôi thì họ sẽ không bao giờ nghe được một

điều gì cả. Xin để cho tôi được giải thích:

Sài Gòn chuyển một bức điện ra, nhưng chúng tôi không bao giờ phải trả lời ngay lập tức. Sau phiên phát chuyển điện, tôi được đưa trở lại phòng giam và cán bộ quản lý tôi sẽ đi về Hà Nội. Họ giải mã bức điện và vạch ra điều mà họ sẽ làm trong đợt tới. Sau khi tôi bị bắt, tôi chưa bao giờ được tiếp cận quyển mật mã của tôi; họ giữ tất cả và tôi chỉ là người thu phát những bức điện chuẩn bị sẵn. Khi trả lời những bức điện nhận được theo yêu cầu của Sài Gòn, viên sĩ quan đó đến và đưa tôi ra khỏi nhà tù tới nơi phát điện đi. Tôi đợi cho đến giờ mở máy và tới lúc ấy mới được cho biết mật mã của bức điện để chuyển đi. Khi kết thúc phiên làm việc tôi lại trở về nhà giam.

Các ông biết đấy, nếu tôi chuyển một bức điện trả lời ngay lập tức thì sự việc sẽ khác đi, nhưng mọi việc lại được tiến hành quá chậm chạp nên cán bộ cục phản gián của Bộ Công an có thừa thời gian để vạch kế hoạch trả lời. Hiển nhiên là những người canh giữ tôi không có quyền đưa ra những quyết định. Họ phải về Hà Nội để nhận chỉ thị và họ không cần phải sử dụng điện đài. Họ dùng xe tải để đi lại. Sự việc đó diễn ra trong vòng hai năm và chúng tôi chưa bao giờ được tiếp tế trong suốt thời gian đó. Khi tôi nghĩ lại việc này, đó là một việc làm thật khó chịu. Nếu có ai đó hỏi rằng chúng tôi phải làm một điều gì đó ngay lập tức, chuyển và nhận nhiều bức đi và đến thường xuyên hơn thì sẽ là những rắc rối cho họ. Tôi không biết Sài Gòn nghĩ gì và tại sao họ lại không nghĩ rằng thực tế Hà Nội đang điều khiển chúng tôi. Các ông hiểu cho, thậm chí nếu chúng tôi đổ bộ an toàn và không bị bắt thì tôi tin rằng rồi họ cũng sẽ phát hiện ra thôi. Bởi vì chúng tôi dùng bộ mã của quân đội Nam Việt Nam nên bất cứ một nhân viên điện đài nào của Bắc Việt thu được họ cũng sẽ biết ngay đó là máy phát sóng của đối phương. Nhưng Ngô Thế Linh lại nói với tôi rằng khi tôi phát điện đi thì người ta sẽ thu được bởi vì nó cùng tần số với hạm đội 7 của Mỹ, các nhân viên tình báo ở Nhật Bản và Philipin giám sát. Hà Nội chắc chắn cũng chẳng xa lạ gì.

Cuối năm 1962 toán TOURBILLON báo cáo đã thực hiện việc phá cầu vào ngày 24/9 và vào ngày 9/12. Toán ARES báo cáo đã tuyển chọn thêm 6 điệp viên. Các cuộc tấn công của toán TOURBILLON chưa hề xảy ra nhưng họ định tạo ra một ấn tượng là toán đó thực hiện một cách năng động nhiệm vụ của mình. Đối với các điệp viên của toán ARES đây là một sự sáng

tạo của họ từ Hà Nội.

Ngày 28/6, thủy thủ đoàn NAUTILUS 2 đã rời Đà Nẵng để thực hiện một cuộc tấn công chớp nhoáng do những người nhái tiến hành tấn công vào những chiếc tàu tuần tiểu thả neo ở cửa sông Gianh. Đến địa điểm hành động, những người nhái nhanh chóng lặn xuống nước, nhưng một trong những thiết bị phá nổ của họ bị nổ sớm, giết chết một người nhái. Vụ nổ đã trực tiếp báo động cho lực lượng an ninh địa phương. Họ đã đuổi theo thủy thủ đoàn N2 và đánh đắm chiếc tàu trước khi toán N2 kịp đưa tàu của mình quay trở lại vĩ tuyến 17. Các sĩ quan CIA ở Đà Nẵng đã giám sát những sự kiện đó nhưng không thể hỗ trợ được gì. Hai người nhái thoát chết và bị bắt, trong đó có Lê Văn Kinh chỉ huy của N2. Ngoài số thủy thủ đoàn của toán N2 bị bắt còn có một người nhái khác được cử từ Đà Nẵng ra vào ngày hôm sau mới phát hiện thấy còn sống ở ngoài khơi.

Một toán gồm 7 người được gọi là toán LYRE, đã đổ bộ vào Hà Tĩnh vào trong tháng 12. Toán này đã hai lần cố gắng nhảy dù xuống, nhưng chiếc máy bay vận tải Đài Loan đã phải bay lượn mãi vì súng phòng không bắn gắt gao. Nhiệm vụ của toán LYRE là thực hiện trinh sát trạm ra đa ở Đèo Ngang và tiêu diệt trạm ra đa này cũng như những kho chứa lương thực ở địa phương.

Trong bức điện đầu tiên gửi về Sài Gòn Nguyễn Quy tổ trưởng điện đài của toán đã báo cáo họ đến nơi an toàn. Nhưng anh ta báo cho biết rằng khu vực đó không an toàn và yêu cầu được chuyển đến khu vực khác. Sài Gòn trả lời là phải giữ nguyên vị trí và đợi lệnh. Trong những ngày đó, toán này đã bị hai đơn vị an ninh địa phương bao vây chặt.

Hai thành viên trong toán LYRE, Trần Nghiêm và Nguyễn Ly bị chết trong một trận đánh nhau ác liệt. Các thành viên còn lại của toán đã bị bắt khi họ cố gắng chạy trốn về phía Nam Quảng Bình. Toán trưởng Lê Khoan bị xử tử sau vụ bắt đó như là một sự trả đũa vì những thiệt hại của phía bên kia.

Vấn đề của các toán đổ bộ xuống một nơi mà không đúng với dự kiến đã được tính đến, ít nhất theo Trung tá William Mc. Lean, người theo dõi các hoạt động ở Lào trong suốt giai

đoạn này đã giải thích rằng:

- Điều tai hại nhất là các tấm bản đồ đáng nguyên rủa mà vẫn phải sử dụng. Đó là những tấm bản đồ cũ từ thời Pháp, và chính nó đã tạo nên những sự rắc rối. Các ông biết đấy, người Pháp bắt đầu hệ thống bản đồ thế giới của họ lấy trung tâm ở Pari chứ không phải ở London như chúng ta. Hệ thống bản đồ của người Pháp cũng không được tỷ mỉ ở Lào và Việt Nam mà cách đến nửa vòng trái đất, có sự sai lệch vào khoảng 3000 m so với những tọa độ trên bản đồ của chúng ta với cùng một điểm căn cứ vào tọa độ trên bản đồ Pháp. Vì vậy, nếu đánh dấu một địa điểm căn cứ vào bản đồ của Mỹ nhưng chọn các điểm đến và trong thực tế lại chỉ dùng bản đồ của Pháp thì kết quả sẽ thế nào, nếu không phải là sự rắc rối phiền toái lớn, và tin chắc rằng mình đang so sánh quả táo với những quả cam. Tôi không gặp phải những rắc rối đó ở Lào, vì tôi có hai bộ bản đồ và có thể tin chắc rằng tôi đã để ý đến sự so sánh ấy.

Nếu có một người Mỹ nào đó nói về việc toán của anh ta xác định một tọa độ như vậy và không nhận rõ rằng toán của anh ta sử dụng bản đồ Pháp thì nhất định toán đó sẽ đi quá 3 km địa điểm mà họ dự định sẽ tới.

Đầu năm 1962 hiệp định Geneva về Lào được ký kết. Hầu hết lực lượng bán vũ trang được đưa ra khỏi Lào.

Khi toán LYRE đang đến gần giai đoạn kết thúc khoá huấn luyện thì thiếu tá Lê Văn Bưởi nhận được một bức điện của Ngô Đình Cẩn qua một điệp viên ở địa phương của Bưởi tại Hòn Gai. Bức điện đó ra lệnh cho Bưởi phải quay trở về miền Nam. Bưởi kể lại những ngày còn được tự do cuối cùng của mình:

- Tôi đến Đồng Hới vào ngày 22 tháng 10 và chờ đợi người ta đem thuyền đến đón. Tôi được hướng dẫn là đợi ở một quán cà phê nhỏ và sẽ có một người đến đón kèm theo tín hiệu nhận biết và sẽ đi vào Huế cùng với họ. Tôi chờ đợi nhưng không có ai tới cả. Ngày 23 tôi quay trở lại quán cà phê đó lần thứ 2. Có thể là kế hoạch này được vạch ra trước rồi sau đó việc đưa những chi tiết trong bức điện là do ông Cẩn nghĩ ra. Tôi vừa mới vào quán và ngồi xuống thì có mấy nhân viên cảnh sát bước vào và đi thẳng đến chỗ tôi ngồi.

Họ hỏi: "Anh có phải là Lê Văn Bưởi?"

Họ đã biết rõ câu trả lời của tôi là thế nào rồi nên cũng không cần đóng kịch làm gì.

Tôi trả lời: "Vâng, đúng".

Họ nói bằng một giọng nhẹ nhàng: "Xin mời đi theo chúng tôi".

Họ đưa tôi ra khỏi quán cà phê và đưa thẳng về nhà biệt giam. Họ có một nhóm thẩm vấn hỏi tôi mấy tháng liền. Và thường làm việc vào giữa đêm. Tôi không nghĩ là những người tù khác ở Đồng Hới biết được sự có mặt của tôi ở đây.

Sau đó họ đưa tôi tới gặp một số sĩ quan cấp tá. Trong số ấy có giám đốc ban an ninh của tỉnh, cán bộ phụ trách nhà giam và một người giới thiệu là trung tá cán bộ Công an từ Hà Nội vào.

Viên trung tá đem theo một phong bì to được gắn xi, ông ta mở chiếc phong bì đó và lấy ra một xấp ảnh của những người như Ngô Đình Cẩn, Nhu, Tuyền... và một xấp mật mã, một số bức điện.

"Tôi biết anh là ai rồi, chúng tôi biết anh đến đây vào mùa hè năm 1961 và làm việc cho ai. Đây, anh hãy đọc bức điện này...".

Đó chính là bức điện đã nhận được do Ngô Đình Cẩn gửi ra trước đây mấy tuần yêu cầu tôi quay trở về Nam Việt Nam. Nhưng dù sao tôi cũng biết được đó không hoàn toàn là bức điện vì nó thiếu tín hiệu nhận biết của Ngô Đình Cẩn. Điều ấy cho tôi hiểu rằng họ đã biết nội dung của bức điện, nhưng nó không phải là bức điện gốc.

"...Chúng tôi có được bức điện này là do Mặt trận Giải phóng chuyển cho và họ yêu cầu anh trả lời một số câu hỏi ...".

Viên trung tá dừng lại, chỉ một người đang bước vào. Người ấy nhìn chăm chăm vào tôi. Sau đó anh ta nói:

- Tôi biết anh là Bưởi và anh cũng biết tôi. Tôi nói thế có đúng không?

Tôi nhìn kỹ lại anh ta. Đúng là tôi có biết anh ta. Người này tôi đã gặp ở Tổng nha cảnh sát Sài Gòn trước khi tôi được đưa ra Huế. Khi ấy anh ta mặc quân phục cấp bậc đại úy, và anh ta không có vẻ gì đặc biệt như những người bình thường được chỉ định đến làm việc ở đó.

Tôi suy nghĩ kỹ trước khi trả lời: "Anh có thể hỏi tôi những gì anh muốn, nhưng tôi chỉ thừa nhận là tôi đã từ miền Nam ra đây. Anh đã biết rõ tôi là ai rồi...".

Viên sĩ quan cấp tá chưa hài lòng, ông ta hỏi:

"Những điệp viên của anh là ai?".

Đó là điều mà Bưởi đã chờ đợi từ lâu. Điều ấy đã diễn ra một năm rưỡi trước đây. Bưởi nói tiếp :

Tôi nói với họ về tướng Giáp...

Các ông phải nhớ rằng chúng tôi đã theo dõi các hoạt động đi lại của tướng Giáp và chúng tôi biết ông ta đang chuẩn bị đi Matxcova, nhưng chúng tôi không biết rõ là ông ta sẽ làm gì ở đó. Chúng tôi cũng biết được những vấn đề trong phong trào Cộng sản quốc tế về vấn đề lãnh đạo Nam Tư đã bất đồng với Liên Xô và đã xảy ra những vấn đề trong những năm 1950 ở Đông Đức và Ba Lan. Chúng tôi biết được cuộc xung đột giữa Trung Quốc và Liên Xô có những cuộc tranh luận ở Bắc Việt về việc họ nên nghe theo ai. Có một nhóm kêu gọi rằng Hà Nội nên đứng ngoài cuộc và chừng mực nào đó phải giữ được tính độc lập-nhóm này được gọi là những kẻ xét lại.

Trong cuộc họp giữa tôi với các sĩ quan CIA và Cẩn trước khi tôi được đánh đi họ đã cân

nhắc đến những việc tôi phải làm nếu tôi bị bắt. Nếu điều này xảy ra, đặc biệt là việc ném bom được thực hiện trước khi trở về thì tôi có thể sẽ được giúp đỡ vì sự bất đồng của những quan chức trong nhóm xét lại mà mục đích của họ là chống lại những người thuộc phái ủng hộ Đảng. Cho nên tôi khai với họ điều mà tôi đã được hướng dẫn để nói. Tôi khai rằng tướng Giáp đang làm việc cho Mỹ, ông ta đã được tuyển ở Matxcova và là người đứng đầu của nhóm xét lại. Điều này có ý nghĩa là ông ta không sẵn lòng chấp nhận sự lãnh đạo của Matxcova và ủng hộ một Bắc Việt Cộng sản theo kiểu Nam Tư, đồng thời không thừa nhận sự lãnh đạo của cả Matxcova và Bắc Kinh.

Buổi ghi nhớ một danh sách các tên để khai với Bộ Công an và các quan chức Bắc Việt, lập tức được ghi lại khi anh ta khai ra điều đó. Danh sách này gồm Trần Hữu Dục phụ trách Nông nghiệp trong văn phòng Thủ tướng, Trần Danh Tuyên Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Trịnh Nguyên giám đốc mỏ than Hòn Gai, Nguyễn Thọ Chân, Chủ tịch tỉnh Quảng Ninh và một số quan chức an ninh khác. Buổi nói tiếp:

-Tôi nhớ lại một thời gian sau đó có nghe nói tới việc tướng Giáp đi Bắc Kinh, một trong những quan chức trong trại nói là tướng Giáp đi Bắc Kinh vì ông ta bị nghi ngờ là đứng đầu nhóm xét lại. Còn những người khác thì không thấy xuất hiện trên báo chí nữa, trừ ông Nguyễn Thọ Chân, người ta nói rằng ông ta đã đi làm đại sứ ở Matxcova. Tôi không rõ những gì đã khai báo với Bộ Công an có tác động trực tiếp đến việc bắt giữ những phần tử xét lại hay không, nhưng tôi tin chắc là có đóng góp một phần nhỏ trong làn sóng bắt bớ lúc bấy giờ.

Tôi bị giam tại một nhà tù ở Vĩnh Linh vào thời kỳ đầu Mỹ ném bom Bắc Việt-tháng 8/1964. Năm 1965, ba năm sau khi bị bắt tôi được đưa ra xét xử tại Tòa án quân sự về tội làm gián điệp với mức án 20 năm tù giam. Sau khi xét xử tôi được đưa đến trại giam số 3 ở Nghệ An. Vào khoảng năm 1968 tôi được chuyển đến trại Phong Quang. Tôi không bao giờ quên những câu hỏi của giám thị trại giam. Khi tôi đến đó-ông Hoàng Thanh nói: "Này tôi biết anh đã khai những gì với Bộ Công an rồi, hãy nói cho tôi biết những gì anh muốn khai thêm với tôi". Tôi không nói gì cả và điều đó đã làm cho ông ta tức giận.

Trong khi ở trại Phong Quang tôi gặp Trần Quốc Hưng và Lưu Nghĩa Lương, hai điệp viên

này cũng bị Bắc Việt bắt. Tôi gặp người anh của Nguyễn Cao Kỳ bị bắt ở đó. Ông ta ở lại miền Bắc sau năm 1954 và đã sống yên ổn cho đến khi xảy ra sự kiện vịnh Bắc Bộ. Sau đó ông ta bị bắt và bị cách ly. Một lần tôi nói chuyện với ông ta và điều ấy đã gây ra một loạt các cuộc thẩm vấn đối với tôi nhằm tìm ra những tác hại trong cuộc nói chuyện với người anh của Kỳ. Họ giam tôi ở đây cho đến năm 1972, khi được biết là tôi sẽ được trao trả. Sau những lớp nhồi sọ trước khi trao trả họ cười thân thiện và nói rằng tôi sẽ được về nhà sau ngày chiến thắng.

Vào cuối năm 1962, những hồ sơ của Hà Nội ghi chép về những hoạt động phản gián thành công bao gồm K26 (Mộc Châu); K36 (Sông Mã-Sơn La); K33 (Hoà Bình); K37 (Hà Bắc); K34 (Quảng Bình); K32 điện Biên); K35 (Yên Bái)...

Việt Nam đã công bố những thành công của mình vào các năm sau đó. Sau một loạt những phỏng vấn các tình báo viên của cơ quan tình báo quân sự và dân sự Việt Nam Cộng hoà bị bắt vào 30.4.1975, nhất là những người có liên quan đến các hoạt động tình báo chống lại miền Bắc.

Đặc biệt đối với các hoạt động hỗ trợ của các tổ chức bí mật, thắng lợi của mỗi điệp vụ này chứng minh rằng các thông tin liên quan đến các hoạt động được tuyên truyền qua các phương tiện bí mật đã được đảm bảo hoàn toàn bí mật và thực hiện đúng các yêu cầu của mỗi điệp vụ nói trên.

Một số nhân viên điện đài đã báo động cho Sài Gòn về việc họ bị bắt giữ và bị sử dụng trong các hoạt động đánh lừa của Hà Nội qua điện đài, còn một số khác thì không. Năm 1962 CIA đã hạn chế những hoạt động với những nhóm mà họ cho là đã bị đối phương khống chế. Tuy nhiên cũng có một số ít các toán đã cho thấy là không có bằng chứng chắc chắn nào chứng tỏ họ đã làm việc cho Hà Nội khi các sĩ quan bán quân sự Mỹ được rút khỏi Lào theo hiệp định Genevơ về Lào năm 1962.

Đối với John Richardson, một trưởng trung tâm CIA mới ở Sài Gòn việc kết thúc năm 1962 có ý nghĩa nhiều hơn là việc kết thúc 6 tháng đầu tiên trong nhiệm kỳ mới của ông ta ở Việt

Nam, vì nó trùng hợp với những bước đầu tiên chuyển giao một số hoạt động bán quân sự của CIA cho quân đội Mỹ. Đồng thời Richardson cũng phải giám sát những thay đổi về mặt chính trị đối với Diệm, khi các lực lượng của Diệm theo dõi các sĩ quan CIA và Ngô Thế Linh tiếp tục phái gián điệp ra miền Bắc.

Đối với William Colby, sự chú ý của ông ta đã có sự thay đổi do cuộc đảo chính đang âm ỉ ở Sài Gòn. Sự chuyển giao đã trở thành vấn đề cần phải thương lượng với Bộ Quốc phòng. Những cuộc thương lượng ấy đã làm mờ mắt Hà Nội bởi con sâu bọ rầu nổi canh.

-----oOo-----

(Hết mục 3).

4. CHIẾN LƯỢC CÀI RĂNG LỰC ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG.

Ngày 1 tháng 1 năm 1963 cùng với việc thực thi kế hoạch chiến lược cài răng lược theo từng giai đoạn, bộ chỉ huy quân sự Mỹ tại Sài Gòn chính thức nhận trách nhiệm về an ninh biên giới từ lực lượng bán quân sự của CIA dưới quyền của Gilbert Layton. Trong khi đó các hoạt động phía Bắc của CIA tiếp tục dưới quyền chỉ huy của W.T Cheney đóng tại Sài Gòn. Chiến lược cài răng lược ở miền Nam Việt Nam dường như là đã được chỉ đạo để hoàn thành vào tháng 7 năm 1963, tuy vậy diễn biến của chiến lược này thiếu sự chỉ đạo của Tổng thống Diệm.

Gilbert Layton nhớ lại giai đoạn đó:

- Đại tá George Morton chỉ huy lực lượng đặc biệt "C" lúc đó đóng tại Nha Trang. Chương trình hành động bán quân sự ở phía Nam của tôi được chuyển qua cho ông ta theo từng giai đoạn phù hợp với chiến lược cài răng lược. Ngay khi mà lực lượng quân sự sẵn sàng tiếp nhận chúng tôi chuyển giao ngay. Tôi nhớ lại là vào mùa hè năm 1963, hầu hết việc chuyển

giao này đã hoàn thành và tôi ở lại làm trợ lý đặc biệt cho Morton.

Ngay từ đầu đại tá Morton đã hiểu rằng chương trình hành động phía Nam phụ thuộc vào việc duy trì lực lượng đặc biệt của quân đội Mỹ đóng cùng lực lượng dự bị địa phương trong các làng xã chứ không thể tách biệt được. Đây chính là hạt nhân của khái niệm bán quân sự, dùng các lực lượng tại chỗ bảo vệ làng xã của họ như giữ cho cá sống trong vùng nước của nó.

Những lực lượng ở mức độ làng xã này là nguồn cơ bản cung cấp thông tin về các hoạt động của kẻ địch. Lực lượng này phục vụ như là tai mắt trong các làng xã mà từ đây họ đã sống và được tuyển mộ. Họ sẽ chiến đấu để bảo vệ nơi sinh sống của họ, bởi vì họ có rất nhiều quyền lợi ở đó. Đưa họ sang vùng đất khác nơi không có những người dân địa phương sinh sống cũng có nghĩa là làm cho lực lượng này trở nên không hiệu quả.

Trong suốt quá trình chiến lược cài răng lược được thực hiện tướng Richard G. Stilwell đã quyết định chuyển lực lượng đặc biệt cộng với các lực lượng dự bị mà chúng tôi đã chuyển cho đại tá Morton tại Nha Trang di chuyển theo hướng tây về phía biên giới Lào. Chiến lược của tướng Stilwell chính là lực lượng dự bị địa phương có thể phản ứng nhanh ngăn chặn các lực lượng Bắc Việt khi xâm nhập qua biên giới, nhưng điều này cũng hoàn toàn đối nghịch với chiến lược của tôi trước khi chuyển lực lượng này đi. Đại tá Morton đã hiểu cái mà tôi đang làm. Tôi cũng tham gia vào cuộc họp trong đó Morton thúc giục lực lượng này ở lại vị trí cũ, nhưng tướng Stilwell lại yêu cầu lực lượng này di chuyển lên phía trên. Nó có thể là một chiến lược hợp lý, nhưng nó lại tạo ra một hiệu ứng là đưa cá ra khỏi vùng nước nó sinh sống. Lực lượng di động của chúng tôi được đặt ở trên vùng biên giới đã sớm mất hiệu quả bởi vì họ phải hoạt động trong vùng không hề có dân, nơi mà họ chẳng có quyền lợi gì ở đó. Tướng Stilwell đã chịu rất nhiều áp lực, theo tôi chủ yếu là từ Washington.

Khi chiến lược cài răng lược tiếp tục được thực hiện chính quyền Diệm bắt đầu tăng cường sự theo dõi đối với các sĩ quan CIA đang có quan hệ với các nhóm chính trị bên ngoài, ví dụ như Việt Nam Quốc dân Đảng. Vào mùa xuân 1963, một mình Tucker Gougelmamn thu xếp cho ra đời một cơ quan tại Đà Nẵng với sự giúp đỡ từ Carl Jenkins, sĩ quan trong lực lượng

bán quân sự của CIA trực tiếp phụ trách căn cứ huấn luyện Hoàng Hoa Thám. Tại Long Thành căn cứ huấn luyện mới được thành lập, sĩ quan bán quân sự của CIA Larry Jackson đã làm việc với các đồng nghiệp Việt Nam để giúp đỡ trong việc mở lớp và lần đầu tiên lực lượng này đã sẵn sàng tới đó để dự huấn luyện.

Tháng 4 năm ấy toán "PEGASUS" đã nhảy dù xuống Lạng Sơn, 2 tuần sau, một nửa toán "JASON" tới Quảng Bình và nửa còn lại đến vào tháng sau đó. Nhưng tất cả thành viên của hai toán đều bị bắt.

Việc thành lập trung tâm huấn luyện Long Thành vào tháng 4 năm 1963 là bước chuẩn bị tiếp theo của CIA trong việc chuyển chương trình bán quân sự ra miền Bắc sang cho Lầu Năm Góc. Một bằng chứng khác của việc chuyển đổi này bao gồm tái tổ chức nội bộ toán. Việc sử dụng tên toán cũng mang tính chất quân sự hơn. Cựu chỉ huy căn cứ huấn luyện tại Long Thành, Nguyễn Hưng nhớ lại việc thành lập:

- Larry Jackson là sĩ quan CIA chủ yếu hướng dẫn tôi về huấn luyện và ông ta đã làm việc với tôi cho tới khi lực lượng quân sự Mỹ tiếp quản tất cả vào mùa xuân năm 1964. Trong suốt mùa hè 1963, lực lượng quân sự đặc biệt của Mỹ đã đến Long Thành để tổ chức huấn luyện các toán tung ra miền Bắc. Khi các toán tiến vào vùng giới nghiêm trước lúc mở màn chiến dịch, Cục tình báo trung ương Mỹ tiếp nhận và trong trường hợp này viên chức CIA phải sắp xếp cho họ nhảy dù xuống trên chuyến bay C-123 do đoàn phi hành người Đài Loan điều khiển. Cùng với việc thành lập trung tâm huấn luyện ở Long Thành, chúng tôi kết thúc với 2 toán hoàn toàn ngăn cách. Một toán biết rất rõ trung tâm huấn luyện Long Thành. Còn toán thứ hai ở trong những ngôi nhà được bảo vệ an toàn nằm rải rác quanh Sài Gòn. Những người trong trung tâm huấn luyện Long Thành dù biết nhau, nhưng những người trong khu được bảo vệ an toàn thì vẫn ở trong những căn phòng riêng biệt. Đây còn được coi như một phần bí mật của chiến dịch. Trong công tác huấn luyện, chúng tôi quan tâm đến cả hai loại lực lượng: một lực lượng sẽ được tung ra miền Bắc và một lực lượng hoạt động ở miền Nam. Công việc chủ yếu của tôi là bảo đảm cho họ hiểu được những kiến thức cơ bản về chất nổ, về thu lượm tin và sử dụng thành thạo. Tôi cho rằng chúng tôi đã chuẩn bị khá tốt cho loại công việc này.

Các cuộc tranh luận mang tính chất chuyên môn về việc tiến hành chiến tranh ở Việt Nam không chỉ hạn chế đối với người Mỹ mà những cuộc tranh luận như thế cũng xuất hiện trong bộ chỉ huy Quân đội nhân dân B-2 Việt Nam tại miền Nam. Bộ chỉ huy này được mang tên là Bộ Tư lệnh Quân giải phóng. Trong nhiều năm, những cán bộ chỉ huy chủ chốt ở đây như tướng Trần Độ, một trong những chỉ huy phó của Bộ Tư lệnh Quân giải phóng đã luôn chú ý và đẩy mạnh chiến tranh du kích chứ không phải là sự leo thang chiến tranh. Quan điểm này được giữ vững mãi đến năm 1963, khi tướng Nguyễn Chí Thanh từ Hà Nội vào giữ chức Tư lệnh lực lượng quân sự miền Nam. Tướng Thanh vào mang theo một quyết định cứng rắn chuyển chiến tranh du kích sang các hoạt động quân sự tầm rộng hơn. Quan điểm của tướng Trần Độ và của vài người khác ở Bộ Tư lệnh tại miền Bắc tỉnh Tây Ninh đã bị lu mờ trước kế hoạch bất ngờ của Hà Nội trong việc chuẩn bị gửi các đơn vị quân thường trực chính quy vào miền Nam Việt Nam.

Một phần của trục trặc này là do áp lực từ Washington hối thúc việc chuyển giao này xảy ra nhanh hơn. Và một phần khác hiển nhiên thấy được là có rất ít toán biệt kích thực sự tồn tại và hoạt động trong lòng Bắc Việt. Điều này có nghĩa rằng việc thúc đẩy để thực hiện chương trình là phụ thuộc vào kỳ vọng của Washington.

Một nhân tố khác dẫn tới cách tiếp cận vấn đề thiếu toàn diện là sự khác biệt cơ bản về mặt quan điểm giữa William Colby, người chịu trách nhiệm phần Viễn Đông của CIA với Giám đốc CIA James Angleton. Đây là vấn đề cơ bản quan trọng nhất của giới lãnh đạo bắt nguồn từ quá trình ra quyết định bởi các quan chức cao cấp nhất của CIA tại tổng hành dinh, Trưởng trung tâm tại Sài Gòn (dĩ nhiên người ta dễ thiên về ý kiến của Trưởng trung tâm hơn). Thêm vào đó, các tin đồn về đảo chính đang tràn ngập cả Sài Gòn và Washington càng tạo thêm áp lực đòi CIA phải chuyển giao gấp các lực lượng bán quân sự (phần lớn là chưa hoàn chỉnh, chấp vá) cho Lầu Năm góc.

Trong suốt mùa xuân năm 1963, phong trào Phật giáo tẩy chay Diệm đã phát triển và Colby đã bị rối lên trong các cuộc tranh luận đối với vấn đề có nên duy trì Tổng thống Diệm hay loại bỏ ông ta. Quyền Bộ trưởng Quốc phòng của Tổng thống Diệm, ông Thuần đã đưa cho tướng Maxwell Taylor một lá thư khuyến cáo các yêu cầu của Washington đòi mở rộng

quyền hạn của các cố vấn Mỹ, trong khi Tổng thống Diệm vẫn giữ lập trường kiên quyết chống lại những cố gắng tăng thêm cố vấn mà ngài Bộ trưởng năng động đã chính thức yêu cầu người Mỹ dưới danh nghĩa của Tổng thống Diệm. Sự có mặt của quân đội Mỹ tại Việt Nam lúc này đã vượt quá 15.000 người. Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara đã đưa ra hai hướng giải quyết cùng một lúc. Một mặt ông ta chỉ đạo Lầu Năm góc chuẩn bị cắt giảm đáng kể các nguồn viện trợ quân sự tới Việt Nam xuống con số 0 trong vòng 6 năm, ngừng tăng quân số của quân đội Mỹ tại Việt Nam và đồng thời ra kế hoạch giảm 1000 lính vào cuối năm. Bên cạnh đó, ông ta phê chuẩn tăng viện trợ vào khoảng 10% mức hiện tại, điều này làm cho việc chuẩn bị giảm quân số và ngân sách trở nên lỗi thời ngay trước khi kịp ráo mực.

Việc chuyển các toán hoạt động bán quân sự ở phía Bắc cho giới quân sự trùng hợp với việc tuyển chọn dân sự đang được huấn luyện ở các trung tâm sang thành các toán xâm nhập đường biển chứ không phải bằng đường không cũng gây một xáo trộn lớn. Cũng vào thời điểm đó, các toán biệt kích đã không thể xâm nhập vào Bắc Việt theo đường biển bằng thuyền lại được chuyển vào Sài Gòn để huấn luyện nhảy dù chuẩn bị đột kích bằng đường không.

Cho đến tháng 6 những lời đồn đại về những cố gắng cho các đơn vị biệt kích bán quân sự xâm nhập bằng thuyền từ Đà Nẵng đã gặp những khó khăn nghiêm trọng lan tràn khắp căn cứ. Không ai nhận thấy điều này rõ hơn Nguyễn Văn Ngọc chỉ huy toán hoạt động dài ngày, người đã thực hiện nhiều cố gắng xâm nhập vào vùng cán xoong ở Bắc Việt bằng thuyền, song không thành công. Lực lượng của ông ta thuộc một trong những toán được gửi từ Đà Nẵng vào Sài Gòn để huấn luyện nhảy dù. Sau khi hoàn thành việc huấn luyện, lực lượng của ông Ngọc chia làm hai toán: BART và TELLUS. Ông Ngọc là chỉ huy trưởng của TELLUS và được thả dù xuống mục tiêu của nó vào một thời điểm rất thuận lợi trong đêm. Cùng với các thủ tục nhảy dù bình thường, toán được hướng dẫn nhảy dù xuống bất kỳ địa điểm nào cách khu dân cư trên 10 km.

Những người còn sống sót của toán sau này tả lại là họ đã nhảy dù xuống một vùng đông dân ở tỉnh Ninh Bình, nhưng lại sai vị trí dự định. Tội tệ hơn toán nhảy dù xuống một làng

khá lớn và hạ ngay trước trụ sở Hợp tác xã.

Ban quản trị làm việc rất khuya và phát hiện ra ngay khi họ vừa hạ cánh. Cả toán bị bắt ngay trước khi họ kịp rút vũ khí ra.

Toán BART, do Đinh Văn Chức chỉ huy, nhảy dù xuống gần Thanh Hoá. Toán này không bị rơi vào những vùng đông dân cư nhưng lại bị dân địa phương phát hiện và báo cho lực lượng an ninh địa phương. Họ bị bao vây và tóm gọn một cách nhanh chóng.

Vào ngày 4/6 toán BELL đã nhảy dù vào huyện Văn Bản thuộc tỉnh Yên Bái phía Đông Bắc Hà Nội. Toán này bị bắt ngay lập tức, và người điều khiển điện đài là Lữ Thế Toàn cũng bị bắt.

Sau đó, các tình báo viên thông báo lại rằng, những người thổ dân trên núi không nói được tiếng phổ thông và bất cứ một sự liên lạc quan trọng nào với họ đều bị bế tắc. Vào tháng 9, BELL thông báo với Sài Gòn là đã đánh phá được đường xe lửa Hà Nội-Lào Cai vào ngày 31/8 nhưng việc này không bao giờ xảy ra cả.

Toán DAUPHINE gồm năm người đi cùng với toán BELL trên một đợt đổ bộ bằng dù, họ được thả xuống Lào Cai trước BELL. Chỉ huy của toán kể lại nhiệm vụ như sau:

- Toán của chúng tôi được thành lập vào năm 1962. Tất cả đều là người dân tộc Tày ở khu vực Lào Cai và tôi ở huyện Văn Bản. Nhiệm vụ cuối cùng của chúng tôi trong giai đoạn từ tháng 6/1962-6/1963 là phải tiến hành 5 phi vụ trên khu vực dự định hoạt động và chọn lựa nơi đổ bộ. Lực lượng không quân Nam Việt Nam đưa chúng tôi đến Thái Lan, và đội bay của Đài Loan chở những toán còn lại. Chúng tôi cất cánh từ Thái Lan, bay qua Việt Nam, và đến vịnh Bắc Bộ. Chúng tôi bay trên sông Hồng, qua Hải Phòng, Hà Nội, Yên Bái, rồi lên Lào Cai trước khi quay trở lại Thái Lan. Năm phi vụ này dường như là bay có định hướng vì các phi hành gia Đài Loan tỏ ra thạo đường. Chúng tôi đã sử dụng một ống kính tầm xa khuếch đại ánh sáng để xác định các vị trí trên mặt đất đã đánh dấu trên bản đồ của các phi hành gia. Chúng tôi luôn bay vào những đêm trăng sáng ở một khoảng cách không cao lắm nên có

thể nhìn rõ mọi thứ.

Nhiệm vụ của DAUPHINE là phải bắt mối liên lạc với những người dân tộc Tày và xây dựng một căn cứ tại đây. Sau đó chúng tôi phải phá hoại tuyến đường sắt Lào Cai-Hà Nội. Một thành viên trong toán của tôi được gọi là tình báo chính trị vì anh ta có chân trong "Đảng Gươm thiêng ái quốc", một Đảng có nhiệm vụ chính trị đảng sau những hoạt động biệt kích đơn thuần của chúng tôi. Trong đợt bay thứ 6 của tôi có 2 toán trên cùng một chuyến bay, tôi biết Lý Văn Choi là một trong những thành viên của toán kia mà sau này biết rõ là của toán BELL. Toán của chúng tôi nhảy ra trước ở độ cao khoảng 300m. Trời lúc đó gió nhẹ nhưng khoảng 20 giây sau chúng tôi mới tiếp đất.

Vừa tiếp đất chúng tôi đã mau chóng phát hiện ra là mình đang ở trong vòng vây của dân quân địa phương. Đây quả là điều mà không ai mong đợi, nhưng chúng tôi đã kiên quyết chống trả dữ dội trong nhiều giờ trước khi bị mất liên lạc. Tôi bị trúng đạn nhiều lần nhưng đã cố gắng lẩn trốn được khoảng 7 ngày thì bị bắt. Họ chở tôi bằng máy bay trực thăng tới một bệnh viện chuyên khoa của Bộ Công an nằm trong một thị trấn nhỏ có tên Phố Mới, và họ đã thẩm vấn tôi ở đó. Do chúng tôi đã ngoan cố lẩn trốn để tránh bị bắt giữ, và do thái độ không chịu hợp tác. Sau năm đó tôi đã bị đưa tới nhà tù Quyết Tiến và tôi nhớ là đã gặp 37 biệt kích khác ở đây. Hai người đồng đội của tôi đã không cùng tôi tới nhà tù Quyết Tiến. Chúng tôi chống trả và kiên quyết không hợp tác với Bộ Công an. Hai đồng đội của tôi bị tử hình vì đã kháng cự.

Ở đợt bay của tôi đã có điều gì đó sai sót rất nghiêm trọng mà vào ngày đó tôi không thể hiểu cái gì đã xảy ra. Chúng tôi có nhiệm vụ đổ bộ lên một làng nhỏ của dân tộc Tày có tên là Bản Lùn. Tôi biết khu vực này và tôi đã nhận ra nó trong chuyến bay qua trước đó. Nhưng chúng tôi đã được thả đúng vào bản Vo Lao cách xa khoảng 25 km. Những người nông dân đang tuốt lúa ở phía trước nơi tụ họp của bản đã nhìn thấy ngay khi chúng tôi đáp xuống đất. Tại sao chúng tôi, bị thả chệch quá xa điểm dự tính mà phi hành đoàn đã bay qua rất nhiều lần? Tôi đã phải đợi tới 25 năm sau mới có một vài người Mỹ nói cho biết vì sao và cái gì đã xảy ra. Các bạn có biết tại sao họ làm như vậy không?

Tôi không có được câu trả lời đích đáng nào cả.

Bốn ngày sau toán MIDAS đã tới Nghệ An và rơi vào tầm kiểm soát của Hà Nội. Khi đó toán NIKE bị bắt giữ ở tỉnh Hà Tĩnh. Vào tháng 8 toán EASY tới Sơn La, phía tây của TOURBILLON và đã tuyển thêm một số người vào danh sách điện báo viên của toán. Các toán khác được CIA tung ra phía Bắc quá nhanh đến nỗi sau này những nhà nghiên cứu của Lầu Năm góc cũng không thể hình dung được chính xác vị trí và thời điểm mà họ đổ bộ.

Vào năm 1963 điệp viên đơn tuyến Dương Chúc một mình đáp xuống bãi đổ bộ đèo Ngang, một khu vực được sử dụng nhiều lần ở tỉnh Hà Tĩnh. Ngay lập tức anh ta đã bị bắt. Điệp viên Nguyễn Thuý sau đó ít lâu cũng chịu chung số phận như vậy.

Toán điệp viên kép gồm hai người được mọi người biết tới với cái tên ARES đã phải chịu nhiều tổn thất hơn. Vào tháng 11/1962, toán BECASSINE 6 người được huấn luyện ở một căn cứ an toàn trong ngôi nhà số 199 trên nút giao thông chính Phú Nhuận tại ngoại ô Sài Gòn.

Toán được giáo viên người Việt Nam và Mỹ huấn luyện trong vòng 8 tháng. Một sĩ quan quân đội Mỹ mà mọi người biết tới với cái tên "Dick" chịu trách nhiệm hướng dẫn về cách thức phá hoại. Giáo viên người Việt dạy cách thức và trình tự thu thập tin tức, tình báo, huấn luyện nhảy dù, và các loại vũ khí. Việc tập bắn súng diễn ra tại trung tâm huấn luyện bộ binh Thủ Đức. Điện báo viên của toán đã tiếp nhận luật mật mã tại một trường tư thục ở Quận Tân Định-Sài Gòn.

Vào tháng 6/1963, toán nhận nhiệm vụ hoạt động ở vùng Đông Bắc-Bắc Việt Nam gần thị xã Hòn Gai. Toán phải bắt liên lạc với dân địa phương, thiết lập mạng lưới giao liên, báo cáo các tin tức về các căn cứ quân sự và những mục tiêu khác trong khu vực. Sau khi đổ bộ cả toán phải di chuyển nhanh tới điểm tập trung đầu tiên, liên lạc điện đài với chỉ huy sở, và thiết lập căn cứ hoạt động an toàn. Vào thời điểm đó, Ban chỉ huy sẽ giao nhiệm vụ cụ thể và chỉ dẫn các hoạt động tiếp theo để tới những khu căn cứ mới. Nhiệm vụ của toán là duy trì hoạt động trong 3 năm, sau thời gian đó các thành viên trong toán sẽ được xuất đầu lộ diện.

Việc cài cắm được một đội hình như vậy vào vùng Đông Bắc-Bắc Việt Nam gieo vào tâm trí họ như một chiến thắng vĩ đại và động viên mọi người có thái độ làm việc tích cực. Ngô Thế Linh, một sĩ quan lâu năm của chỉ huy sở hứa sẽ để ý theo dõi mọi việc.

Khu vực đổ bộ và điểm tập trung đầu tiên đã được xem xét rất cẩn thận. Dựa trên những thông tin có sẵn trên bản đồ, có thể khẳng định khu vực đổ bộ là an toàn và không có dân cư.

Cả toán đi trên một chiếc xe tải bịt kín ra sát máy bay ở sân bay Tân Sơn Nhất, Sài Gòn. Phi hành đoàn gồm phi công Đài Loan và các nhân viên "Kickers", những người có nhiệm vụ đẩy hàng hoá ra khỏi máy bay khi hạ độ cao. Máy bay cất cánh, nó bay qua vùng biển Nam Trung Quốc, rồi hướng về phía Bắc qua Đại dương. Đôi khi nó dường như bay là là ngọn sóng. Sau khi bay qua vịnh Bắc Bộ và Hạ Long giữa Hòn Gai và Cẩm Phả. Tiếp tục hướng về phía bờ biển, máy bay đột ngột tăng độ cao và hướng vào điểm thả dù theo kế hoạch lúc nửa đêm trên núi Yên Tử. Bốn thùng hàng lớn chứa các thiết bị cung ứng được thả xuống bãi thử nhất, sau đó máy bay bay một vòng, và cả toán sẽ nhảy ra ngoài ở độ cao vừa phải trên bãi thử hai của mục tiêu.

Khi đã ở trên mặt đất, các thành viên sẽ dùng điện đài xách tay để định vị đèn tín hiệu đã chạm đất, các thành viên trong nhóm liên lạc với trung tâm bằng máy điện đàm cầm tay của mình để xác định vị trí đầu tiên và liên lạc với nhau bằng điện đàm nhỏ của mình. Năm trong sáu thành viên tới được điểm hẹn và bắt đầu tìm kiếm bốn thùng hàng chứa thiết bị và các vật dụng-triển khai việc tìm kiếm toán viên Cao Văn Thông bị mất tích.

Vào khoảng 5 giờ sáng hôm đó, họ đã tìm được anh ta. Dù của anh ta không mở và bị đập đầu vào đá mà chết. Họ cũng tìm thấy 2 thùng hàng và đem giấu chúng vào một hang đá để dùng sau này.

Khi những tia nắng sớm đầu tiên chiếu lên những tảng đá xung quanh, cả toán quây quần và pha cà phê chờ cho trời sáng rõ để tìm nốt 2 thùng hàng còn lại. Họ nhanh chóng uống cà

phê. Nguyễn Văn Thiệt và Bùi Minh Thế được lệnh tìm nốt các vật dụng còn thiếu. Khi trời sáng rõ, các thành viên trong toán nhận thấy rằng toàn bộ khu vực lăm chắm những nông trường và xí nghiệp mà không hề được đánh dấu trên bản đồ.

Khu vực này không an toàn chút nào cả và không có dân ở. Người lên kế hoạch thiếu hoàn chỉnh.

Sau nhiều giờ đi tìm kiếm cách nơi nhảy dù 1 km, Thiệt và Thế tìm thấy một hòm bị thất lạc trên một quả đồi phủ kín cây. Bên cạnh đó có nhiều người chặn các đàn gia súc. Họ lần ngược trở lại để báo cho toán trưởng Đinh Văn Công đang ở trên núi về thùng hàng mất tích. Tin này quả là bất lợi, vì những người chặn gia súc sẽ báo cho lực lượng an ninh biết việc phát hiện ra chiếc hòm và việc tung lực lượng truy tìm biệt kích sẽ được triển khai. Không còn thời gian để liên lạc đường dài với trung tâm, tình hình an toàn nhanh chóng xấu đi. Họ quyết định phân tán đội hình, mỗi người tìm cách thoát riêng. Họ đưa ra ý kiến nên trèo xuống núi và cố gắng đi gần tới bờ biển, tìm mọi cách lấy cắp tàu thuyền để trốn. Rủi ro thay, nơi họ đổ bộ lại là vùng núi đá, mà việc trèo xuống là cực kỳ khó khăn. Ban đầu người ta bảo rằng vùng đất nơi họ nhảy dù là an toàn, nhưng bây giờ trở nên quá tồi tệ.

Họ đành vứt bỏ lại vật dụng của hai thùng hàng. Đây là hai thùng hàng chứa nhiều thuốc men và vật dụng của cả toán, không thể biết chính xác là thùng nào có chứa tiền. Ngô Thế Minh cho biết là họ mang ra 4 triệu tiền Bắc Việt để sử dụng vào một số nhiệm vụ đặc biệt nào đó. Anh ta không nói rõ là tiền này từ đâu mà có, và là tiền thật hay là giả. Và một máy in truyền đơn cũng nằm ở 1 trong 2 thùng hàng ấy.

Trong ngày 4 tháng 6 các thành viên trong toán lần lượt bị các lực lượng dân phòng địa phương, Công an và bộ đội chủ lực bắt gọn. Họ được đưa đến Thị xã Hòn Gai và bị nhốt trong nhà tù tỉnh. Lực lượng công an tỉnh xét hỏi về việc huấn luyện họ ở miền Nam, và những gì họ đã làm khi ra miền Bắc. Một điều kỳ lạ là những người xét hỏi không hề đặt động gì về các mối quan hệ với dân địa phương nơi bị bắt hoặc là sự liên hệ với các nhóm biệt kích có ở trong vùng. Nhân viên xét hỏi cũng nói rõ việc họ đã phát hiện ra tiền trong thùng hàng nhưng sự quan tâm lại tập trung vào số tiền mang theo trong người. Có khá

nhiều câu hỏi chung về chỉ dẫn điện đài mà điện báo viên đã cố ý phá khi bị bắt. Người thẩm vấn hầu như biết rất rõ về tổ chức của biệt kích và các hoạt động của họ. Điều đáng chú ý nữa là không bao giờ nhắc tới điệp viên đơn tuyến mà Washington gọi là ARES.

Vào tháng 10, cả toán biệt kích bị đưa ra xử tại toà án quân sự của Quân đội nhân dân Việt Nam. Phiên toà bắt đầu lúc 10 giờ sáng, 12 giờ sau bản án được thi hành. Tất cả các thành viên bị buộc tội làm gián điệp và bị bỏ tù. Toán chưa có hành vi phá hoại lớn nên không bị tuyên án tử hình.

Ngay sau phiên toà họ được đưa đến khu biệt giam tại nhà tù Bất Bạt. Tại đây còn có trên 30 biệt kích đường không và đường biển bị giam giữ. Gián điệp đơn tuyến Nguyễn Văn Hồng cũng ở đây. Tại Bất Bạt họ không bị đối xử tàn tệ, mặc dù trong đó có nhiều người bị đưa tới Hoả Lò để thẩm vấn.

Thời gian lặng lẽ trôi qua trong nhà tù. Thỉnh thoảng họ được đưa ra ngoài để cắt tóc, hái rau ở vườn nhà tù, một vài người lại được đưa về gần Sơn Tây để xây dựng một nhà tù mới. Họ rất ngạc nhiên khi thấy hai hay ba phạm nhân ngay phía ngoài cổng. Họ được biết đây là những người Pháp nói rất sôi tiếng Bắc Việt. Sau một tháng tại Bất Bạt tất cả lính biệt kích được chuyển về nhà tù Yên Thọ tỉnh Phú Thọ và họ ăn Tết Nguyên đán 1964 ở đó.

Cùng tháng 7 năm ấy, toán 6 người dân tộc Nùng do Mộc A Tài làm toán trưởng, mật danh là DRAGON xâm nhập lần thứ 3 từ tàu Nautilus 7 để thực hiện một nhiệm vụ vào vùng Móng Cái ngay sát biên giới với Trung Quốc. Các thành viên trong toán DRAGON nhận nhiệm vụ chung do một người Mỹ tên là "Robert" giao, còn nhiệm vụ chi tiết sẽ do chỉ huy của họ đưa ra. Nhiệm vụ của họ là tấn công một trạm Rada ven biển của Bắc Việt và cố tìm ra điệp viên do đại tá Vòong A Sáng để lại năm 1954 khi ông rút sư đoàn người Nùng của mình vào Nam Việt Nam. Một thông báo nói rằng Sở khai thác địa hình đã liên lạc với đại tá Sáng. Sáng công nhận có cài người lại, nhưng đã bị mất liên lạc với họ từ năm 1954. Nếu toán DRAGON, tìm được các điệp viên của Vòong A Sáng thì sẽ dùng họ vào các hoạt động gián điệp trong thời gian không hạn định. Họ cũng thông báo cho biết về trạm radar trên đảo Hải Nam của Trung Quốc để tránh phát hiện ra sự xâm nhập của họ vào Vịnh Bắc Bộ.

Một cậu bé đã thấy họ vào bờ và những người dân chài xung quanh đó đã báo động cho lực lượng an ninh bắt những kẻ xâm nhập. Trịnh A Sam nhân viên điệp báo của toán DRAGON đã từ chối làm việc cho những người bắt họ.

Trong khi toán DRAGON đang chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ của mình thì toán EUROPA bổ sung được lệnh đổ bộ. Chiếc máy bay C-123 và tổ lái Đài Loan đã đâm vào núi ở Lào trước khi đến được đích. Một toán bán quân sự của CIA đã nghiên cứu vị trí máy bay rơi và phát hiện ra tất cả các thành viên trên máy bay đã chết sau khi đâm vào núi.

Sau một tháng toán DRAGON bị bắt, thủy thủ đoàn cũng bị giam giữ. Một người sống sót của toán NAUTILUS 7 đã thuật lại nhiệm vụ cuối cùng của họ như sau:

-Cuộc hành quân đường biển của chúng tôi ư? Tất nhiên là nó đã diễn ra! Tôi đã thực hiện 11 vụ trước khi tôi bị bắt.

Các cuộc hành quân của chúng tôi ở Đà Nẵng do Sở Phòng vệ duyên hải điều khiển. Chúng tôi phải làm 3 việc: dẫn dắt mục tiêu trinh sát dọc bờ biển Bắc Việt Nam, cài cắm gián điệp, phá hoại miền Bắc. Tổng chỉ huy cuộc hành quân là đại tá Lê Quang Tung, chỉ huy lực lượng đặc biệt, và Ngô Thế Linh, sĩ quan hành quân cao cấp của chúng tôi. Họ có một cố vấn người Mỹ tên là "Robert" ở Sài Gòn. Theo Ngô Thế Linh cho biết thì Robert là một trung tá làm việc cho CIA và chịu trách nhiệm về các hoạt động của chúng tôi. Anh ta đến đó năm 1961 và có thể vẫn ở đó cho đến năm 1963.

Tôi hay ra ngoài uống rượu, đập phá và bị bắt vào quân cảnh. Tôi có lý do riêng của tôi. Tôi nói cho họ biết rằng tôi ở trong lực lượng đặc biệt. Tôi đưa cho họ sổ hòm thư đơn vị của tôi KBC 4373, trên giấy chúng tôi là một bộ phận của lực lượng đặc biệt trừ một thứ: chúng tôi không có số lính. Đó chỉ là sự nguy trang.

Chúng tôi có một nhóm nhỏ các sĩ quan thuộc lực lượng đặc biệt của quân đội Nam Việt Nam tại Đà Nẵng, chỉ huy nhóm là đại úy Đáng. Tôi nghĩ rằng phó của anh ta là đại úy Phan.

Đại úy Lý là người phát lương cho chúng tôi và Mai Xuân Đề nắm các vấn đề như là nguồn nhiên liệu cho chúng tôi.

Không thấy hỏi ai là người trực tiếp chỉ đạo các cuộc hành quân của chúng tôi. Lúc đó chúng tôi có 2 người Mỹ: một người tên là John và đại úy Đáng có thể phiên dịch cho anh ta. Người Mỹ huấn luyện giao nhiệm vụ cho chúng tôi, miêu tả các đặc điểm của khu vực mục tiêu và vạch kế hoạch xâm nhập. Người Mỹ có các bức ảnh cận cảnh của khu vực mà họ chụp cách đó 30 dặm và họ sử dụng chúng khi giao nhiệm vụ cho chúng tôi.

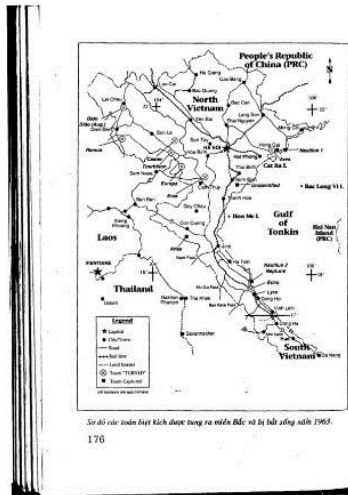
Chúng tôi có 7 thuyền đánh cá được đánh số từ 1 tới 7. Không có dấu hiệu nào trên thuyền nhưng chúng tôi biết rõ từng chiếc. Tôi đi vòng quanh một hồi. Tôi bắt đầu với chiếc số 2, sau đó chuyển sang số 4 và lúc bị bắt thì đang ở trên chiếc số 7. Chúng tôi không chỉ đơn thuần là những người lái tàu mà còn được huấn luyện làm người nhái.

Tôi nghĩ rằng chúng tôi ra đi vào ngày 13/8/1963 và tới vịnh Hạ Long vào ngày 15. Tôi phụ trách toán xâm nhập và chọn 5 người lên một chiếc thuyền cao su. Khi tôi kiểm tra khu vực đổ bộ, mọi việc lúc đầu xem ra ổn cả. Tôi biết rằng đây là một công việc quan trọng vì chỉ huy bảo có mấy thùng vật dụng trong đó một thùng chứa 4 triệu đồng tiền Bắc Việt còn 2 thùng vũ khí và đạn dược. Phần còn lại là các vật dụng thông thường.

Toán đổ bộ của chúng tôi vừa kiểm tra nơi đổ bộ xong thì bị các tàu tuần tra của Hải quân Bắc Việt Nam bắn. Thuyền của chúng tôi bị tấn công khi chỉ cách bờ 100m. Không còn cách nào khác là phải chạy ra ngoài biển bỏ lại các vật dụng. Một vài người trong số chúng tôi bị bỏ lại trên bờ. Tôi được biết rằng thuyền của chúng tôi quay lại Đà Nẵng vào ngày 17 nhưng báo cáo là 6 chúng tôi bị giết, và 2 thuyền viên đã bị thương. Công, một nhân viên điệp báo của lực lượng đặc biệt trên tàu của chúng tôi là một trong 2 người bị thương đó. Sau này phía Bắc Việt Nam có thông báo qua đài là chúng tôi đã bị bắt. Điều này tạo ra sự mơ hồ và lo lắng thêm cho gia đình tôi vì trước đó họ đã được báo là chúng tôi bị giết.

Trong 11 lần làm nhiệm vụ trước tháng 8 năm 1963 tôi đã không gặp bất cứ một trực trặc nào cả. Chúng tôi bị mất một thuyền viên trên tàu M1 vào cuối năm 1961. Trước đây tôi ở

trên tàu đó và ít nhất đã 2 lần đến cửa sông Gianh trong các cuộc hành quân thả thủy lôi. Chúng tôi đã làm nổ tung một tàu của Bắc Việt Nam trong một lần hành quân. Vấn đề là ở chỗ chiếc tàu quá nhỏ. Vào lần làm nhiệm vụ cuối cùng của mình chiếc tàu này đi vào Hòn Gai và bị mất tích không để lại dấu vết.



Tàu N4 nghe nói đã đi Hải Phòng 2 lần và quay ra an toàn. Trên tàu có Thanh, một điệp viên đơn tuyến sau này bị chết trong tù. Tôi đã đi tới tận Móng Cái sát biên giới với Trung Quốc và vào tận Đèo Ngang Hà Tĩnh với tàu N7. Vào khoảng tháng 6 năm 1962 tàu N2 bị mất tích trong khi đưa một toán người nhái đi thả thủy lôi. Đó là những mất mát duy nhất của chúng tôi. Thủy thủ đoàn của tôi tàu N7, là toán cuối cùng bị mất tích. Sau đó tôi cũng không biết việc gì đã xảy ra. Nhưng qua các lính biệt kích trong tù tôi được biết rằng đã có một vài cuộc hành quân phá hoại ở Đồng Hới.

Vào lúc chúng tôi phải ở lại trên bờ, tôi không tài nào hiểu được tại sao mà người Bắc Việt lại phát hiện được chúng tôi đến đó. Khi ở trong tù tôi nghe người ta nói về một điệp viên đôi đó chính là người mà chúng tôi vào bắt liên lạc ở Hòn Gai. Có thể anh ta là nguyên nhân gây nên hậu quả cho chúng tôi, nhưng tôi không hoàn toàn chắc chắn.

Tôi đoán rằng lực lượng an ninh Bắc Việt không phát hiện ra việc chúng tôi phải ở lại trên bờ. Chúng tôi phải lên đường bằng con thuyền cao su và không còn sự lựa chọn nào khác.

Tất nhiên là chúng tôi không thể ở lại đó. Chúng tôi chèo thuyền ra biển và 5 ngày sau mới đến Kiến An gần thành phố Hải Phòng. Chúng tôi thực sự bị kiệt sức vì đói và mong kiếm được gì để ăn trên bờ rồi sẽ tìm đường trở vào Nam. Chúng tôi bị bắt ở ngoài Kiến An vào ngày 20/8/1963. Họ dẫn giải về Hải Phòng và giam chúng tôi trong nhà tù Trần Phú. Ở đó chúng tôi đã bị tra hỏi trong suốt 5 tháng trời. Sau đó bị đưa ra toà, bị kết tội làm gián điệp và lĩnh án 20 năm tù lao động khổ sai. Chúng tôi bị đưa đến trại Bất Bạt và sau đó lại đưa đến Yên Thọ giam chung với các lính biệt kích khác. Trong vòng 19 năm tiếp theo là lao động và cải tạo giáo dục. Không có gì khác.

Vào tháng 5/1963, Hội đồng tham mưu trưởng liên quân chỉ thị cho đô đốc (Admiral) Felt phát triển kế hoạch yểm trợ những cuộc hành quân bí mật "Nam Việt Nam" thực hiện các hoạt động chống phá miền Bắc. Vào tháng 6, ông ta chuyển bản kế hoạch 34 cho hội đồng tham mưu trưởng liên quân. Bản kế hoạch dựa trên giả thuyết cho rằng việc tăng cường hành quân bằng cách này cách khác có thể làm cho Bắc Việt Nam phải giảm bớt các hoạt động quân sự ở miền Nam.

Colby vẫn đang vật lộn với chiến dịch cài răng lược và đang bàn tính các cuộc hành quân phục vụ cho kế hoạch 34 khi mà lực lượng vũ trang An ninh Nhân dân Bắc Việt Nam phải đương đầu với nỗ lực của CIA tăng cường hoạt động ra Bắc Việt Nam.

Lực lượng Công an vũ trang Nhân dân đã từng biết đến các cuộc xâm nhập của các toán biệt kích bán quân sự vào mùa mưa ở các vùng khác nhau của đất nước. Có lẽ không có gì làm ngạc nhiên trước việc Washington bất ngờ tấn công miền Bắc, các toán của năm 1963 được thả xuống trên các trục đường giao thông chính nhằm phá hoại đường vận chuyển vật dụng bằng đường bộ và bằng đường sắt từ Trung Quốc qua Bắc Việt và vào căn cứ. Dưới đây là đoạn viết về giai đoạn này:

"Vào đêm 4 tháng 6, ba toán được đưa vào ba tỉnh khác nhau: một toán 5 người được đưa vào Lào Cai, toán 7 người vào Yên Bái và toán 6 người xâm nhập vào phía Tây Bắc của vùng Uông Bí. Nhưng tất cả đều bị bắt. Vào ngày 7 tháng 6 một toán xâm nhập vào Thanh Hoá và một toán khác vào Ninh Bình. Cả 2 toán cũng đều bị bắt. Ngày 9 tháng 6 một toán xâm nhập

vào Hà Tĩnh và một toán vào Nghệ An. Cả 2 toán này cũng bị bắt.

Việc đưa ồ ạt các toán gián điệp đã đặt lực lượng Công an Nhân dân vũ trang vào tình trạng báo động chiến đấu cấp 1, và nhanh chóng chuyển sang tình trạng báo động cấp 3.

Tiếp theo vào ngày 3/7 một toán được đưa vào tỉnh Hà Tĩnh và 1 toán khác xâm nhập vào một vùng cách không xa Yên Bái. Tất cả các toán này đều bị bắt và đều được đưa tin trên đài phát thanh Hà Nội. Qua thẩm vấn các lính biệt kích, người ta phát hiện ra rằng các toán này có nhiệm vụ phá hoại và kiểm soát sự xâm nhập vào Lào qua các đường 217, 15, 7 và 8.

Vào ngày 12/8 một toán 2 người nhảy dù xuống Lai Châu để hợp lực với toán REMUS ở miền Tây Bắc. Một trong những người sống sót than phiền về số phận của họ như sau:

"...Tôi xung phong tham gia vào hoạt động này năm 1961. Tôi là một thợ sửa chữa điện đài bậc trung trong quân đội và được chuyển về Sài Gòn. Một người bạn tôi đã được tuyển mộ trước đó tên là Lữ Thế Toàn cho tôi biết anh ta tham gia vào Sở khai thác địa hình. Công việc có vẻ rất hấp dẫn. Lúc đó tôi mới 22 tuổi. Chúng tôi còn trẻ và sẵn sàng đối đầu với bất cứ việc gì.

Vì vậy tôi đã nộp đơn và chờ mãi mà vẫn không có gì xảy ra. Sau đó vào năm 1962 một trong những người tuyển mộ tiếp cận tôi. Đào Vĩnh Lộc, mà mọi người gọi là Mau. Họ cần tuyển thêm người và tôi đoán tay nghề của tôi là người mà họ đang cần tìm. Cả 2 chúng tôi, Bế Ích Đàm và tôi sống trong một căn hộ nhỏ ở phố Trầu Hưng Đạo. Cuối cùng họ nói rằng chúng tôi sắp được đưa đi đào tạo thực hiện các nhiệm vụ phá hoại và bắt đầu theo một chương trình đào tạo từng bước. Ban đầu là ở Thủ Đức, sau đó chuyển về Long Thành. Căn cứ Long Thành vừa mới được xây dựng xong năm 1963 và thiếu tá Hưng thực hiện chương trình huấn luyện cho chúng tôi trong một kho đạn cũ vừa sửa lại.

Tôi biết đã có nhiều người được tung ra Bắc nhưng chưa có ai quay trở về. Gia đình vẫn nhận được tiền lương của họ và vẫn ngóng họ từng ngày. Đó chỉ là điều tự nhiên, tôi là một người dân tộc Thái trắng ở Lai Châu và chú của tôi Diêu Chính Thạch đã tham gia xâm nhập

trong toán REMUS năm 1962, do đó tôi vẫn giữ quan hệ với gia đình chú ấy.

Vào một ngày viên sĩ quan hành quân Đào Vĩnh Lộc nói rằng chúng tôi sắp lên đường làm nhiệm vụ và Ngô Thế Linh lần lượt chỉ thị nhiệm vụ cho từng người. Cả hai chúng tôi sẽ nhảy dù xuống Lai Châu để hỗ trợ cho toán REMUS. Họ bảo rằng chúng tôi không cần ám hiệu vì REMUS đã báo cáo là mọi việc đều ổn nhưng họ cần thêm người. REMUS vừa gây dựng xong một căn cứ và cần có người để tham gia vào việc phá hoại cầu và đường nên chúng tôi được giao nhiệm vụ đó. Họ đưa chúng tôi vài ám tín hiệu riêng để nhận biết chắc chắn người chúng tôi gặp là người của toán

REMUS, nhưng họ cũng bảo chúng tôi là không có gì phải lo lắng cả.

Chúng tôi ra đi ngày 12/8 trên máy bay vận tải C123 cùng với một phi hành đoàn người Đài Loan. Chúng tôi bay qua khu vực đổ bộ thấy trên mặt đất có ánh đèn. Chúng tôi nhảy dù từ độ cao gần 1000 feet cùng với 4 thùng lớn. Trong thùng có chất nổ và thức ăn mà lúc ở Sài Gòn họ đã cho biết.

Chúng tôi tiếp đất lúc 2 giờ sáng và ở lại đó chờ sáng. Vào khoảng 8 giờ 30 sáng chúng tôi đi lòng vòng thăm dò thì bị một số người mặc quần áo đen áp sát, trên vai họ có súng. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là họ có thể là người của REMUS nhưng tôi đã lầm. Khi anh ta tới gần tôi thì giơ súng chĩa vào mặt tôi và bảo giơ 2 tay lên. Hoá ra anh ta là một Giám thị trại giam của Công an vũ trang nhân dân cùng một vài dân quân địa phương đi tìm chúng tôi. Thế là chúng tôi không bao giờ nhìn thấy bốn thùng hàng đi theo nữa.

Họ giữ chúng tôi ở đó 3 ngày rồi chuyển sang một trại có lính canh. Ở đây tôi gặp Diêu Chính Thạch người của toán REMUS. Anh ta làm điện đài. Chúng tôi ở đó 1 tuần và được chuyển về nhà tù Thanh Trì ngoại thành Hà Nội. Chúng tôi bị giữ tới năm 1969 và sau đó được chở đến Phong Quang bằng đường thủy.

Tôi có 2 bản đồ định vị mà Ngô Thế Linh đưa cho, một bản dự tính chuyển cho Diêu Chính Thạch trưởng toán REMUS. Bản đồ bao gồm một khu vực rộng từ Điện Biên Phủ tới phía Đông dọc theo tuyến đường 41 nối liền với Tuần Giáo.

Tất cả cầu dọc theo tuyến đường dự tính phải phá đều được đánh dấu bằng bút chì đỏ.

Ban đầu tôi không muốn nói gì cả. Nhưng khi họ cho tôi gặp chú tôi và điều đầu tiên ông ta hỏi là: "Gia đình có khoẻ không? Hàng tháng họ có nhận được lương hay không?" Tôi bảo chú rằng gia đình vẫn khoẻ và vẫn nhận được lương đều.

Sau khi chúng tôi bị bắt, rõ ràng việc tồn tại của các toán biệt kích là do cơ quan an ninh miền Bắc muốn tuyên truyền cho mọi người biết về sự hiện diện của người Mỹ ở Việt Nam. Chúng tôi cũng là người Việt Nam nhưng cán bộ cơ quan An ninh lại gọi chúng tôi là lính biệt kích Mỹ. Đó là cách nói để gắn sự liên hệ giữa người Mỹ với các cuộc hành quân của chúng tôi chứ không phải là người Mỹ trực tiếp làm việc này. Thay vào đó các cán bộ cố gắng nhấn mạnh thực tế là Việt Nam bị Mỹ xâm lược. Phần lớn những người sống ở nông thôn trình độ thấp, không hiểu rộng, họ tin vào những gì cán bộ bảo họ và điều đó giúp họ huy động được dân chúng, dẫn rằng chúng tôi cũng đều là người thuộc các dân tộc ít người.

Sau đó REMUS báo cáo thành công lớn nhất về Sài Gòn. Họ thông báo là đã gài mìn trên một đoạn đường vào ngày 18/11.

Toán SWAN đổ bộ vào ngày 4/9, toán BULL đổ bộ vào Hà Tĩnh ngày 7/10 và toán RUBY bị bắt ngay sau khi xâm nhập Hà Tĩnh vào cuối tháng 12. RUBY cố gắng chạy trở lại miền Nam nhưng đã bị bắt gần tỉnh Quảng Trị. Việc bắt các toán biệt kích đều được Hà Nội thông báo và cơ quan thông tấn của nước ngoài đưa tin, được CIA thu lại một cách đầy đủ.

Suốt mùa thu, kế hoạch 34 phải ngừng thực hiện. Tại trụ sở của CIA, Colby phải tuyên bố trì hoãn việc thực hiện kế hoạch là do kết quả đàm phán giữa CIA và Lầu Năm góc về việc chuyển giao cuối cùng các nỗ lực bán quân sự và tiếp tục kế hoạch 34. Colby cũng bị lôi kéo vào quyết định của Washington là nên hay không nên tiếp tục ủng hộ Tổng thống Diệm. Quân bài sau chót được ném ra khi Washington thẳng thừng từ chối không tham gia ngăn chặn những kẻ nổi dậy ở Sài Gòn làm đảo chính lật đổ Tổng thống Diệm vào ngày 1/11.

Vào ngày 3/11 cả Diệm và em trai Ngô Đình Nhu bị giết chết, số phận của Lê Quang Tung và Lê Quang Triệu cũng vậy. Trong vòng 2 tuần sau vụ ám sát Tổng thống Diệm, tướng Paul Harkins chỉ huy cơ quan viện trợ quân sự Việt Nam (MACV) điện báo cho đô đốc Felt rằng "khí hậu tốt" cho việc tiến hành các cuộc hành quân bí mật.

Vào cuối năm 1963, các nhà lập kế hoạch tại nhóm đặc biệt của Hội đồng An ninh quốc gia, các nhân viên cơ quan Trợ lý đặc biệt Chống nổi dậy và Các hoạt động đặc biệt (SACSA) ở văn phòng Bộ Quốc phòng (OSD) tại Lầu Năm góc, các nhân viên CIA đáng ra phải nhận thức được khái niệm các toán biệt kích người Việt giống như các toán biệt kích của tướng Lansdale ở CuBa trong suốt mùa hè năm 1962 không mang lại kết quả gì. Từ những kỳ vọng của Hà Nội, những vấn đề tồn tại chính là thời điểm và điều kiện sẽ thúc đẩy Washington tiến hành tấn công ra Bắc Việt. Đối với Washington, câu trả lời sẽ được tìm thấy ở "kế hoạch 34A". Bộ chỉ huy ở Thái Bình Dương đã thúc đẩy mạnh mẽ các chiến dịch ném bom trong giai đoạn 2 của "Kế hoạch 34A!". Trợ lý An ninh Quốc gia của Tổng thống Mỹ là ông Mc George Bundy đã tích cực nghiên cứu kịch bản "Kế hoạch 34A" để chiến dịch ném bom đã được chấp thuận sớm trợ giúp cho "Kế hoạch 34A".

-----o0o-----

(Hết mục 4)

Phần II.

CÁI GIÁ CỦA SỰ KHÔNG HIỂU BIẾT (1964-1965)

5. GIẢI PHÁP MC NAMARA

Việc thực hiện chương trình bí mật của giới lãnh đạo chớp bu trong chính quyền Diệm do Trần Kim Tuyến chỉ đạo đã loại bỏ được một trở ngại chính trị mà từ lâu làm cho một số quan chức Washington phải lúng túng. Sự dàn xếp những vấn đề trong giới lãnh đạo sau cuộc đảo chính làm phức tạp thêm những biểu hiện của tinh thần chống Diệm được một số người Việt Nam sử dụng để thanh toán các mối hận thù xưa, cho dù mối thù đó là có thật, hoặc do người ta tưởng tượng ra. Các nhân vật lần lượt bị thanh lọc, bị vạch mặt chỉ tên và bị buộc tội là làm mật vụ cho Diệm. Những người phụ trách các chương trình miền Bắc và miền Nam đều sống sót, nhiều người trong số họ đã tham gia tích cực vào các hoạt động an ninh nội bộ cho chính quyền Diệm, trong khi đó thì dường như CIA đang chuẩn bị cho giai đoạn cuối cùng để bàn giao hoạt động gián điệp biệt kích sang cho Lầu Năm Góc.

Ở Huế, Ngô Đình Cẩn và 7 người khác kể cả Phan Quang Đông đều bị xử tử. Cố đại tá Tung đã bị một nhân vật tham gia vào vụ đảo chính là chuẩn tướng Lê Văn Nghiêm thay thế làm tư lệnh các lực lượng đặc biệt. Nghiêm chỉ giữ chức vụ này trong mấy tháng thì bị đại tá Lam Sơn thay thế. Cả hai người đều nhận được rất ít sự tín nhiệm của các nhân viên cấp dưới, những người mà cuối cùng kế hoạch 34A phải dựa vào họ để thực thi. Trần Khắc Kính, là cấp phó lâu năm của Tung cũng đã bị gạt bỏ trong cuộc đảo chính. Tổng hành dinh lực lượng đặc biệt miền Nam tiếp tục đường lối chỉ huy của Ngô Thế Linh, ông ta chỉ đạo các

hoạt động quan trọng đánh ra miền Bắc của Phòng 45 để giúp đỡ kế hoạch 34A. Trần Văn Minh người đã lâu năm chỉ huy các hoạt động tình báo ở Nam Việt Nam của phòng 55, vẫn tiếp tục chỉ huy các hoạt động này nhưng phải đối phó với tinh thần tan rã của lực lượng an ninh biên giới mà lâu nay CIA vẫn giúp đỡ và chỉ đạo. Khi đảo chính ông ta có bị bắt giam một tháng, nhưng sau đó Mỹ gây áp lực nên được thả ra.

Đối với nhân viên các toán biệt kích bán quân sự vẫn còn trong các căn cứ an toàn của CIA ở Sài Gòn. Dấu hiệu đầu tiên cho thấy là họ sẽ được chuyển sang cho Lầu Năm góc quản lý vào giữa tháng 11/1963, khi các sĩ quan tác chiến bắt đầu di chuyển từng nhóm đến Cẩm Yên, đến trung tâm huấn luyện Quyết Thắng, phía Đông Sài Gòn gần Long Thành. Họ giải thích rằng việc chuyển đổi này là cần thiết để xác định xem bác sĩ Tuyền có bao nhiêu toán và làm rõ căn cước từng người trong mỗi toán.

Tại Long Thành họ được bố trí ở trong một Trung tâm huấn luyện quân sự chính quy. Từ đầu năm đó các toán biệt kích khác đã được huấn luyện ở đây. Một cựu toán phó đã kể lại rằng người ta đã hứa hẹn với họ ở Long Thành như thế này:

“... Chúng tôi được tuyển mộ để tiến hành một cuộc chiến tranh bí mật chống Bắc Việt. Sự tồn tại của mỗi toán biệt kích và lai lịch từng toán viên đều phải được giữ bí mật, tránh mọi con mắt tò mò thậm chí phải bí mật với cả các toán khác. Đây là nhằm mục đích bảo vệ mọi người. Không một ai, ngoài toán trưởng và các sĩ quan huấn luyện biết về sự tồn tại của chúng tôi. Chúng tôi đều biết rõ là mình rất có thể bị tóm, và cũng hiểu rằng càng biết ít bao nhiêu càng có lợi cho tất cả chúng tôi bấy nhiêu.

Khi người ta đưa chúng tôi đến một trung tâm huấn luyện trung ương mà không đề cập đến lý do và các biện pháp giữ bí mật thì điều đó đã vi phạm nguyên tắc cơ bản về bí mật ngăn cách chặt chẽ của loại hình hoạt động này rồi. Chẳng hạn như khi tới Long Thành, tôi thấy đã có hơn một chục toán ở đấy và tôi làm quen với họ. Nghe giọng địa phương của họ là tôi đoán biết họ sẽ được đánh đi đâu. Tôi cũng được biết rằng trong họ không có toán nào hoàn thành nhiệm vụ và từ miền Bắc trở về cả! Điều này chứng tỏ là tôi đã biết quá nhiều!

Đáng lẽ không bao giờ được làm như vậy. Họ đã vô hiệu hoá chúng tôi bằng cách vi phạm những nguyên tắc cơ bản mà chính họ dạy chúng tôi. Hơn nữa, chính họ đã ủng hộ Tổng thống Diệm và khi Tổng thống Diệm bị giết, họ lại khoanh tay đứng yên. Với Tổng thống Nam Việt Nam mà họ còn đối xử như vậy thì đối với bọn tôi họ có thể thanh toán một cách dễ dàng nhanh chóng.

Người ta không thể tưởng tượng được việc chuyển đến Long Thành đã ảnh hưởng đến tinh thần chúng tôi như thế nào. Trước đây CIA đã phải tìm mọi cách mới giấu kín được việc không cho toán này biết toán khác, nhưng quân đội Mỹ thì khác họ đã đem phô bày chúng tôi ra trước mọi người. Có thể chúng tôi chẳng thích thú gì cách làm của CIA khi họ giấu kín mỗi toán chúng tôi ở một nơi riêng biệt, nhưng chúng tôi chấp nhận sự bố trí ấy vì đó là cách làm cần thiết cho loại hình hoạt động này.

Đưa chúng tôi đến Long Thành có nghĩa là bảo chúng tôi rằng các anh không cần giữ bí mật nữa. Có lẽ người ta không muốn nói như thế nhưng điều ấy đối với chúng tôi lại có nghĩa như vậy, và nếu người ta không cần quan tâm đến việc giữ bí mật nữa tức là người ta cũng chẳng quan tâm gì đến việc bảo vệ chúng tôi nữa.

Điều gì đã xảy ra? Chúng tôi bắt đầu có đào ngũ. Trước khi đảo chính Diệm, không bao giờ xảy ra nhiều như thế, nhưng từ đầu năm 1964 việc đào ngũ bắt đầu xảy ra và cứ tăng dần. Tại sao chúng tôi phải làm việc cho người ta, mà rõ ràng là chẳng một ai quan tâm gì đến việc bảo vệ chúng tôi?

Những nhận xét trên đã được sự đồng tình của viên cựu chỉ huy các hoạt động bán quân sự bí mật ở Nam Việt Nam. Ông nói:

“...Tôi chắc bọn họ đều cảm thấy như thế và tôi cũng đồng ý với các kết luận của anh ta. Sau tháng 11/1963 là một thời kỳ hỗn loạn, không có những người lãnh đạo có trách nhiệm. Không ai biết ai là người phụ trách, khó mà tìm được một người nào đó để đưa ra một quyết định về bất cứ một công việc gì. Tôi được dự kiến báo cáo với tướng Stilwell vào ngày 1/11 về các hoạt động tình báo ở miền Nam nhưng cuộc gặp ấy đã không bao giờ thực hiện

được vì xảy ra cuộc đảo chính. Mãi đến hai tháng sau người ta vẫn chưa bố trí lại được cuộc gặp này tức là đến tháng 1/1964, sau ngày 1/1/1964 tướng Stilwell đến gặp tôi và tôi đã trình bày với ông. Ông ấy yêu cầu tôi cứ ở lại, tôi báo cáo rằng tinh thần của các lực lượng phòng vệ, dân vệ (CIDG) đang tan rã. Có thể là do chúng tôi đã mắc sai lầm giữ bí mật quá không cho họ biết gì cả. Không bao giờ chúng tôi tiết lộ cho họ điều gì. Chúng tôi làm thế cốt là để bảo vệ họ. Tôi cho là chúng tôi chưa bao giờ chuẩn bị cho họ đối phó với những gì có thể xảy ra nếu họ bị bắt.

Ngày 20/11, lúc Sài Gòn đang hỗn loạn và hai ngày trước khi Tổng thống Kenedy bị ám sát các quan chức cao cấp của Washington đã họp với các quan chức Sài Gòn và Bộ chỉ huy Thái Bình Dương ở Honolulu. Nhiệm vụ cuộc họp này là đánh giá tình hình để tìm lối thoát khỏi tình trạng hỗn loạn sau chính phủ Diệm bị lật đổ và đề ra các chi tiết để chuyển giao chương trình tăng cường các hoạt động biệt kích chống Bắc Việt.

Cùng dự họp với giám đốc CIA là John. Mc. Cone, Colby biết rõ rằng: năm 1961, Tổng thống Kenedy đã chỉ đạo chuẩn bị chuyển giao các hoạt động bán quân sự của CIA sang cho Lầu Năm Góc, và hai năm tiếp sau đó đã chứng kiến một quá trình chuyển giao dần dần các hoạt động này.

Colby nhớ lại quá trình chuyển giao đó:

Kết luận (năm 1961) là nếu một chiến dịch bán quân sự lớn thì phải bàn giao sang quân đội. Khi nhận được lệnh bàn giao thì chúng tôi bàn giao cả hoạt động ở miền Bắc lẫn ở miền Nam.

Tuy nhiên hồi năm 1962, Colby đã có bằng chứng rõ ràng về các toán của ông ta bị miền Bắc bắt và một số trường hợp họ đã khống chế, điều khiển các buổi truyền tin của nhân viên điện đài. Người ta biết được việc này là do các nhân viên điện đài đã miễn cưỡng làm theo chỉ thị và đã báo động cho chỉ huy sở biết là họ đã buộc họ phải truyền đi các bức điện đó.

"Việc ấy", Colby nhấn mạnh: "Tôi còn nhớ như in".

Colby nhớ rằng các bức điện như vậy được đánh đi từ tận sâu trong miền Bắc, không nói rõ là các điện báo viên bị người miền Bắc khống chế. Các bức điện đó đã nhấn gửi Colby một nội dung đầy đủ hơn:

Các bức điện cho tôi biết rằng công việc không có hiệu quả. Vì vậy phải ngừng lại. Nhưng viên phó trung tâm của tôi lại quan tâm đến nó và ông luôn nhắc như hét vào tai tôi điều đó. Viên phó của tôi, ông Bob Myers, mang đến cho tôi một báo cáo tóm tắt về những hoạt động không thành công của chúng tôi ở Liên Xô, Triều Tiên, Trung Quốc. Ông ta bảo là các hoạt động ở đây kết quả cũng chẳng hơn gì, thế thì tại sao ông không sớm chấm dứt cái của nợ ấy đi? Đó là lúc tôi đã cho ngừng các hoạt động đó và chuyển sang hoạt động tâm lý chiến. Lúc ấy là đúng thời gian chuyển giao. Bên quân sự muốn chuyển giao thì chuyển, không có vấn đề gì cả.

Colby kể lại cuộc họp quyết định hồi tháng 11 ở Hawai khi ông ta đưa ra những lo lắng nghề nghiệp để làm cho Bộ trưởng Quốc phòng Robert Mc.Namara phải chú ý: "...Tôi đứng dậy nói: Thưa ngài Bộ trưởng, chẳng có tác dụng gì đâu".

Tôi hỏi Colby: "Thế Mc Namara trả lời sao?". Colby trả lời không do dự:

"Ông ta im lặng. Tôi nghĩ rằng ông ta vẫn đinh ninh là mình đang hành động đúng. Chuyển nó sang cho quân đội để quân đội dùng sức mạnh hỗ trợ cho một chương trình như thế này sẽ tạo ra một tác động về chiến lược. Anh biết ông ta rất coi trọng số lượng. Nếu anh có 3.000 anh sẽ thu hoạch được nhiều hơn là anh có 300. Điều đó thực ra không phải lúc nào cũng trở thành chân lý. Ông ta nghĩ rằng sức mạnh bổ sung mà Bộ Quốc phòng đặt đằng sau kế hoạch Alpha 34A sẽ làm cho hoạt động này có hiệu quả. Tôi cho rằng đó chính là điều mà ông ta nghĩ. Thật đáng buồn cho anh chàng chiến lược Mc Namara. Anh thấy đấy, ảnh hưởng đã tác động mạnh đến con người ta như thế nào.

Anh còn nhớ cuộc nói chuyện của ông ta với Des Fitz Gerald chứ? Một tay trứ danh, khi Des nói "Thưa ngài Bộ trưởng, công việc tiến triển không được tốt lắm". Ông ta nói: "Ồ, có đấy chứ! Hãy nhìn vào tất cả các con số về những gì mà chúng ta đang bổ sung thêm, thêm nữa." và Des nói: "Thưa ngài Bộ trưởng, về mọi phương diện trong chiến tranh, có một thứ quan trọng hơn các con số rất nhiều, đó là tinh thần". Des nói: "Mc Namara nhìn ông ta chăm chăm và không hiểu gì cả. Đừng bao giờ nói với ông ta nữa".

Nhà phân tích tình báo của CIA là George Carver đã đưa ra nhận xét về viễn cảnh riêng của mình về bầu không khí trong buổi giao thời như sau:

- Diệm đổ làm Cộng sản bất ngờ. Họ nhận thấy có hàng loạt vấn đề, nhưng không thấy chính xác vấn đề gì sắp xảy ra, họ không nhúng tay vào việc lật đổ Diệm. Thật ra, họ đã thận trọng đứng ngoài cuộc. Sau khi Diệm chết, Bắc Việt đứng trước một cơ hội lóu và một hiểm họa lớn. Mỗi hiểm họa là sau thời gian cải tổ không thể tránh khỏi, sẽ có một Chính phủ sau Diệm, với sức mạnh của Diệm mà không có những điểm yếu của ông ta. Đó chính là tai họa. Còn cơ hội là "chớp lấy thời cơ" trước khi một Chính phủ kế tục được ổn định. Quả nhiên trong năm 1963 họ thực sự bắt đầu leo thang quân sự.

Ngày 26/11, bốn ngày sau khi Tổng thống Kennedy chết và Lyndon B. Johnson tuyên thệ nhậm chức Tổng thống, Hội đồng An ninh Quốc gia đưa ra bản giác thư hành động vì An ninh Quốc gia (NSAM) 273 tái khẳng định tiếp tục các chính sách của Mỹ do Chính quyền Kennedy vạch ra trước đó. Dựa vào một giai đoạn trước đó với các sự kiện chưa có gì đe dọa lớn, nên Chính quyền Johnson đã khẳng định lại sự ủng hộ một miền Nam Việt Nam độc lập và Mỹ sẽ rút 1000 quân vào cuối 1963. Mỹ cũng tuyên bố sẽ chấm dứt các cuộc nổi dậy tại 3 quân đoàn phía Bắc Nam Việt vào cuối 1964 và cuộc nổi dậy ở đồng bằng sông Cửu Long vào cuối 1965. Còn đối với các hoạt động biệt kích chống miền Bắc: "kế hoạch đòi hỏi phải tiến hành các hoạt động bí mật chống Bắc Việt Nam và tiến sâu vào lãnh thổ Lào tới 50 km".

Mặc dầu NSAM 273 cung cấp một cơ chế chính thức để nhắc lại các mục tiêu hiện tại của Mỹ, tiếp theo sau sự thay đổi người đứng đầu hành pháp, những đánh giá của Hội đồng An ninh quốc gia đã bị coi là cổ lỗ, không hợp thời và bị công kích mạnh do những cố gắng ở

hậu trường nhằm tăng cường sự can thiệp của Mỹ chứ không phải làm giảm dần sự can thiệp.

Thế chiến lược quốc gia của Washington ở thời điểm đó là gì? Colby nói:

"Dùng răng mà giữ chặt lấy. Trước hết toàn bộ tư tưởng chiến lược coi như bị trói chặt cho đến tận 1/11 về vấn đề để Diệm hay không có Diệm. Đây là chủ đề duy nhất được bàn đến ít nhất trong năm tháng trước. Sau đó, lập tức vấn đề lại trở thành thúc bách chúng ta phải làm gì bây giờ đây? Chúng ta phải làm sao hòa trộn một vài hợp chất với nhau mà sự vật không biến đổi?"

Washington đã vươn tới đội quân hoạt động bí mật người Việt Nam (do nhóm đặc biệt kiểm soát thông qua Colby ở CIA), hiện đang ở giai đoạn cuối cùng của sự bàn giao chính thức từ CIA sang Lầu Năm góc, mà mỗi cấp trong bộ máy quân sự, trên giấy tờ đều lập luận là những hoạt động đó có thể gửi cho Hà Nội một bản thông điệp. George Carver không tán thành quan điểm chính thức của Lầu Năm góc về bất cứ một giá trị đặc biệt nào của kế hoạch này được đề ra trong các tài liệu lịch sử của nó:

- Tôi không mong đợi gì nhiều vào kế hoạch 34 A (kế hoạch Alpha 34). Chủ yếu nó chỉ là một hoạt động bán quân sự nhằm mục đích phá hoại và một vài mục đích khác. Còn thu thập tin tức tình báo chỉ là thứ yếu. Nhưng tôi cho là đáng làm. Tin tức tình báo nó thu lượm được ư? Tôi không nhớ rõ nó có thu lượm được mẫu tin tức tình báo nào có giá trị không, nhưng tôi nghĩ đó là một cố gắng đáng làm, mặc dầu người ta phải thừa nhận rằng nó sẽ không thành công lắm.

Đầu tháng 12, những người lãnh đạo các hoạt động tình báo của Lầu Năm góc bắt đầu chú ý nhiều đến các thủ tục cần thiết để tiếp quản các hoạt động bí mật của CIA đánh sang Nam Lào. Như sau này MACSOG đã làm thử ở Sài Gòn, Washington đã ngăn không cho chuyển các hoạt động ở Lào sang cho MACSOG (nhóm quan sát và nghiên cứu thuộc bộ chỉ huy viện trợ quân sự Mỹ tại Việt Nam Cộng hòa) mà vẫn giữ chúng dưới sự chỉ huy của CIA. Những bức điện của Washington gửi Bộ chỉ huy quân sự Sài Gòn đã nói bóng gió đến Hiệp định

Giơnevơ năm 1962 về Lào và việc cấm các lực lượng nước ngoài có mặt ở Lào là cốt lõi của vấn đề còn đang được xem xét lại.

Trong bối cảnh quyết định của Kennedy chuyển các hoạt động bán quân sự sang Lầu Năm góc. Nhóm đặc biệt không có khó khăn gì trong việc phê chuẩn các hoạt động của CIA vào Lào trong những năm 1962-1963. Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1962 trong khi vẫn sử dụng các sĩ quan huấn luyện của các lực lượng đặc biệt quân đội Mỹ và các lực lượng đặc biệt Nam Việt Nam. Thế mà bây giờ Washington lại không cho chuyển giao cùng hoạt động bán quân sự đó sang Lầu Năm góc.

Phải chăng Mỹ đợi cho đến khi Nam Việt Nam có mặt lãnh đạo thống nhất rồi mới tiếp tục các hoạt động biệt kích? Phải chăng tình hình hỗn loạn ở Sài Gòn đã không cho phép Washington tiếp tục các hoạt động chống Bắc Việt Nam mà không cần sự đồng ý về chính trị của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà? Phải chăng vì mất đại tá Lê Quang Tung và vắng bóng bác sĩ Tuyền đã làm tê liệt Sở khai thác địa hình cho nên các hoạt động biệt kích do Mỹ chỉ đạo không thể tiến hành được nếu không có sự chấp thuận của giới lãnh đạo quốc gia Sài Gòn?

Một phần câu trả lời cho những câu hỏi này có thể tìm thấy trong một thực tế là: trong khi các trưởng phái bộ quân sự và ngoại giao Mỹ than phiền về việc thay đổi liên tục trong chính trường Sài Gòn thì lực lượng đặc biệt miền Nam Việt Nam và Ngô Thế Linh tiếp tục thỏa mãn các yêu cầu của Mỹ sau khi Tổng thống Diệm chết và trước khi chính thức thực thi kế hoạch 34A. Như vậy, Mỹ vẫn tăng cường hoạt động mà không cần sự chấp thuận về chính trị của Sài Gòn thông qua sự dàn xếp riêng giữa các sĩ quan quân đội Mỹ và các quan chức CIA với những sĩ quan chủ chốt của Nam Việt Nam sống sót sau cuộc đảo chính, và vẫn có quyền ra lệnh tiếp tục triển khai các toán biệt kích đánh ra miền Bắc bằng đường biển và đường không.

Vụ hoạt động biệt kích đầu tiên sau khi Diệm chết là vào ngày 5/12/1963 khi toán RUBY nhảy dù xuống vùng rừng núi thuộc Tuyên Hoá giáp biên giới Lào. Nhiệm vụ của toán này là lập ra một đường dây bí mật trong lòng địch rồi đợi lệnh mới. Vài giờ sau khi đổ bộ họ đã bị

lực lượng công an biên phòng miền Bắc bao vây, và ngày 6/12 thì bị bắt. Nhân viên điện đài chính vì chống cự quyết liệt nên sau đó đã bị tử hình.

Từ lúc đánh đi một toán biệt kích cho đến lúc đánh giá được nó thành công hay thất bại cũng phải mất một thời gian. Đối với lực lượng biệt hải có thể đánh giá nhanh hơn nhiều. Từ khái niệm ban đầu bộ phận biệt hải đã sớm nổi lên thành một lực lượng biệt kích đường biển của kế hoạch 34A. Một cựu biệt kích người nhái đã mô tả:

- Tháng 11/1963, lực lượng biệt kích trên biển gồm các người nhái Việt Nam mới huấn luyện, thuộc đơn vị phòng vệ duyên hải đã được đánh đi thực tập lần đầu tiên từ căn cứ hải quân Đà Nẵng. Mục tiêu của toán là căn cứ hải quân Nam Việt Nam tại Cửa Việt, một cửa sông phía nam Khu phi quân sự. Nhưng rủi thay vì gió mạnh quá nên tàu của toán không thể đổ bộ được.

Lần đánh đi tiếp theo, lần đầu tiên với sự có mặt đầy ý nghĩa của hải quân Mỹ là tấn công mục tiêu trên đất miền Bắc. Toán này được đánh đi vào tháng 12/1963 để tấn công các tàu miền Bắc tại cửa sông Gianh tỉnh Quảng Bình. Chỉ huy sở của các lực lượng hải quân Bắc Việt thuộc nửa phía nam của Bắc Việt nằm trong tầm dễ tấn công của các hoạt động biệt hải từ căn cứ Đà Nẵng.

Trước ngày được đánh đi vào tháng 12/1963, toán người nhái này bị cấm trại ở trong căn cứ. Các cố vấn Mỹ cho họ xem các ảnh chụp từ trên không các tàu của Bắc Việt và hướng dẫn mọi chi tiết về nhiệm vụ của họ. Phi vụ đầu tiên không thực hiện được vì thời tiết xấu tại khu vực mục tiêu. Tàu đành quay về Đà Nẵng.

Triển vọng mờ mịt và phi vụ đầu không thành công đã không làm người ta nản lòng. Hội nghị cấp cao tháng 11 ở Honolulu đã khẳng định lại sự ủng hộ đối với quyết định leo thang hoạt động biệt kích chống Bắc Việt, thể hiện trong kế hoạch 34-63 là kế hoạch được Bộ Quốc phòng hoàn toàn ủng hộ vào tháng 8 trước đó và biết chắc là các quan chức chủ chốt sẽ ra các lệnh cần thiết trong trường hợp này. Ngô Thế Linh sẽ ra các lệnh đó vì ông ta là người phụ trách các hoạt động biệt kích đánh ra miền Bắc, cũng như sang Lào và Campuchia.

Cuộc họp tháng 11 kết thúc với sự thỏa thuận của CIA và Bộ Quốc phòng cùng phối hợp vạch một kế hoạch chung đẩy mạnh các hoạt động biệt kích chống Bắc Việt. Tuy nhiên những người thực hiện kế hoạch 34 và kế hoạch sau đó thừa nhận rằng muốn thành công phải có sự ủng hộ hoàn toàn của phía Nam Việt Nam, điều mà chưa hề có. Và một môi trường hoạt động như môi trường này đã thay đổi đến mức làm cho kế hoạch trở nên lạc hậu.

Ngày 15/12, một đề nghị hỗn hợp về sửa đổi mà quân đội Sài Gòn gọi là kế hoạch OPLAN 34A-64 và CIA lấy bí danh là kế hoạch Mãnh hổ (Tiger), được gửi lên Bộ tư lệnh Thái Bình Dương ở Hawaii. Bộ tư lệnh Thái Bình Dương đã biết trước nội dung của kế hoạch, và những điểm cơ bản của kế hoạch đã được thông qua, biết chắc là ở Hawaii hồi tháng trước, nên đã chuẩn y kế hoạch này với chương trình hoạt động 12 tháng của nó rồi gửi cho Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân ngày 19/12.

Cùng ngày hôm đó, để chứng tỏ mức độ sẵn sàng của Lầu Năm góc trong việc thực thi kế hoạch biệt kích đang trong quá trình được chính thức phê duyệt, hải quân đã thành lập toán yểm trợ lưu động tại Đà Nẵng để tăng cường cho cơ quan tình báo hải quân: cho cơ quan tình báo thủy quân lục chiến biên chế cho các hoạt động biệt hải đã ở trong tư thế sẵn sàng. Biên chế mới thành lập này lấy từ các thủy thủ Mỹ, những người vừa đưa sang Đà Nẵng các tàu phóng ngư lôi động cơ mới (PTFS). Các thủy thủ đoàn này đã được một toán huấn luyện sử dụng tàu và một toán chuyên về sửa chữa, bảo quản để huấn luyện quân Nam Việt Nam sử dụng loại tàu phóng ngư lôi NASTY-do Na Uy chế tạo, để sử dụng cho các cuộc tấn công từ biển chống Bắc Việt. Sau khi đến Đà Nẵng, các thành viên của thủy thủ đoàn mới biết là họ sẽ phục vụ với tư cách là các cố vấn chứ không phải là những người vận hành tàu. Họ hoàn toàn không chuẩn bị tí gì về chức năng cố vấn. Vì lý do hải quân đang rất thiếu các toán huấn luyện cơ động và các toán SEAL, các thủy thủ đoàn này tới đây để làm nhiệm vụ tạm thời, sẽ có các nhóm khác thay thế khi họ mãn hạn đợt công tác ngắn ngày này.

Ngày 21/12, Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara đi kinh lý Việt Nam về và chính thức báo

cáo Tổng thống Johnson về kế hoạch 34A-64. Lịch sử giai đoạn này cho thấy rằng giới lãnh đạo quốc gia Nam Việt không được chính thức thông báo kế hoạch này.

Thực tế, sự dính líu chính trị của Nam Việt và chương trình biệt kích của Washington đã bị bác bỏ và Mc Namara tin rằng Nam Việt Nam sẽ tuân theo đề nghị lập ra Ủy ban liên bộ bao gồm đại diện của Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân và CIA. Ủy ban này sẽ thẩm định kế hoạch 34A và đề xuất các hành động sẽ tiến hành.

Bộ trưởng Mc Namara báo cáo với Tổng thống Johnson rằng 34A-64 là cơ chế "tuyệt vời", ông ta lập luận rằng bằng sự gia tăng hoạt động biệt kích chống lại Bắc Việt, Bắc Việt sẽ phải xét lại việc họ xâm nhập vào miền Nam. Như thế để củng cố thêm lập trường của mình, Mc Namara đưa ra lời tiên đoán đen tối rằng cần phải tiến hành một biện pháp nào đó thật mạnh mẽ: "Chiều hướng hiện tại trừ phi đảo ngược được trong vòng 2,3 tháng nếu không ít ra cũng sẽ dẫn đến một nền trung lập và rất có thể sẽ dẫn đến một nhà nước cộng sản kiểm soát".

Một tuyên bố như vậy thực tế đã phủ nhận dự báo trong báo cáo số 273 NSAM đưa ra vào ngày 26/11, cụ thể là ý kiến cho rằng quân đội Mỹ có thể rút về nước và cuộc chiến có thể kiểm soát được trong vòng một năm rưỡi nữa.

Mặc dù ngay từ đầu Mc Namara có thể đã quá lạc quan về khả năng thắng lợi của kế hoạch 34A, thế nhưng những người như George Carver đều không đồng ý với phát biểu của ông ta:

- Tôi biết Mc.Namara đưa ra loại tuyên bố bóng bẩy đó, nhưng tôi không cho rằng những người tham gia vào chương trình này không coi đó là những kênh đáng tin cậy để đánh đi những bức thông điệp và cơ cấu tổ chức của các hoạt động này chỉ là hoạt động bán quân sự, cho nên chúng không phải là những kênh gửi thông điệp.

Chính sách của chúng ta là tạo ra sự kiện để bó tay Hà Nội, không cho Việt cộng quyết định tương lai chính trị của Nam Việt trước mũi súng của họ. Các bức thông điệp của chúng ta chưa đủ nặng cân. Điều mà chúng ta muốn làm là khuyến khích Bắc Việt đàm phán bằng

cách nhấn mạnh quyết tâm không gì lay chuyển nổi của chúng ta. Nhưng vấn đề là ở chỗ anh không thể cùng làm một lúc cả hai việc là trong khi các nhà thương lượng của anh đang đọc một bài diễn văn ở Pari thì ở Dubuque bang Iowa chính bản thân anh lại đọc một bài diễn văn khác nói rằng anh đang lo lắng làm sao rút ra khỏi Việt Nam càng sớm càng tốt, mà không hiểu rằng cùng một lúc nội dung cả 2 bài diễn văn trên đã nằm trên bàn của các nhà lãnh đạo ở Hà Nội và cũng không thấy rằng người Bắc Việt Nam nhận ra bài diễn văn ở Dubuque là quan trọng hơn diễn văn ở Pari.

Ý đồ của kế hoạch này là tiến hành các hoạt động biệt kích, quấy rối, khiêu khích, thu thập tình báo, nhưng vào lúc đó không có một niềm tin chính trị sâu sắc nào đối với những người tham gia vào các hoạt động này. Kế hoạch 34A, nếu đánh giá một cách đúng đắn nhất, chỉ là một hành động quấy rối nhất thời chứ không phải là một kế hoạch chiến lược lớn.

Chưa bao giờ xuất hiện một nhóm chủ trương đàm phán nghiêm chỉnh (ở Bắc Việt). Đó là điều làm chúng ta lo lắng trong suốt cuộc chiến tranh. Chúng ta thì quan tâm đến một thoả ước hoà giải. Bắc Việt thì quan tâm đến chiến thắng. Giữa hai bên có một hố ngăn cách về tâm lý không thể nào vượt qua được.

Sau này nhìn lại tiến sĩ Carver, thấy rằng cách giải quyết vấn đề của Washington vào lúc đó được áp dụng ngày càng tăng trong các giai đoạn sau này của cuộc chiến tranh là sai lầm về cơ bản.

- Chúng ta không nhận ra rằng đây không phải là vấn đề điển hình giữa người lao động và ông chủ. Người lao động đòi 2 đôla/giờ, ông chủ chỉ đồng ý trả có 1 đôla/giờ. Cả hai đều biết sẽ cùng đi đến thoả thuận 1,5 đôla/giờ. Sự mặc cả như vậy hoàn toàn khác với tình hình ở Việt Nam, vả lại ở Bắc Việt Nam chưa bao giờ có một nhóm nghiêm chỉnh muốn đạt được "một giải pháp thông qua đàm phán". Họ muốn kiểm soát miền Nam về chính trị và quyết tâm đạt được điều đó.

Colby đã mô tả một cách chi tiết hơn về bức tranh của chương trình biệt kích do ông ta chuẩn bị và vẫn gián tiếp kiểm soát, cái mà Mc Namara lúc đó coi là có thể gửi một bức

thông điệp cho chính quyền Hà Nội. Như Colby nhớ lại, cụm từ "gửi một bức thông điệp" là một cái mốt của lúc bấy giờ. Nếu đem áp dụng theo ngôn từ của kế hoạch 34A thì điều đó là vô nghĩa. Colby giảng giải:

- Những người dùng cụm từ "gửi một bức thông điệp" chẳng hiểu họ đang nói gì. Họ chẳng hiểu thông điệp là cái quái gì, trừ cái mà Mỹ rất quyết tâm.

Thế nước Mỹ có một chiến lược hay không?

Đối với Colby thì câu trả lời là:

Không! Anh biết đấy chúng ta vẫn tiếp tục các hoạt động biệt kích. Tôi muốn nói là, CIA sắp sửa huỷ bỏ các hoạt động đó vào năm 1965. Tôi đã đi đến quyết định ấy trong hồ sơ của các hoạt động này chẳng có gì thành công cả. Chẳng có bất cứ hoạt động nào thật sự thành công cả và phản ứng của bên quân đội đối với điều đó là: CIA các anh chỉ làm ăn cò con. Anh biết đấy, chúng tôi phải nghĩ đến làm ăn to hơn. Đó là một lập trường đáng tôn trọng. Tôi không tranh luận gì về điều đó.

Một quan chức khác của CIA đồng ý với đánh giá của Colby và Carver, nhưng bằng cách nói thẳng thắn hơn. John Mc Cone, Giám đốc CIA thấy Lyndon Johnson là một kẻ thích màu mè thô bạo và độc đoán trong lĩnh vực tình báo... Càng ngày Tổng thống hầu như chỉ dựa vào tin tức tình báo do Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara và Bộ Quốc phòng cung cấp. Lời khuyên của Mc Cone không còn được Tổng thống đón nhận một cách tích cực. Bộ trưởng Mc Namara ngày càng trở nên quyết đoán... Phương châm "có sao nói vậy" xuất phát từ các ảnh tình báo có từ thời chính quyền Kennedy đã thay đổi vì Mc Namara cứ khẳng khẳng rằng Bộ Quốc phòng với cơ quan tình báo của nó (DIA) sẽ chịu trách nhiệm chính về các báo cáo tình báo để ném trả cho quân đội ở chiến trường. Mc Namara và Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân bắt đầu kiểm soát chặt chẽ các nguồn tin tức gửi đến Tổng thống... Một sĩ quan của DIA chuyên báo cáo tin với Tổng thống nói rằng Tổng thống rất bi quan và khó chịu mỗi khi nhận được tin tức xấu.

Vì thế, cuối năm 1963 có một chương trình mà Colby biết là đã bị thất bại vào năm 1962 và

đã được báo cáo với Bộ trưởng quốc phòng Mc Namara tháng 11/1963, đã bị biến đổi một cách thần kỳ trên giấy tờ, từ một hoạt động tình báo cấp thấp của CIA trở thành viên đạn thần để gửi đi một bức thông điệp mà chính những người thiết kế ra nó cũng không bao giờ có ý định như vậy. Đại bộ phận của CIA cũng thừa biết là nó chẳng có tác dụng gì đến mục tiêu cả. Tuy nhiên, các viên tư lệnh mới của quân đội đã được giao trách nhiệm thực hiện một nhiệm vụ không thể nào làm được với mật danh là kế hoạch hoạt động (OPLAN) 34A.

-----oOo-----

(Hết mục 5)

6. KẾ HOẠCH ANPHA 34.

Ngày 2/1/1964, Ủy ban liên bộ báo cáo, phân tích về kế hoạch 34A-64, những nét đại cương của kế hoạch đã được chấp thuận về bốn lực lượng MACSOG sẽ sử dụng (xem phụ lục 2).

Lực lượng hoạt động bí mật của OPLAN 34A sẽ đảm nhiệm việc tăng cường quấy nhiễu về vật chất và tinh thần ở miền Bắc, bao gồm cả việc không kích các mục tiêu thích hợp của Bắc Việt. Kế hoạch 34A được chia thành 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn 4 tháng. Mức độ và phạm vi hoạt động tình báo sẽ tăng dần từng giai đoạn theo phê duyệt của Washington. Mục đích công khai của kế hoạch là làm cho Hà Nội hiểu rõ họ phải trả giá cao nếu họ không giảm việc đưa người của họ xâm nhập vào miền Nam. Để đảm bảo kết quả cụ thể của từng bước, thì sau khi đã phân tích, rút kinh nghiệm hoạt động trước, rồi mới tiến hành hoạt động tiếp.

Ngày 16/1, Bộ Quốc phòng đã quyết định trao cho Bộ chỉ huy của tướng Harkins tại Sài Gòn chịu trách nhiệm về các hoạt động gián điệp biệt kích chống miền Bắc và nhắc lại nhiệm vụ của các cơ quan tham gia vào hoạt động này như đề nghị của Hội nghị liên bộ ngày 2/1 đã

đề ra.

Ba ngày sau, ngày 19/1 một thông điệp của Liên bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng và CIA đã được gửi đến cấp dưới của ba cơ quan này tại Sài Gòn chỉ thị chính thức thực hiện kế hoạch 34A-64. Chỉ thị này nhấn mạnh rằng các hoạt động đã được chấp thuận là có tính khả thi nhất, đem lại hiệu quả nhất và ít mạo hiểm nhất. Washington còn chỉ rõ rằng yêu cầu Chính phủ Việt Nam Cộng hoà phải đứng ra chịu trách nhiệm đối với một số vụ hoạt động nhất định nếu các hoạt động đó bị lộ. Ngày 21/1, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân gửi kế hoạch chi tiết cho Phái bộ Viện trợ quân sự Mỹ tại Việt Nam Cộng hoà để thực hiện. Khi nhận được sự phê chuẩn về các hoạt động bí mật nó sẽ được thực hiện theo kế hoạch 34A như đã được phê chuẩn ở Washington. Chỉ thị này nêu rõ rằng hoạt động của Washington phải được Nam Việt Nam phê chuẩn, nhưng lại né tránh những vấn đề đang còn bất đồng trong chính sách và chiến lược. Và nếu còn tồn tại lại những bất đồng đó thì cách giải quyết ra sao cho ổn thỏa.

Như đã được vạch ra ở Washington, sẽ có một bản danh sách các mục tiêu được phê chuẩn cho từng giai đoạn. Từ bản danh sách mục tiêu được duyệt đó, tướng Harkins làm một danh sách báo cáo Lầu Năm góc về các hoạt động mà ông ta định thực hiện trong thời gian 30 ngày sau đó. Phụ tá Bộ trưởng Quốc phòng về các vấn đề an ninh Quốc tế sẽ xem xét danh sách đó rồi đệ trình lên Nhà trắng và Bộ Ngoại giao xin phê duyệt. Một khi các mục tiêu trong danh sách 30 ngày đã được phê chuẩn, tướng Harkins lại phải xin Washington chính thức phê chuẩn rồi mới được tấn công từng mục tiêu một. Cũng ngày 21/1, đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge mới giải thích được cho tướng Dương Văn Minh ở Sài Gòn về kế hoạch 34A. Ông ta nói với Minh rằng các cấp cao nhất của Chính phủ Mỹ đã phê chuẩn kế hoạch này và ông hy vọng nhà cầm quyền Việt Nam Cộng hoà cũng sớm nghiên cứu chuẩn y và thực hiện. Minh không trả lời. Mặc dù giữ thái độ im lặng nhưng nhóm hoạt động đặc biệt "Cheney" của Nam Việt Nam đã triển khai các toán ra miền Bắc.

Ba ngày sau, MACV chính thức thành lập một tổ chức vũ trang để thực hiện kế hoạch 34A bằng lực lượng của nó ở miền Nam, đó là nhóm công tác đặc nhiệm (SOG) dưới quyền chỉ huy của đại tá lục quân Mỹ Clyde R. Russell. Trong lịch sử chính thức của mình SOG đã ghi lại

các hoạt động ban đầu và tư tưởng chỉ đạo các hoạt động bí mật như sau: SOG được thành lập vào ngày 24/1/1964 là nhóm công tác đặc nhiệm dưới sự giám sát trực tiếp của Tham mưu trưởng MACV. Nó có nhiệm vụ tăng cường quấy rối, chia rẽ, gây áp lực chính trị, bắt tù binh, thu thập tình báo, phá hoại cơ sở vật chất, tuyên truyền tung tin giả chia rẽ chống Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Theo định hướng chính sách cho các hoạt động đặc biệt nhận được từ Washington trong tháng 3 thì người ta đang mong đợi những hoạt động như thế. Ở MACV toàn bộ kế hoạch này được mang tên MACV OPLAN 34A. Nó được đặt dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân nhằm tăng cường chương trình hành động chống miền Bắc. Lúc đầu quân số của nó rất ít ỏi và hoạt động của nó chủ yếu dựa vào số lính động viên sang Việt Nam làm việc tạm thời trong một thời gian ngắn.

Các hoạt động của SOG được chia cho 4 nhóm với những nhiệm vụ khác nhau: nhóm biệt kích vận chuyển bằng đường không, nhóm yểm trợ hàng không, nhóm biệt kích đường biển, và nhóm tâm lý chiến. Về số lượng mà nói nhóm biệt kích đường không là đông nhất, nó tiến hành các hoạt động phá hoại nhỏ, thu tập tình báo, phá giao thông, và tiến hành các hoạt động chiến tranh tâm lý với mức độ hạn chế. Để thực hiện các hoạt động này, CIA đã cung cấp cho SOG 169 biệt kích người Việt Nam hiện đang ở Trung tâm huấn luyện gián điệp biệt kích Long Thành. Về phía miền Nam Việt Nam, thiếu tá Ngô Thế Linh phụ trách hệ thống chỉ huy đến tận từng toán. Tất cả đều trực thuộc Tổng hành dinh lực lượng đặc biệt Việt Nam Cộng hoà do đại tá Lam Sơn chỉ huy.

Nhóm biệt kích đường biển nhằm các mục tiêu ven biển Bắc Việt Nam, bao gồm đánh phá các cơ sở ven biển, phá các công trình ven biển và thu thập tình báo... bên ngoài người ta cho rằng lực lượng tiến hành hoạt động này thuộc phân đội cố vấn hải quân ở Đà Nẵng, nhưng thực tế bên trong MACSOG lực lượng này được gọi là "Đội biệt hải".

Kế hoạch 34A hình như đã bị một cú thất bại vào ngày 28/1, khi tướng Nguyễn Khánh, tư lệnh quân đoàn 1 ở phía Bắc của Nam Việt Nam mặc quần áo dân sự, trở về Sài Gòn liên kết với tướng Trần Thiện Khiêm, tư lệnh quân đoàn 3 bao vây Sài Gòn, làm đảo chính tướng Minh và tạm thời làm vô hiệu hoá Chính phủ Sài Gòn. Điều này có nghĩa rằng lại phải thuyết phục các nhà lãnh đạo mới để họ phê chuẩn kế hoạch 34A. Mặc dầu chưa có sự phê chuẩn

chính thức của Chính phủ Nam Việt Nam, Washington vẫn đơn phương thực hiện, ngày 1/2 tướng Harkins đã được thông báo thực hiện giai đoạn 1 của kế hoạch 34A, được Bộ Quốc phòng phê chuẩn, gồm 1 danh sách 33 mục tiêu tấn công do Bộ Tư lệnh hành quân đặc biệt thi hành.

Tháng 2, SOG bắt đầu thực hiện 6 phi vụ đầu tiên của giai đoạn 1 thì 5 phi vụ là để cung cấp hậu cần cho các toán biệt kích mà CIA đã đánh đi trước đó, 4 phi vụ trong đó không thành công, phi vụ thứ 5 là thả dù tiếp tế cho 1 toán, phi vụ 6 là cuộc tấn công các tàu miền Bắc đang neo đậu ở cửa sông Gianh-Quảng Bình cũng thất bại nốt. Sóng to làm đắm một tàu và gần như toàn bộ mìn và vũ khí đều bị mất.

Tháng 3, tức là chưa đầy 2 tháng sau khi chính thức nhận chức chỉ huy các hoạt động bán quân sự, tướng William C. Westmoreland, tư lệnh sau này của quân lực Hoa Kỳ ở Việt nam đã họp với Bộ trưởng Quốc phòng McNamara, tướng Taylor và đại sứ Mỹ Leonard Unger. Họ thống nhất tiếp tục thực hiện kế hoạch 34A và chuẩn bị ném lực lượng đặc biệt Nam Việt Nam sang Lào mà người ta biết đến dưới cái tên là cuộc hành quân Lena bất hạnh. Washington vẫn chưa nhận được dấu hiệu nào cho thấy sự chấp thuận về chính trị đối với kế hoạch 34A và hiện có những dấu hiệu cho thấy rằng niềm lạc quan ban đầu về một hoạt động được Sài Gòn ủng hộ đang được thay thế bằng nỗi bi quan.

Lịch sử chính thức của SOG viết tiếp:

Trong khi thực hiện OPLAN 34A chúng ta không nên ép Chính quyền Miền Nam phải đặt ưu tiên hàng đầu với các nguồn tài chính mà họ cần để tiếp tục cố gắng của họ chống phong trào nổi dậy một cách thắng lợi. Mỹ phải có các nguồn tài lực đó. Quan điểm của Washington bấy giờ đối với các hành động được phê chuẩn cho kế hoạch OPLAN là một chương trình theo ý muốn chứ không phải là cơ bản. Sau cuộc viếng thăm, một bản báo cáo đã được đệ trình lên Hội đồng An ninh quốc gia. Báo cáo này được Tổng thống xem xét và phê chuẩn tại cuộc họp Hội đồng này ngày 17/3.

Bản thông điệp dày 32 trang của Hội đồng An ninh quốc gia là kết quả cuộc họp ngày 17/3

ở Washington cho phép MACSOG hành động như một quốc sách, dưới sự chỉ đạo của Bộ Ngoại giao. Một bức thông điệp tiếp theo của Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân gửi Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương và tướng Harkins thông báo rằng Trợ lý Ngoại trưởng phụ trách các vấn đề Viễn Đông đã được chỉ định là người phối hợp thực hiện các điều nêu trong bản báo cáo đó.

Như đã được ghi lại trong lịch sử chính thức của SOG, sự lạc quan lúc đầu của Bộ trưởng Quốc phòng vào tháng 12/1963 bây giờ đã thay thế bằng lập trường là SOG sẽ không có khả năng thực hiện được gì nhiều. Điều đó một phần cho thấy là quan niệm cho rằng các biện pháp leo thang từ từ chống Hà Nội để họ giảm xâm nhập quân vào Miền Nam được coi là không còn giá trị nữa. Mặc dù có sự thừa nhận như vậy, nhưng vẫn chưa có bằng chứng nào cho thấy người ta sẽ xét lại luận thuyết cơ bản của kế hoạch hoạt động này trong khi những người lãnh đạo các hoạt động gián điệp biệt kích ở Nam Việt Nam vẫn được tiến hành mà vẫn chưa được Chính quyền Sài Gòn ủng hộ về mặt chính trị.

Lịch sử chỉ huy của SOG cho thấy Washington đã phải xem xét lại, đó là kết quả từ quyết định của cuộc họp Hội đồng An ninh quốc gia vào tháng 3/1964.

Chúng ta đang hành động chống Việt Nam Dân chủ Cộng hoà bằng hoạt động biệt kích rất hạn chế, hầu như chẳng có hiệu quả gì (ảnh hưởng cả đến chính sách của Mỹ với Lào và Campuchia).

Điều đó cho thấy rõ ràng hơn vào tháng 3, Washington thay đổi quan điểm về những giả thiết để vạch ra kế hoạch 34A-64 mà Mc Namara là người ủng hộ mạnh mẽ nhất vào tháng 12. Trước đó một sự thay đổi diễn ra trong khi kế hoạch 37 của Cincpac (Tư lệnh Thái Bình Dương) đang nhanh chóng thông qua giai đoạn lập kế hoạch cụ thể. Kế hoạch 37 khi được thực hiện sẽ xảy ra các cuộc không kích trực tiếp miền Bắc, trong kế hoạch 34A các cuộc không kích được coi là nấc cao hơn của cuộc leo thang.

Giai đoạn 1 của kế hoạch 34A được tiếp diễn đến tháng 3 bằng 8 phi vụ, 6 phi vụ đã thất bại, nhưng nhóm yểm trợ hàng không báo cáo một vụ rải truyền đơn trên miền Bắc thành công và nhóm hải quân báo cáo một vụ thành công trong một phi vụ tấn công một mục tiêu ven biển. Những người nhái Việt Nam tại Đà Nẵng lại đánh giá khác về khả năng thành công các phi vụ đội biệt hải và ý nghĩa đích thực về các con số thống kê hàng tháng của MACSOG.

Theo một người nhái kể lại phi vụ đầu tiên của anh ta hồi tháng 3, là đánh các tàu ở cửa Ròn thuộc bờ biển Nghệ An. Khi những người nhái đến cửa Ròn thì các tàu miền Bắc đã di chuyển đi nơi khác và không còn đủ thời gian để hoàn thành nhiệm vụ nên họ phải quay lại tàu PTFS. Vũ Đức Gương, người sống sót trong phi vụ tiếp theo đã kể lại:

- Sáng 12/3/1964, chúng tôi được giao nhiệm vụ đánh mìn các tàu của hải quân Bắc Việt Nam tại 2 nơi ở cửa sông Gianh. Chúng tôi có 4 người. Khi chúng tôi đến hai địa điểm này thì chẳng thấy tàu nào cả? Chúng tôi cảm thấy thất vọng sau gần 5 tháng chẳng phi vụ nào thành công, và tôi quyết định tiến lên nữa may ra tìm được một mục tiêu khác. Chúng tôi còn đang trong bụi rậm cách xa bờ, thì tàu Bắc Việt đột ngột xuất hiện trên sông Gianh.

Chúng tôi biết rằng không thể thoát ra khơi được và chúng tôi vẫn còn nghe thấy tiếng máy tàu PTFS ở ngoài khơi, trong khi đó người Bắc Việt đang la hét trên các tàu của họ, còn chúng tôi bắt đầu chuồn dọc theo bờ biển phía Nam. Tiếp theo đó là tiếng súng nổ. Giới và Ngũ chạy mỗi người một ngã và chắc Giới đã chết trong loạt đạn đầu tiên này còn Ngũ thì bị bắt. Hai chúng tôi bị bắt khi đến gần giáp giới phía Nam Quảng Bình. Rõ ràng là một cuộc truy lùng trên quy mô lớn bao gồm lực lượng dân quân tự vệ, Công an và bộ đội đang vây chặt chúng tôi. Chúng tôi bị bắt ngày 15/4/1964.

Gương còn biết rằng sau phi vụ của anh ta ngày 12/3 một cuộc tấn công vào ngày 15/3 cũng bị thất bại khi Nguyễn Văn Sắc-một thành viên của lực lượng tấn công bờ biển rõ ràng đã bị bắt trên bãi biển. Sắc đã phục vụ quân đội liên hiệp Pháp từ trước 1954 và đây lại thêm một vết đen nữa bắt lợi cho anh ta. Gương nói tiếp:

- Tôi nhớ có nghe thấy tin nhóm Sắc xuất phát vào ngày 15/3. Có tiếng súng trường không giật 57 mm từ ngoài bờ biển vọng vào và các anh công an nói đó là súng bắn từ một tàu của một toán biệt kích khác định giải vây cho chúng tôi. Tôi nhớ vào tháng 5/1964 tôi xác định

được Sắc đang bị giam ở xà lim bên cạnh tôi. Anh ta bị kết án tử hình vào tháng 7/1964. Sau khi Toà xử anh ta bị đem bắn ngay tại nhà tù do một đội thi hành án thực hiện. Tôi bị đem ra xét xử khoảng tháng 6 cùng với Nguyễn Văn Lê. Anh ta và một người nhái khác tên Gin là thành viên của một toán 7 người được phái đi do thám bờ biển Quảng Bình, nhưng bị lực lượng miền Bắc bắt ngờ tóm gọn. Cả hai đều là người Hoa và cùng học lớp người nhái với tôi, nhưng sau lại chuyển sang đội tấn công ven biển. Gin bị chết lúc Lê bị bắt. Lê bị kết án tử hình trong phiên toà cùng xét xử với tôi. Anh ta bị đưa đi bắn ngay.

Tháng 9/1964 chúng tôi bị chuyển đến trại cải tạo Trung ương số 3. Vào thời điểm này, Mỹ đã ném bom miền Bắc, các tù nhân ở trại Trung ương 3 và trại Yên Thọ đều được chuyển đến các trại nằm rải rác gọi là trại sơ tán. Lúc đó tôi không để ý nhiều đến những việc này. Tôi là một tù binh và là một tù binh trong suốt 15 năm sau.

Tổn thất về người nhái tại cửa sông Gianh xảy ra cùng một lúc với một phi vụ khác chống miền Bắc. Một toán tìm cách đánh cầu Kỳ Anh tại tỉnh Hà Tĩnh. Vòng A Cầu và Châu Hên Xương bị bỏ lại dưới nước gần mục tiêu khi toán của họ bị phát hiện trước lúc tiếp cận mục tiêu. Ba ngày sau họ đã ở xà lim Công an tỉnh Hà Tĩnh.

Kết quả các phi vụ đầu tiên của lực lượng biệt hải MACSOG đã được những người bên ngoài tổ chức SOG coi là bi đát. Sự đánh giá như thế đã chứng tỏ một thực tế rằng những cha đẻ của chúng đều thừa biết sự không tương, sự ép buộc và hiểm họa của cái kế hoạch cổ lỗ sĩ mang tên 34A.

Ví dụ, đại tá Lodge đã báo cáo rằng các hoạt động của lực lượng biệt hải chẳng có tác dụng gì với Hà Nội. Sau đó đô đốc hải quân Mỹ Grant Sharp, tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương cũng báo cáo rằng Bắc Việt Nam "phòng thủ ở những khu vực nóng tỏ ra mạnh mẽ và hiệu quả hơn người ta đánh giá ban đầu" và coi việc "thiếu tin tức tình báo" đã là nguyên nhân dẫn đến thất bại của các hoạt động biệt hải. Ở Nam Việt Nam tướng Westmoreland bắt đầu kêu gọi cung cấp thêm thông tin tình báo về các mục tiêu dọc bờ biển Bắc Việt Nam để có thể cứu vãn thất bại của kế hoạch 34A, nhưng Bộ tư lệnh Thái Bình Dương trả lời rằng các mục tiêu phá hoại "khó tiếp cận hơn là người ta tưởng tượng khi vạch kế hoạch 34A".

MACSOG phát hiện thấy số biệt kích các toán đào ngũ ngày càng tăng. Một số trường hợp các toán có biên chế từ 6 đến 10 người lúc đầu bây giờ chỉ còn một nửa. Để duy trì về hoạt động bề ngoài, đơn vị phối hợp với MACSOG của quân đội Nam Việt Nam đã tuyển mộ thêm một số biệt kích để tăng cường và bắt đầu một chương trình bổ sung các toán thiếu quân số thành các toán mới cho đủ số lượng để có thể tiếp tục những phi vụ đối với những mục tiêu đã được phê chuẩn theo kế hoạch 34A của Lầu Năm góc.

Trong tháng 4 MACSOG đánh đi thêm 6 toán, thì 5 toán được coi là thành công. Trên giấy tờ, người ta đã tạo ra cảm giác là mọi chuyển cuối cùng cũng đều ổn thoả.

-----oOo-----

(Hết mục 6)

7. "HỌ" MUỐN CÓ KẾT QUẢ NGAY...

Chưa hẳn là đã có sự nhất trí cao giữa Mỹ và đối tác Nam Việt Nam trong việc đánh giá tình hình các đội biệt kích từ miền Bắc quay về. Để kế hoạch 34A còn có được một chút tin cậy nào đó. Các toán biệt kích xâm nhập bằng đường không được đánh giá là "an toàn" không bị "vấy bẩn". "An toàn" là đã tới được miền Bắc còn nguyên vẹn để hoạt động mà không bị bắt và hiện vẫn tiếp tục có báo cáo về Sài Gòn.

Nếu chúng được an toàn thì dự án bán quân sự (gián điệp biệt kích) của CIA và chỗ dựa tinh thần của kế hoạch 34A mới đứng vững. Nó cũng hàm ý là CIA đã chuyển giao cho Lầu Năm góc một lực lượng có khả năng thực hiện kế hoạch 34A do Washington vạch ra.

"Vấy bẩn" nghĩa là toán gián điệp bị bắt và đang phải hoạt động dưới sự chỉ đạo của Bắc Việt. Nếu như vậy thì khả năng thành công của kế hoạch 34A đã bị phá tan. Colby đã khuyến

cáo ngay từ trước với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mc Namara rằng dự án không tồn tại được, nhưng chẳng có điều gì cho thấy ông ta có một chút quan ngại rằng CIA đang chuyển giao cho Lầu Năm góc các toán đã bị Bắc Việt bắt và đánh trở lại.

Nếu thật có khả năng là Lầu Năm góc đang thừa hưởng các toán bị "Vấy bẩn", thì người ta đã phải rung chuông cảnh báo.

Những cảnh báo như vậy lẽ ra đã phải có dựa trên kinh nghiệm về những chiến dịch hoạt động lừa bịp của giới lãnh đạo CIA từ hơn một thập kỷ trước đó khi các điệp viên CIA thất bại ở Đông Âu, đặc biệt là ở Ba Lan. Mặc dù Colby công nhận đã được người phó nhắc lại bài học này trước khi có cuộc họp quyết định tháng 11/1963 tại Hawaii, nhưng rõ ràng Colby đã không truyền đạt nổi những bài học đã lĩnh hội được của CIA.

Chiến lược của Washington trong kế hoạch 34A chủ yếu là yêu cầu các toán từ miền Bắc đánh điện về vì tháng 1/1964 vẫn được coi là an toàn. Áp lực đối với các nhà vạch kế hoạch ở Washington cũng không căng như áp lực đối với những kẻ ở chiến trường. Tuy nhiên, chính 6 toán an toàn trở về đã làm Mc Namara có đầy đủ lý do để tin vào ảo tưởng thành công của kế hoạch 34A.

Đầu năm 1964, đại tá Trần Văn Hổ lên chỉ huy đơn vị người Việt phối hợp với bộ phận SOG của đại tá Russell, vẫn lấy tên là Sở đo đạc địa hình. Đại tá Hổ vẫn tỏ ra nghi ngờ đã đặt câu hỏi về tác dụng của các toán này và muốn sớm kết thúc hoạt động của các toán tầm xa ngay khi lên nắm quyền chỉ huy. Lời khẩn cầu của Hổ bị đại tá Russell bỏ ngoài tai, và các hoạt động vẫn tiếp tục.

Một số quan chức Mỹ nghi ngờ về khả năng tồn tại của kế hoạch 34A và thực tế các sự việc xảy ra đã vượt quá lời tuyên truyền huyênh hoang. Nhưng trong báo cáo không có lời lẽ nào dám đi quá xa đến mức nói rằng các toán quay về đều là bị "vấy bẩn" cả.

Một người biết rõ nguy cơ ở khu vực vĩ tuyến là Gilbert Layton-sỹ quan chỉ huy biệt kích giỏi của CIA từ 1960 đến 2/1964. Chương trình CIDG của ông ta hiện đang được Lầu Năm

góc điều khiển, với những quan điểm đã làm ông ta nổi tiếng ngay với tướng Stilwell.

Layton biết lực lượng đối địch có thể len lỏi vào CIDG và các toán biệt kích vượt tuyến, nhưng ông ta tin vào tỷ lệ cạnh tranh 9 chọi 1, trừ khi lực lượng bên địch nhiều hơn dự tính của ông ta. Trong trường hợp các toán bị bắt và bị đối phương đánh trở lại, Layton đã có phương án đối phó với tình huống đó. Nhưng Bắc Việt khác xa với Lào. Layton và những người như ông ta sợ nhất là những toán bị đối phương Bắc Việt điều khiển hoàn toàn rồi đánh trở về. Điều này vượt ngoài kế hoạch 34A, vì được coi như là ảo tưởng. Cái đó cũng có nghĩa là Hà Nội đang dùng "gậy ông đập lưng ông", "tương kế tựu kế" đánh lại chúng ta giống như trong thế chiến II, đang được ghi vào sử sách rằng Đồng minh đã thắng Đức vào đêm trước ngày D tháng 6/1944 nhờ cách đó. Lẽ ra quân đội và CIA, những người đã tổng kết chiến tranh thế giới thứ 2 phải áp dụng bài bản đó trong chiến tranh với miền Bắc, nhưng không có gì cho thấy là có điều đó.

Samuel Halpern, một sĩ quan của CIA, đã đánh giá một cách tinh tế hơn về vấn đề cơ bản của chương trình gián điệp biệt kích mà CIA đã chuyển cho Lầu Năm Góc.

Không có một ai, hiểu biết tốt nhất về bản thân ta hơn ta. Có một sự khác nhau về quan điểm giữa Jim Angleton và B. Colby. Angleton thì phụ trách cơ quan phản gián ở Tổng hành dinh, còn Colby là trưởng trạm CIA từ năm 1961. Colby không quan tâm đến Nam Việt Nam, và ông ta không muốn mất thì giờ, cũng như công sức vào đấy. Trạm Sài Gòn không có lấy một ai có đủ năng lực thực sự để điều hành cơ quan phản gián cho đến những năm 60 và cả sau này nữa. Quan điểm của Colby về Angleton và công tác phản gián đã không thay đổi sau khi ông ta rời Sài Gòn, để lên làm trưởng phòng Viễn Đông. Quan điểm của ông ta hoàn toàn trái ngược với Angleton.

Angleton đã có những quan điểm trái hẳn với cách suy nghĩ của mọi người, ví dụ Angleton đưa lời tiên đoán không có sự rạn nứt quan hệ Trung Quốc-Liên Xô 1959. Mặc dầu một số sĩ quan tỏ ra đồng tình với Angleton, nhưng cảm giác chung của đa số là sự rạn nứt đó không thể không xảy ra.

Angleton chỉ biết khuyên người khác hãy kiểm tra vấn đề an ninh chung còn ông ta không thể dùng các hoạt động theo cách nghĩ riêng của mình lại được. Trường hợp các hoạt động bán quân sự của Sài Gòn, theo tôi biết, đã không có một cố gắng nào để kiểm tra xem có sự xâm nhập của miền Bắc vào miền Nam không? Không xem xét miền Nam đã làm gì để điều phối trạm CIA. Tôi không nghĩ rằng ở Sài Gòn là biết hết mọi chuyện. Trạm CIA đã không thực sự quan tâm xem xét vấn đề xâm nhập, dù từ Hà Nội hay từ Sài Gòn và đó chính là vấn đề cơ bản. Vì Sài Gòn không chú ý đến vấn đề xâm nhập, nó chỉ được đề cập tới khi đã trở thành vấn đề trầm trọng khó phương cứu chữa.

Rõ ràng Trạm CIA coi là không có vấn đề gì. Nếu biết các toán biệt kích đã bị địch khống chế, thì Lầu Năm góc chắc đã chẳng để yên. Tôi không tin rằng Trạm của Sài Gòn biết hết điều này tôi xin nhắc lại, vì không một ai để ý đến vấn đề này cả. Tôi nghĩ sẽ là một chuyện nực cười nếu như có một toán biệt kích nào đó từ miền Bắc truyền tin về sai quy ước an toàn mà lại không nghi ngờ là bị đối phương khống chế. Sao lại có thể dễ dàng tin rằng mọi việc diễn ra suôn sẻ được? Nếu biết rõ có toán bị đối phương khống chế rồi thì người ta lại đoán rằng từ nay các chiến dịch bán quân sự phải xem xét thận trọng hơn.

Nếu CIA biết các toán đã bị đối phương khống chế, CIA phải thông báo ngay cho Bộ Quốc phòng, nhưng họ đã để tùy thuộc Bộ Quốc phòng muốn làm gì thì làm vì đó là việc của Bộ Quốc phòng mà CIA đã chuyển giao.

Nhìn chung, mục tiêu của "Trò chơi điện đài" là bắt nhân viên tình báo phải tỉnh táo. Sỹ quan mặt trận cũng như tại chỉ huy sở. Nếu biết một người nào đã bị địch khống chế, thì không được phổ biến lại những thông tin từ người này mà chỉ có thể sử dụng các bức điện mà họ đã đánh về, để đánh giá xem họ đã bị địch dùng ra sao và bên địch muốn chúng ta nghĩ gì?

Bên ngoài thì Hà Nội muốn Sài Gòn và Washington tin rằng các chiến dịch bán quân sự là có thể thực hiện được, và CIA không thể khẳng định nổi là có bao nhiêu toán hiện nay đã bị Hà Nội khống chế. Điều này cho thấy rằng Hà Nội đã biết những gì mà CIA và bên đồng minh

biết.

Lầu Năm góc được thừa hưởng 5 toán ARES, BELL, REMUS, TOURBILLON và EASY (toán thứ 6, EUROPA, bị địch khống chế điện đài, nhưng ngày hôm sau khi bị bắt đã ngừng truyền tín hiệu coi như toán bị xoá sổ). Mặc dầu, các toán đã bị địch khống chế nhưng sự tồn tại của nó vẫn là chỗ dựa sống còn của kế hoạch 34A. Nếu không có chúng, người ta tự hỏi kế hoạch còn giữ được độ tin cậy nào nữa không.

Trên giấy tờ, lúc đầu 5 toán thừa kế này tổng số có 32 điệp viên. Qua vài năm, Hà Nội kêu là đã mất 4 người: một của TOURBILLON coi như chết lúc nhảy dù xuống miền Bắc Việt Nam ba người của BELL báo cáo là bị ốm chết. Hà Nội muốn Washington và Sài Gòn tin rằng 28 tên còn lại vẫn "an toàn". Khi chúng được chuyển giao chính thức cho đại tá Russel điều khiển tháng 1/1964. Cuối năm, Hà Nội báo cáo thêm 2 điệp viên của toán TOURBILLON chết trong trận phục kích 24 tháng 12. Báo cáo ấy của Hà Nội là hoàn toàn giả tạo.

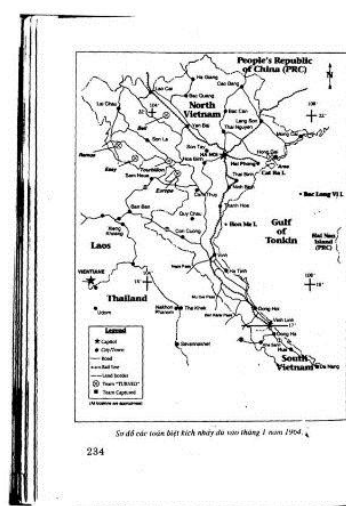
Đại tá Russel chuẩn bị lãnh trách nhiệm Washington giao cho thêm 13 toán mới, với tổng số 80 điệp viên đã sẵn sàng. Theo Colby, đây cũng vẫn là một cố gắng còn khiêm tốn của Mc Namara muốn lấy số lượng bù chất lượng mà CIA bị mất ở miền Bắc năm 1963. Dùng các toán này để đối phó với các cuộc nổi dậy tăng dần ở miền Nam là còn ít, mà để đối phó với cuộc xâm nhập của miền Bắc vào miền Nam thì lại càng ít hơn.

Tám toán, 43 điệp viên, tăng cường cho bốn trong năm toán trước của CIA, được triển khai ở Đông Bắc Bắc Việt Nam. Tất cả đều ở phía bắc vĩ tuyến 20 tập trung phần lớn ở dải đất hẹp dọc vĩ tuyến 21, gần rìa phía nam của khu vực Trung Quốc đóng căn cứ để máy bay, kỹ sư và lực lượng khác viện trợ cho miền Bắc vào thời điểm cuối năm 1960.

Thêm bốn toán nữa vào Nghệ An hè năm ấy, án ngữ tuyến quốc lộ 7 là đường của Quân đội Nhân dân Việt Nam vẫn rút người, dụng cụ vũ khí vào cánh đồng Chum ở tỉnh Xiêng Khoảng- Bắc Lào. Theo lời những điệp viên sống sót và theo tài liệu về địa điểm triển khai thì nhiệm vụ của họ là theo dõi hoạt động của lực lượng Bắc Việt vào Lào. Nếu thành công,

là họ đã thực hiện một mằng thông tin tình báo về sự xâm nhập của Bắc Việt vào sâu phía bắc Lào để đối phó với lực lượng của tướng Vàng Pao người H'mông, họ đã đáp ứng được yêu cầu của Bộ Chỉ huy Thái Bình Dương để cho Phi đoàn 7 và Hạm đội 7 chuẩn bị sẽ vào hoạt động ở vùng này.

Việc triển khai các toán này tỏ rõ rằng người ta không còn coi trọng mục tiêu của kế hoạch 34A là cảnh cáo miền Bắc phải giảm xâm nhập vào miền Nam. Thêm nữa, xem xét vị trí để nhảy dù và diện hoạt động của mười ba toán này chứng tỏ họ không còn gì phải làm với miền Nam Việt Nam nữa. Rõ ràng nhóm công tác đặc biệt của Bộ Ngoại giao, CIA và Lầu Năm góc đều biết.



Kế hoạch 34A phải thay đổi, các đội của SOG đã trở thành tai mắt của CIA tại Bắc Lào, còn có ý nghĩa hơn cả những bức thông điệp gửi tới Hà Nội về việc Hà Nội đưa quân xâm nhập miền Nam.

Mùa xuân 1964, Kế hoạch 34A bị coi như không dùng được nữa. Cái đó rõ vì người ta đã dàn xếp bên lề Hội đồng An ninh quốc gia là sử dụng các đội thám báo tại Lào để giúp các hoạt động của Mỹ còn hơn là tại miền Nam Việt Nam.

Một toán đã bị kết liễu, 28 điệp viên của toán CENTAUR bị chết khi chiếc máy bay C123 vừa cất cánh rơi ngay do trời đang mưa bão. Rơi xuống rừng rậm cạnh bán đảo Sơn Trà, ngoài thành phố Đà Nẵng. Các tài liệu về vụ tai nạn cho thấy rằng toán này được cử đi công tác huấn luyện, nhưng bộ tham mưu của MACSOG muốn hoãn chuyến bay vì gió, bão mạnh. Sài Gòn ra lệnh phải cất cánh bằng bất cứ giá nào. Xác của một trung sỹ lực lượng đặc biệt Mỹ và của một phi công Mỹ mất tích.

CIA còn giữ lại một trọng tâm của kế hoạch 34A, đó là nội dung tác động tâm lý chiến mà các toán bán quân sự của họ cần đến. MACSOG và CIA thống nhất như vậy và giao cả nhiệm vụ hoạt động tâm lý chiến cho từng toán. CIA nói thẳng đó cũng là lý do họ còn sử dụng các toán (xem phụ lục 4).

Ở địa bàn khác, CIA xem xét lại, duyệt hay không duyệt các danh sách mục tiêu đề ra từng tháng và nắm quyền triển khai các toán. Mặc dầu đã dự kiến nhiều cuộc tấn công hơn con số 45 mục tiêu ban đầu của kế hoạch 34A giai đoạn I và II, ví dụ: vụ các toán lực lượng đặc biệt nhảy xuống dọc quốc lộ 7, CIA đã không duyệt các chiến dịch như thế, vào giai đoạn cuối cùng mới đem thực hiện.

Nhiều toán mới cho ra Bắc cùng với những toán đã ở đấy sẵn đều được bố trí dọc màng lưới đường giao thông và các quốc lộ. Một vài toán đến bằng đường không hoặc đã triển khai năm 1964 được bố trí theo các tuyến đường sắt chính từ Trung Quốc sang Bắc Việt (xem hình 1-3). Triển khai như vậy có thể cung cấp thông tin cho Bộ chỉ huy Thái Bình Dương về các hoạt động của địch trên bộ, nếu như các toán được an toàn cả. Nhưng thực tế chúng không như thế. So sánh cách thức triển khai các toán năm 1963 và 1964 thấy rõ việc triển khai năm 1964 đang giảm dần về trình độ và địa bàn hoạt động, điều đó phù hợp với suy nghĩ của Colby và ông ta đã từng nêu rõ cần chấm dứt chiến dịch vào năm 1965, hoạt động tình báo Mỹ nên giảm dần. Hè năm 1964 ở Hà Nội ai cũng thấy rõ điều này.

Người chỉ huy thứ nhất của MACSOG đã phải thừa nhận rằng, ông ta phủ nhận tất cả tác động của các toán, cho rằng họ đang làm cái công việc mà họ không thể làm được.

Điều hiển nhiên là năm 1969 đại tá Russell đã cay đắng thú nhận trước Hội đồng tham mưu liên quân với những lời lẽ phản ánh rõ những áp lực mà ông ta phải gánh chịu trong những năm 1964-1965 khi ông ta gửi 13 toán điệp viên ra miền Bắc và quyết định số phận của chúng. Nhận xét này cho thấy ông ta không hoàn toàn đồng ý với những gì đã xảy ra. Đại tá Russell nói: Một khi... giới quân sự nắm quyền thì người ta dễ say chiến tích muốn có kết quả ngay. Sai lầm lớn nhất là luôn cho rằng họ phải thu tóm và điều hành các lực lượng theo ý mình. Chẳng hạn muốn thực hiện một phi vụ biệt kích đường biển việc đầu tiên là phải có thuyền tàu và 6 người nhái. Còn khả năng, tinh thần và các điều kiện khác không quan trọng. Như vậy thì tránh sao khỏi thất bại.

Cần phải nói thêm, cơ sở vật chất của căn cứ Đà Nẵng chưa phải là lý tưởng để đào tạo và huấn luyện biệt kích đường biển hoàn chỉnh vì bộ khung chắp vá, vật chất thiếu thốn, đội tàu SWIFT tốc độ và tính năng hạn chế nên kết quả tác chiến trên biển thấp. Hoạt động tác chiến trên không cũng chẳng hơn gì vì các phi hành đoàn phần lớn là người Đài Loan, họ không muốn làm việc cho quân đội còn các toán viên thì sợ chết, bị bắt nên các phi vụ thực hiện trầy trật.

Đáng lẽ chúng ta phải biết lượng sức mình khi tiến hành các công việc. Ở trên bộ, trên không và trên biển... đều phải tính toán khả năng không thể cứ làm rồi đến đâu hay đó.

Tôi không cho rằng chúng ta sẽ gặp khó khăn trong việc tuyển dụng dân địa phương, khi tiến hành chiến tranh du kích ở những nơi ta đưa người đến và tuyển dân địa phương quấy phá nông thôn.

Mặc dầu còn có những hạn chế khiến chúng ta khó tuyển được người. Thực tế là chúng ta không bao giờ cạnh tranh nổi vấn đề này ở nông thôn... Mặc dù bên quân đội cứ muốn đẩy tới, nhưng ngài Đại sứ đâu đã ủng hộ. Tôi nhớ có lần tại cuộc phổ biến chiến dịch người ta bảo cần nói rõ cho toán biệt kích biết là họ không phải tiếp xúc với dân chúng địa phương miền Bắc-thời kỳ đó, họ chỉ làm tâm lý chiến và thu thập tin tức tình báo. Nhưng thật là nghịch lý sẽ không thể thu thập được nhiều tin tình báo khi anh cứ phải ẩn náu mãi trong

rừng, vì sợ chết. Tuy rằng, họ cũng chạy quanh rừng rải truyền đơn in tay. Chỉ có thể thôi thì không thể chấp nhận được. Cần phải có chỉ đạo mạnh mẽ những điều chúng ta muốn họ làm.

Xem xét kỹ, mới thấy có một số người gọi là nhân viên tình báo mà chẳng có trình độ khả năng gì hết. Vẫn trong danh sách được trả lương nhiều năm, rất thích thú với tiền lương, nhưng khi giao nhiệm vụ, thì họ liền thoái thác.

Chúng ta giao nhiệm vụ cho những người này mà chẳng có hứa hẹn gì nhiều khi ném họ xuống. Chúng ta cũng đừng chờ đợi họ trở lại, thậm chí có trường hợp, chúng ta biết rõ họ sẽ giơ tay đầu hàng ngay khi vừa tiếp đất. Và họ đã làm như thế. Đó là lý do thất bại ngay trận đổ bộ đường không đầu tiên. Họ là những tài sản ban đầu cho các hoạt động trên không của chúng ta, chúng ta cũng không thể để mặc họ tự do ở miền Nam được, vì nhiệm vụ của họ là chiến đấu ở miền Bắc. Cách giải quyết của chúng ta là tung họ ra miền Bắc, nhiều người trong bọn họ đã bị bắt.

Tôi cảm thấy rằng, một khi giao nhiệm vụ cho các toán, chúng ta phải làm tất cả để nâng đỡ tinh thần của họ, nếu chúng ta muốn thắng lợi.

Chúng ta không thể bỏ rơi họ vì không thể nào giữ kín với những người của các toán biệt kích còn lại. Đó là chân lý bất biến. Vậy, một khi quyết định bỏ không giúp đỡ họ nữa thì, tốt hơn là anh hãy hủy bỏ toàn bộ chiến dịch đi, vì thực tế anh không còn nhiều cơ hội để thực hiện chiến dịch.

Vào tháng 1/1964, khi Russell nhận 169 điệp viên, thì CIA và Lầu Năm góc đã mất hơn 200 điệp viên ở miền Bắc trước và trong chiến dịch Switch back, mà không đạt được một tỷ thắng lợi nào. Và vẫn còn những lính mới được tuyển dụng. Tất cả họ đều muốn được tuyển và rất muốn ra Bắc để chiến đấu.

Những toán điệp viên mà đại tá Russell kế thừa là những toán mạnh gồm các điệp viên đã được huấn luyện nhiều năm. Nhiều người tình nguyện hoạt động tại các địa bàn hợp với

tiếng nói và hiểu biết của họ. Chiến dịch Switch back đã kết thúc dự định thận trọng đó. Tuy nhiên, những điệp viên đi ra miền Bắc giữa và sau năm 1963 không nhất thiết phải trở về vùng quê của họ để hoạt động. Cuối năm 1964, Russell đã giao nhiệm vụ cho nửa số nhân viên của 13 toán vượt quá con số trung bình của 15 toán có được trong năm 1964 (xem phụ lục 1-5).

Các điệp viên mới tuyển được bổ sung để tái lập các toán mới của Russell. Tháng 1/1965 ông ta có 197 người, 115 người trong số họ sẵn sàng để được ném ra Bắc. Mùa xuân năm đó, một số điệp viên được lấy từ các toán hoạt động đường dài để thành lập các toán hoạt động qua biên giới, rồi được đào tạo để hoạt động ở Lào trong khuôn khổ kế hoạch 35A.

Như vậy đến cuối 1965, hầu hết các điệp viên được chuyển giao vào tháng 1/1964 đã được tung ra Bắc. Điều đó chứng tỏ Russell đã làm đúng như ông ta nói với SCS là sẽ "tống khứ tất cả". Chỉ ít người còn lại "được thả lỏng".

Đại tá Russell có vẻ thật sự tin rằng ông ta đã giao nhiệm vụ cho các toán người Việt mà ông ta vừa nhận lãnh là giải pháp duy nhất đúng để giải thoát cho họ. Điều đó được một vài quan chức Mỹ gợi ý do bị thúc ép của cấp trên, nên hẳn phải hành động như thế.

Đại tướng Westmoreland nhấn mạnh sức ép không phải do ông ta. Ông ta coi những hoạt động này như là một cái gì đó do Washington đẻ ra và nuôi dưỡng. Nếu có sức ép nào, phải là do tướng Stelwell, tham mưu trưởng của ông ta, chịu trách nhiệm về MACSOG. Trước đây, Stelwell chịu trách nhiệm về hoạt động bán quân sự của CIA tại Viễn Đông.

Russell biết rõ các toán ra hàng nhiều. Mãi tận cuối 1969, hẳn cũng không hiểu nổi tại sao hễ gửi toán nào ra cũng bị lực lượng địch chờ sẵn dưới đất để bắt ngay.

Những tên sống sót đã cho biết là chỉ có toán BOONE thực tế đã đầu hàng. Tuy nhiên, đầu hàng là do trong tình huống ngặt nghèo ngay dưới mũi súng và trong các bối cảnh bất khả kháng. Do họ bất lực và hèn nhát đã dẫn đến chỗ chết hoặc bị bắt. Họ là kết quả đào tạo ròng rã nhiều năm của lực lượng đặc biệt gồm phần lớn lính tình nguyện mũ nồi xanh đã

hết lòng dạy dỗ. Nếu thất bại không phải tại họ không cố gắng. Thất bại có thể là do thiếu sót cơ bản trong khái niệm và do thiếu nhất quán về phía các người đã tiếp tục vạch ra một kế hoạch lỗi thời, thiếu quan tâm thích đáng đến hậu quả lâu dài của việc làm của họ. Không thể đổ lỗi cho những người chết đã nỗ lực để thử đổi đen thành trắng.

Ông ta nói tiếp:

- Những gì mà đại tá Russell thấy là ít được dùng, loại lực lượng mà tướng Stewell đã quá quen thuộc ở cuộc chiến tranh khác nhưng thiếu mất bài học sâu sắc của CIA về sự xâm nhập của tình báo đối phương trong các cuộc chiến tranh ấy.

Bộ trưởng quốc phòng đã làm cho Tổng thống tin rằng các nhân viên tình báo có thể lấy được những thông tin mà đa số những người liên quan đều biết là Hà Nội sẽ lờ đi còn CIA vẫn im lặng về mức độ nguy hiểm đang tiềm ẩn và ngày một gia tăng.

-----oOo-----

(Hết mục 7)

8. MÙA HÈ 1964.

Tại hội nghị Chính trị đặc biệt ở Hà Nội vào hai ngày 27 và 28/3/1964 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự đoán rằng trong trường hợp xảy ra một cuộc chiến tranh, nhân dân Việt Nam sẽ đoàn kết lại, và Việt Nam sẽ được tất cả các nước XHCN ủng hộ, còn Washington sẽ bị cả nhân dân Mỹ và các đồng minh của Mỹ chống lại. Ông Hồ đưa ra dự đoán này trong khi các sỹ quan của Bộ Công an, hoạt động thông qua các biệt kích bị bắt, tiếp tục đánh lừa Sài Gòn và Washington làm cho họ tin rằng các biệt kích đang tích cực hoạt động trong lòng địch.

Trong khi ông Hồ đưa ra dự đoán này thì Bộ Công an đã sẵn sàng để loại trừ một nỗi lo lắng nhỏ đối với Bộ Chính trị bằng cách bắt ngay các nhân vật xét lại. Đến tháng tư đại bộ phận các nhân vật xét lại cao cấp đều bị bắt và bỏ tù tại một nhà tù An ninh quân đội gần nhà tù Bất Bạt.

Ở Hà Nội người ta giải thích rằng mối quan hệ của những người xét lại với Liên Xô là kết quả một âm mưu gián điệp nhằm lôi kéo những người Việt Nam phản bội làm gián điệp cho Matxcova. Cô lập những người xét lại tại nhà tù Bất Bạt rõ ràng là nhằm mục đích loại trừ họ ra khỏi bối cảnh chính trị của Hà Nội trong thời kỳ Washington đang tìm cách gửi cho Bắc Việt Nam bức thông điệp bí mật của họ.

Việc Hà Nội theo lập trường không thương lượng của Trung Quốc đã trở nên rõ ràng với Ngoại trưởng Dean Rusk vào thời điểm xảy ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ. Ông nhận thấy rằng Bắc Kinh không quan tâm tới việc giúp đỡ để dẫn tới một cuộc thương lượng tìm ra một giải pháp cho cuộc xung đột mới chớm nở, dù là song phương hay thông qua hoặc là Liên hợp quốc hoặc sự dàn xếp ở Gionevơ. Thực tế này đã được các nhà phân tích tình báo Bộ Ngoại giao biết rõ. Người Trung Quốc không muốn đi ngược lại lập trường công bố chính thức của họ, do đó họ làm ra vẻ những người đứng ngoài cuộc như trước đây họ đã từng buộc tội Matxcova.

Việc Hà Nội miễn cưỡng theo lập trường của Trung Quốc là một sự chấp nhận thực tế nhu cầu buộc họ phải theo chính sách ngoại giao của Bắc Kinh, ít ra là một chiến lược ngắn hạn, mặc dù họ có mối hận thù lâu đời đối với Trung Quốc. Thí dụ, Hà Nội đã đề nghị Trung Quốc có thiện chí cho phép chở bằng đường sắt qua Trung Quốc các thiết bị quân sự của Liên Xô. Trung Quốc có thể đóng cửa bất cứ lúc nào họ muốn như họ đã làm vào mùa xuân 1964 khi Liên Xô tìm cách chở qua Trung Quốc sang Việt Nam các loại máy bay hiện đại. Hà Nội yêu cầu mở các con đường tiếp tế, mặc dù điều đó chỉ có nghĩa là tình bạn tạm thời với một kẻ thù truyền kiếp.

Bộ Chính trị ở Hà Nội cũng đang bị thử thách. Uy tín chính trị đang bị lung lay vì suốt trong ba thập kỷ qua họ vẫn cho rằng Đảng Cộng sản Việt Nam có thể bảo đảm sự xuất hiện một

nước Việt Nam thống nhất. Chấp nhận một sự thoả hiệp với phương Tây sẽ làm cho Trung Quốc tức giận và tổn hại đến mục tiêu của Hà Nội ở miền Nam; do vậy, thương lượng với Washington không phải là một sự lựa chọn, mà là vì thương lượng vào năm 1964 sẽ dẫn đến những bất lợi về chính trị buộc Hà Nội phải chuẩn bị tiến hành một cuộc chiến tranh đến gần mà không được sự ủng hộ của phe XHCN. Điều này Hà Nội biết là không thể được.

Trong khi vạch các bước của giai đoạn hai kế hoạch 34A, Đô đốc Felt, tư lệnh Thái Bình Dương đã trình lên tham mưu trưởng liên quân những đề nghị về những mục tiêu phải đạt được trong giai đoạn tới.

Đánh phá bằng không quân và thả mìn bằng đường không là các hoạt động phá hoại về vật chất duy nhất trên đất Bắc Việt Nam có khả năng tác động mạnh để buộc Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đánh giá lại các hoạt động của họ ở Việt Nam Cộng hoà và Lào... Tôi đề nghị các hoạt động của giai đoạn II tập trung vào việc thu thập tin tức tình báo, tâm lý chiến, phát triển phong trào kháng chiến và các mạng lưới tình báo, phá hoại vật chất bằng các cuộc oanh kích và rải mìn của không lực.

Trong lúc các nhân vật xét lại đang bị giam giữ ở Bất Bạt vào tháng 4 năm đó và Đô đốc Felt đang thúc đẩy các hoạt động ác liệt hơn chống lại Bắc Việt Nam, thì MACSOG đã tiến hành sáu hoạt động biệt kích. Năm hoạt động được coi là thành công, kể cả vụ thả dù toán biệt kích 4 người vào ngày 23/4 để tăng cường lực lượng cho toán REMUS. Vụ thả dù kế tiếp của ATILLA được dự kiến thả xuống đất Nghệ An vào ngày 25/4.

Sau khi các toán viên của toán ATILLA đã hoàn thành một chương trình huấn luyện cơ bản về tình báo, cách sinh sống ở trong rừng, về vũ khí và nhảy dù, họ lại dự một khoá học đặc biệt kéo dài hai tuần trước khi nhảy dù xuống Bắc Việt Nam. Mục đích của khoá học này là nhằm truyền đạt cho họ biết mọi thay đổi đã xảy ra kể từ khi Cộng sản chiếm quyền vào năm 1955. Những tin tức này là cần thiết để họ có thể sống sót sau phòng tuyến của kẻ thù. Toán biệt kích này được đưa đến một trung tâm tiếp nhận người tỵ nạn ở Bình Hoà, ngoại thành Sài Gòn. Ở đây tất cả những người từ Bắc Việt Nam mới đến đều được khai thác và sàng lọc trước khi định cư ở Nam Việt Nam.

Khoá học do một sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng hoà phụ trách. và được phụ tá bởi một cán bộ Việt cộng hồi chánh. Họ trình bày về bộ máy hành chính hiện thời của Bắc Việt Nam từ Trung ương tới tận thôn xóm. Các lực lượng An ninh như dân quân tự vệ, công an vũ trang của Bộ Công an được giải thích một cách chi tiết, cặn kẽ. Các giảng viên còn mô tả cuộc sống hiện thời ở Bắc Việt Nam: nhân dân sống ra làm sao, việc đi lại trong các khu vực thành phố như thế nào, và những loại giấy tờ gì cần phải mang theo người trong cuộc sống hàng ngày. Lớp học còn đề cập đến cả chế độ phân phối hàng hoá, người ta phải xếp hàng để mua hàng hoá ra làm sao, các loại tem phiếu gì được phân phối và mỗi người được mua lượng hàng bao nhiêu.

Các thành viên của toán ATILLA đều là người quê miền Bắc. Qua kinh nghiệm bản thân, họ thông thuộc giọng nói, phong tục tập quán và địa lý, tuy nhiên có một vài người ở các tỉnh có giọng nói khác và phong tục tập quán cũng hơi khác. Cả toán đều biết rằng một loạt từ ngữ mới đã xuất hiện mà mười năm trước đó chưa có. Một số ngôn từ cách đó một thập kỷ đôi lúc người ta có sử dụng thì nay không còn được sử dụng nữa, và các ngôn từ khác vào năm 1954 người ta sử dụng thường xuyên thì nay hiếm khi được nghe thấy. Điều đó giúp người ta dễ dàng nhận ra một con người đã từng sống ở đây suốt từ năm 1955, bất cứ ai không thông thuộc các từ ngữ này và ý nghĩa của nó thì sẽ bị lộ ngay.

Sau khi hoàn thành khoá học, toán biệt kích này được đưa đi thực thi nhiệm vụ bằng một chiếc máy bay vận tải do các phi công Đài Loan lái. Trước hết, các truyền đơn tâm lý chiến được rải xuống rồi máy bay hạ thấp độ cao để các biệt kích nhảy dù. Trước khi nhảy dù, các thành viên của toán phát hiện có người ở khu vực nhảy dù nên họ không chịu nhảy. Tổ lái vô cùng tức giận chở họ trở về Sài Gòn, và họ báo cáo với các quan chức là toán biệt kích không chịu nhảy dù.

Mấy tuần sau toán này lại được tập hợp lại để nghe phổ biến trước về nhiệm vụ sắp tới của toán nhằm tiến hành do thám các mục tiêu quân sự và kinh tế ở khu vực dự định hoạt động. Một mục tiêu cụ thể là đập nước nằm giữa huyện Thanh Chương và huyện Linh Cảm. Đập nước này là vô cùng quan trọng đối với nền kinh tế địa phương, bởi vì nó điều tiết nguồn

nước thủy lợi cho tất cả nông dân trong vùng. Toán biệt kích đã được chuẩn bị tinh thần để phá đập này trong trường hợp xảy ra xung đột công khai ở miền Bắc. Toán này cũng nhận được lệnh thu thập tin tức về giao thông đi lại trên quốc lộ 7 để xác định số lượng và các loại hàng gì được đưa sang Xiêng Khoảng của Lào. Rõ ràng các cuộc oanh kích bằng không lực là cần thiết bởi vì các mục tiêu dự định là vượt quá khả năng của toán Bắc Việt này, cho nên họ không thể tấn công và phá hủy được. Điều đó cho thấy rằng cuộc xung đột đang tiến hành một bước leo thang mới, với việc toán biệt kích ATILLA đang được sử dụng thu thập tin tức về các mục tiêu để yểm trợ cho các cuộc oanh kích bằng không lực khu vực quốc lộ 7.

Toán biệt kích này có khả năng tiến hành các hoạt động phá hoại tại khu vực được phân công, thế nhưng nó không được tự ý làm bất cứ việc gì cho tới khi nhận được lệnh của Bộ chỉ huy. Viên sĩ quan huấn luyện nhấn mạnh rằng tuyệt đối không được làm bất cứ việc gì khi chưa có lệnh. Toán biệt kích ATILLA còn có nhiệm vụ tuyển mộ điệp viên, nhưng nó không được giao nhiệm vụ tiếp xúc với đầu mối nào ở địa phương. Các thành viên của toán phải tự mình phát hiện những người có triển vọng và thu hút họ làm điệp viên. Vào một ngày sau đó họ sẽ nhận được tin tức về người mà họ tiếp xúc và tiếp xúc ở đâu. Toán biệt kích này sẽ thực thi nhiệm vụ của họ ở miền Bắc tối thiểu là trong thời gian 3 tháng, và tối đa là không quá 6 tháng.

Như đã được thông báo, họ sẽ đổ bộ xuống một vùng núi của huyện Thanh Chương trên đất Bắc Việt Nam cách biên giới Lào khoảng 7 km, ở về phía Bắc huyện Linh Cảm của tỉnh Hà Tĩnh kế cận. Khu vực họ nhảy dù xuống không có dân cư từ đây đến vùng dân cư phải đi bộ ít nhất mất một ngày đường. Toán biệt kích này sẽ phải di chuyển từ khu vực đổ bộ qua rừng núi ít nhất mất khoảng 3 ngày để đến địa điểm tập kết thứ nhất. Khi đã đến địa điểm tập kết thứ nhất và sau khi xác định rằng khu vực này là an toàn thì toán sẽ liên lạc với Sài Gòn và nhận các chỉ thị hoạt động cụ thể. Viên sĩ quan thuyết trình đưa ra cái mà ông ta gọi là “bức ảnh chụp từ trên không gần đây nhất” cho thấy rằng khu vực này không có một ngôi nhà nào cả.

Viên sĩ quan thuyết trình cảnh cáo rằng toán ATILLA có thể sẽ gặp phải các lực lượng công an vũ trang Bắc Việt Nam trong khi di chuyển. Ông ta nêu đích danh tên đơn vị và chỗ đóng quân của các lực lượng Công an vũ trang cỡ tiểu đoàn mà toán biệt kích có thể gặp phải. Ông ta nhấn mạnh rằng các lực lượng của địch ở khu vực này là các đơn vị cỡ tiểu đoàn và ở khu vực nhảy dù không có các đơn vị quân chính quy cỡ sư đoàn. Ông ta còn nói rằng các lực lượng cỡ tiểu đoàn không gây trở ngại cho cuộc đổ bộ của toán và các lực lượng của Công an vũ trang bị phân tán thành các nhóm cỡ trung đội, chứ không tập trung thành các tiểu đoàn. Theo viên sĩ quan thuyết trình thì không có khả năng các lực lượng an ninh Việt Nam biết được nơi đổ bộ. Sự chạm trán đầu tiên của toán có thể xảy ra trong lúc toán đang trên đường đổ bộ, hoặc đến địa điểm tập kết. Nếu một đơn vị tuần tra vũ trang tìm thấy dấu vết về sự hiện diện của họ thì các thành viên của toán phải đặc biệt thận trọng và cảnh giác về khả năng này. Trong lớp học họ được chỉ dẫn phải làm gì nếu gặp phải một lực lượng như vậy: Nếu cả hai bên phát hiện ra nhau thì biệt kích phải nổ súng trước để tiêu diệt lực lượng địch; nếu họ phát hiện thấy lực lượng địch trước và tin là địch chưa phát hiện ra mình thì không được nổ súng.

Toán biệt kích ATILLA từ Sài Gòn đi Đà Nẵng vào 4 giờ sáng ngày 24/4. Cùng bay với họ ra Đà Nẵng có viên sĩ quan đặc trách về hành quân là đại úy An và một người Mỹ mặc thường phục. Sau mấy tiếng đồng hồ ở lại Đà Nẵng, cả toán được đưa lên chiếc máy bay vận tải C-123. Trong khi họ đang thắt dây an toàn vào ghế ngồi thì mỗi người đều cảm thấy nỗi lo lắng của mình tăng lên theo tiếng gầm rú của động cơ máy bay lúc cất cánh. Viên phi công, người phụ lái: một chuyên gia về nhảy dù và hai người phụ trách việc đẩy các biệt kích nhảy dù ra khỏi máy bay, tất cả đều là người Đà Loan. Trên máy bay còn có bảy kiện hàng thiết bị được thả dù. Vòng thứ nhất nó thả dù xuống 6 kiện hàng và kiện thứ 7 là điện đài phát tin cho toàn toán. Vòng thứ hai 6 người nhảy dù ra khỏi máy bay ở độ cao dưới 1000 feet. Họ nhảy dù xuống đất ở các vị trí tương đối gần nhau và sử dụng các đài bán dẫn của họ để phát tín hiệu bíp bíp của điện đài phát tin. Điều này chứng tỏ họ nhảy dù xuống khu vực cách đài phát tín trong vòng 5 km, là tầm phát của đài phát tín, đài này là một loại dụng cụ vô cùng cần thiết cho cuộc nhảy dù, bởi vì các biệt kích không thể nhìn thấy nhau sau khi nhảy dù xuống một địa hình khó khăn.

Họ đi đến địa điểm tập kết và trong mấy ngày liền lùnh sục khu vực kế cận một cách cẩn thận trước khi liên lạc bằng điện đài với chỉ huy sở của mình, rồi tìm cách ngụy trang che giấu và chờ đợi để liên lạc lần thứ hai bằng điện đài để nhận chỉ thị. Hai ngày sau khi liên lạc bằng điện đài lần thứ nhất, họ phát hiện thấy mấy người dân địa phương đi lại gần căn cứ tạm thời của họ. Tin rằng những người này không phát hiện ra họ nên họ vẫn ở nguyên tại chỗ.

Một đêm vào đầu tháng 5, họ nghe thấy có tiếng người đi đến gần. Đinh Văn Lâm, toán trưởng, cử hai người ra theo dõi các vị “khách”. Họ vừa đi được vài trăm mét thì gặp một tổ lính tuần tra khoảng 20 người được trang bị vũ khí đầy đủ đang dựng trại cạnh một con suối. Tổ tuần tra này của kẻ địch đang lùnh sục một cách ráo riết và đang trên đường tiến thẳng đến địa điểm tập kết toán biệt kích.

Lâm quyết định rời bỏ căn cứ và lập tức quay trở lại địa điểm nhảy dù. Từ đó họ sẽ chuyển sang Lào và liên lạc với Bộ chỉ huy của họ bằng điện đài để chuẩn bị đưa họ trở về. Nguyễn Văn Hinh, nhân viên điện đài, vội vã đánh đi một bức điện báo cáo rằng vì bị truy lùng rất ráo riết nên họ không thể tiếp tục hoạt động và sẽ rút lui như hướng kế hoạch đã vạch trước.

Toán trưởng cùng với hai thành viên đi một hướng. Nguyễn Văn Thi, toán phó, và hai thành viên đi hướng khác. Vì các lực lượng Bắc Việt Nam tiến đến quá gần nhóm của Lâm, nên nhóm này đã nổ súng trong khi rút lui. Các biệt kích rất ngạc nhiên khi các lực lượng bao vây họ đã nổ súng bắn trả, đạn bay trên đầu, và rõ ràng là họ muốn bắt sống các biệt kích hơn là giết. Sau cuộc nổ súng ban đầu và bắt đầu cuộc lẩn trốn, nhóm trưởng của Thi đồng ý tách ra mạnh ai nấy trốn. Họ đã phá huỷ điện đài, mật mã và bỏ lại đại bộ phận trang thiết bị tại nơi chúng đã được cất giấu.

Trong khi chạy trốn họ phát hiện các dấu hiệu chứng tỏ trước đó đã có các toán biệt kích hoạt động tại khu vực này. Một hôm trong khi đang di chuyển về phía Tây của căn cứ qua các bụi rậm, họ phát hiện thấy các mảnh dù còn lại của loại dù T10, là loại dù các toán biệt kích sử dụng vào thời gian đó. Họ cũng tìm thấy các vỏ đạn 9mm. Đây cũng là cỡ đạn do các

toán biệt kích sử dụng; tình trạng các vỏ đạn cho thấy rằng có lẽ chúng đã được bắn trước đó khoảng 6 tháng.

Nguyễn Văn Hình kể lại việc anh ta bị bắt:

- Ông có biết không, (cười) chắc trông tôi phải lạ lùng lắm đối với người lính Bắc Việt Nam đã tìm ra và bắt được tôi. Tôi bị kiệt sức và ngủ thiếp đi mấy giờ trước đó. Tôi có một khẩu súng lục tự động giắt trong thắt lưng, và tôi mặc một chiếc quần bò Mỹ do người Mỹ huấn luyện tôi ở Long Thành cho. Đột nhiên tôi cảm thấy một bàn chân đi giày dẫm lên cánh tay tôi mà theo bản năng bàn tay đó đang tìm khẩu súng lục tự động của tôi. Tôi mở mắt và nhìn thấy người lính đang đứng sừng sững trước mặt và khẩu súng trường tấn công đang chĩa thẳng vào tôi. Anh ta nhìn tôi trừng trừng và tôi cũng nhìn lại anh ta. Vì mặc chiếc quần bò Mỹ nên chắc là trông tôi phải lạ lùng lắm. Người ta khuyên tôi đừng mang theo chiếc quần bò, nhưng chẳng có lý do gì tôi lại phải bỏ nó lại cả. Sau đó, một trong các binh sỹ Bắc Việt Nam đã lấy chiếc quần bò của tôi.

Nhân viên điện đài đã bị bắt trước đó vào rạng sáng ngày 10/5, phần lớn những người khác cũng bị bắt sau đó vài tuần. Hai người cuối cùng bị bắt vào ngày 29/5 do các lực lượng Cộng sản Lào bắt được họ trên đất Lào và trao cho Bắc Việt Nam. Suốt thời gian ấy, các biệt kích bị trói ngồi trong bụi rậm, và được canh giữ cẩn thận. Khi mà các lực lượng công an biên phòng thu lại toàn bộ vũ khí, trang thiết bị và các thứ khác.

Nghĩ lại hoàn cảnh lúc bị bắt, các biệt kích ngỡ rằng Công an biên phòng đã phát hiện ra khu vực đổ bộ của họ bằng quan sát trực tiếp. Vào một đêm trời sáng trăng người ta có thể dễ dàng nhìn thấy những vật cách xa 2-3 km. Các lực lượng Công an biên phòng chỉ cần phát hiện ra đường bay của một chiếc phi cơ bay dọc theo các điểm cao của các dãy núi, rồi phát hiện các điểm nhảy dù, thậm chí ở các khoảng cách xa hơn nữa người ta cũng có thể nhìn thấy các chiếc dù.

Các lực lượng Công an biên phòng được bố trí phân tán trong các dãy núi, nghe thấy tiếng động cơ của một chiếc máy bay vận tải bay thấp, phát hiện ra các đường bay, kiểm tra các điểm nhảy dù có thể dọc các đường bay đó. Nếu họ ở gần, thậm chí họ có thể thu được điện

đài phát tín của toán biệt kích và sử dụng nó để xác định địa điểm nhảy dù.

Nguyễn Văn Hình giải thích:

- Nên nhớ rằng toán của tôi được thả dù xuống miền Bắc có một lần. Thế nhưng trước và sau đó còn nhiều toán nữa. Các cuộc nhảy dù vào ban đêm này hầu như không có gì khác nhau, và qua một thời gian các lực lượng Công an biên phòng Bắc Việt biết rõ họ phải tìm kiếm cái gì. Cũng giống như toán ATILLA, một trong những đặc điểm đó là một chiếc phi cơ bay ở độ thấp từ biển bay qua các đỉnh núi cao rồi tiếp tục bay sang Lào trước khi hạ cánh xuống Thái Lan.

Chiếc phi cơ thả dù chúng tôi có lẽ sang Thái Lan ở lại một ngày rồi bay trở về Sài Gòn, mãi đến 5-8-1964 mới có các cuộc không kích của Mỹ trên Bắc Việt Nam, do đó người ta dễ dàng nhận biết loại máy bay nào xâm nhập bầu trời miền Bắc Việt Nam là của Mỹ. Sau khi theo dõi hoạt động của chúng tôi trong vòng khoảng một năm họ biết họ phải làm gì.

Hình bị hỏi cung ngay sau khi bị bắt. Họ hỏi tên anh ta, ngày và nơi sinh, đơn vị, cấp bậc và nhiệm vụ được giao cho toán. Người hỏi cung đặc biệt quan tâm đến số nhân viên trong toán, chức năng của mỗi người, ngày cụ thể toán anh ta nhảy dù xuống đất Bắc, con đường toán đã đi sau khi xuống đất, địa điểm chính xác các nơi toán dừng chân, và nhận dạng của các toán viên chưa bị bắt. Một phần công việc của người hỏi cung được tạo thuận lợi do bản đồ đặc biệt mà biệt kích sử dụng. Nó được in trên chất liệu mỏng như lụa để gấp nhỏ để đút vào túi quần. Thông tin về địa hình trên bản đồ có độ chính xác rất cao và trên bản đồ đó Hình đã đánh dấu kỹ khu vực nhảy dù, điểm tập kết, con đường đi từ nơi nhảy dù đến điểm tập kết và hướng rút lui.

Nhân viên điện đài bị hỏi kỹ về buổi giao nhiệm vụ trước khi lên đường, nhưng người ta không hỏi anh ta về các bức ảnh chụp từ trên không mà cả toán đã được xem tại căn cứ 10. Song, các tù binh khác lại bị hỏi khá cặn kẽ về các bức ảnh đó.

Trong vòng ba tiếng đồng hồ sau khi bị bắt Hình đã phải đối mặt với một sỹ quan Công an có kinh nghiệm. Người này đi theo lực lượng truy bắt và chỉ quan tâm có mỗi một điều, ông

ta muốn Hình hợp tác, tình nguyện sử dụng điện đài của mình cho Hà Nội, nhưng Hình từ chối. Viên sĩ quan đó ngồi lại với Hình, nhưng sau khi bị Hình từ chối lần thứ Nhất, ông ta cũng không gây áp lực nêu lại vấn đề. Bây giờ thì Hình đã hiểu lý do tại sao lực lượng đuổi bắt chỉ bắn đạn qua đầu họ.

Vào đầu tháng 6 toán ATILLA được đưa về thành phố Vinh. Ở đây mỗi người lại bị các sỹ quan cấp tỉnh hỏi cung một cách có phương pháp, ngoại trừ tin tức liên quan đến trang thiết bị thông tin liên lạc của toán, tín hiệu xin chỉ thị hoạt động và các vấn đề liên quan lại do một nhóm sỹ quan đặc biệt của Hà Nội tiến hành. Những người này bảo rằng họ là người của Bộ, hoặc “chúng tôi là các chuyên gia hỏi cung từ Hà Nội vào”.

Sau này nhân viên điện đài của các toán khác nói rằng những người hỏi cung này đã có mặt ngay lúc các biệt kích vừa bị bắt, và chính họ là những người đầu tiên tìm cách mua chuộc các biệt kích. Các cố gắng nhằm thu phục sự hợp tác của các tù binh được đưa vào buồng hỏi cung. Đến lúc đó các chuyên gia này có thể biết người tù binh đó có sẵn sàng hợp tác hay không.

Những người hỏi cung này biết rất rõ thủ tục làm việc bằng điện đài của toán biệt kích. Họ biết rằng buổi phát tin đầu tiên phải bao gồm tín hiệu an toàn, tín hiệu đó phải do nhân viên điện đài chính phát đi và viên trưởng toán phải cung cấp tín hiệu an toàn của cá nhân anh ta, tín hiệu đó chỉ riêng mình anh ta biết, và các biệt kích khác cũng có thể bị hỏi tín hiệu riêng của họ nếu Sài Gòn có bất kỳ nghi vấn nào về toán đó có được an toàn không hay đã bị "nhiễm bẩn". Nếu Sài Gòn hỏi đến bất kỳ người nào mà không có mặt và không có sự giải thích rõ ràng thì điều đó có nghĩa là toán biệt kích đã bị kẻ địch khống chế.

Ngày 15/7, các thành viên của toán biệt kích ATILLA đã bị đưa ra xử công khai tại một phiên toà của Tòa án Quân sự ở thành phố Vinh. Phiên toà kéo dài trong 3 ngày và các bản án đã được phán quyết. Tất cả bọn họ đều bị kết tội làm gián điệp và nhanh chóng bị chuyển đến nhà tù số 3 phía bắc huyện Con Cuông.

Trong khi toán biệt kích ATILLA đang lẩn trốn trên đất Bắc Việt Nam, thì với sự thoả thuận của hai Bộ Quốc phòng và Ngoại giao, Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân đã cho phép tướng Harkins vào ngày 5/5 bắt đầu cùng soạn thảo kế hoạch với Tổng tham mưu trưởng liên quân Việt Nam về việc triển khai vào tháng 6 các toán biệt kích vượt biên giới vào Trung Lào giữa quốc lộ 9 và thành phố Sêpôn. Ngày 12/5 tướng Nguyễn Khánh, Tổng tham mưu trưởng liên quân, đã phê chuẩn kế hoạch hoạt động vượt biên giới và bắt đầu chính thức phối hợp vạch kế hoạch với Bộ Tổng tham mưu liên quân.

Sau chuyến viếng thăm của Tướng Taylor và Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara, các máy bay của Mỹ thuộc lực lượng mang mật danh YANKEE TEAM bắt đầu bay trên bầu trời Lào. Trong khi ở Sài Gòn Taylor và Mc Namara đã nghe Tướng Harkins báo cáo rằng ông ta có thể bình định Nam Việt Nam trong vòng 6 tháng và có thể đảo ngược tình thế nếu ông được trao trách nhiệm chỉ huy quân đội Nam Việt Nam.

Trong nội bộ MACSOG, người ta đang thảo luận chi tiết với Bộ Tổng tham mưu liên quân để chuyển quyền sở hữu PTFS được sử dụng trong các hoạt động trên biển từ phía Mỹ sang chính phủ Việt Nam. Điều này được cho là cần thiết để Mỹ có thể phủ nhận các tin tức nói rằng các tàu đăng ký của Mỹ đang tấn công Bắc Việt Nam. Một câu chuyện nguy trang đã được chuẩn bị để cho phép người Nam Việt Nam sử dụng các tàu đó một cách độc lập đánh trả Bắc Việt Nam. Tuy nhiên, tài liệu về sự chuyển giao chính thức đó đã không xảy ra như dự đoán.

Tháng 5, tháng cuối cùng của giai đoạn I kế hoạch 34A đang sắp kết thúc. MACSOG (nhóm quan sát và nghiên cứu của Phái bộ viện trợ quân sự Mỹ tại Việt Nam Cộng hoà) lại báo cáo thêm 2 toán bán vũ trang được triển khai thành công. Ngày 19/5 một nhóm 6 người mang biệt danh LOTUS đã được thả dù xuống vùng núi thuộc tỉnh Nghệ An giáp ranh tỉnh Thanh Hoá do Trần Ngọc Bình làm toán trưởng. Nhiệm vụ của toán bao gồm tấn công phá hủy cầu Hàm Rồng ở thị xã Thanh Hoá và các cầu từ Thanh Hoá đến quốc lộ 7. Một kế hoạch quá ư tham vọng đối với một toán nhỏ như vậy. Toán LOTUS đã bị bắt ngay sau khi đặt chân xuống mặt đất. Viên toán phó là Nguyễn Văn Sinh đã bị tử hình. Số còn lại được đưa đến trại tạm giam ngoại ô thành phố Vinh, các thành viên còn lại của toán LOTUS đã gặp các thành

viên của toán ATILLA.

Toán SCOOTs được thả dù xuống gần Lai Châu để tăng cường lực lượng cho toán TOURBILLON vào ngày 27-5. Vừa đặt chân xuống đất toán này đã gặp các cán bộ công an cải trang và bị bắt ngay tại khu vực nhảy dù.

Hồ sơ chính thức của giai đoạn I mà ban đầu Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara mô tả là một cỗ xe mang thông điệp đến cho Hà Nội, cho thấy rằng MACSOG chỉ hoàn thành được 11 trong tổng số 33 phi vụ được Washington phê chuẩn cho giai đoạn này, 22 phi vụ mới đã được phê chuẩn cho giai đoạn II bắt đầu từ 1/6 cho đến 30/9, chưa kể 22 phi vụ chưa thực hiện của giai đoạn I.

Trong tháng 6, giai đoạn II được bắt đầu bằng 9 phi vụ theo kế hoạch. Tám phi vụ được báo cáo là thành công: ba cuộc tấn công bằng đường biển, hai bằng đường không và thả dù ba toán biệt kích. Một vụ không thành công đã bị thất bại ngay từ đầu nhằm cung cấp thêm hậu cần cho một trong các toán biệt kích mà người ta tin là được an toàn, nhưng thực tế là thêm một toán nữa đã bị bắt trước đó và đang bị Bắc Việt Nam khống chế.

Cũng trong tháng đó, lực lượng Công an biên phòng Bắc Việt Nam đã được lệnh kiểm soát chặt chẽ biên giới Lào, chuẩn bị chống trả các cuộc tấn công của địch bằng đường không, canh phòng nghiêm ngặt bờ biển phía Đông của Bắc Việt Nam tại vùng 1 và 2, tuần tra của hải quân dọc khu phi quân sự. Những biện pháp này được tiến hành cùng một lúc với một Hội nghị quan trọng ở Bắc Việt Nam cứ 5 năm được tổ chức một lần để thảo luận về các hoạt động biên phòng bao gồm cả sự hỗ trợ của Công an biên phòng đối với chương trình bắt và sử dụng các nhân viên điện đài đã bị bắt của biệt kích trong ván bài "chơi lại" của Bắc Việt Nam.

Các phi vụ biệt kích trong tháng đầu của giai đoạn II bao gồm toán BUFFALO được thả dù xuống Quảng Bình vào 19/6. Toán này đã nhanh chóng bị bắt và các nhân viên điện đài đã từ chối không hợp tác với đối phương. Sau đó, ngày 28/6 đến lượt toán EAGLE được thả dù xuống khu vực đường sắt quan trọng gần Uông Bí, khu vực hoạt động quan trọng của một

gián điệp đôi hoạt động dưới mật danh toán ARES. Trong khi các thành viên của toán EAGLE đang tìm cách để bắt liên lạc với đặc tình ở địa phương, thì họ bị các lực lượng an ninh địa phương tấn công và bắt giữ. Sau đó điện đài của họ bắt đầu truyền đi các tin tức dưới sự khống chế của Bộ Công an.

Đêm 17/6 ở tỉnh Yên Bái về phía Tây Bắc Hà Nội, toán biệt kích SCORPION chuẩn bị nhảy dù xuống một khu vực mới thuộc bờ nam sông Hồng. Khu vực này ở về phía Đông Nam địa điểm toán BELL đã nhảy dù, toán này đã bị Bắc Việt Nam khống chế từ năm 1963. Viên phi công, phụ lái và người phụ trách về nhảy dù là người Đài Loan rõ ràng rất căng thẳng khi các thành viên của toán SCORPION chuẩn bị nhảy dù. Cánh cửa sau của chiếc máy bay vận tải C123 đang bay ở độ thấp được hạ xuống và các thành viên của nhóm có thể thấy ánh sáng đèn của thị xã Yên Bái trong khi họ bay xuống phía Nam qua sông Hồng.

Mấy phút sau, người phụ trách nhảy dù đã phát tín hiệu của toán SCORPION và các thùng đựng lương thực, hậu cần ra khỏi máy bay. Máy bay đột ngột vòng lại và xoay một vòng bay. Vòng bay thứ hai toàn toán nhảy dù xuống các núi ở độ cao chưa đến 1000 feet. Khu vực nhảy dù được dự định ở về phía Nam thị xã Yên Bái vài chục km.

Nhiệm vụ của nhóm SCORPION là tiến hành phá hoại dọc đường xe lửa Hà Nội-Yên Bái nhằm làm giảm lượng hàng tiếp tế từ Trung Quốc sang Bắc Việt Nam. Các nhiệm vụ khác của toán là rải truyền đơn chống Chính phủ, thu thập tin tức và thu hút dân địa phương xây dựng các mạng lưới đặc tình. Để hỗ trợ cho nhiệm vụ tâm lý chiến của họ, toán này được trang bị các quả bom đựng truyền đơn và một máy in đựng trong một hòm riêng biệt để khi đặt chân xuống mặt đất là họ có thể in truyền đơn được ngay.

Trong khi các dù đang lắc lư sắp rơi xuống mặt đất, thì họ thấy đèn đuốc và người ta đi lại nháo nhác phía dưới. Ý nghĩ đầu tiên của Đặng Công Trình là người Bắc Việt Nam đã biết cuộc nhảy dù của họ. Dường như không có một lời giải thích nào rõ ràng vì sao lại có rất nhiều người ở khu vực nhảy dù. Sau đó mấy năm người ta cho rằng chiếc máy bay vận tải bay quá thấp nên đã làm lộ toán này. Bắc Việt Nam không có những chuyến bay thấp vào ban đêm và chiếc máy bay vận tải C123 của nhóm biệt kích chắc chắn là đã làm cho người

ta chú ý. Mặc dầu có khả năng là như vậy, nhưng người ta cũng không thể giải thích được tại sao lại có nhiều người đợi sẵn họ ở mặt đất như vậy.

Dân quân tự vệ được các lực lượng Công an và bộ đội chính qui tăng cường hỗ trợ đã bắt đầu bủa vây khi toán này vừa đặt chân xuống đất Đình Quý Mùi nổ súng lập tức bị bắn chết bởi hỏa lực bắn trả rất mạnh. Đặng Công Trình và Nguyễn Văn Khải rơi xuống cạnh nhau, lập tức mỗi người đi một ngã tìm cách vượt khỏi vòng vây. Hai ngày sau thì Trình bị bắt và vài giờ sau đó Khải là thành viên cuối cùng của toán cũng bị bắt nốt. Trong cố gắng tuyệt vọng nhằm thoát khỏi vòng vây Khải đã bắn chết mấy người đuổi bắt anh ta. Vì thế cho nên sau đó anh ta đã bị xử tử hình.

Toán SCORPION bị đưa về nhà tù tỉnh Yên Bái, ở đây họ bị tách ra ở biệt lập mỗi người một phòng và bị hỏi cung trong vòng hơn 2 tháng. Cuối cùng, trước đám đông dân chúng địa phương tại sân vận động thị xã họ đã bị Tòa án quân sự Quân khu Việt Bắc đưa ra xét xử. Tất cả đều bị buộc tội làm gián điệp và bị kết án đến mức cao nhất là tù chung thân. Sau đó họ bị tổng lên xe tải chở thẳng đến trại Quyết Tiến, nơi dành cho những kẻ không chịu hợp tác với đối phương.

Các toán Biệt kích bán vũ trang được đưa ra miền Bắc vào mùa xuân năm đó, như toán ATILLA được coi là các toán hoạt động chiến tranh tâm lý (xem phụ lục số 4 và số 6). ATILLA, BUFFALO, SCORPION và LOTUS đã nhảy dù xuống miền Bắc với những nhiệm vụ vượt quá khả năng của họ, và vào thời điểm tinh thần của một số toán đã bị sa sút nghiêm trọng. Liệu có một ai ở đâu đó nghĩ rằng các toán này sẽ bị bắt, các nhiệm vụ bị thất bại của họ là một bức thông điệp gián tiếp nhấn nhủ Hà Nội nói rằng Washington đang chuẩn bị leo thang xa hơn?

Đối với một kế hoạch hoạt động tâm lý mang tính chiến lược như vậy, William Colby đã nhớ lại về thời kỳ đó: “Khi đưa một toán biệt kích đi thì người lãnh đạo phải tìm cách thuyết phục làm cho họ tin rằng họ sắp sửa thực hiện một nhiệm vụ rất quan trọng. Nếu không thì tội gì họ phải liều mạng sống của mình. Do đó khi giao cho người ta một sứ mạng như vậy rồi thì lại phải kiểm soát được tình hình xấu nhất càng không thể cứ để cho người ta đi,

rồi...lạy chúa tôi sáu tuần sau lại tìm cách ngăn cản họ. Họ sẽ vượt ra ngoài vòng kiểm soát”.

Nếu các toán hoạt động tâm lý đã được sử dụng như một con mồi, thế phải chăng vai trò hoạt động tâm lý của họ chỉ có tác dụng nếu họ bị bắt. Colby nói tiếp:

- Theo tôi thì ý tưởng về hoạt động tâm lý tức là ý tưởng làm cho nhân dân miền Bắc biết rằng từ miền Nam người ta đã đưa được các toán biệt kích ra các thành phố, thị xã của miền Bắc... Đây là điều người ta muốn làm. Chỉ làm sao bắt được tin ra ngoài đó cho dân chúng nghe và hiểu được. Tôi không nghĩ, ít ra là tôi không nhớ chúng tôi đã đưa họ ra miền Bắc với mục tiêu rất tế nhị nào để thuyết phục kẻ thù rằng nó sẽ làm cho họ sợ đến chết khiếp. Như ông biết, tôi cho rằng ý tưởng đó chỉ là làm cho cả miền Bắc biết rằng những hoạt động đó chỉ là vô ích và cuộc hành quân vào Nam cũng chịu một thảm họa như vậy bao nhiêu con em bị chết và mất tích. Họ ra đi với một câu chào tạm biệt, đây là những lời cuối cùng được nghe về họ, làm cho dân miền Bắc lo sợ về con em họ bị đưa vào Nam. Tôi cho rằng đây là hoạt động tâm lý mà chúng tôi đã nghĩ ra.

Những điều Colby kể lại có thể là chính xác. Tuy nhiên, theo những người biệt kích sống sót kể thì lại không có một nhiệm vụ nào như vậy.

Ed Regan, một sĩ quan CIA đã tham gia vào việc phái các toán biệt kích từ Đà Nẵng ra miền Bắc vào mùa hè năm 1964 trở về Washington làm việc tại phòng Lào của CIA, lại nhìn nhận vấn đề hơi khác: “Có thể nói một cách chính xác rằng các toán biệt kích được đưa ra miền Bắc đầu năm 1964... Được tập trung vào khu vực phía Bắc quốc lộ 7 và các vùng rừng núi lên đến tận vùng Tây Bắc. Chúng tôi đã tham gia phối hợp đưa các toán đó ra Bắc. Tại sao lại như vậy? Bởi vì chúng tôi bị áp lực tiếp tục phái các toán đó đi. Chúng tôi biết rằng các toán đó không thể sống sót ở các vùng đồng bằng đông dân cư, do đó chúng tôi đã phái họ đến những nơi mà ít nhất một số người trong bọn họ, tìm được cơ hội nào đó để sống sót. Lúc đó chúng tôi không biết rằng các toán được phái đi sẽ gặp các toán đang bị đối phương khống chế. Một lần nữa tôi xin khẳng định rằng đó là do áp lực phải tiếp tục phái họ đi và áp lực đó là từ bên ngoài CIA. Không phải từ những người của chúng tôi thuộc Tổng cục vạch kế hoạch của CIA”.

Bây giờ mới biết rằng các hoạt động bán quân sự của CIA đã bị xâm nhập nhiều hơn là chúng tôi tưởng và sự xâm nhập đó được thông qua các đồng nghiệp Việt Nam của chúng tôi. Không một ai trong chúng tôi trong ngành tình báo (CIA) lại chuyển cho Lầu Năm góc những thông tin một khi đã biết rõ là hoạt động đó đã bị xâm nhập, làm như vậy là một tội ác.

Sự chuẩn bị của Bắc Việt Nam để "đón nhận" các toán biệt kích trong năm 1964 được bắt đầu từ đầu năm, bằng việc phổ biến chỉ thị số 57 của Bộ Công an. Chỉ thị này đã cảnh cáo về khả năng mở rộng các hoạt động biệt kích chống lại miền Bắc. Do vậy, theo tài liệu của họ, người Bắc Việt Nam đã phát hiện các hoạt động đường biển bao gồm hai người nhái ở cảng sông Gianh vào ngày 23-2, một cuộc đổ bộ tấn công và phá huỷ cầu Khe Nước ở tỉnh Quảng Bình vào ngày 16-3, cuộc tấn công cầu Khe Lũy, tỉnh Hà Tĩnh ngày 17-3.

Trong tháng 3, Bắc Việt Nam đã tổng hợp được tổng số tám cuộc biệt kích nhảy dù xuống các tỉnh Yên Bái, Hà Bắc, Quảng Bình, Nghệ An và Sơn La. Thực tế chỉ có ba toán biệt kích nhảy dù. Tuy nhiên, các hoạt động biệt kích và một báo cáo về các chuyến bay do thám U-2 được tăng cường lên gấp đôi đã được Bắc Việt Nam coi là bằng chứng về cuộc chiến tranh đang leo thang. Đến cuối tháng 6, Bộ Chính trị ở Hà Nội đã báo động cho các lực lượng biên phòng phải sẵn sàng để đối phó với các hành động của kẻ thù bao gồm các hoạt động tăng cường xâm nhập từ biển vào và các cuộc tấn công bằng không quân. Tiếp theo đó Bộ tổng tham mưu Quân đội nhân dân ra lệnh báo động toàn quân. Trước tình hình phức tạp ấy mà ngày 30/6 các người nhái đã được phái ra tấn công các thiết bị ở Nhật Lệ thuộc bờ biển Quảng Bình, tiếp theo đó là các hoạt động phá hoại các thiết bị ở Kỳ Anh tỉnh Hà Tĩnh và cầu Hàng ở Thanh Hoá. Các hành động đó chẳng khác gì đổ thêm dầu vào lửa. Miền Bắc lúc đó đã phát động chiến dịch bắt những kẻ nghi vấn đi lao động khổ sai tại các nhà tù được canh phòng hết sức nghiêm ngặt để phòng ngừa, ngoài ra còn tăng cường theo dõi đối với tám loại đối tượng bất mãn về chính trị mà các đối tượng biệt kích có thể tìm cách liên lạc.

Bộ Công an đồng thời cũng tăng cường các hoạt động vừa công khai vừa bí mật bằng mạng lưới đặc tình cơ sở để chống lại hoạt động của biệt kích. Hoạt động này nhằm tăng cường an ninh, đánh giá chính xác và đúng đắn thái độ của dân chúng, phát hiện ra các điểm yếu của

toàn bộ hoạt động phản gián và tìm cách ngăn chặn sự xuất hiện của một Đội quân thứ năm. Đây không phải là một hoạt động mới, mà chỉ là những cố gắng nhằm tăng cường các hoạt động đang diễn ra trong suốt thập kỷ trước đó.

Cuối tháng 6, Tư lệnh các lực lượng đặc biệt Mỹ ở Nha Trang đã phái năm toán, mỗi toán gồm tám người Việt Nam qua giới tuyến dọc theo quốc lộ 9 trong kế hoạch mang mật danh Leaping Lena, lực lượng này được lấy từ các nhóm 77 và 31 của Nam Việt Nam. Chỉ có 5 người sống sót trở về Nam Việt Nam. Đại tá Lam Sơn sau đó đã bị cách chức Tư lệnh các lực lượng đặc biệt do hậu quả tai hại gây ra đối với các toán này trong một phi vụ mà hai tháng trước đó Mc Namara đã hối thúc phải tiến hành.

Hai tháng đầu của giai đoạn II là một thời kỳ chuyển tiếp. Tướng Maxwell Taylor đến Nam Việt Nam vào tháng 7 để làm Đại sứ tại Việt Nam Cộng hoà thay thế Henry Cabot Lodge trở về Mỹ để tham gia vòng bầu cử sơ bộ của Đảng Cộng hoà. Tướng Harkins cũng ra đi trao chức Tư lệnh phái bộ viện trợ Mỹ tại Việt Nam Cộng hoà cho vị phó của ông ta (từ tháng 2) là Tướng Westmoreland. Ở Hawaii, đô đốc Felt được thay thế bởi viên tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương cứng rắn của ông ta là đô đốc Sharp. Những thay đổi này đã tạo ra một nhóm chỉ huy mới cho chiến trường Thái Bình Dương và chỉ trong vòng một tháng sau thì xảy ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ .

Viên đại sứ mới, vị tướng đã xin về hưu khỏi lực quân dưới thời chính quyền Eisenhower sau khi có những bất đồng về vấn đề trả đũa ào ạt bằng vũ khí hạt nhân, là người ủng hộ sự phản ứng bằng các lực lượng mặt đất thông thường. Theo cách nhìn của Hà Nội thì có thể tin rằng vị đại sứ Mỹ mới này sẽ đáp ứng những đề nghị đòi trả đũa một cách mạnh mẽ bằng vũ khí thông thường các hành động khiêu khích của Hà Nội.

Sau khi đảm nhận vai trò Tư lệnh chiến trường, Westmoreland thấy rằng MACSOG chỉ là một đơn vị bị "các loại tình báo" ở Washington kiểm soát, chẳng giúp ích được gì mấy cho nhiệm vụ trước mắt của ông ta là tìm cách xây dựng quân đội Nam Việt Nam và đối phó hữu hiệu các lực lượng thù địch ở Nam Việt Nam. Điều đó không có nghĩa rằng ông ta không quan tâm đến các lực lượng của Bắc Việt Nam đang tiến vào Nam Việt Nam, nhưng ông tin

rằng đây là trách nhiệm của Bộ chỉ huy Thái Bình Dương và Bộ chỉ huy này có khả năng đối phó với sự xâm nhập của Bắc Việt Nam vào Nam Việt Nam.

Sự thay đổi về chính sách của Mỹ ở Lào rõ ràng đã được Hà Nội đặc biệt quan tâm theo dõi và coi đó là thước đo về ý đồ của Mỹ. Thí dụ, trong khi các lực lượng quân đội Mỹ bị cấm không được vào đất Lào bằng đường bộ, các máy bay Mỹ bây giờ được phép đánh trả các hoả lực thù địch trên đất Lào bắn vào các máy bay do thám Mỹ bay trên không phận Lào. Giới lãnh đạo ở Hà Nội hiện cùng chung thái độ không thương lượng với Bắc Kinh, rõ ràng là vui mừng trước sự can thiệp công khai của Mỹ, sự can thiệp này mang tính trực tiếp hơn là những phản ứng hạn chế bằng cách phái các toán bán vũ trang vào Lào bằng đường bộ. Hành động tăng cường này của Mỹ có nghĩa là Hà Nội có thể đưa ra những bằng chứng rõ ràng hơn về sự can thiệp của nước ngoài để tập hợp quần chúng phần lớn vẫn còn dửng dưng. Do đó đã chứng minh cho lời kêu gọi của Bộ Chính trị rằng Mỹ là lực lượng nước ngoài đang xâm lược Việt Nam và tấn công những người Pathét Lào anh em của họ, mưu đồ đó cần phải bị đánh bại. Tuy nhiên, các lực lượng trên biển của MACSOG cùng với các tàu tuần tiễu đã đẩy sự can thiệp của Mỹ lên một mức độ ngày càng công khai hơn.

-----oOo-----

(Hết mục 8)

9. TOÁN BOONE ĐẦU HÀNG.

Các quan chức cao cấp nhất của chính quyền Washington, Bộ tư lệnh Thái Bình Dương và Sài Gòn gặp nhau tại Honolulu để thảo luận trong tháng 6/1964. Các hoạt động bí mật

được tăng cường vào tháng 7, và mức độ thành công mà người ta tưởng tượng ra bây giờ là số lượng toán biệt kích được đánh đi chứ không phải là kết quả thực tế được gắn liền với mục tiêu của kế hoạch 34A . (Xem phụ lục số 7).

Mười một phi vụ bí mật được dự định tiến hành trong tháng 7, trong đó 9 phi vụ được MACSOG coi là thành công. Tám trong chín phi vụ đó mà người ta được biết là: một cuộc tấn công an toàn từ xa của lực lượng trên biển PTFS, một phi vụ do thám vượt qua bãi cát của lực lượng trên biển, hai phi vụ đánh lừa đối phương của lực lượng trên biển, một phi vụ tiếp tế cho toán BELL ở tỉnh Yên Bái và thả dù thêm ba toán biệt kích mới. Các toán mới bao gồm 6 thành viên của toán PISCE được đánh đi vào ngày 13/7 để tăng cường lực lượng cho toán EASY, bảy thành viên của toán PERSEUR được thả dù vào ngày 24/7 để tăng cường cho toán TOURBILLON, và chín thành viên của toán BOONE được thả dù xuống tỉnh Nghệ An. Các toán PISCES, PERSEUS và phi vụ tiếp tế cho toán BELL đều bị Bắc Việt Nam bắt giữ, (phi vụ thứ 9 có lẽ là một phi vụ hoạt động tâm lý chiến).

Toán BOONE được thả dù xuống miền Bắc ngày 29/7. Khu vực nó được phân công hoạt động là phía bắc quốc lộ 7 gần thị trấn Con Cuông. Từ đấy, các thành viên của nhóm có thể dễ dàng theo dõi số hàng hoá chở sang tỉnh Xiêng Khoảng của nước Lào láng giềng.

Một phần của toán BOONE là những người của toán LANCE và một phần là các thành viên ban đầu của toán BOONE. Toán BOONE đã được giao một số nhiệm vụ trên đất Bắc nhưng đột nhiên lại bị hoãn. Số nhân viên của toán này dần dần giảm xuống còn lại có bốn hoặc năm người so với ban đầu. Để phục vụ cho nhiệm vụ cuối cùng của nó, toán này đã được bổ sung đầy đủ biên chế bằng cách sát nhập thành viên của các toán BOONE, toán LANCE và thành viên của một toán thứ 3 chưa đủ biên chế. Tuy nhiên, các toán viên đều trung thành với toán trưởng ban đầu của họ, và việc sát nhập toán viên của các toán khác lại với nhau từ đầu đã thiếu sự đoàn kết.

Sau khi được thả dù xuống đất vào lúc nửa đêm, các toán viên sử dụng các đài bán dẫn nhỏ của mình để tập hợp nhau lại tại điểm rơi của chiếc điện đài phát tín. Họ đã nhảy dù xuống bên trong lãnh thổ Bắc Việt Nam khoảng 10 km dọc quốc lộ 7.

Dấu hiệu tai hoạ đầu tiên là hai toán viên không thấy xuất hiện. Sau một cuộc tìm kiếm đã phát hiện ra nhân viên điện đài chính là Hồng Tôn Khải do dù anh ta không mở hết nên đã rơi xuống đất và chết. Điều bất hạnh là Khải, nhân viên điện đài chính được đào tạo tốt và có nhiều kinh nghiệm lại bị chết, cho nên toán phải dựa vào nhân viên điện đài phụ là Nguyễn Gia Thỏa.

Dấu vết duy nhất còn để lại của toán viên thứ 2 bị mất tích là chiếc dù và vũ khí của anh ta. Có thể anh ta đã bị lạc hướng và đi sang Lào. Hoặc anh ta đã nộp mình cho công an biên phòng Bắc Việt Nam? Ai mà biết được. Mặc dầu có sự mất mát, nhưng hầu hết các toán viên của toán BOONE đều cho là mình may mắn đã nhảy dù xuống một khu vực an toàn.

Ngày hôm sau họ bắt đầu lên đường đi đến địa điểm tập kết cách đây khoảng 10 km. Ở đây họ xây dựng căn cứ hoạt động trong rừng rậm. Ảnh chụp của máy bay do thám xác định là họ ở xa các khu vực dân cư, họ sẽ được an toàn. Bây giờ viên trưởng toán biết rằng Thỏa không thể sử dụng được các thiết bị điện đài của toán. Điều đó có nghĩa rằng BOONE đã bị cắt liên lạc với chỉ huy sở và không có kế hoạch nào có thể cứu thoát họ.

Như sau này họ đã kể lại trong nhà giam. Các toán viên ngày càng cảm thấy thất vọng. Một số muốn đầu hàng, số khác lại muốn ở lại và thực hiện nhiệm vụ của mình. Cuối cùng họ chính thức bỏ phiếu xin hàng. Sự đầu hàng xảy ra ngày 2/8, ngày 3 chiếc trực hạm của Bắc Việt Nam tiến công chiến hạm MADDUX của Mỹ ở Vịnh Bắc Bộ.

Trong suốt những năm ngồi tù, các toán viên BOONE thường nhắc đến quyết định của họ. Một số người nói rằng họ đã ở trong rừng Con Cuông mấy tuần rồi mới quyết định đầu hàng. Những người nghe họ kể chuyện đều phát hiện thấy sự không nhất quán trong các câu chuyện kể của họ, thực tế là toán BOONE đã đầu hàng 5 ngày sau khi nhảy dù xuống mặt đất. Không một thành viên nào của toán BOONE thừa nhận ai là người đã đưa ra quyết định đầu hàng, thế nhưng hầu hết các biệt kích đều biết rằng một quyết định như vậy phải do toán trưởng đưa ra.

Toán BOONE bỏ lại toàn bộ vũ khí và trang thiết bị của họ rồi kéo nhau ra đầu hàng dân chúng của một hợp tác xã gần nhất với một lá cờ trắng, người ta nói rằng hợp tác xã này cách căn cứ của họ 10 km. Một toán viên với khẩu tiểu liên Schmeisser 9mm đã ở lại căn cứ để bảo vệ các vũ khí và trang thiết bị. Một số toán viên lại nói rằng anh ta mang theo vũ khí duy nhất không bị bỏ lại là để tăng công lúc đầu hàng.

Những người này được đưa về trại giam ở tỉnh Nghệ An và nhập với các toán viên của ATILLA. Họ chỉ ở lại đó một thời gian ngắn rồi bị đưa ra Hà Nội, ở đây họ bị hỏi cung một lần nữa và bị đưa ra xử tại một toà án quân sự đặc biệt. Cuộc xử án họ được tuyên truyền khá rùm beng. Trong lúc đang chuẩn bị để ra toà tại Hà Nội thì nhân viên điện đài phụ Nguyễn Gia Thỏ có một người không rõ danh tích đến thăm. Một số người nói là người nhà của anh ta ở thị xã Hà Đông. Từ giờ phút đó Thỏ được tha ra khỏi nhà tù và người ta nói là anh ta đi theo người "bà con bí hiểm" từ thị xã Hà Đông tới, và cũng từ đó các thành viên khác của toán không bao giờ gặp lại anh ta nữa.

Trong khi toán BOONE đang đầu hàng ở gần Con Cuông thì một mệnh lệnh từ Bộ Tư lệnh Hải quân nhân dân Việt Nam được phát đến đài thu trên đảo Cát Bà chuyển cho đội khu trục hạm số 135 đặt căn cứ tại Vạn Hoa; tấn công kẻ thù xâm nhập lãnh hải.

Những phác hoạ đầu tiên của hành động cuối cùng sắp sửa được thực hiện trên một vùng biển mà người ta gọi là Vịnh Bắc Bộ .

-----oOo-----

(Hết mục 9)

10. SỰ KIẾN VỊNH BẮC BỘ.

Đêm ngày 1/8/64, tàu Maddox của Mỹ đã tiến vào vùng biển Bắc Việt Nam để quan sát và thu thập tình báo điện đài. Hành động này chỉ xảy ra sau cuộc đột nhập bí mật đường biển của lực lượng thuộc Nhóm quan sát nghiên cứu trợ lý chỉ huy quân sự (MACSOG), được thực hiện theo giai đoạn II của kế hoạch OPLAN 34A, nhằm vào mục tiêu ven bờ nằm trong tầm nghe trộm tốt của tàu khu trục Mỹ (xem phụ lục số 7).

Chiều hôm sau, theo báo cáo lại, tàu Maddox ở cách bờ biển Bắc Việt Nam 25 hải lý đang tiến ra ngoài theo hướng Nam với tốc độ 27 hải lý thì bị ba tàu ngư lôi của hải quân Bắc Việt Nam truy đuổi với tốc độ cao. Theo bức điện mà Mỹ thu được thì ba tàu này được lệnh "tấn công kẻ thù". Theo hồ sơ chính thống của Hải quân trong giai đoạn đó thì có ít nhất một tàu ngư lôi đã bị đánh chìm bởi cuộc không kích bằng máy bay F8 của tàu Mỹ Ticonderoga tấn công những tàu này để hỗ trợ cho tàu Maddox.

Trong thời gian tấn công, Tổng thống Johnson đã gặp gỡ các quan chức cao cấp của chính quyền Mỹ. Mặc dù không có sự phản ứng về quân sự đối với cuộc tấn công tàu Maddox ngày 2/8, nhưng chính quyền Mỹ cũng đã gián tiếp nhắc nhở Bắc Việt rằng Mỹ sẽ tiếp tục tuần tra kiểm soát trên vùng biển quốc tế và cảnh cáo rằng Bắc Việt Nam sẽ phải chịu "những hậu quả thích đáng" nếu tiếp tục có hành động tấn công khiêu khích bằng quân sự chống lại lực lượng của Mỹ.

Khả năng của lực lượng hải quân Mỹ đi lại tự do trên vùng biển quốc tế là một vấn đề đang được Washington đặt ra và là một phần chiến lược trong giai đoạn đối đầu với Liên Xô do việc chuyển tên lửa tiến công vào Cu Ba. Nhóm đặc biệt và những nhà hoạch định chính sách quốc gia biết rất rõ rằng những chiến dịch tấn công của tàu Maddox có thể khiêu khích rất thành công hành động quân sự của Bắc Việt Nam (xem phụ lục số 3).

Sau trận tấn công ngày 2/8, tàu Maddox được lệnh tiếp tục hoàn thành cuộc tuần tra Desoto theo hành trình mới. Tàu Maddox bây giờ được lệnh không tiến gần quá 12 hải lý so

với bờ biển Bắc Việt Nam. Bộ Ngoại giao trình bày rằng điều đó sẽ giữ tàu Maddox bên ngoài giới hạn 3 hải lý mà các quan chức Mỹ kết luận rằng nó đã tồn tại từ khi kết thúc chế độ thuộc địa Pháp trong năm 1954.

Vào tối ngày 4/8, sau khi thực hiện cuộc trinh sát điện tử ven bờ trong tầm 16 hải lý, tàu Maddox và tàu hộ tống Turner Joy của Mỹ đang tiến xa bờ biển Bắc Việt Nam ra giữa Vịnh Bắc Bộ. Một giờ đầu, một cuộc tập kích bí mật đường biển khác lại xảy ra theo giai đoạn II và một lần nữa lại đụng phải mục tiêu Bắc Việt Nam trong tầm nghe điện tử của tàu khu trục (xem phụ lục số 7).

Thuyền trưởng tàu Maddox chống lại khả năng hành động quân sự của Bắc Việt Nam. Đầu buổi chiều hôm đó, Bộ chỉ huy hải quân Bắc Việt Nam ở Hải Phòng đã ra lệnh cho các tàu ngư lôi T142 và T146 chuẩn bị chiến đấu tối hôm đó và liên lạc với tàu ngư lôi 833 đang bị hỏng máy. Hồ sơ chính thống hải quân Hoa Kỳ kể lại rằng sự kiện này được coi như là bằng chứng đầu tiên chứng tỏ Hải quân Bắc Việt Nam đang chuẩn bị đánh trả, mà hành động đó chẳng gây ngạc nhiên chút nào đối với những người đã hiểu rõ kế hoạch 34A và những hậu quả tất yếu kéo theo của nó (xem phụ lục số 3).

Khoảng 10 giờ 15 phút tối, tàu Maddox và tàu Turner Joy ít nhất cũng đã vượt qua được nửa đường Vịnh Bắc Bộ, gần Trung Quốc hơn là Bắc Việt Nam. Họ đã ở sâu trong vùng biển quốc tế theo hướng Đông Nam ban đầu tiếp tục ra khỏi Bắc Việt Nam. Hướng đó có thể được xem như là đang tiến ra ngoài, hoặc là theo hướng Tây Nam của đảo Hải Nam, Trung Quốc. Những tàu khu trục của Mỹ khẳng định rằng họ đã thu được 3 hoặc 4 cuộc liên lạc điện đài ở phía sau họ, cùng với một số liên lạc lẻ tẻ tới hướng Đông theo đảo Hải Nam. Mặc dù hồ sơ chính thống của những tàu này, những tàu ngư lôi có lẽ là của kẻ thù, cách tàu Maddox gần 50 hải lý không phải đang tiến đến từ hướng Bắc Việt Nam. Nó tiến đến từ một hướng lân cận đảo Hải Nam, theo hướng Đông và hướng Đông Bắc so với vị trí của tàu khu trục. Trong bốn tiếng tiếp theo, tàu Maddox và tàu Turner Joy đã báo cáo về nhiều cuộc liên lạc và nghi ngờ ngư lôi được phóng từ tàu tuần tiểu và những tàu này xuất hiện để điều khiển nó trong khi lực lượng không quân chiến đấu của Mỹ đang bay kiểm soát trên đầu. Hồ sơ chính thống Hải quân Mỹ ghi lại có một số tàu tuần tiểu đã bị đánh chìm trong bốn tiếng

đó. Một số quan chức Mỹ cho rằng sự kiện này không chính xác tuy nhiên một số quan chức khác thậm chí lại đặt câu hỏi liệu cuộc tấn công trong thực tế có xảy ra hay không?

Không khí ở Washington trở nên rất căng thẳng khi các nhà hoạch định chính sách cấp cao gặp nhau để quyết định thái độ phản ứng đối với hành động được báo cáo lại là cuộc tấn công đó. Trong khi Tư lệnh lực lượng liên quân đề nghị phải có phản ứng bằng quân sự thì các quan chức của Bộ Ngoại giao đã gặp thượng nghị sĩ William Fulbright, Chủ tịch Ủy ban đối ngoại Thượng viện để trình bày tuyên bố công khai của Tổng thống Johnson đối với toàn quốc nhằm khuyên nhân dân Mỹ ủng hộ quyết định phản ứng của Chính quyền Mỹ chống lại Bắc Việt Nam.

Cuộc thảo luận qua điện thoại giữa Bộ trưởng Mc.Namara và Tổng thống đã nêu lên vấn đề cần phải có căn cứ vững chắc hơn về những hành động được báo cáo lại là cuộc tấn công. Cả Tổng thống và Bộ trưởng Quốc phòng đều biết rất rõ phạm vi của kế hoạch 34A. Tổng thống đã thông qua nó theo đề nghị của Bộ trưởng Quốc phòng tháng 12 năm ngoái. Trong khi Washington đang chờ thêm chi tiết và những bức điện mật mà nói là tàu Maddox đã thu được để giải mã và phân tích lại ở Mỹ, thì một nhóm nghiên cứu đã gặp nhau để xem xét và lựa chọn các mục tiêu oanh tạc bằng không quân chống Bắc Việt Nam.

Trợ lý Tổng thống về vấn đề An ninh Quốc gia Mc George Bundy, được chỉ định giúp Bộ Ngoại giao về mặt chính sách đối ngoại của kế hoạch 34A đang đánh giá những bức điện thu được và liên hệ tiếp xúc với Bộ Ngoại Giao. Sau đó ông ta đã gặp thượng nghị sĩ Fulbright. Khi đề cập đến cuộc tập kích trước của lực lượng thuộc Nhóm quan sát nghiên cứu trợ lý chỉ huy quân sự (MACSOG) theo kế hoạch 34A, Fulbright đã hỏi Bundy rằng liệu những chiến dịch tấn công bí mật bằng đường biển có liên quan gì với những hoạt động của 2 tàu khu trục không? Theo thượng nghị sĩ thì Bundy trả lời rằng "nó không có liên quan với nhau theo một chiến dịch". Điều đó theo tin tức báo cáo lại là đã làm yên lòng Thượng nghị sĩ Fulbright, một người ủng hộ rất tích cực những cố gắng của Tổng thống để giành được sự tái cử và điều đó đã chỉ ra rằng hình như có lý do rất hợp lý cho những quyết định phản ứng của Chính quyền Mỹ. Sau đó Fulbright đã cùng với Bundy soạn thảo một bản thông điệp của chính quyền mà Tổng thống sẽ loan báo qua truyền hình toàn quốc. Sau này Thượng nghị sĩ

Fulbright thừa nhận rằng ông ta bị nhầm về những gì đã xảy ra trong thời gian đó.

Nếu thượng nghị sĩ Fulbright nghe nói về mối quan hệ được nhận thức rõ ràng của Hải quân Mỹ giữa chiến dịch đường biển 34A và những tàu khu trục thì có lẽ ông ta và nhiều quan chức khác của Quốc hội và Chính quyền sẽ thông qua những quyết định phản ứng thận trọng hơn. Tuy nhiên, không thấy dấu hiệu chứng tỏ ông ta đã hỏi hoặc được cung cấp những thông tin về những chiến dịch rộng hơn của kế hoạch 34A mà nó bao gồm những chiến dịch ngày càng tăng của những nhóm điệp viên bán vũ trang và những chuyến bay trinh sát trên không của Mỹ kể từ đầu thập kỷ (xem phụ lục số 2, 3 và 7).

Trong suốt 5 tiếng của sự kiện được báo cáo có liên quan đến tàu Maddox và Turner Joy, đã nhận được một bức điện do Bộ Tổng tham mưu nơi đang chỉ đạo cuộc oanh kích không quân phá hoại các kho xăng dầu và bốn khu liên hợp vùng ven biển của Bắc Việt Nam. Những cuộc oanh kích này là sự giáng trả những hành động được báo cáo là trả đũa cuộc tấn công của Bắc Việt Nam chống lại 2 tàu khu trục Mỹ ngày 4/8.

Bộ chỉ huy ở Sài Gòn đóng vai trò gì trong quá trình vạch ra quyết định này. Tướng Westmoreland đã nhấn mạnh rằng ông ta không đóng vai trò gì: "Tôi không có liên quan gì đến nó, Quyết định đã được thông qua ở Washington trước khi tôi biết được nó".

Ngày 5/8, không quân Mỹ đã oanh tạc vùng Đông Bắc Hòn Gai và tỉnh Thanh Hóa, Mỹ cũng tiến hành đánh phá một số khu công nghiệp ở Vinh, bến đỗ tàu thuyền ở cửa sông Gianh những mục tiêu và lực lượng bí mật của CIA phát hiện về những thuyền máy và tàu ngư lôi mới đến của lực lượng biệt kích Hải quân SOG.

Ngày 5/8, Tổng thống Johnson tuyên bố trên truyền hình toàn quốc rằng các cuộc không kích đã sẵn sàng đang trên đường đi đến giáng trả những hành động được trình bày lại với Quốc hội và nhân dân Mỹ là những hành động tấn công khiêu khích tàu chiến của Mỹ trên vùng biển quốc tế ở Vịnh Bắc Bộ. Thực tế Tổng thống Johnson đã phát biểu trước khi xảy ra các cuộc không kích.

Nguyên nhân dễ nhận thấy sự rối loạn này là do sự tính toán sai về sự chênh lệch thời gian giữa giờ Việt Nam và giờ Washington, tính sai một giờ có nghĩa rằng thực tế Tổng thống Mỹ đã báo trước cho Bắc Việt Nam rằng trong một giờ nữa sẽ bắt đầu cuộc không kích.

Ngày 7/8 Quốc hội Mỹ đã thông qua giải pháp của Tổng thống về sự kiện Vịnh Bắc Bộ cho phép sử dụng lực lượng của Mỹ để hỗ trợ cho mọi thành viên của Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á. Một trong những thành viên của Hiệp ước này là Việt Nam Cộng hoà, đây là giải pháp được coi như là Cơ sở pháp lý cho Mỹ tham chiến ở Đông Nam Á. Họ đã ra lệnh tiến hành các cuộc oanh tạc không gần quá 50 hải lý so với lãnh thổ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa. Trong 5 ngày đại sứ Taylor đã kêu gọi thực hiện các cuộc ném bom liên tục.

Cũng trong ngày 7/8, Bộ Tổng tham mưu liên quân đã thông qua kế hoạch hành động 37-65 của Bộ chỉ huy Thái Bình Dương để "ổn định tình hình ở Nam Việt Nam và Lào"...Kế hoạch này có quan hệ chặt chẽ với những kế hoạch 33 và 37-64 trước đây. Nó cũng có liên quan đến những kế hoạch 34A như là tiếp tục chiến dịch bí mật. Kế hoạch 34A bao gồm những chiến dịch được tiến hành trong vùng biên giới Việt Lào để chống hoạt động xâm nhập của Bắc Việt và nhiều cuộc oanh kích của lực lượng không quân nhằm huỷ diệt các mục tiêu quân sự và kinh tế của Bắc Việt Nam.

Tham mưu trưởng liên quân rất thoả mãn rằng Tổng thống Johnson đã nghe và chấp nhận đề nghị của họ về sự phản ứng cứng rắn đối với Bắc Việt Nam. Uy tín của Johnson được tăng lên nhanh chóng từ 42% đến 72%. Đại đa số người Mỹ hiểu rằng Tổng thống đã có thái độ phản ứng thích hợp và có sự cân nhắc đối với hành động được mô tả là khiêu khích quân sự ở vùng biển quốc tế. Ba tháng tới trước khi cuộc tổng tuyển cử tháng 11/64. Điều đó đã đem lại cho nhân dân Mỹ có một hình ảnh về người lãnh đạo cứng rắn và thái độ phản ứng của ông ta là có giới hạn, và vì vậy dễ chấp nhận hơn hình ảnh đối thủ cạnh tranh của ông ta thuộc Đảng Cộng hoà là Barry Goldwater, khi là Tổng thống ông ta có thể đưa nước Mỹ vào cuộc chiến tranh.

Cuộc điều tra tìm hiểu sau đó của Quốc hội về sự kiện Vịnh Bắc Bộ đã tiết lộ rằng Mỹ có thể thu được những bức điện tín mật mã và mệnh lệnh của Bộ chỉ huy cấp cao hải quân Bắc Việt Nam nơi đã hạ lệnh tấn công tàu Maddox ngày 2/8. Đó là những bức điện được mã hoá ở mức độ cao gửi cho đội tàu ngư lôi Torpedo số 135 có nhiệm vụ thực hiện cuộc tấn công và gửi cho Bộ chỉ huy hải quân khu vực phía Nam đang điều khiển những thiết bị Swatows mà hải quân Bắc Việt Nam sử dụng để hướng dẫn các tàu ngư lôi chiến đấu.

Thực tế này cũng có thể lập luận rằng, nếu các lực lượng tình báo viễn thông của Mỹ có khả năng thu được các bức điện, thì Washington cũng có thể biết rằng Hà Nội đã đặt tất cả các lực lượng của họ vào vị trí sẵn sàng cho cuộc chiến tranh toàn diện. Những bức điện thu được cũng đã tiết lộ rằng Hà Nội đã theo dõi chặt chẽ như thế nào các cuộc tập kích của lực lượng thuộc Nhóm quan sát nghiên cứu trợ lý chỉ huy quân sự (MACSOG). Hơn nữa Washington cũng có thể biết rằng Hà Nội đang theo dõi chặt chẽ sự phối hợp liên hệ cao giữa những hoạt động tình báo thông tin điện tử của Hạm đội 7 để hỗ trợ cho kế hoạch 34A và hàng loạt những chiến dịch chiến tranh tâm lý, tập kích bí mật đường biển và thả gián điệp ra Bắc Việt Nam do lực lượng thuộc Nhóm quan sát nghiên cứu trợ lý Chỉ huy quân sự (MACSOG) và CIA tiến hành (xem phụ lục số 2). Mặc dù ngày càng có nhiều câu hỏi về cuộc chiến tranh mở rộng, những thông tin về những hành động này được bảo vệ rất chặt chẽ bằng một nhóm được lựa chọn ở Ban điều hành gồm những người rất cần biết đến.

Trong suốt cả giai đoạn này người ta không nhắc đến quốc tịch của con tàu tấn công đó. Hồ sơ chính thống của Hải quân Mỹ ám chỉ rằng đó là tàu của Bắc Việt Nam nhưng chỉ dừng lại như thế. Hồ sơ Hải quân nhân dân Việt Nam có ghi lại mệnh lệnh tấn công của Hải đoàn 3 vào ngày 2/8 và sau đó có thừa nhận rằng Washington đã lợi dụng những cuộc tấn công đó để biện hộ cho cuộc không kích ngày 5/8. Nhưng lại không nói gì đến sự kiện ngày 4/8.

Vì vậy về lịch sử mà nói, vẫn còn nghi ngờ nếu rằng thực tế cuộc tấn công ngày 4/8 có xảy ra hay không, nếu có thì do ai tiến hành. Ngày 4/7/66, một người có thể trả lời câu hỏi này đã lên boong tàu Cavalier của Mỹ đang neo đậu tại Đà Nẵng, Nam Việt Nam. Chính sự tồn tại câu trả lời này cũng được giữ bí mật không kém sự tồn tại của những chiến dịch do CIA và lực lượng Nhóm quan sát nghiên cứu trợ lý chỉ huy quân sự (MACSOG) tiến hành.

Tôi hỏi đại úy Trần Bảo rằng "Tại sao các anh lại tấn công hai tàu khu trục Mỹ vào tháng 8 năm 1964?". Anh Bảo là một sĩ quan cao cấp chỉ huy tàu ngư lôi của Bắc Việt Nam, người được tàu khu trục Mỹ đang đi trên vùng biển quốc tế đã cứu vớt từ một trong 2 tàu bị đánh chìm.

Anh Bảo kể lại, ngày 2/8/64 anh ta là Tham mưu trưởng đại đội 135 và là sĩ quan đại đội trong ban chỉ huy Hải đoàn 3 chỉ huy tàu 333 được lệnh tấn công tàu Maddox. Anh thừa nhận rằng cuộc tấn công ngày 2/8 được thực hiện một phần vì Hà Nội mong muốn gửi thông báo về những cuộc tấn công bí mật do lực lượng Hải quân Mỹ tiến hành trong một chiến dịch với vụ trình sát điện tử của tàu khu trục Mỹ. Hai tàu ngư lôi của Bảo đã bị đánh chìm, sau đó một tàu đã được đẩy vào gần bờ. Bảo trên boong tàu chỉ huy của hải đoàn 333 đã trôi dạt trở lại bờ biển Thanh Hoá, tàu được giấu kín ở đây trong thời gian chờ sửa chữa máy. Bảo chuyển sang mô tả lại bản báo cáo sau trận đánh mà anh ta đã viết về sự kiện ngày 2/8. Anh ta đã kể chi tiết bức điện trước khi có cuộc tấn công được gửi đi từ Hải Phòng cho bộ chỉ huy tiền phương ở đảo Cát Bà, sau đó cho Bộ chỉ huy khu vực I ở Vạn Hoa, và cuối cùng là đại đội của anh ta.

Giống như với cuộc tấn công ngày 2/8, các tàu của Bảo đã trở về Vịnh Bắc Bộ theo kế hoạch tấn công của họ vào ngày 1/7/66 chỉ trong 2 ngày sau cuộc tấn công bí mật bằng đường biển của lực lượng thuộc Nhóm quan sát nghiên cứu trợ lý chỉ huy quân sự (MACSOG) nhằm vào các mục tiêu ven bờ ở phía Bắc Vịnh và phá hủy hoàn toàn các kho nhiên liệu.

Câu trả lời của đại úy Bảo trực tiếp như sau:

- Chúng tôi đã báo cho các ông mùa hè năm đó một tháng trước khi xảy ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ rằng chúng tôi mở rộng biên giới lãnh thổ của chúng tôi. Chúng tôi cho rằng sự lưu ý trước đó sẽ đảm bảo giữ cho tàu của nước ngoài ở Hải phận Quốc tế. Nhưng các ông đã không thực hiện như vậy. Đó là lý do tại sao chúng tôi tấn công... Tôi đã chỉ huy cuộc tấn công ngày 2/8... Đó là khi tàu chỉ huy của tôi bị bắn và đã được đưa trở về một trong những sông ở Thanh Hoá. Chúng tôi đã giấu nó cho đến khi chúng tôi sửa chữa xong tàu...Tôi là tác giả bản báo cáo sau chiến sự cuộc tấn công ngày 2/8...

Tôi hỏi: "Thế còn cuộc tấn công ngày 4/8 thì sao?"

Bảo tiếp tục:

- Chẳng có cuộc tấn công nào nữa, tôi hoàn toàn không biết. Hơn nữa lực lượng của chúng tôi trong khu vực đó chỉ hoạt động đến kinh độ 106 độ 30 phút, chúng tôi không thể ra xa hơn vì vấn đề nhiên liệu. Chúng tôi còn gặp phải vấn đề khác nữa. Rađa trên tàu của chúng tôi chỉ có hiệu lực trong phạm vi cách mục tiêu 10 hải lý và chỉ có thể hữu ích trong khoảng dài nhất 5000m. Đó là lý do tại sao chúng tôi sử dụng Swatows để hướng chúng tôi tới gần mục tiêu bằng cách này chúng tôi có thể tìm thấy mục tiêu.

Chúng tôi có một vấn đề nữa. Tàu P4 không hoạt động tốt ở vùng biển động, ở những nơi đó chúng tôi phải đi với tốc độ rất hạn chế. Ngoài ra, đa số thời gian chúng tôi thường đậu trong bãi chứ không phải ở ngoài vịnh.

Hải đoàn của chúng tôi hoạt động theo biên chế 3 tàu cho một Hải đoàn và chúng tôi chỉ có 1 tàu P4. Mặt khác Trung Quốc vừa có cả tàu P4 lại vừa có cả tàu ngư lôi hoạt động với tầm dài hơn như là P6. Tàu P6 thích hợp cho tàu ngư lôi hoạt động với tầm dài hơn và có thể hoạt động tốt bên ngoài tầm của tàu P4.

Hồ sơ chính thống về sự kiện Vịnh Bắc Bộ cũng ghi lại rằng cuộc tấn công tàu khu trục Maddox và tàu Turner Joy xảy ra ở vị trí khoảng 107 độ 30 phút. Những cuộc tấn công đó do 3 hoặc 4 tàu tiến hành theo từng đợt ít nhất là trong 6 tiếng. Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa có 4 tàu cho một Hải đoàn, giống như đa số các tàu ngư lôi khác của Hải quân nước ngoài. Bắc Việt Nam chỉ có 3 tàu trong Hải đoàn.

Hồ sơ chính thống của Hải quân Mỹ trong thời kỳ đó không nói gì tới việc di chuyển của Hải quân Bắc Việt Nam theo hướng Tây trong Vịnh Bắc Bộ ngày 4/8 giữa thời kỳ hoạt động điện đài, thông tin liên lạc và chụp ảnh tình báo của hải quân Bắc Việt Nam. Những hồ sơ này cũng không nói gì đến vai trò của Hải quân Trung Quốc, một vấn đề rất đáng tìm hiểu vì sự

xuất hiện tàu tuần tiểu Trung Quốc. Ở khu vực II trước khi xảy ra cuộc tấn công ngày 2/8 và thực tế là những tàu khu trục khác của Mỹ cũng đã thực hiện những phi vụ tương tự như phi vụ của tàu Maddox nhằm vào Trung Quốc.

Grady Stewart, một thẩm vấn quân sự khác, và tôi đã xem xét lại toàn bộ thống kê hành trình những tàu tuần tiểu của đại đội 135 Hải quân Bắc Việt Nam cùng với Trần Bảo. Bảo đã kể lại từng bản thống kê một. Anh mô tả quá trình từng tàu bị chìm và những tàu nào được trục vớt lên ở vị trí nào. Chúng tôi cũng xem bản theo dõi thống kê ngư lôi của đơn vị hải quân của anh ta với khoảng 60 ngư lôi kể cả 3 ngư lôi đã phóng để đánh tàu Maddox ngày 2/8. Số còn lại, theo tính toán của anh ta, Hải quân Bắc Việt Nam với 57 ngư lôi, Hải đoàn 3 đã sử dụng vào cuộc tấn công ngày 1/7/66.

Bảo nói:

- Có cách kiểm tra rất dễ nếu người ta muốn, hãy xem bản theo dõi ngư lôi của chúng tôi ở kho Vạn Hoa, thì sẽ thấy hồ sơ tài liệu chính xác về tình trạng và vị trí của từng ngư lôi mà chúng tôi có. Bởi tôi là Tham mưu trưởng và mọi bản báo cáo đều qua tôi.

Ngày 6/7/66 nhóm quân sự của chúng tôi đã gửi bức điện đầu tiên báo cáo rằng một nhóm gồm 19 thủy thủ hải quân Bắc Việt Nam đang trên đường trở về Nam hai ngày đầu, Thuyền trưởng tàu Cavalier đã ra lệnh cho chúng tôi không được phỏng vấn bất cứ tù nhân nào cho đến khi những người thẩm vấn của lực lượng hải quân Mỹ đến tàu Cavalier, thật là một sự lãng phí thời gian vô cùng quý báu còn làm tiêu hao nhân lực. Và cứ như thế trong 3 ngày, trong thời gian chờ đợi các nhà thẩm vấn Hải quân Mỹ đến, chúng tôi chỉ tán gẫu. Thuyền trưởng tàu Cavalier đã không để ý đến điều đó và đã hiểu sai vấn đề thẩm vấn.

Thuyền trưởng nói: "không được phỏng vấn, đó là mệnh lệnh của Hạm đội 7".

Tôi hỏi: "ít nhất thì chúng tôi cũng có thể nói chuyện với anh ta được chứ? Anh biết đấy, chỉ tán gẫu thôi?"

"Ồ!.. Được, điều đó thì được. Nhưng nhớ rằng không được thẩm vấn họ đâu".

Vì vậy chúng tôi chỉ tán gẫu.

Chúng tôi đã nhận được một bức điện khẩn ở tàu Cavalier chỉ 1 hay 2 ngày sau khi hoạt động chính thức của đội thám vấn Hạm đội 7 ngày 6/7 và đã gửi điện bản báo cáo của họ dày 120 trang. Chúng tôi hiểu rằng đây là báo cáo làm hoang mang đối với những hiểu biết ban đầu của chúng tôi vì nó trích dẫn những lời khai của Bảo và những tù nhân khác. Báo cáo bao gồm toàn bộ tổ chức và việc triển khai thể trận của Hải quân nhân dân Việt Nam vị trí hiện nay của nó, về sự khẳng định của Bảo không có sự kiện 4/8. Người chỉ huy William K. Quisenberry, một sĩ quan Hạm đội 7 đang chỉ huy cuộc khai thác 19 tù nhân Hải quân Bắc Việt Nam đã thông báo ngay tin này cho nhóm 2 người chúng tôi.

Bức điện viết: "Các anh sẽ không nhắc lại là không được tìm hiểu chi tiết hơn nữa về những gì có liên quan đến sự kiện Vịnh Bắc Bộ..."

Rõ ràng là đến tháng 7/66 vẫn còn có câu hỏi về cuộc tấn công mà đã không được bảo vệ bí mật.

Hồ sơ chính thống hải quân Mỹ trong giai đoạn này của cuộc chiến tranh Việt Nam đã nói rằng Bắc Việt không tuyên bố công khai đòi giới hạn lãnh thổ 12 hải lý tận đến sau khi có cuộc tấn công tháng 8. Lịch sử Hải quân của Mỹ cũng thấy điều đó thật "khôì hài". Vì những sự kiện tháng 8/64 mà nó đã thúc đẩy đến việc mở rộng cuộc chiến tranh, đã làm lộ kế hoạch 34A. Trong thực tế những tác giả của kế hoạch này nhận thấy rằng điều đó rất có thể xảy ra và những tác giả của Lịch sử Hải quân Mỹ có bản tài liệu của cả Cơ quan nghiên cứu tài liệu lực lượng thuộc Nhóm quan sát nghiên cứu trợ lý chỉ huy quân sự (MACSOG) và báo cáo của đội khai thác Hạm đội 7 (xem phụ lục số 3).

Những chiến dịch đường biển của kế hoạch 34A đã leo thang tới mức cao hơn vào cuối mùa Thu năm 1964 sau khi ngừng tạm thời các hoạt động hiện tại theo kế hoạch (xem phụ lục số 4). Nhìn bề ngoài sự ủng hộ những cố gắng đó, Tham mưu trưởng quân đội Mỹ, tướng Harold Johnson sau này đã đưa ra kết luận có tính chuyên môn rằng những chiến dịch

đường biển của kế hoạch 34A là có giá trị. Nhưng dù sao chẳng nữa hồ sơ chính thống về những chiến dịch của lực lượng thuộc Nhóm quan sát nghiên cứu trợ lý chỉ huy quân sự (MACSOG) trong năm đó (qua tháng 12) cũng chỉ ra một cách chính xác mặt trái của nó.

Tiếp theo sự kiện Vịnh Bắc Bộ, tướng Westmoreland đã đề nghị rằng những chiến dịch đường biển cần phải được tăng cường. Thứ trưởng quốc phòng Cyrus Vance đã thông qua sự tăng cường đó với một số điều chỉnh biến đổi. Mc George Bundy cũng đồng ý và đến tháng giêng năm 1965, một số sự kiểm soát trước đây đã được giải toả.

Thật là khôi hài, một chương trình bí mật đã bị thất bại trong 4 năm lại bất ngờ được mở rộng. Kế hoạch này lúc đầu chỉ nhằm mục đích gửi bức thông điệp ngăn chặn chiến tranh mà bây giờ lại trở thành động lực thúc đẩy chiến tranh tiến xa hơn và một chiến dịch đường biển không có hiệu quả rộng nay lại được coi là đáng khen ngợi.

Khi Hà Nội tiến hành cuộc tấn công mới ở Nam Việt Nam vào mùa Thu năm đó và kéo sang mùa Xuân năm 1965, Washington đã chuẩn bị những hành động đầy tham vọng hơn để chống Bắc Việt Nam với ý đồ của Chính quyền Mỹ muốn trả đũa. Điều đó thể hiện rõ ở tình trạng Nhóm quan sát nghiên cứu trợ lý chỉ huy quân sự (MACSOG) tiếp tục tung điệp viên vào Bắc Việt Nam, nhưng chẳng bao lâu đã hết tất cả lực lượng mà đại tá Russell đã kế thừa vào tháng giêng năm ngoái (xem phụ lục 5 và 6).

-----oOo-----

(Hết Phần I)

Phần III

SỰ NGỤY TRANG (1965-1967)

11. “ROMEO BỊ BẮT...”

Ngày 22/10/1964, bốn biệt kích thuộc toán ALTER nhảy dù xuống Lai Châu để tăng cường cho toán REMUS. Toán trưởng được chỉ định lúc đầu là Quách Rang đang bị mắc kẹt ở Buôn Mê Thuật, vì phải đối phó với cuộc nổi dậy của người thiểu số nên không đi cùng toán như đã dự kiến. Ngày 14/11, Rang với cương vị là chỉ huy phó đã cùng toán GRECO thực hiện việc tăng cường. Tháng 5, năm biệt kích nữa thuộc toán HORSE, dưới sự chỉ huy của Quách Nhung, được thả dù xuống Sơn La tăng viện cho toán TOURBILLON. Tất cả đều được Bộ Công an "đón tiếp".

Lúc này, nhiều sư đoàn quân Mỹ đang kéo vào Nam Việt Nam. Cuộc leo thang với số lượng lớn bộ binh Mỹ dẫn đến việc quân Mỹ vào tham chiến ngày càng trở nên công khai. Các hoạt động biệt kích bí mật của MACSOG đang được thay thế bằng cuộc chiến tranh mở rộng. Với sự hỗ trợ của Cục tình báo quân đội (DIA), MACSOG bắt đầu chuyển hướng từ hoạt động

biệt kích sang hoạt động do thám để hỗ trợ cho một mạng lưới tình báo có thể thông báo tin tức một cách mau lẹ hơn.

Mùa xuân năm đó, MACSOG được thông báo tiếp quản các phi vụ vượt biên giới sang Nam Lào. Căn cứ huấn luyện quân sự Long Thành đầy ắp lính mới tuyển để phá đường mòn Hồ Chí Minh vừa mới phôi thai. Một số học viên là nhân viên cũ của Sở chỉ huy kỹ thuật chiến lược nhưng phần lớn bọn họ đều được tuyển từ 1962 cùng tham gia xây dựng căn cứ với các lính mới.

Mùa thu 1965, chín biệt kích của toán DOG và ba của toán GECKO nhảy dù xuống Sơn La tăng cường cho toán EASY. Ngày 7 tháng 11, 8 biệt kích toán VERSE nhảy dù xuống Sơn La tăng cường cho toán TOURBILLON. Tất cả đều đã bị Công an nhân dân vũ trang đón bắt hết.

Cũng tháng đó, toán ROMEO đã sẵn sàng xuất phát, mười một thành viên của toán biết rằng nhiều biệt kích đã nhảy dù xuống trước họ tại một khu vực hạn chế trong năm 1965 chính họ là những người thay thế cho các toán mà họ bị đánh lừa và nghĩ rằng đang hoạt động sâu trong lòng miền Bắc. Không một người nào từ miền Bắc trở về, thế nhưng điều đó đã được sỹ quan huấn luyện giải thích rằng họ còn hoạt động ở miền Bắc. Mọi người đều hăng hái và muốn được đi. Các sỹ quan huấn luyện lực lượng đặc biệt Mỹ-Việt đều phấn khởi, không có một lời bóng gió, ám chỉ nào cho rằng đã có một điều gì đó sai lầm.

Toán ROMEO bắt đầu nhận lệnh tung vào miền Bắc, tới địa điểm tập kết, đợi lệnh và chuẩn bị nằm vùng chờ đợi 2 năm. Ngoài ra, nó cũng chẳng nhận được lệnh phải làm gì sau khi tới miền Bắc. Cả toán nghiên cứu bản đồ chỉ rõ địa điểm nhảy dù và nơi tập kết, tất cả đều có vẻ rõ ràng, không có gì rắc rối: Ra miền Bắc rồi sẽ biết phải làm gì. Đó là cách làm việc của quân đội Mỹ.

Chỉ thị hoạt động trong khu vực hạn chế này nhấn mạnh rằng đây là một hoạt động chống cộng, bảo vệ thế giới tự do. Trong toán ai cũng biết điều đó, họ tin vào điều đó và sẵn sàng chiến đấu vì nó.

Sau này, các toán viên của toán ROMEO nhớ lại lời nhận xét của một huấn luyện viên nói khi gần hết khoá học:

- Cứ một ngàn người tung ra Bắc, chúng tôi chỉ cần một người hoạt động thành công là may mắn rồi. Tôi nói điều này vì không muốn các anh nghĩ rằng mọi người chúng tôi đánh đi đều hoạt động thành công cả. Nói tóm lại càng có nhiều người hoạt động thành công càng tốt. Chỉ có vậy thôi. Anh hoạt động thành công hay không, điều đó không thành vấn đề. Tất cả các anh đều được coi là thành công cả. Điều quan trọng nhất của toàn bộ hoạt động là ý chí, các anh sẵn sàng trở lại miền Bắc để chống cộng.

Sáng 19 tháng 11, toán ROMEO cất cánh từ Long Thành trên chiếc máy bay vận tải cùng với tổ lái người Mỹ, bay đến căn cứ trung chuyển Khe Sanh, đến chiều các biệt kích được đưa lên hai trực thăng để đến địa bàn tác chiến. Chiếc thứ ba chở các sĩ quan tác chiến Mỹ và Việt đã đi theo họ từ Long Thành để chứng kiến cuộc đổ bộ xuống khu vực đã định.

Ba chiếc cùng cất cánh một lúc và bay rất thấp qua không phận Lào. Vào lúc 4 đến 5 giờ, họ hạ cánh gần đường mòn Hồ Chí Minh tại khu vực Vitulu gần biên giới Lào, thuộc huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình. Toàn toán nhanh chóng dỡ hành lý và rời xa nơi đổ bộ.

Toán ROMEO liên lạc bằng điện đài với Sở chỉ huy để báo họ đã đổ bộ an toàn và đang hành quân đến điểm tập kết đã định. Thế nhưng quãng đường 10 km tưởng như là cuộc dạo chơi đã trở thành một cuộc hành trình 5 ngày bò lê bò càng. Vì địa hình trên mặt đất không phải như mô tả trong bản đồ.

Toàn toán kết luận rằng họ đã theo đúng chỉ dẫn để đi đến nơi tập kết, và việc họ không đến được nơi tập kết không phải do họ không biết sử dụng la bàn, bản đồ. Rõ ràng là họ đã được thả xuống sai địa điểm. Họ bị lạc hoàn toàn, không còn biết mình đang ở đâu hoặc thậm chí đã đổ bộ xuống đâu? Họ đã dựa vào những điểm giống nhau nhất định giữa địa hình và mô tả trong bản đồ để di chuyển, phần lớn các điểm này rất giống nhau. Họ bị lạc nhau hoàn toàn, thậm chí không còn nghĩ được mình đang ở đâu hoặc xác định được nơi mình đổ bộ xuống.

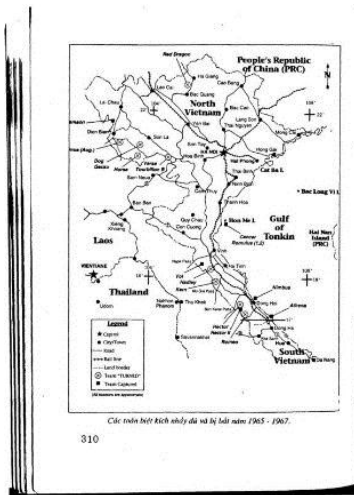
Họ điện báo khẩn cho Sở chỉ huy và được trả lời đúng là họ đã bị đổ bộ sai địa điểm, cách giải quyết là Sở chỉ huy phải xác định vị trí xem toán đang ở đâu mà hướng dẫn họ đến đúng điểm tập kết.

Ngày lại ngày, lương thực sắp cạn kiệt. Sáu tuần lễ lặn lội trong rừng lạ, chỉ có Sở chỉ huy biết rõ là họ đang ở đâu và đang đi về hướng nào. Thế rồi tai họa xảy đến. Cuối cùng, Sở chỉ huy báo đã xác định được chỗ họ đang ở và thông báo cho họ chuẩn bị nhận tiếp tế bằng thả dù.

Toán toán dọn sạch chỗ đậu máy bay, trải một tấm pa-nen hình chữ I trên mặt đất để đánh dấu chỗ cho máy bay thả dù mà họ có thể nhìn thấy máy bay tới từ xa. Họ kinh hoàng khi thấy máy bay thả đồ tiếp tế cách đây 4 đến 5 km mà nếu đường tốt cũng phải mất nhiều ngày mới đi tới được.

Trong khi đang suy nghĩ về lũ ngu xuẩn trên không thì họ nghe thấy tiếng động lạ, tiếng cười nói và té nước ở con suối gần đó. Dò la cẩn thận thì ra 5 lính miền Bắc đang đùa cười, chất bếp, đun nấu, ăn chiều và cuối cùng họ mắc võng để ngủ qua đêm mà không hề biết có một toán biệt kích với đầy đủ vũ khí đang giám sát họ chặt chẽ.

Toán ROMEO rơi vào thế lúng túng nên phải bàn bạc cách xử trí. Vì chưa đến thời điểm liên lạc điện đài nên không thể mở máy liên lạc với chỉ huy sở lúc này hay gọi máy bay bắn phá được. Bị mất đồ tiếp tế cho nên cần được tiếp tế lại ngay, thế nhưng thả dù xuống thì đội tuần tra của địch sẽ biết. Họ đi đến nhất trí và nhanh chóng vây bắt không khó khăn gì đối với 5 người lính tuần tra miền Bắc đang ngủ say.



Năm người này là lính Biên phòng tỉnh Quảng Bình. Qua khai thác, họ biết là lực lượng Công an biên phòng đang lùng sục toán này, vì có lẽ là do những người chặn súc vật trên đỉnh núi báo rằng có mấy trục thăng thả biệt kích xuống khu vực này.

Trong khi khai báo, rõ ràng những người bị bắt đã không khoe khoang khi họ nói rằng suốt dọc biên giới được canh phòng cẩn mật, không gì có thể lọt qua được. Một hệ thống báo cáo tin tức từ xóm, làng đến tận Sở chỉ huy Công an Biên phòng tỉnh.

Toán ROMEO không biết xử lý ra sao. Theo bài học ở Long Thành thì phải giết ngay 5 người này. Đó là cách duy nhất để các biệt kích có thể bảo đảm rằng các lực lượng miền Bắc không thể biết được địa điểm chính xác của toán, thế nhưng rõ ràng là người Bắc Việt đã biết họ đang ở khu vực này và đang lùng sục họ.

Lý thuyết đã đi ngược lại bản chất con người. Bài học ở trường là một việc, nhưng bây giờ đối mặt với kẻ thù, họ lại lưỡng lự. Sau ba ngày đấu tranh khốn khổ, viên toán trưởng đã ra lệnh thả những người bị bắt. Toán chuyển ngay đi chỗ khác để tránh khỏi bị bắt và cũng không đánh điện báo cáo Sở chỉ huy những gì đã xảy ra. Một tuần sau, ngày 14/1/1966, toán ROMEO bị bao vây giữa vòng hoả lực phục kích được chuẩn bị kỹ của lực lượng phối hợp giữa quân đội nhân dân, công an biên phòng và dân quân. Hẳn là năm người bị bắt, được thả về đã báo cáo đơn vị về việc họ bị toán biệt kích bắt.

Sau khi bị bắt, các toán viên bị trói bằng dây điện thoại và bị lục soát, đồ đạc của họ được thống kê cẩn thận. Một cuộc hỏi cung chớp nhoáng họ đã phát hiện ra hai nhân viên điện đài. Cả hai đều bị bắt cùng với radio và mật mã. Cả hai bị tách riêng và đem đi nơi khác.

Số còn lại bị đưa đi qua đường núi mất gần một tuần lễ thì đến phía tây thị trấn Đồng Hới, và bị tống vào nhà giam là dãy nhà lá thay cho nhà tù mọi khi của Đồng Hới vì sợ bị oanh kích. Họ bị giam ở đây gần sáu tháng.

"Ông thượng úy công an cầm súng dí vào đầu tôi", một trong hai nhân viên điện đài của toán ROMEO nói. Lúc bấy giờ là mùa thu năm 1973. Bảy năm rưỡi sau anh ta mới gặp lại đồng đội tại trại giam Quyết Tiến ở tỉnh Hà Giang. Còn một người khác trong toán vẫn bị giam giữ ở đâu đó cho mãi đến cuối năm 1979 mới gặp lại đồng đội, khi hầu như tất cả các biệt kích còn sống sót đều tập trung lại tại trại giam Thanh Phong, tỉnh Thanh Hóa.

"Tôi biết ông ta sắp sửa bắn tôi nhưng vì lý do gì đấy, lại thôi. Tôi nói tôi có thể cộng tác với họ đánh điện đài, nhưng tôi nói rõ là tôi chỉ đồng ý chuyển các bức điện xin tiếp tế chứ không xin thay người".

Nhiều năm sau, trong lúc nói chuyện, người đồng đội ngày trước có hỏi anh ta điều gì đã xảy ra. Sau 14 năm trời, nhiều nỗi tức giận ban đầu cũng đã tiêu tan.

Nhân viên điện đài nói: "Bộ Công an có một đơn vị đặc biệt thuộc tổng cục an ninh quốc gia và họ..."

Anh ta mô tả đơn vị đặc biệt quản lý các nhân viên điện đài được các sỹ quan An ninh Quốc gia tuyển dụng và làm việc dưới sự chỉ huy của Cục phản gián thuộc Tổng cục An ninh Quốc gia. Họ hoàn toàn không có liên lạc với bất cứ người nào khác và có đường dây thông tin riêng biệt. Viên thượng úy từ đơn vị đặc biệt này của Bộ được cử xuống để quản lý các nhân viên điện đài của toán ROMEO.

"Anh biết đấy", anh ta nói tiếp: "Tôi có ám hiệu riêng chỉ có tôi mới biết dùng một cách riêng để báo trong bức điện về Sở chỉ huy điều gì đã xảy ra. Tôi hình dung họ có thể gửi tiếp tế lại nhưng nếu họ biết chúng tôi đang bị áp lực phải đánh điện thì họ sẽ không dám gửi quân tiếp viện vì sợ bị giết".

Sau khi bức điện được giải mã, người điện báo viên này biết rằng chỉ huy Sở sẽ gửi thêm người để tăng viện. Trong trường hợp này anh ta biết cần phải làm gì và quyết định liều mạng đánh điện rõ ràng, không dùng mật mã.

"Tôi đánh điện đi hai lần trước khi viên thượng úy phát hiện điều gì đã xảy ra. Tôi đánh hai lần, rất nhanh: "toán ROMEO đã bị bắt", "toán ROMEO đã bị bắt".

Ông ta đứng cạnh tôi, rút súng lục ra giám sát tôi đánh điện và khi phát hiện ra điều tôi đã làm ông ta đẩy tôi ra, dí súng vào đầu tôi. Tôi biết ông ta muốn bắn tôi chết tại chỗ, nhưng ông ta đã không bắn.

Nhân viên điện đài này được giữ lại đó thêm hai ngày và sau đó nhận thêm được một bức điện nữa của Sài Gòn gửi ra. Lúc đó một nhân viên an ninh khác được cử đến để thu bức điện. Bức điện nói rằng bức điện hôm trước Hanh, điệp báo viên, đánh đi là sai. Hanh bị đẩy khỏi máy, bị đánh đập, bị tống vào nhà tù.

Người bạn cùng toán với nhân viên điện đài này quay mặt đi. Phải chăng những điều anh ta nói là sự thật?

Ngay từ đầu, hai điện báo viên đã bị cách ly khỏi đồng đội và đem đi, không ai biết họ bị đem đi đâu. Ngoài ra, người ta tin là bọn nhân viên điện đài đã nói láo, bịa chuyện về những gì xảy ra sau khi họ bị bắt. Vậy tại sao phải tin vào chuyện này? Câu chuyện này chẳng có gì đáng tin cả.

Các tù nhân khác nói rằng họ nghe nói là một số nhân viên điện đài đã chuyển tin đi từ Hà

Nội, chúng ở một nơi nhưng đánh điện về báo cáo lại nói là ở nơi khác. Hơn nữa họ không bao giờ được tham gia vào việc mã hoá và giải mã bất cứ bức điện nào, nên họ không thể nào biết nội dung các bức điện họ đánh đi. Công việc duy nhất của họ là chuyển các bức điện đi, đảm bảo cho chỉ huy ở Sài Gòn hài lòng là điện báo viên không bị thay đổi. Sở quan Công an làm công việc mã hoá và giải mã. Người bạn cùng toán với nhân viên điện đài này chắc chắn rằng anh ta đã nói dối.

Mỗi điện báo viên có cách đánh điện riêng của mình. Chỉ huy Sở Sài Gòn có một băng cátset ghi lại đặc điểm của từng người để bảo đảm rằng nếu người Bắc Việt Nam thay thế người của họ vào sẽ bị phát hiện ngay. Hơn nữa, Sài Gòn còn có máy dò hướng xuất phát các bức điện để giúp họ phát hiện ra địa điểm điện báo viên phát đi các bức điện. Do đó Công an miền Bắc không thể điều khiển một điện báo viên bị bắt trong một thời gian dài nếu họ không giữ cố định nơi phát đi các bức điện. Chỉ huy Sở Sài Gòn chắc là phải biết rằng các điện báo viên của họ đang bị đối phương khống chế và đã quyết định cứ cho hoạt động này tiếp tục để biết ý đồ của miền Bắc muốn gì. Khi anh ta nghĩ về điều này và nhớ lại những gì Sở chỉ huy đã làm và những người đã cử ra Bắc, anh ta càng thấy rõ là họ không bao giờ cử một nhân vật quan trọng nào trong các phi vụ ra Bắc. Phải chăng đây là chứng cứ cho thấy rằng họ đã biết hoạt động này đã bị vô hiệu hoá? Phải chăng họ đang chơi lại miền Bắc bằng cách tiếp tục gửi các toán biệt kích ra Bắc để phát hiện ý đồ và kế hoạch của họ?

Ít ra cũng có một điều an ủi. Tất cả các toán viên đều đã ký hợp đồng khi họ tham gia chương trình bí mật trong đó có các điều khoản đảm bảo quyền lợi nếu họ bị bắt hoặc coi là mất tích. Một ngày nào đấy họ sẽ được trở về và một cái gì đó đang chờ đợi họ, hy vọng là như vậy.

Những tuần lễ đầu bị giam ở phía Tây Thị xã Đồng Hới, toán ROMEO bị thẩm vấn hết ngày này sang ngày khác. Những người thẩm vấn của Ty Công an Quảng Bình và ở Công an ở Hà Nội cử vào. Có các cuộc không kích, nhưng không rõ ai ném bom và mục tiêu nào đang bị đánh phá.

Một ngày tháng 3/1966, một tù binh mới đến "Anh là ai?", một biệt kích hỏi nhỏ anh ta.

"Tên tôi là Nguyễn Quốc Đạt" - Anh ta trả lời khẽ.

"Tại sao bị bắt?"

"Tôi là phi công. Tôi đang thực hiện một phi vụ không kích thì bị trúng đạn, nhảy dù, bị bắt vào đây".

Đạt thuộc không lực Việt Nam Cộng hoà, chỉ bị giữ mấy ngày ở đây rồi được chuyển từ Quảng Bình ra Hoả Lò Hà Nội. Đạt đã trở thành nhân vật cho cánh tù biệt kích xì xào bàn tán. Câu chuyện của anh ta lan truyền từ người này sang người khác. Đạt là tù binh của miền Bắc, nhưng anh ta đã chiến đấu chống lại họ. Đây là điều mà tất cả bọn họ đã muốn làm. Bằng cách riêng, họ đã hoan hô anh ta và có một chút ghen tị với anh ta.

Cũng như các toán đi trước và các toán sau này, các toán viên ROMEO đều ký hợp đồng lao động với Sở kỹ thuật chiến lược theo yêu cầu của MACSOG và điều lệ nhân viên dân sự được áp dụng cho cả các tình báo viên cũng như những người không phải tình báo viên. Việc ký hợp đồng này được thực hiện mỗi khi có người mới tuyển cho chương trình hoạt động bí mật này.

MACSOG không trực tiếp ký hợp đồng vì theo chính sách của Mỹ phải sử dụng tổ chức của chính phủ Nam Việt Nam và thay mặt Mỹ ký hợp đồng tiến hành các hoạt động biệt kích chống Bắc Việt Nam. Điều này nhằm mục đích làm cho Mỹ dễ dàng chối bỏ, và cho phép Mỹ có thể rêu rao rằng đó là các hoạt động không phải do Mỹ chỉ huy. Các hợp đồng đó cũng cần để đảm bảo có đủ số lượng điệp viên trong biên chế vì Miền Nam thường thay chính phủ luôn luôn. Đại tá Clyde Russell-Tur lệnh đầu tiên của MACSOG đã nói:

- Đại tá Hồ về quân sự mà nói là người rất kém... là một cựu chủ nhà băng... là người có thể chấp nhận được về chính trị, đã sống sót qua các cuộc đảo chính... Tôi thấy thương hại cho ông ta khi bắt chính phủ của ông ta đi theo hướng của chúng ta. Một tháng sau chúng ta lại làm lại, lại phải bắt đầu từ đầu và lại bắt chính phủ ông ta đi theo hướng của chúng ta. Khi tôi ở đây chúng tôi đã phải làm đi làm lại 4-5 lần như vậy. Vì bản chất yếu đuối, nói như vậy

về ông ta có thể không đúng lắm, nhưng tôi thấy rằng tôi có thể bảo ông ta làm bất cứ gì mà Mỹ muốn họ làm... Có những lúc ông ta muốn giải thể chương trình biệt kích không vận vì ông ta cảm thấy rằng chúng ta không thể đưa những người đó ra miền Bắc, nhưng lại vì bản chất yếu đuối nên chúng tôi gây áp lực buộc ông ta đồng ý và thế là ... chúng tôi quay lại tổ chức các toán biệt kích không vận như từ đầu.

Các quyết định về các toán viên toán ROMEO cũng như các toán biệt kích khác về các nhiệm vụ biệt kích ở miền Bắc đã bị thay đổi về tinh thần và ý đồ trong việc dàn xếp ký hợp đồng với các điệp viên khi tuyển dụng họ. Khốn thay, chẳng ai nói cho họ biết cả. Sự thay đổi này áp dụng cho cả các hợp đồng đã ký với những người còn ở tù ngoài Bắc, những người đang huấn luyện ở Miền Nam và cho cả những người mới tuyển vào chương trình bí mật này. Theo lệnh đại tá Donald Blackburn, Tư lệnh MACSOG, nhiều điều khoản cụ thể đã bị thay đổi. Sự thay đổi này được thực hiện mà không đếm xỉa gì đến các thoả thuận trước khi tuyển dụng, và nó cũng không bao giờ được thực hiện bằng lời văn trong giấy uỷ quyền do mỗi điệp viên làm vài tháng trước khi được đưa ra Bắc. Tóm lại, MACSOG vẫn hứa một số quyền lợi nhất định đối với các điệp viên và người nhà của họ trong khi đó lại cố tình phớt lờ các cam kết làm cho các biệt kích phải mạo hiểm cuộc sống của mình để phục vụ cho lợi ích chính sách đối ngoại của Mỹ.

Theo đại tá John.J. Windsor, thuộc Bộ tư lệnh quân đội Mỹ USMC, trưởng ban tác chiến của MACSOG, đến MACSOG vào tháng 6 năm 1965, trước khi toán ROMEO được đánh đi thì thay đổi này xảy ra từ năm 1966. Năm 1969, ông ta đã mô tả sự thay đổi này trong các hợp đồng của biệt kích với Hội đồng tham mưu trưởng liên quân.

Mối liên hệ chính của tôi với đối tác Việt Nam là đại tá Hồ, một đối tác Nam Việt Nam của đại tá Blackburn... Chúng tôi quan hệ với nhau chẳng có vấn đề gì. Tôi xin dẫn chứng một ví dụ.

Như anh biết, chúng tôi đã mất khá nhiều điệp viên (người Việt) ở miền Bắc, theo chính sách thì chúng ta vẫn tiếp tục phải trả lương như thể là họ chưa bị chết. Sau 6 hoặc 8 tháng ở đấy danh sách thân nhân của họ mà chúng ta phải trả lương tháng lên đến con số lớn. Đại

tá Blackburn bàn với tôi rằng ông ta muốn trả cho họ một khoản tiền tử tuất và cắt khoản lương tháng phải trả cho gia đình. Tất nhiên đây là một vấn đề gay gắt, tôi đến gặp đại tá Hồ để giải thích cho ông ta. Trước tiên tôi hỏi ông ta có bao nhiêu điệp viên thuộc dạng này. Tôi biết câu trả lời của ông ta trước khi đặt câu hỏi. Hồ phải hỏi ý kiến ban tham mưu của ông ta. Khi tôi nói với ông ta điều chúng ta muốn làm, họ đã hợp tác hoàn toàn với tôi...Chúng tôi giảm số người chết dần dần bằng cách công bố số người chết hàng tháng rất nhiều, cho đến lúc tất cả đều chết hết (để trả tử tuất) và xóa tên trong sổ lương trả hàng tháng. Chúng tôi làm thế để tránh bị phê bình là số tiền này đã biến đi đâu mất. Phản ứng đầu tiên của đại tá Hồ là ông ta không muốn để các biệt kích và người thân của họ biết là chúng ta đã mất nhiều người như thế. Đây là lý do tại sao bản thân ông ta đã không làm như vậy nhưng tuy nhiên ông ta cũng đã đồng ý với đề nghị nói trên của chúng tôi.

Tôi nghe rất nhiều lời chỉ trích của đại tá Hồ và thiếu tá Bình và nhiều người Việt khác nữa; bởi vì họ có cách nhìn khác về cuộc sống. Bọn họ thường nói: "Các ông chỉ ở đây một năm rồi về Mỹ, bọn tôi đã đánh nhau trong chiến tranh này 15 năm rồi và không biết còn phải đánh nhau bao nhiêu nữa". Bọn họ có cách nhìn khác và tôi thấy không phải họ thiếu trách nhiệm hay thiếu năng lực thực thi nhiệm vụ của mình. Điều tôi muốn nói là họ không tham vọng một cách tích cực và không năng động như người Mỹ, nhưng tôi cảm thấy rằng nói chung họ đều có khả năng cả.

Đại tá Windsor chắc phải biết rằng đa số biệt kích đều bị bắt. Việc họ bị bắt thường được miền Bắc làm rùm beng và Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân, EIA và Macsog đều biết quá rõ. Tại sao, ông ta lại có thể khẳng định các biệt kích đều chết trong khi hồ sơ của ông ta cho thấy thì việc họ còn sống hay chết vẫn chưa rõ ràng.

Nhiều trường hợp các điệp báo viên vẫn đánh điệp báo cáo thường lệ về Sài Gòn, một đài thu ở Philippin đã thu được các bức điện này. Những thông tin đó cũng nằm trong tập hồ sơ riêng của từng toán biệt kích lấy từ các buổi phát thanh bằng tiếng Việt, tiếng Anh của đài Hà Nội nói về các toán biệt kích bị bắt không chịu hợp tác với Bắc Việt Nam. Các buổi phát thanh đã được bộ phận thu tin nước ngoài của CIA ghi lại hết.

Mặc dầu biết vậy, nhưng Sở Chỉ huy kỹ thuật chiến lược (STD) Nam Việt Nam-là đối tác của MACSOG theo nguyện vọng đại tá Blackburn, đã thông báo trực tiếp hay gián tiếp cho thân nhân của họ rằng người thân của họ đã bị mất tích trong khi đang hoạt động ở Nam Việt Nam. Gia đình họ đã không được thông báo sự thật, rằng thực tế họ đã bị bắt. Tin họ bị bắt được lan truyền rõ ràng là không có lợi cho Nam Việt Nam nên đã bị giữ kín không cho thân nhân họ biết.

Một sĩ quan cao cấp thuộc lực lượng đặc biệt Miền Nam đặc trách việc tạo vỏ bọc nguy trang cho việc sử dụng biệt kích với Nhóm quan sát số một, và sau này là Sở kỹ thuật, đã giải thích theo quan điểm của ông ta về những gì đã xảy ra:

"...Đa số những người được đưa ra Bắc lúc đầu đều là các trung sĩ của các đơn vị sư đoàn 22. Tôi biết là mỗi người trước khi đi đều ký giấy ủy quyền gồm các điều khoản giao ước trả tiền cho vợ họ ở nhà, thậm chí người ta còn hứa hẹn là các khoản lương đó được tiếp tục trả cho đến ngày họ trở về. Điều đó đã không xảy ra, không đúng như điều người ta đã làm cho họ tin.

Thực tế là chúng tôi không có quỹ nào để trả mãi tiền cho họ, chúng tôi phụ thuộc vào tiền của Mỹ. Khi các ông quyết định ngừng trả, chúng tôi chẳng có ngân quỹ nào cả và cuối cùng thì các ông cũng ngừng nốt việc trả lương cho chúng tôi.

Một khía cạnh khác, mặc dầu các biệt kích quân đội chúng tôi được cử ra miền Bắc hoạt động do Mỹ chỉ huy, phía Nam Việt Nam chúng tôi phải áp dụng điều lệ riêng của quân đội chúng tôi với họ, nếu họ không trở về. Điều đó có nghĩa là một khi họ không trở về, chúng tôi sẽ tuyên bố là họ đã mất tích trong khi làm nhiệm vụ, một năm sau ngày mất tích. Tôi biết là người ta nói với các biệt kích rằng gia đình họ sẽ được chăm sóc cho đến khi họ trở về, thế nhưng quy định này các ông đã lừa đi. Chúng tôi nghĩ rằng nếu họ trở về chúng tôi sẽ đối xử như lính của chúng tôi bị bắt làm tù binh trong các cuộc hành quân quân sự thông thường. Họ sẽ được truy lĩnh từ ngày thôi trả lương cho gia đình họ đến ngày họ trở về. Khốn thay, chẳng có ai nghĩ là chúng tôi sẽ thua trận. Dĩ nhiên, không bao giờ chúng tôi nói là họ đã chết, chỉ mất tích thôi..."

"Nhưng", tôi hỏi: "Đối với các nhân viên đang làm cho CIA của chúng tôi và ở Quốc phòng thì sao? Chúng tôi đã ký hợp đồng với họ, chúng tôi đồng ý đền bù cho họ đến khi họ trở về. Thậm chí chúng tôi còn hứa trả tiền cho gia đình họ trong trường hợp họ bị bắt. Có phải đúng như vậy không, nếu đúng thì điều gì đã xảy ra?"

Viên cựu đại tá im lặng một lúc, rồi nói: "Tất cả những gì tôi có thể nói với ông là Sở chỉ huy kỹ thuật chiến lược sẽ gửi cho tôi thông báo rằng các ông này, ông này... thuộc nhóm 77 lực lượng đặc biệt đã được công bố là mất tích và tôi phải bảo đảm rằng sau một năm gia đình họ sẽ chính thức được thông báo là gia đình được lĩnh tiền tử tuất".

Tôi không nghi ngờ những gì ông ta đã nói với tôi và lại nó cũng chẳng ảnh hưởng gì đến quyết định của chúng ta. Chúng ta đều làm thế cả ngay trường hợp đối với những người chúng ta biết là họ bị bắt làm tù binh. Một năm sau tất cả họ đều bị coi như mất tích. Như tôi đã nói chúng tôi không có tiền để trả lương cho một người nào đó vô hạn định. Nếu họ trở về, họ sẽ được trả tiếp. Tôi chắc mọi người đều biết rõ điều đó.

"Vâng" tôi hỏi lại: "Thế còn đối với các biệt kích dân sự thì sao?"

"Ồ, đấy lại là chuyện khác, điều đó không dính dáng gì đến tôi, đấy là việc mà người Mỹ các ông làm với đại tá Trần Văn Hổ, ông đi mà hỏi ông ấy".

Tin tức từ các biệt kích còn sống sót và từ gia đình họ cho thấy việc ngừng trả lương tháng cho gia đình họ xảy ra khá lâu trước khi một người bị coi là mất tích, khá lâu trước khi MACSOG ngừng trả lương cho Nha kỹ thuật. Cũng giống như hoạt động biệt kích, những người nắm giữ những khoản tiền không bao giờ được trao đến tay các gia đình biệt kích đều muốn vấn đề này được khép lại.

Thế thì trách nhiệm của Mỹ đối với các hoạt động biệt kích là gì và những yếu tố nào làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm đó? Tham mưu liên quân đã đánh giá về hoạt động biệt kích một cách rõ ràng và không chút mập mờ.

Một vấn đề có ý nghĩa đối với cả hai mặt. Hiệu quả hoạt động và quản lý về chức năng của chương trình MACSOG ngay từ lúc khởi đầu, đó là hệ thống trả tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng công tác tuyển dụng và tài trợ cho các nhân viên tình nguyện người Việt. Thủ tục cơ bản do CAS đưa ra từ trước năm 1964. Quyết định ban đầu tiền thưởng thường bị đưa ra bàn cãi, nhưng nhất thiết không thể rút bỏ, vì phải tính đến khả năng đào ngũ của các biệt kích đã được huấn luyện, cũng như phản ứng chính trị từ phía các đại diện của ở tổng tham mưu liên quân Chính phủ Việt Nam Cộng hoà (JGS), những người đã ủng hộ chương trình này. Các nhân viên Mỹ của MACSOG luôn nhấn mạnh rằng phải khuyến khích lòng yêu nước, làm tăng động lực cho lính đánh thuê, nhưng trong thực tế triết lý này không có hiệu quả đối với việc tuyển dụng biệt kích.

Những người Việt tình nguyện được tuyển dụng, lúc đầu ký hợp đồng cá nhân với viên Tư lệnh Sở kỹ thuật chiến lược (STD) hay người đại diện được ông ta chỉ định, chẳng hạn như Tư lệnh cơ quan an ninh bờ biển (CSS) với tư cách là nhà thầu của Chính phủ Việt Nam Cộng hoà. Lương cơ bản, tiền thưởng khi mãn hạn, tiền thưởng và định kỳ tăng lương đều ghi trong hợp đồng... Rắc rối là do thủ tục tài chính của MACSOG (SOPS) để kiểm toán trước khi giao quỹ cho sĩ quan tài chính STD... Các yêu cầu về tiền thưởng công tác được chuyển trực tiếp cho thủ trưởng MACSOG. Một sỹ quan MACSOG và chỉ huy trưởng STD xem lại và ký trước khi chuyển ngân quỹ cho sỹ quan tài chính STD để phát tiền. Tất cả các giao dịch đều được ghi vào báo cáo thống kê tài chính của các đơn vị của cả STD và MACSOG và do kiểm soát viên của MACSOG kiểm toán.

MACSOG, Bộ tư lệnh Thái Bình Dương, Bộ Quốc Phòng triển khai lực lượng thi hành các nhiệm vụ này, nhưng lại thiếu kiểm soát viên của MACSOG để kiểm tra tài chính về các chi phí này. Kế hoạch này đã không hoàn hảo ngay từ đầu, về sau Tham mưu trưởng liên quân xem xét lại càng thấy rõ như thế.

Yểm trợ về mặt hậu cần cho COMUSMACV (Tư lệnh, Bộ tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam), kế hoạch 34A, khi vạch ra hồi tháng 11/1963 chủ yếu dựa vào nguồn kinh phí trong nước, chương trình dự định hạn chế trong vòng 12 tháng. Theo kế hoạch ban đầu các nguồn kinh

phí trong nước được ước tính là đủ.

Tháng 4/1964, trong khi hoạt động biệt kích đang tiến triển thì Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng lại định vạch kế hoạch chi phí cho tổ chức và các hoạt động biệt kích đang ở giai đoạn 1 của kế hoạch 34A. Ông ta báo cáo như sau: Trước khi tổ chức lại COMUSMACV/MAAG (Nhóm cố vấn viện trợ quân sự Mỹ) COMUSMACV là cấp trực thuộc Tổng hành dinh thống nhất (CINCPAC) được ở Hải quân tài trợ, sử dụng hoạt động duy tu bảo trì, ngân sách, dịch vụ bằng cách lấy ngân quỹ trực tiếp từ văn phòng tư lệnh hoạt động hải quân và nhóm cố vấn viện trợ quân sự Mỹ do ở Hải quân tài trợ, bằng cách sử dụng ngân quỹ của MAP, bằng ngân quỹ trực tiếp từ Bộ Hải quân cung cấp cho CINCPAC và MAAGV... Phần còn lại của 1964 tài trợ...sẽ vẫn giữ nguyên không thay đổi trừ khi COMUSMACV sẽ đảm nhận trách nhiệm và quyền sử dụng của quỹ MAP dành cho MAAGV.

Mãi đến tháng 9/1964, Bộ tư lệnh tham mưu liên quân mới đưa ra chi tiết về các tài trợ này.

Tham mưu trưởng liên quân giao trách nhiệm cho Tư lệnh các hoạt động hải quân cung cấp mật quỹ cho MACSOG. Các thủ tục cấp kinh phí phải thoả mãn các yêu cầu về an ninh và bảo đảm không thể qui trách nhiệm cho Mỹ và không có những hạn chế về hoạt động và sử dụng ngân quỹ. Các kênh cấp ngân quỹ của Bộ Quốc phòng chỉ định (CIA) và sau đó là đến MACV. Theo MACSOG ước tính thì các yêu cầu về ngân sách hàng năm được gửi lên Tham mưu trưởng liên quân, qua MAVC và CINCPAC. Sau khi Tham mưu trưởng liên quân duyệt y, CNO với tư cách là người thừa hành sẽ lập kế hoạch cấp ngân quỹ và thương lượng với Quốc hội để được phê chuẩn trên cơ sở giữ bí mật một cách thích hợp. Sau đó ngân quỹ được chuyển hàng quý do sĩ quan phụ trách về tài chính của Tư lệnh hoạt động hải quân đặc trách...

Hạ trưởng hải quân Mỹ Bruce B. Dunning, sỹ quan tham mưu sau đó là Cục trưởng Cục tác chiến đặc biệt của Bộ Quốc phòng trong thời gian 1966-1967 mô tả các hoạt động cấp Washington và các vấn đề liên quan, để yểm trợ các hoạt động biệt kích bí mật của MACSOG như sau.

Kinh phí phải được cấp trực tiếp từ Bộ trưởng Quốc phòng chứ không phải từ các Sở, từ quỹ dự phòng các chi tiêu đột xuất... CIA đã và đang làm trong nhiều năm nay. Cách làm thông thường hiện nay về việc cho phép một chương trình bí mật chỉ đạo một nhiệm vụ đảm trách ngân quỹ và tài trợ kinh phí cho chương trình đó là không thoả mãn...

Không một ai ở cấp Washington bác bỏ ngân sách của SOG. Hải quân có trách nhiệm cung cấp kinh phí. Vì cách thức SOG được thành lập nên Hải quân chỉ việc dán cho nó nhãn hiệu tài trợ bởi SACSA. Họ không ở vào vị trí để biết để phán xét hiệu lực của ngân sách đó hay biện minh cho nó. Bởi vậy, chúng tôi SACSA hàng năm phải ra trước Quốc hội để biện minh về ngân sách đó. Mặt khác, Hải quân thì nói rằng: "Đồng ý, đây là bản yêu cầu, chúng tôi sẽ điền vào đầy đủ", thế rồi họ nhập vào ngân sách của Hải quân. Chúng tôi, SOD, không được bác bỏ ngân quỹ này một khi do CINCPAC đưa đến, vì chúng tôi không có khả năng. Chúng tôi không có khả năng của một người kiểm soát...chỉ vì chúng tôi không có thời gian.

Kết quả là (do tình cờ thôi các thành viên Tiểu ban Chuẩn chi Hạ viện biết được việc này vì tôi rất thành thực với họ về điểm này), ngân sách SOG đưa ra không bị bác bỏ ở bất cứ cấp nào cao hơn CINGPAC... Chúng tôi nhận ngân sách đó theo cách nó được đệ trình và hy vọng nhận được số tiền đó.

Không may cho các biệt kích là quyết định của đại tá Blackburn yêu cầu phải công bố là họ bị mất tích trong khi làm nhiệm vụ đã dẫn đến việc tạo ra một lực lượng mà chẳng bao lâu đã biến khỏi sổ sách tài chính của nước Mỹ. Tuy nhiên, trước đó, nhiều toán biệt kích nữa đã được ném ra miền Bắc.

-----oOo-----

(Hết mục 11)

12. TOÁN HECTOR

Đại úy Nguyễn Hữu Luyện, một sĩ quan quân thường trực được bổ nhiệm đến Tổng cục kỹ thuật chiến lược, là một sĩ quan huấn luyện có kinh nghiệm, quyết hiến thân để đánh bại cộng sản. Luyện quyết định làm một cái gì đó để chứng minh là sẽ lập các đội biệt kích hoạt động lâu dài, có tác dụng và tác dụng tốt. Hắn tuyển riêng một đội, và tự mình đứng ra chọn các "thanh niên tình nguyện", các cậu choai choai văn hoá ít nhất là lớp 11, để thành lập một toán lớn lấy tên Bắc Bình. Hắn đích thân kiểm tra việc huấn luyện, đánh đi và đưa họ trở về an toàn và hấn hy vọng đám này sẽ là đội ngũ hạt nhân huấn luyện các toán sau. Khi đại úy Luyện giảng giải cho đội viên của hắn thì một vấn đề khá hắc búa nổi cộm lên đã không thể tự xác định và báo cáo chính xác vị trí các toán đã thả dù xuống miền Bắc.

Toán Bắc Bình bắt đầu luyện tập từ 11/1965 do Luyện trực tiếp chỉ huy huấn luyện. Hắn chủ trương lập toán lớn để từ đó có thể hình thành bốn toán nhỏ. Tháng 6/1966 mãn khoá huấn luyện và toán đã sẵn sàng lên đường, mặc dầu lúc đầu toán này đã có trên 40 toán viên. Sau chỉ còn lại 30 người, và chỉ đủ chia thành 2 toán.

Toán thứ nhất lấy tên là Bắc Bình I, bầu Bùi Quang Cát làm toán trưởng. Đại úy Luyện nói rằng hắn sẽ theo toán này ra miền Bắc với tư cách là cố vấn quân sự. Tháng 6, toán này chuyển đến khu vực hạn chế và được đổi tên là HECTOR I. Ngày 22/6, họ đi theo đường cũ của các toán trước đó, đầu tiên xuống Thái Lan, sau lên trực thăng đến vùng rừng phía Tây tỉnh Quảng Bình. Nhảy dù an toàn xuống mặt đất, HECTOR I lập căn cứ tác chiến, và trong suốt cả tháng đầu họ hoạt động mà không bị bắt.

Một hôm đại úy Luyện cùng với toán trưởng và hai toán viên là Đinh Văn Vượng, Nguyễn Mạnh Hải vào một làng nhỏ ven núi để tiếp xúc với dân làng. Các toán viên tỏ ra sợ hãi, nhưng Luyện quả quyết sẽ không sao cả, họ có thể vào làng và trở ra an toàn. Trước đó, Luyện đã thuyết phục cho học trò của y rằng khi vào một làng, đừng bao giờ tin ngay điều mà người dân gặp đầu tiên nói. Lúc đó hắn đã quên chính điều mà hắn thường cảnh tỉnh các học trò của hắn khi các người dân bảo hắn dối. Trong lúc hắn dối thì người làng đi báo Công an. Thế là cả 4 tên bị bắt.

Các toán viên còn lại ở căn cứ tác chiến biết điều gì cần phải làm tiếp. Đúng ra họ chờ Luyện và đồng đội khoảng vài giờ, rồi lặng lẽ, nhanh chóng chuyển địa điểm. Ngược lại họ chờ Luyện tới 5 tiếng đồng hồ, vì họ tin là Luyện không thể bị bắt. Trong khi đó người Bắc Việt Nam đã buộc viên toán trưởng phải dẫn họ đến căn cứ và bắt tất cả những người còn lại của toán HECTOR I. Thế là hai điện báo viên chính của toán lại được bổ sung thêm vào danh sách các điệp báo viên bị Hà Nội khống chế.

MACSOG nhanh chóng chuyển từ hoạt động tình báo biệt kích bí mật sang hoạt động do thám công khai hơn, điều đó phù hợp với các cố gắng của tướng Westmoreland định vượt qua giai đoạn 1 của chiến dịch nhằm ngăn chặn không để Hà Nội sớm giành được thắng lợi ở Miền Nam. Giai đoạn 1 của ông ta là triển khai các lực lượng Mỹ bảo vệ các trung tâm dân cư lớn để quân đội Nam Việt củng cố sự kiểm soát các khu vực đó. Sự thay đổi này từ các cuộc hành quân phần lớn là để phòng thủ trong năm 1965 đến mở màn và kết thúc giai đoạn II của kế hoạch Westmoreland mà người ta hình dung là các lực lượng Mỹ sẽ quét từ các trung tâm đông dân vào tận các vùng căn cứ địa Cộng sản. Westmoreland tin rằng quân Mỹ tấn công vào các vùng căn cứ địa Cộng sản sẽ làm tan vỡ các đơn vị địch mà ông ta phải đương đầu và kiểm soát chặt chẽ mùa gặt sắp đến để ngăn chặn không cho Cộng sản sống bằng nguồn lương thực được trồng ngay trên đất Nam Việt Nam. Các cuộc hành quân trên bộ này phối hợp với các cố gắng của Hạm đội 7 ở Vịnh Bắc Bộ để cắt đường mòn tiếp tế trên biển của Hải đoàn 125 Hải quân nhân dân Việt Nam.

Mùa xuân 1966 dân chúng Phật giáo tiếp tục nổi dậy đòi hỏi Chính phủ Việt Nam cải cách

hơn nữa. Washington chủ trương tổ chức bầu cử để biểu thị quá trình dân chủ hoá mà Bộ Ngoại giao Mỹ thấy cần tiến hành từ lâu để những người thừa kế Diệm có một nền tảng cơ bản.

Trong khi toán HECTOR đang chuẩn bị ra Bắc thì các lực lượng của Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh thẳng qua vùng phi quân sự, chứ không còn đi qua con đường vòng dọc sườn núi phía Tây qua Lào nữa. Điều này xảy ra cùng lúc với việc Mỹ tăng cường oanh tạc đường mòn Hồ Chí Minh, kể cả việc sử dụng máy bay B52 ném bom Lào đến tận các con đường vượt qua Biên giới như đèo Mụ Giạ. Hàng vạn thanh niên xung phong, nhất là các thiếu nữ nhanh chóng sửa chữa các con đường làm thất bại âm mưu gây gián đoạn con đường xâm nhập người, dụng cụ chiến tranh vào Nam.

Chuẩn tướng Joseph A. Mc Christian, trưởng ban tình báo của Westmoreland đã cảnh cáo rằng các lực lượng miền Bắc đang ngày càng dựa vào các khu thánh địa ở Campuchia, để chuẩn bị các trận đánh trên bộ ở Miền Nam. Nhiều nguồn tin tình báo cũng đều nói vậy. Chứng cứ hiển nhiên là đoàn vận tải 559 của Hà Nội đang triển khai mạnh vào Campuchia. Bộ trưởng Quốc phòng Mc. Namara đối phó với sức ép đòi đánh vào các thánh địa Campuchia, đã ngăn cấm không cho các tư lệnh cao cấp ở chiến trường không được tuyên bố gì về vai trò ngày càng tăng của các thánh địa này. Mc Namara được các nhà phân tích CIA ủng hộ, họ coi Bộ chỉ huy của Westmoreland là "cường điệu" tầm quan trọng của Campuchia đối với Cộng sản đang chiến đấu ở Miền Nam.

Bấy giờ Mc Namara đưa ra một khái niệm mới, gọi là dự án Jason do các cố vấn của ông thúc đẩy. Đến tháng 9, Mc.Namara bắt đầu quảng cáo cho dự án này và đặt tên là "Hàng rào Mc Namara", khái niệm này được hình dung một hàng rào điện tử (Sensors) và các thành lũy đan chéo nhau. Điều này có thể buộc hàng vạn lính Mỹ và lính Nam Việt phải nằm chết dí trong các vị trí phòng thủ tĩnh tại. Mặc dù chẳng bao giờ thực hiện được hàng rào thành lũy đồ sộ nhưng dự án này đã báo hiệu cho việc sử dụng điện tử vào cuộc chiến tranh trên bộ. Các toán biệt kích, thám báo vẫn đang được huấn luyện ở căn cứ Long Thành đã được chuẩn bị một cách thầm lặng để đóng một phần nhỏ trong việc triển khai và thử nghiệm sớm việc sử dụng khái niệm điện tử trên mặt đất đối với Bắc Việt Nam.

Ngày 13/9/1966, bộ phận còn lại của toán Bắc Bình, được đặt tên là HECTOR II, chuyển đến vùng hạn chế tại Long Thành để nghe phổ biến nhiệm vụ. Một thiếu tá lục quân Mỹ và đại úy Dung phiên dịch, đã khái quát nhiệm vụ của họ như sau: do thám đường mòn Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chi tiết sẽ báo qua điện đài sau khi đến miền Bắc và bắt được liên lạc với chỉ huy sở. Hoạt động này sẽ kéo dài trong hai năm và hàng tháng sẽ điều chỉnh vùng hoạt động, tùy theo diễn biến tình hình và nhiệm vụ.

Đại úy Dung còn dặn thêm rằng nhiệm vụ của HECTOR I và báo cáo về nếu thấy địa điểm của nó. Sau khi Sở chỉ huy mất liên lạc với HECTOR I, đại úy Dung đã đích thân đi tìm kiếm nó trên chiếc L19, ông ta đã chụp ảnh từ máy bay chỗ mà người ta cho là toán này đặt căn cứ, nhưng không có dấu hiệu nào chứng tỏ nó ở đấy. Dung nhấn mạnh về mối quan hệ cá nhân giữa những người của toán HECTOR I và II, ông ta muốn HECTOR II phải có tinh thần trách nhiệm hoàn thành vai trò của mình với tư cách là toán tăng viện, giúp đỡ tìm kiếm ra HECTOR I và HECTOR I đã ra Bắc Việt Nam để tìm kiếm một căn cứ tác chiến an toàn cho bản thân nó và cho cả HECTOR II. Tóm lại là HECTOR I đang mong chờ HECTOR II tìm kiếm và cứu nó.

Đặng Đình Thụy, cố vấn quân sự của HECTOR II, nôn nóng muốn được phái đi càng sớm càng tốt, toàn toán của hắn cũng muốn thế, đa số bọn chúng đều tin ở khả năng của đại úy Luyện có thể tồn tại được. Tất cả bọn họ đều đồng ý với cách giải thích của đại úy Dung là HECTOR I chắc là đã bị lạc trong rừng.

Đại úy Dung duyệt lại địa vị và nhiệm vụ của từng toán viên HECTOR II. Mai Nhuệ Anh, toán trưởng và Vũ Văn Chi, toán phó, khi nhảy xuống đất Bắc, Hoàng Đình Kha là người nhảy ra khỏi trục thăng đầu tiên để xem xét tình hình có an toàn không, trong khi đó thì các toán viên khác thả các thùng hàng và trang thiết bị xuống.

Trong ảnh chụp trên không cho thấy vùng họ nhảy dù nhỏ xíu như cái chấm giữa một khu vực hoạt động rộng khoảng 5 ngàn ki lô mét vuông. Máy bay trục thăng sẽ thả chúng xuống cách đường mòn Hồ Chí Minh một ít, xa hẳn làng mạc, giữa một khu vực rừng núi thật là an

toàn, đảm bảo.

Chuyến bay an toàn, cả toán nhanh chóng nhảy dù xuống một vùng giống như một công viên nguyên thủy hơn là một khu vực nhảy dù trên đất Bắc. Người ta cho rằng toán HECTOR I đã nhảy xuống nơi này trước đây gần 3 tháng.

Các bức ảnh chụp trên không mà cả toán được xem khi còn ở Long Thành không lột tả được cảnh thanh bình yên tĩnh của địa điểm nhảy dù, cạnh một con suối chảy qua vùng cỏ voi cao ngút, đường kính khu vực này khoảng hơn 100 bộ, bao quanh bởi địa hình rừng núi hoang vu, họ hình dung ra cảnh hươu nai, dã thú ban đêm ra ăn cỏ. Đại úy Dung nói rằng không có khu vực nào tốt hơn thế, nó ở xa bộ đội miền Bắc, bị cô lập một cách an toàn, từ đây họ có thể dễ dàng do thám đường mòn Hồ Chí Minh.

Chiếc trực thăng từ từ hạ cánh, sức nặng của toàn nhóm và dụng cụ thiết bị đã làm cho máy bay lún xuống trên vùng đất mềm. Tất cả mọi người kể cả đại úy Dung và viên sĩ quan huấn luyện Mỹ cùng đi với toán bắt tay vào dỡ hàng rất nhanh khỏi máy bay. Máy bay đã được giảm sức nặng và nó có thể cất cánh, họ cùng cười đùa, vẫy chào khi máy bay cất cánh bay trở về Thái Lan.

Chưa đầy 5 phút sau, mọi người đang tháo dỡ các thùng hàng thì tiếng súng AK 47 nổ vang nhắm vào đội hình của toán. Lập tức ai nấy đều nghĩ là mình đã rơi vào bẫy phục kích.

Toán phó Vũ Văn Chi và một toán viên là Huấn bắn trả lại, nhưng những người phục kích miền Bắc dường như đã biến mất. Huấn tiến về hướng địch thì bị một loạt súng máy bắt thần bắn trọng thương chưa đầy vài giây đồng hồ. Tiếng súng nổ ngày càng tăng trong khi những người phục kích từ các bụi rậm quanh đấy bắn như vãi đạn vào toán biệt kích.

Hoàng Đình Kha hình như bị vào tim, thân thể anh ta nằm giữa vũng máu lớn, trong khi người Bắc Việt Nam dùng súng tự động nhả đạn như mưa. Rõ ràng là họ muốn tiêu diệt các biệt kích chứ không phải chỉ đè bẹp họ xuống để bắt sống.

Chạy đến một khe núi gần đấy, Vũ Văn Chi gặp bốn người Bắc Việt Nam có vũ trang, anh ta bắn ngay. Viên thiếu úy chỉ huy tổ 3 người bị trúng đạn xuyên cánh tay và ngón trỏ bóp cò, một người bị đạn xuyên vào đùi lên mông và viên đạn nằm lại trong đó. Hai người khác nằm cạnh nhau bị chết gần như tức thì.

Sau cuộc đấu súng ác liệt ban đầu, hai bên đều ngừng bắn để củng cố vị trí của mình trong khi trời gần sáng. Cả toán phân tán, xung quanh khu vực nhảy dù, mọi người mất liên lạc với nhau vì ai nấy đều đang chờ nước cò thứ hai của người Bắc Việt Nam.

Sáng hôm sau, trời đổ mưa to. Cả toán bị tán loạn, vài toán nhỏ chuẩn bị để thoát vòng vây. Khu vực nhảy dù "tuyệt vời" bây giờ đã biến thành bãi giết người hoàn hảo.

Vũ Văn Chi, Nguyễn Ngọc Nghĩa, Tống Văn Thái nhanh chóng rút vào một hang núi cạnh đó nhưng sẵn sàng thoát ra khi có thời cơ. Vừa tảng sáng trời đổ mưa như trút nước, ba người đã thấy mình bị bao vây bởi những lực lượng săn lùng Bắc Việt Nam súng ống đầy đủ. Họ tiến lại gần hang, súng tự động chĩa thẳng vào hang và gọi ba người ra hàng, Chi nói với Nghĩa, Thái là anh ta sẽ ra trước, nếu anh ta bị bắn thì nổ súng ngay, họ sẽ bắn cho gần hết đạn rồi cùng nhau tự tử. Họ đồng ý, Chi tiến ra lọt vào tay những người Bắc Việt Nam đang đứng đợi. Anh ta bị tước khí giới ngay và bị trói chặt bằng dây điện thoại. Thấy Chi không bị bắn ngay, hai người còn lại cũng theo anh ta ra hàng. Gần như cả toán đều bị tóm hết trong ngày hôm đó, trừ điệp báo viên thứ nhất Nguyễn Văn Dinh, đã tìm cách trốn và tám ngày sau mới bị bắt.

Cuộc tấn công chớp nhoáng, ác liệt xảy ra ngay sau khi tiếp đất làm cho toán này không liên lạc điện đài về chỉ huy sở được. Trong thời gian huấn luyện ở Long Thành, đại úy Dung đã nhấn mạnh là phải đánh điện hên lạc ngay với chỉ huy sở trong vòng 24 giờ đầu. Họ bị tóm gọn trong vòng 24 tiếng đồng hồ có thể dẫn đến việc nhân viên điện đài bị mua chuộc, thế nhưng do Nguyễn Văn Dinh đã trốn thoát nên đã ngăn cản được điều đó. Nghĩa và Chi bị bắt với đủ điện đài nhưng không có tín hiệu xin chỉ thị hoạt động và mật mã, những thứ đó Dinh cầm đi cả. Đến lúc bắt được Dinh thì quá muộn nên với người Bắc Việt Nam không lợi dụng

được nữa vì liên lạc muộn với trung tâm có nghĩa là toán đã bị bắt và bị đối phương khống chế.

Trong lúc bị giải đi, chúng mới biết là những người bắt chúng là trung đoàn Công an vũ trang miền Bắc thường trực đồn trú dọc quãng đường chiến lược này, đó là cả một hệ thống các đường to và đường mòn mang tên Hồ Chí Minh. Những người lính giải chúng đi nói rằng nhiệm vụ của họ là đảm bảo an toàn cho các đơn vị bộ đội chính quy hành quân sang Lào qua tỉnh Quảng Bình để vào Miền Nam. Họ còn trẻ lắm, nói tiếng Quảng Bình rất nặng. Họ giải thích rằng họ đã phối hợp với dân quân địa phương để vây bắt biệt kích không cho chúng thoát khỏi vòng vây.

Sáng hôm sau, các biệt kích nhìn thấy xác một sĩ quan miền Bắc, họ được biết rằng đó là sĩ quan quân y của đơn vị. Nhìn xung quanh họ còn thấy những người Bắc Việt Nam khác bị thương đang nằm run rẩy.

Người miền Bắc nhanh chóng lục tìm thuốc cấp cứu trong các hòm của toán biệt kích, nhưng tối thiểu một nửa số hàng tiếp tế chủ yếu cần thiết cho việc cấp cứu ở chiến trường đều không thấy. Ai đó ở Long Thành hẳn đã ăn cắp. Cả đạn dược và các thứ khác cũng không thấy. Cho dù nếu toán không bị bắt đi nữa mà số lượng hàng tiếp tế bị ăn cắp lớn như thế thì toán cũng không thể hoàn thành được nhiệm vụ. Từ số ít ỏi thuốc men còn lại, các biệt kích đã lấy mórphin ra tiêm cho những người bị thương và cho họ uống viên giảm đau APC. Các toán viên HECTOR đã không biết rằng chính người Mỹ đã đóng gói và gắn si các thùng hàng tiếp tế đó.

Lính biên phòng bắt đầu dẫn tù binh đi vào ngày 25/9. Đêm đầu tiên họ nghỉ lại ở một làng ven suối, sáng sớm hôm sau họ lại đi tiếp. Các tù binh lại buộc phải đi bộ suốt ngày qua rừng rậm rồi tới một làng khác lúc 10 giờ đêm ngày 26/9. Làng của một bộ tộc miền núi, họ đã bỏ đi từ lâu và bây giờ trở thành Sở chỉ huy của đơn vị Công an vũ trang tỉnh đã bắt chúng.

Ở đây chúng đợi hai ba ngày rồi những người hỏi cung tới. Những người này đến từ những vùng miền xuôi ven biển. Cuộc hỏi cung nghiêm chỉnh bắt đầu, cứ hai người hỏi một tù binh,

một người do Bộ Công an cử đến, người kia là của Công an tỉnh Quảng Bình. Chủ đề và cách hỏi của mỗi người có khác nhau. Ví dụ người của Bộ thì hỏi về nhiệm vụ của toán biệt kích, các môn được huấn luyện và họ sẽ tiến hành các hoạt động ra sao, người của địa phương thì hỏi về lai lịch của người họ định bắt liên lạc khi vào làng và về các loại tài liệu và thông tin gì người đó sẽ cung cấp cho họ. Thực ra thì toán không có chương trình đi vào một làng cụ thể nào và cũng không nhận được lệnh liên lạc với ai cả. Rõ ràng có ai đó đã lừa dối người Bắc Việt Nam làm cho họ tin là đội HECTOR II có một số tin nhất định mà trong thực tế thì không có. Hỏi cung xong tù binh này, hai người lại chuyển sang hỏi tù binh khác. Cuộc hỏi cung chỉ mang tính thủ tục như thế là toán HECTOR II chẳng có gì để cung cấp. Người miền Bắc hình như đã rõ tất cả các điều muốn biết về chúng.

Vào thời điểm hỏi cung, toán HECTOR II đã phải mặt đối mặt với những gì mà toán HECTOR I đã trải qua. Hai nhân viên điện đài của HECTOR I là Trần Hữu Tuấn và Nguyễn Văn Thụy bị nhốt riêng và canh phòng cẩn thận, cũng ở tại chỉ huy sở này, sự hiện diện của họ làm cho chúng tin lời sĩ quan miền Bắc nói sau khi toán HECTOR II bị bắt: "Toán trước của chúng mày đã bị bắt. Sau khi bị bắt hai nhân viên điện đài đã gọi xin tiếp viện. Do đó chúng mày đã được phái đi. Toán trước đã được chuyển xuống miền xuôi ven biển, tất cả chúng mày rồi cũng được đưa xuống đấy, chúng mày có biết chúng tao đã chờ chúng mày suốt gần 2 tháng nay không?".

Hạ tuần tháng 10, khoảng 3 tuần lễ sau khi bị bắt, đột nhiên HECTOR II được chuyển ra vùng Đông Bắc theo hướng bờ biển lúc rời chỉ huy trung đoàn có Thụy đi theo. Y là điện báo viên HECTOR I đã bị mua chuộc. Trần Hữu Tuấn còn ở lại sau với bộ đội biên phòng để tiếp tục sử dụng điện đài. Trong khi đi dọc đường mòn Hồ Chí Minh toán HECTOR II chỉ cách khoảng 2 phút đã gặp phải trận oanh kích do 2 máy bay A1 "giặc nhà trời" của Mỹ đang ném bom đường mòn. Các biệt kích và những người hộ tống nhận rõ bom rơi và tránh vào hẻm núi bên đường để được an toàn.

Các biệt kích đã được nhìn thấy thấy người miền Bắc hàn gắn đường bị đánh bom nhanh và hiệu quả như thế nào. Khi các xe tải Bel tự đổ các khối đá khổng lồ để lấp đầy các hố bom. Các xe tải được giấu trong hang có nguy trang cách xa đường và bên cạnh các đồng đá vụn

cao ngất. Ngay sau khi máy bay Mỹ vừa rút khỏi các xe tải được chất đầy đá và hàng ngàn thanh niên xung phong ulla ra từ hai bên đường để lấp và san hố bom. Thanh niên xung phong được triển khai dọc hai bên các quãng đường trọng điểm, mục tiêu của các máy bay ném bom Mỹ. Họ ở cách xa đường mòn khoảng 1 km để tránh bom. Như đàn kiến vỡ tổ họ ào ra san lấp mặt đường và chỉ trong vài giờ sau lại đi được như thường.

Cuộc đi bộ chậm chạp theo hướng Đông Bắc dọc đường mòn mất gần 1 tuần lễ thì các tù binh ra khỏi rừng núi và đi vào vùng đồng bằng. Rõ ràng đây là đoạn cuối Đông Bắc của phần đường mòn chạy sang Lào qua tỉnh Quảng Bình. Cuối tháng 10, chúng đến một nơi cách bờ biển khoảng 2 km mà dân sở tại nói là vẫn thuộc đất Quảng Bình sát ranh giới tỉnh Nghệ An. Sau khi ăn trưa và đang nghỉ tại một làng, các tù binh được chỉ cho thấy các mảnh vỡ của một xác máy bay Mỹ. các mảnh của 1 chiếc phản lực nằm giữa bãi cỏ rộng, phẳng đến 1 km. Chỉ còn lại bộ xương sắt với vô vàn mảnh vỡ. Các mảnh to chắc chắn đã bị dân địa phương tháo gỡ lấy hết. Dân địa phương sung sướng kể lại máy bay bị bắn rơi như thế nào trước đó 3 tháng, hai giặc lái nhảy dù ra và người ta nói là đã bị bắt làm tù binh. Sau khi đi qua chỗ máy bay bị bắn rơi các tù binh đi về phía nam, đến Đồng Hới, thủ phủ tỉnh Quảng Bình vào tối hôm sau.

Ở ngoại ô phía Bắc miền biển Đồng Hới, trên bãi biển cây phi lao dày đặc các cuộc thẩm vấn được tiếp tục độ 2 tuần nữa. Sau đó các tù binh được đưa vào khu nhà giam "sơ tán" tạm thời là trụ sở cũ của một HTX nông nghiệp đã bị bỏ từ lâu. Sau vài ngày, chúng đã có thể xác định được là HECTOR I cũng ở đây, trong một ngôi nhà gạch cách đó khoảng 100 m. Xung quanh khu vực này không có tường và rào chắn, nhưng không ai có ý nghĩ chạy trốn vì các tù binh đều bị cùm sắt nặng xích hai cổ chân. Đến gần Đồng Hới, các tù binh nhận ra rằng: Mái ngói nhà nào cũng bị đổ nát rõ ràng là do các trận oanh kích của máy bay. Lạ kỳ thay khu nhà trại tù vẫn lành lặn, mặc dù khu vực xung quanh đều bị đánh phá, điều này làm cho họ liên tưởng rằng phải chăng người Mỹ đã biết rõ đây là một trại giam nên họ đã không bắn phá? Sau hai tuần lễ ở Đồng Hới, các tù binh lên đường đi Hà Nội. Một tuần lễ sau thì đến Hà Nội và bị giam ở nhà tù Thanh Trì. Mùa thu năm ấy, có mấy tù binh nói tiếng Anh giọng Mỹ đến Thanh Trì và nhanh chóng được đưa vào hai xà lim khu C. Mùa hè 1967, toán

HECTOR II được chuyển đến trại giam Phong Quang. Họ không biết được rằng họ phải nhường chỗ lại cho một toán mang tên HADLEY.

-----o0o-----

(Hết mục 12)

13. CHÚNG TÔI ĐÃ BIẾT "AI" ĐANG ĐẾN.

Mùa hè 1967 ở vùng duyên hải tỉnh Hà Tĩnh sao dài và nóng thế. Máy bay Mỹ tiếp tục bắn phá các mục tiêu của dải đất hẹp cán xoong này, như thị xã Hà Tĩnh và vùng ngoại ô. Ở các làng quê Hà Tĩnh, cuộc sống vẫn xoay quanh mùa gặt hái tháng 8 hơn nửa chuyện Mỹ oanh tạc suốt ngày đêm đã quá quen thuộc.

Tại một làng ven thị xã, các lực lượng dân quân và bộ đội chủ lực canh gác đang lơ mơ ngủ bên ngoài các lều trại dùng làm trại giam. Ai cũng biết những tù nhân trong trại là “gián điệp biệt kích”. Cán bộ hỏi cung của Bộ Công An dạo này ít xuống đây. Có lẽ họ đã lấy cung xong, làng trở lại cuộc sống bình thường. Cho đến khi toán tù khác lại đến.

Một buổi tối đã về khuya tháng 7/1967 cũng giống như mọi buổi tối khác sau công việc đồng áng. Người dân ở đây có thói quen hay tụ tập nhau bàn về vụ gieo trồng mùa hè và nói chuyện phiếm về các vụ oanh kích ác liệt của Mỹ gần đây.

"Thật không tưởng được", một giọng nói trong bóng tối vọng ra, "Phản lực Mỹ, bắn canon 20 ly làm cháy kho đạn. Bắn rất chính xác toàn thị xã mà nó chỉ bắn mỗi kho này, nhà kho cháy, đạn cứ nổ ầm ầm..."

"Tôi biết", một giọng khác từ sau ánh đèn dầu tù mù phát ra "thế cũng chưa là gì cả đừng có quên rằng không chỉ riêng bộ đội chúng ta bị chúng nó đánh mà tất cả chúng ta cũng đều

mất cả gia đình vì bom Mỹ. Có nhớ hôm làng ta bắt được một phi công Mỹ không, máy bay của nó bị trúng đạn cao xạ, nó phải nhảy dù ra. Một người dân dùng chiếc vai cày đánh cho nó đến chết trước khi bộ đội đến".

"Phải", tiếng trả lời đáp lại: "Bộ đội muốn bảo vệ bọn phi công và ngăn không cho chúng ta giết bọn chúng. Đó là điều rất dễ đối với họ. Họ là chiến sĩ mà, thế còn chúng ta thì sao? Chúng ta mất cả gia đình. Tại sao lại ngăn không cho chúng ta giết bọn Mỹ? Nếu bộ đội giết chúng được sao chúng ta lại không giết chúng được?" Tiếng xì xào đồng ý.

Trong gian nhà tranh cạnh tốp nông dân đang trò chuyện, Lê Văn Ngung, toán trưởng toán HADLEY đang nằm nghiêng, hai tay vẫn bị trói chặt giật cánh khuỷu. Cô dân quân trẻ tối nay không đến nói dây điện thoại trói cho Ngung, nhưng vì mãi nghe câu chuyện của những người nông dân nên quên cả đau.

Nếu không bị bắt giam thì Ngung sẽ cố nghe mọi chi tiết của câu chuyện này. Đây là loại tin tức mà anh ta phải báo cáo về chỉ huy Sở của mình.

Nhưng, bây giờ khác rồi thân tù tội và điều mà anh ta cần là sống cho qua ngày. Không đếm xỉa đến những người nông dân, phải ngủ đã.

Nửa năm trước, 11 thành viên toán huấn luyện I mà sau đó được đổi tên HADLEY, đã bước vào khu vực cấm tại căn cứ huấn luyện của họ bên ngoài Long Thành. Họ chờ đợi giờ phút vào cuộc tập luyện, để rồi bây giờ nằm tại đây. Họ đã thấy nhiều toán đến khu vực đó rồi được phái đi làm nhiệm vụ. Chưa một người nào trở về. Nhưng đấy là điều dễ hiểu. còn sớm mà. Các toán không thể trở về sau một vài năm.

Các toán viên HADLEY xúm quanh cười đùa, trêu nhau, phô gương mặt anh hùng trước ống kính camera của viên cố vấn Mỹ, đại úy Fred Caristo. Chỉ vài ngày nữa là họ lên đường, chắc chắn như vậy.

Lúc đầu toán có 15 người. Khi bầu Lê Văn Ngung làm toán trưởng, thì bốn người không

đồng ý. Vì vậy bốn người tách ra lập thành một toán riêng, lấy tên là toán huấn luyện T2. Toán T2 ở lại để sau này tăng cường cho toán HADLEY.

Chỉ còn vài ngày nữa là Tết Nguyên đán. Họ biết là càng gần Tết, công việc sẽ càng lơ lửng. Người ta không chú ý vào công việc vì còn mãi lo sắm Tết. Nếu toán của Ngung sắp phải ném ra Bắc, thì các toán viên đều muốn đi sớm, trước khi có ai đó quên làm cái gì đó làm sao nhãng toán của anh ta.

Trước khi rời căn cứ, đại úy Dung và Caristo có hỏi thẳng cả toán là có ai sợ không?

“Sợ ư? Không đời nào!”

Sau đó Dung và Caristo tìm cách nắn gân họ. Họ nói là cách đây một năm, đã có một toán khác nhảy dù xuống địa điểm mà họ sắp nhảy, đã bị tuyên bố là mất tích, không bao giờ trở lại. Các toán viên HADLEY coi chuyện đó là để nhắc nhở họ nâng cao cảnh giác mà thôi, một cách thử tinh thần anh em. Vài tiếng sau, họ phải nhanh chóng đến sân bay, lên máy bay và cất cánh. Sau khi máy bay cất cánh, đại úy Caristo mới báo cáo thay đổi kế hoạch đột ngột. Họ không nhảy dù nữa vì gió và mưa to tại địa điểm định nhảy. Phải bỏ dở cuộc hành quân.

Đợt hành quân này đã phải bỏ dở một phần vì Caristo và những người khác ở MACSOG tin là có vấn đề. Caristo tin rằng có một điệp viên miền Bắc chui vào hàng ngũ phía quân Việt Nam Cộng hoà. Họ đã thấy từ nhiều tháng này, toán nào sau khi thả dù cũng bị bắt ngay sau khi tiếp đất. Thử thay đổi một vài chi tiết xem, họ giấu các sĩ quan miền Nam về các chi tiết cuộc hành quân, không nói thật địa điểm nhảy dù và cung cấp cho họ vài tin giả khác. Mặc dầu MACSOG gắng tìm cách loại bỏ những rò rỉ tin tức nhưng người miền Bắc vẫn luôn luôn chờ đón các toán này.

Việc thay đổi kế hoạch đột ngột này là có chủ ý nhằm loại ra khỏi vòng bất cứ người nào đó đã tiết lộ cho Bắc Việt Nam biết kế hoạch của toán này. Vấn đề là, làm sao họ biết được nếu có một người cung cấp tin tức như vậy và cung cấp từ bao giờ?

Sau khi quay về Long Thành, đại úy Caristo, Dung và chỉ huy trại đã huấn thị lại cho toán HADLEY. Họ được thông báo một tuần lễ sau sẽ xuất phát từ sân bay Long Thành, nhiệm vụ của họ tương đối đơn giản: Tiến hành các hoạt động dọc quốc lộ 4 của Bắc Việt Nam và họ có thể hoạt động ở đấy tới hai năm. Hết thời gian đó họ có thể rút, với điều kiện là phải bảo đảm an toàn để máy bay trực thăng tái xâm nhập chở họ về. Phần lớn các điệp viên đều mong rằng nhiều lắm họ chỉ hoạt động hơn sáu tháng là cùng.

Họ sẽ đặt một máy do thám điện tử ở phía nam quốc lộ 4, phía tây huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, giáp biên giới Lào. Máy điện tử này sẽ phát hiện các loại xe tải và xe hạng nặng khác, máy này không phát hiện được người đi bộ. Địa điểm tối ưu để đặt máy điện tử này là cách đường quốc lộ trong vòng 5m đến 10m. Toán còn phải do thám các cầu dọc quốc lộ để báo cho máy bay đánh phá sau này. Khi toán tiếp đất và bắt liên lạc với chỉ huy Sở, sẽ được giao thêm nhiệm vụ và các chỉ thị khác nữa.

Xem ảnh chụp từ trên không địa điểm nhảy dù, Caristo chỉ vào cái làng gần chỗ nhảy dù nhất, là một cụm nhà nhỏ cách độ 5 km về phía nam. Toán sẽ phải di chuyển từ đấy để về căn cứ hoạt động đầu tiên. Đó là một điểm cách nơi nhảy dù khoảng 5km về phía Bắc, cách đường quốc lộ 4 vài km về đông nam. Đại úy Dung cảnh báo cho toán các vấn đề có thể xảy ra. An toàn ở đây không đảm bảo vì năm ngoái đã mất một toán thả xuống tại vùng này, nhưng Dung không nói những đơn vị cụ thể nào của địch đóng ở vùng này. Dung nhấn mạnh rằng một khi toán tới địa điểm, Quy là người ra khỏi trực thăng đầu tiên và do thám xem khu vực này có an toàn không rồi cả toán mới ra tiếp. Đại úy Dung dặn dò nhiệm vụ từng toán viên. Xuống đất rồi mọi người phải chịu sự chỉ huy của Lê Văn Ngung, nhưng không nói đến việc phải thi hành các chỉ thị của Dung.

Các sĩ quan kiểm lại trang bị của từng người. Mỗi người đều được trang bị một súng máy K Thuy Điển, một súng lục tự động Browning, bốn quả lựu đạn, và bọc lương thực dùng cho nhiều ngày. Điện đài được tháo ra và chia cho ba người phụ trách điện đài. Họ tươi cười, rõ ràng là hành lý mang theo nhẹ nhàng như đi du lịch. Đại úy Dung nhấn mạnh rằng toán phải bắt liên lạc bằng điện đài với chỉ huy Sở ngay tối hôm đổ bộ, chậm nhất là ngày hôm sau nếu có thể được.

Ngày 25/1/1967, toán HADLEY lên một chiếc xe tải đi ngay đến phi trường Tân Sơn Nhất. Họ lên một chiếc máy bay vận tải Mỹ rồi bay sang Thái Lan, cùng đi có Caristo và Dung. Tại Thái Lan, toán lại chuyển sang chiếc trực thăng xanh thẫm đang đợi sẵn do các phi công Mỹ lái. Việc chuyển máy bay được tiến hành nhanh nhẹn chưa đầy một giờ đồng hồ đến nỗi không ai trên mặt đất biết lúc họ đến cũng như lúc họ đi.

Trực thăng bay ở độ cao dưới 500 bộ (feet) để tránh bị phát hiện. Sau khi qua khu vực mà người ta nói là biên giới Lào-Bắc Việt Nam, một sĩ quan cúi xuống nói với họ là máy bay vừa bị các lực lượng của Cộng sản dưới đất bắn lên. Điều đó không làm họ ngạc nhiên, vì họ biết rằng bộ đội miền Bắc bố trí phòng thủ rất mạnh suốt dọc đường mòn Hồ Chí Minh phía đông Lào mà máy bay vừa bay qua.

Vài phút sau, khoảng 6 giờ 15 tối hôm đó, trực thăng hạ thấp và lượn vòng. Một chiếc trực thăng thứ hai bay vòng quanh vùng đổ bộ để bảo vệ. Lúc này, người ta đã quên chuyện súng từ mặt đất bắn lên.

Trong khi trực thăng đang lượn cách mặt đất 6 đến 8 bộ, Quy nhảy ra trước. Đáng lẽ đợi xem có động tĩnh gì không như lệnh đã dặn thì người ta bảo cả toán phải nhảy hết ra ngay. Sau khi nhảy vào bãi cỏ voi rậm rạp bị thổi rạp xuống bởi cánh quạt máy bay, họ rời điểm đổ bộ, nhìn theo chiếc máy bay vọt lên cao, lượn một hai vòng rồi quay đầu trở lại Thái Lan. Họ lo gặp phải hổ rất hay nấp trong loại cỏ này. Thời tiết mà người ta cho là khắc nghiệt làm trì hoãn chuyển đổ bộ lần trước đã không còn nữa.

Họ di chuyển khỏi nơi đổ bộ và đi bộ theo con đường đã vạch trước, đến nơi tập kết thứ nhất cách đó khoảng 5km. Trời tối dần và họ đã đi rất chậm vì thêm túi hành lý lấy ở Thái Lan quá nặng, mới đi được 200m thì toán trưởng đã ra lệnh dừng lại. Ngung cho rằng vì các bụi rậm dày đặc nên không thể đi ban đêm được.

Toàn toán khoanh một vùng để bảo vệ và đóng trại nghỉ qua đêm. Trước khi trời tảng sáng,

họ dậy và tiếp tục đi. Mưa rơi nhẹ nhẹ, và họ cảm thấy có gì khác lạ trong không trung. Họ không ngờ thời tiết lại khắc nghiệt thêm. Bất thành linh, từ phía đổ bộ có tiếng chó sủa vọng lại, giống tiếng chó bécgiê Đức do người nuôi chứ không phải tiếng chó hoang. Thế rồi tiếp đến là tiếng hò hét bằng tiếng Việt, tiếng súng nổ cách quãng, đích thị là súng trường tấn công AK47.

"Chúng đây rồi...bọn chúng đã ở đây... chúng đây rồi", những tiếng nói nghe xa xăm nhưng còn vang rõ trong sương sớm. Rõ ràng là bộ đội đang truy lùng họ. Điều rắc rối hơn là các binh lính này chắc chắn đang chờ đợi họ và biết đích xác nơi họ đổ bộ.

Tiếng chó sủa, tiếng súng tự động bắn thêm vài phút, trong lúc cả toán co cụm lại bất động. Có thể là bộ đội miền Bắc bắn vu vơ, làm cho các biệt kích bộc lộ chỗ trốn của họ. Tiếng chó sủa xa dần, tiếng súng thưa dần. Rõ ràng là bộ đội đang đi về hướng ngược lại.

Toàn toán thu vén đồ đạc và lại tiếp tục đi. Hai ngày đi không xảy ra vấn đề gì, nhưng họ chỉ đi được có 3km. Đường đi trong ảnh chụp trên không thì dễ nhưng khi đã ở trên mặt đất, các biệt kích phải đi qua những bụi rậm dày đặc không thể tưởng tượng được mà không hề có được trên ảnh. Mưa phùn bây giờ chuyển sang mưa nặng hạt, ướt sũng tất cả, đồ đạc lại nặng lên không thể đi nhanh được. Bây giờ đến lượt Vũ Văn Hình gây khó khăn thêm cho cuộc hành quân của toán. Vũ Văn Hình là một trong hai người đưa đường do đại úy Dung chỉ định. Hình không đọc được bản đồ và sử dụng la bàn, Hình không dám chắc là toán có đi đúng hướng hay không. Đi được một quãng ngắn, toán trưởng không cho Hình đi trước dẫn đường nữa và cho anh ta đi giữa toán. Ngung tự đi trước dẫn đường và cầm luôn cả máy điện đàm vô tuyến xách tay.

Mỗi người đi cách xa nhau một quãng để tránh cả toán rơi vào ổ phục kích ở đầu hoặc đuôi mà không biết trước.

Bộ đội miền Bắc xuất hiện bất ngờ làm họ chưa thể bắt liên lạc được với Sở chỉ huy. Hai người phụ trách điện đài là Nguyễn Thế Khoa và Phạm Việt Phúc từ chối mắc đài để đánh tín hiệu mooc về Sở chỉ huy. Họ được lệnh phải làm, nhưng họ không làm với lý do là phải

mất nhiều thời gian để mắc cần anten, lắp máy, chạy máy trong khi còn lo chạy tránh người Bắc Việt Nam truy kích. Việc sử dụng máy bộ đàm không thực hiện vì bán kính hoạt động chỉ hạn chế trong vòng 50 km thôi. Mặc dù đại úy Dung có nói là máy có thể bắt liên lạc được vị chỉ huy Sở, Ngung đã không kiên quyết yêu cầu phải liên lạc bằng vô tuyến-điều mà đến mấy năm sau Ngung vẫn còu tiếc mãi.

Sau này nghĩ lại, họ mới nhận ra rằng bộ đội miền Bắc đã truy theo hướng đi của họ và chờ đợi thời điểm tốt nhất mới tấn công. Họ tấn công vào lúc chiều tối ngày 27/1. Ngung đang đi đầu dẫn đường sắp lên đến đỉnh một quả đồi thì bị tấn công từ sườn đồi bên kia bắn sang, đạn súng AK47 xuyên vào các cây phía trước. Cả toán nằm rạp xuống đất, mỗi người bò một quãng ngắn cách chỗ mình đang đứng, ước lượng hoả lực, hướng đạn bắn đến.

Hoả lực càng ngày càng tăng, rõ ràng toán biệt kích đã bị điều lên đỉnh đồi. Sử dụng một cái bẫy khéo léo, một đơn vị Quân đội Bắc Việt Nam cỡ đại đội đã bao vây toán HADLEY ở chân đồi. Làm sao họ bố trí được một trận phục kích nhanh như thế mà toán biệt kích không phát hiện ra? Chắc là lực lượng Bắc Việt Nam đã đến đây trước cả toán biệt kích và chờ họ đến? Vòng vây của họ nói lên rằng lực lượng Bắc Việt Nam đã biết trước nơi toán biệt kích đến và triển khai để bắt họ.

Binh lính Bắc Việt Nam bắt đầu tiến chậm chạp về phía toán biệt kích đã bị sập bẫy, các biệt kích tung lựu đạn xuống đồi. Tiếng kêu la chứng tỏ họ đã làm một số lính Bắc Việt Nam bị thương. Lực lượng bao vây đã đến đủ gần để các biệt kích có thể nghe được cuộc hỏi cung mang tính chiến thuật đối với một người biệt kích vừa bị bắt.

“Chúng ở đâu? Những người khác đã chạy đâu?”, họ nghe rõ Vũ Như Tùng đáp lại “Đấy! Nhìn kia, họ ở đấy! Thấy họ chưa? Thấy chưa...” Sau đấy, họ nghe thấy tiếng quân miền Bắc chuyển sang hướng đối diện.

Toán trưởng và ba người Quy, Lao, Khoa đang bị mắc kẹt trong bụi rậm. Họ ngồi im chờ đợi sợ quân phục kích còn quanh đấy. Họ hy vọng những người miền Bắc bỏ đi chỗ khác. Sau một giờ, bốn người bò dần xuống đồi, họ bắt đầu tìm cách thoát theo hướng họ đã đến. Hai

ngày sau họ gặp lại Tinh, Ninh cũng thoát được theo hướng tây. Lúc này, thấy thiếu bốn toán viên, họ đi đến kết luận là cả ba người đã bị bắt cũng như Vũ Như Tùng. Việc họ bị bắt đã gây tai họa cho toán. Phúc, Lương Trọng Thường, hai điện báo viên đã đem theo các bộ phận chủ yếu của thiết bị vô tuyến kể cả máy phát điện quay tay. Họ không thể báo về Chỉ huy sở rằng người miền Bắc đã đợi họ từ lâu và bây giờ họ đang bị tấn công, chiếc bộ đàm sóng ngắn HT-1 trở thành vô dụng và chiếc radio chính thì Vu Văn Hình cầm, rõ ràng Hình cũng bị bắt rồi.

Trời vẫn tiếp tục mưa. Đêm miền núi lạnh buốt đây là đặc điểm khí hậu tháng một ở miền Bắc, điều mà họ chưa hề lường tới để đối phó trong một tình huống như thế này. Họ còn lại vũ khí, đạn dược, nhưng các gói khẩu phần ăn dã chiến cũng như bọc dù đồ tiếp tế nặng đã bị bỏ lại ngay từ cuộc đổ súng đầu tiên. Bây giờ chỉ còn cách duy nhất có thể làm được. Họ phải đi về phía tây sang Lào rồi tìm cách sang Thái Lan. Họ đã đổ bộ xuống sát biên giới, gần mạng lưới xâm nhập quan trọng của miền Bắc vào miền Nam. May ra họ có thể vượt qua mạng lưới đó mà không bị phát hiện và tới Thái Lan an toàn.

Một toán viên may còn giữ được một túi cứu sinh gồm dây câu, lưới câu. Đào đất một ít đã có được mấy con giun, cắt cành cây làm cần câu. Họ đã câu được ở một con suối khoảng chục con cá dín bằng ngón tay. Tìm trong các bụi rậm, họ chẳng kiếm được gì ngoài vài quả gì nhỏ, đỏ. Bỏ vào miệng cắn vừa đắng vừa chát và vài giờ sau lưỡi bị nứt toác. Vài ngày sau, họ thấy các quả xanh nhỏ trên cây cao không với tới được, nhưng có một ít rụng xuống đất, họ đem luộc với nước mưa. Đó là bữa ăn đầu tiên của họ trong mấy ngày.

Mưa vừa dầm dề không dứt trong khi họ di chuyển về phía tây. Đến ngày mùng 1 tháng 2 thì họ kiệt sức không đi được nữa. Giờ thì có bị phát hiện cũng không thành vấn đề. Họ tìm thấy một con suối nhỏ và có một cái lán. Mái rách bươm bị bỏ hoang đã lâu giống như một cái chòi thợ săn của một bộ lạc săn bắn thời tiền sử để lại nhưng dù sao đó cũng là sợi dây liên lạc với nền văn minh. Túm tụm với nhau trong lán cũng không thể tránh được cơn mưa như trút. Họ bàn nhau và quyết định cứ ở lại đây và chết cùng nhau nếu cần. Họ chỉ còn mỗi một hoạt động duy nhất là ra suối lấy nước về đun sôi lên rồi uống

Tình cảnh của họ càng thảm hại hơn nữa vào ngày 3 tháng 2 khi ba người trong bọn họ là Ngung, Khoa, Khoan đột ngột lên cơn sốt rét run cầm cập. Ngày hôm sau, trời đột ngột tạnh mưa, nhiệt độ ban ngày tăng lên cũng như niềm hy vọng của họ.

Gần 9 giờ sáng hôm đó, mọi người nghe thấy một tiếng nổ. Mấy chiếc máy bay cánh quạt trông giống loại máy bay "Giặc nhà trời" xuất hiện trên đầu họ, đang bổ nhào xuống một mục tiêu trên mặt đất cách đây đến 5 km. Họ vội phát quang một đám bụi rậm, chất một đồng cảnh khô, lá mục và đốt lửa với hy vọng khói lên sẽ thu hút sự chú ý của một chiếc máy bay, may ra người phi công nhận ra "bạn". Một chiếc máy bay lượn những vòng chậm chạp quanh chỗ bắn chỉ lờ lững lượn quanh làm họ càng hy vọng. Chắc chắn người phi công sẽ báo cáo những gì anh ta nhìn thấy. Tất cả bọn họ hy vọng trực thăng sẽ đến ngay để cứu họ. Đợi mãi sau khi các máy bay đi khỏi quá trưa sang chiều tối cũng chẳng thấy gì.

Vào khoảng 6 giờ tối hôm đó, họ nghe tiếng súng tự động, đạn réo trên đầu họ bắn vào bụi rậm. Quân Bắc Việt Nam vẫn đang lùng sục họ. Y như lần trước, họ bắn cao trên ngọn cây. Lao và Tinh bắn trả lại. Khoa và Lê Văn Ngung vẫn còn sốt. Sau 15 phút thừa thốt tiếng súng, quân bao vây xô vào bắt cả 7 người không một chút chống cự nào.

Bộ đội miền Bắc đã biết lính biệt kích là ai rồi. Trong lúc trời giật cánh khuấy các biệt kích bằng dây điện thoại, người nào cũng bị hỏi cùng một câu hỏi : "Toán trưởng ở đâu?"

Ngung đáp anh là toán trưởng. Câu hỏi tiếp không làm người ta ngạc nhiên, "Anh là Ngung à?".

Rõ ràng, họ đã hỏi cung các tù nhân trước và biết được 7 người của toán còn sống sót. Ngung còn bị hơi mê sảng vì sốt rét nên nói rằng anh ta không phải là Ngung. Họ cười nhạt rồi tát và hét vào mặt anh ta.

"Nói láo! Tên anh là Ngung, anh không có tên nào khác ngoài tên đó".

Ngay sau đó, họ nấu cháo cho các tù binh ăn. Họ đối đãi tử tế với các biệt kích vì biết rằng sẽ còn dùng họ vào các mục đích khác cần sự cộng tác hoàn toàn của họ.

Như thế xát muối vào vết thương, một trong những người lính miền Bắc cười to vào mặt Ngung và nói "Anh biết không, ngay cả trước khi các anh đổ bộ, chúng tôi đã biết kế hoạch các anh sẽ tới đây. Chúng tôi biết chính xác cả thời gian, chính xác cả nơi các anh sẽ đổ bộ, vì thế chúng tôi đã tổ chức sẵn quân chính qui, bộ đội địa phương và dân quân tóm các anh, sau khi các anh đổ bộ".

Cánh biệt kích chẳng biết nghĩ như thế nào về nhận xét này có thật như vậy không, có đúng như vậy không, hay là họ chỉ nói phét?

Một người miền Bắc, chắc hẳn là sĩ quan phụ trách, đi đến từng tù binh một chỉ hỏi bốn câu: tên, tuổi, chức vụ, nhiệm vụ được giao. Sau đó, các tù binh phải đi bộ về phía tây, rõ ràng là vào đất Lào, có lẽ gần quốc lộ 4. Khoảng 10 giờ đêm hôm ấy, họ đến một làng của bộ tộc Lào và nghỉ qua đêm ở đó. Mỗi nhà nhốt biệt kích có một dân quân và một bộ đội mặc quân phục canh gác cẩn thận.

Tờ mờ sáng hôm sau, một ô tô tải đến chở họ đến địa điểm bắt đầu hỏi cung. Xe đi về hướng đông.

"Tôi hứa với anh", một người thẩm vấn mặc thường phục nói giọng kiên quyết nhưng thân mật, "anh sẽ được thưởng nếu anh chịu cộng tác. Nếu anh trung thực, không những Nhà nước có thưởng cho anh mà gia đình anh ở miền Nam vẫn có thể tiếp tục lĩnh đủ lương cùng phụ cấp của anh".

Lời nói đó để lung lạc và đánh bẫy những kẻ không thận trọng. Người ta muốn nói rõ hơn: "...Nếu anh cộng tác, dùng điện đài phục vụ cho Bắc Việt Nam thì Sở chỉ huy của anh không bao giờ phát hiện ra được. Sở chỉ huy nghĩ rằng anh vẫn còn sống và tiếp tục trả lương cho gia đình anh."

Cán bộ công an biết rằng họ phải nắm được các mật hiệu an toàn của toán trưởng và các nhân viên điện đài để tiến hành hoạt động đánh lừa đối phương. Họ cũng biết là các tín hiệu an toàn được sử dụng rất xảo quyệt, không bao giờ họ dám chắc là họ nắm được tín hiệu thật. Nếu phát đi một câu trả lời sai thì chỉ huy sở Sài Gòn cảnh giác ngay là toán đã bị địch cưỡng chế. Những người thẩm vấn thúc ép mọi người về các câu trả lời mà đại úy Dung đã dặn họ trước khi đi. Nếu có tù binh nào giữ thái độ im lặng thì các cuộc hỏi cung sẽ tiếp tục cho đến khi người đó chịu hợp tác hay khước từ. Một khi Ngung và Thương đã từ chối không chịu cung cấp tín hiệu của họ, thì những người hỏi cung Bắc Việt Nam không còn chấp nhận bất cứ tín hiệu nào mà họ đưa ra là tín hiệu thật cả.

Khi các tù binh đến làng Trung Linh thì hai nhân viên điện đài là Khoa và Phúc không cùng ở với họ nữa. Những người khác đã nhìn thấy các cần anten cao trong làng. Phải chăng đó là nơi hai nhân viên điện đài ở? Phải chăng họ đã đồng ý hợp tác?

Sau một tuần lễ ở Trung Linh, toán biệt kích đi về phía đông, đến làng Cẩm Thạch, cách trung tâm thị xã Hà Tĩnh 7 km nơi đóng trụ sở của tỉnh. Ở đây họ thấy một toán 10 đến 12 tù nhân mặc quần áo kẻ sọc đồng phục đang làm việc vất vả có lính vũ trang gác. Rõ ràng là nhà giam của tỉnh được tạm thời sơ tán về nông thôn để tránh bom đạn của Mỹ.

Các cuộc hỏi cung được tiếp tục ở Cẩm Thạch. Mặc dầu các tù nhân đều ngầm chuẩn bị để đối phó với điều xấu nhất có thể xảy ra, nhưng họ không được huấn luyện gì về việc đối phó với các cuộc hỏi cung cho nên các thẩm vấn viên miền Bắc càng dễ dàng gỡ các ngón nghề của mình.

Bây giờ đến các tháng hỏi cung triền miên. Trong hai người hỏi cung, người trẻ hơn quê ở Hà Tĩnh. Anh ta hỏi cung một trong các biệt kích và thường đến từ sáng sớm. Anh ta hỏi liên tục cho đến trưa, nghỉ 2 giờ lại hỏi tiếp một mạch cho đến tối. Chế độ hỏi cung này kéo liên nhiều ngày. Người lớn tuổi hơn quê ở miền Nam thường chỉ ngồi nghe. Công việc của ông ta là không phải hỏi nhiều mà chỉ để phá vỡ hàng rào đối kháng khi người tù không trả lời câu hỏi. Ở đây, không có sự đối xử tàn nhẫn. Họ cần các tù nhân hợp tác với họ.

Tất cả các môn học của toán viên đều được hỏi đến, từng chủ đề một. "Toán nào đã cùng được huấn luyện với toán các anh?". Họ muốn biết về từng toán một, từng trại lính một, từng vùng một và họ biết về việc huấn luyện các toán L, M, N, P, R, S, T và D; các toán do thám đường bộ lúc đó đang được thành lập, tên từng toán một, toán người Lào, toán người H'mông. Họ muốn biết toán nào đã được phái đi, cả các toán nhỏ đang được bổ sung, tên của từng toán, toán nào sắp đi, do ai huấn luyện, tên và cấp bậc của người huấn luyện.

Họ lại hỏi về người Mỹ: "...Họ là ai? Họ làm gì, vai trò của họ? Tên và cấp bậc của họ". Họ hỏi về viên sĩ quan liên lạc tình báo Đài Loan ở căn cứ huấn luyện Long Thành rồi họ hỏi từng người của Sở Kỹ thuật chiến lược và MACSOG, bao gồm cả mô tả hình dáng tất cả những người Mỹ cũng như Việt Nam mà các toán viên đã tiếp xúc.

Những câu hỏi có khi chẳng theo thứ tự nào cả nhưng những vấn đề quan trọng được họ hỏi đi hỏi lại: "...Những toán nào đã được đánh đi, toán nào sẽ đánh đi?". Rõ ràng là họ muốn biết chắc về các toán đã được đánh đi và từng toán sẽ được đánh đi trong tương lai.

Các tù binh đều trả lời những người hỏi cung những điều họ muốn biết, chỉ trừ có Lê Văn Ngung là không hợp tác. Người hỏi cung nhiều tuổi hơn đến để "động viên" anh ta, bắt đầu bằng một quá trình chậm chạp và kiên trì gọi là "cải tạo".

"Toàn bộ vấn đề đối với tất cả là có một tôn giáo mà anh rêu rao là tin vào nó, tôn giáo này không có gì khác hơn là trò mê tín dị đoan và phù thủy. Tất cả các tôn giáo như Phật giáo, Gia Tô giáo, đều chỉ là trò phù thủy hết", người hỏi cung nói trước khi chuyển sang một đợt giáo huấn khác.

"Tôn giáo của anh chẳng giúp được gì khi anh ốm đau", ông ta kiên trì giảng giải: "Khi anh ốm anh đến bác sĩ, cầu nguyện không qua khỏi được bệnh tật, chỉ có bác sĩ mới chữa được. Các anh đều cầu chúa và tin rằng tôn giáo sẽ làm anh khoẻ lại".

Ngung hiểu là người hỏi cung cố áp đặt biện luận của ông ta, một kiểu biện luận quá quen thuộc đối với tất cả người Việt Nam. Ông ta nói về tín ngưỡng của nhiều bộ tộc miền núi, họ

tin vào linh hồn và phù thủy, họ lập bàn thờ với đủ thứ lễ vật, để gọi linh hồn chữa bệnh cho họ. Dân vùng núi tin tưởng chắc chắn rằng thần thánh có thể chữa khỏi mọi bệnh và nếu thành tâm cầu nguyện, lễ bái sẽ làm cho con bệnh khỏi đau.

Ngưng ngồi lặng im nghe logic của người hỏi cung, rồi nói:

"Tôi đồng ý với ông một điểm". Anh ta thừa nhận những người cầu ma quỷ thần thánh đều là trò phù thủy, "Tôi đồng ý với ông là những trò phù thủy đó không làm người ta khỏi bệnh được. Nhưng tôi không đồng ý với toàn bộ lập luận của ông. Rất nhiều y bác sĩ và chuyên gia y tế là những người theo đạo Thiên Chúa và đạo Phật ngoan đạo, họ vừa theo đạo vừa làm nghề thuốc mà chẳng có gì mâu thuẫn cả. Ông có biết trong thế giới tự do biết có bao nhiêu người như thế không? Có những nước trong thế giới tự do đã làm được cả những con tàu vũ trụ. Ông có cho rằng những người làm ra những thứ đó là những người không theo đạo ư? Có những người là tín đồ đạo Phật, đạo Tin Lành, đạo Thiên Chúa, ông cho rằng họ đều làm trò phù thủy cả hay sao? Các bác sĩ vừa phát thuốc, đồng thời họ cũng là người theo đạo".

"Nói láo, anh là một thằng nói láo ngoan cố, một kẻ gây rối... Tôi đã giải thích cho anh hết mọi điều mà anh vẫn giữ thái độ ngoan cố". Người hỏi cung đứng dậy, giận dữ và bỏ đi ra khỏi phòng.

Cùng kiểu logic như vậy, sau đó lại được lặp lại ở trại giam Thanh Trì ven đô Hà Nội. Đại úy Lộc già, con người thấp bé đã 50 tuổi, là trưởng trại ngồi giữa sân trại đọc các bài báo được chọn lựa trong các số báo hàng ngày cho các tù binh bị khoá trong các xà lim nghe. Thỉnh thoảng ông ta lại đưa ra những lập luận để giảng giải về mâu thuẫn giữa tư bản và cộng sản, với những lập luận này ông ta hy vọng thuyết phục tù nhân tin vào thế giới quan đúng đắn của cộng sản.

-----o0o-----

(Hết mục 13)

Phần IV

RÚT LUI TRONG DANH DỰ

(1967-1973)

14. BẮT ĐẦU GIAI ĐOẠN KẾT THÚC.

Vào năm 1966, người ta rất lo ngại rằng các cố gắng đánh biệt kích hoạt động tầm xa đã thất bại. Các nhóm quân không chính qui người Lào do CIA chỉ huy đã xâm nhập Sơn La năm 1965 để tìm toán REMUS. Toán người H'mông bị mất người dẫn đường khi đi do thám xác minh sự hiện diện của lực lượng một tiểu đoàn Bắc Việt có 350 người, ở các toạ độ chính xác mà người ta cho rằng toán biệt kích đang hoạt động. Một toán quân Lào được đánh đi từ Luang Pra Bang xâm nhập khu vực sông Mã, tỉnh Sơn La trong năm 1967. CIA đã thông báo các phát hiện của họ với MACSOG.

Các toán của MACSOG tiếp tục được đánh đi và chui đầu vào "rọ" của miền Bắc. Vào ngày 5 tháng 10 năm 1966, 8 biệt kích trong toán SAMSON đổ bộ xuống gần Lai Châu. Họ đã bị bắt vào đầu tháng 12. Ngày 24 tháng 12 thêm 2 biệt kích nữa được đánh tiếp vào Lai Châu để tăng cường cho toán TOURBILLON. Ngay ngày hôm sau, ngày 25 tháng 12 Nông Văn Long và Nguyễn Văn Thu đã bị lực lượng phản gián Bắc Việt giương bẫy, đóng giả là người của

TOURBILLON bắt gọn. Đó là toán cuối cùng được phái đến cho TOURBILLON.

Ngày 21 tháng 8 năm 1967 hai điệp viên nhảy dù xuống miền Bắc để tăng cường cho toán REMUS. Họ được biết dưới tên gọi là REMUS 23 và 24, toán cuối cùng trong gần 18 toán tiếp viện được đánh đi tăng cường cho REMUS kể từ năm 1963. Hai biệt kích cuối cùng này, Đỗ Văn Tam và Trương Tuấn Hoàng, chỉ có một nhiệm vụ duy nhất, vì nó mà họ phải luyện tập gần suốt cả năm 1967. Họ được đào tạo trong hệ thống Skyhook, đó là một phương pháp mooc mới. Hệ thống này sẽ sử dụng máy bay A1 Skyraider do các phi công Nam Việt Nam lái, loại máy bay này có một chiếc móc ở đuôi có thể nhặt các gói nhỏ ở phía sau các phòng tuyến của quân thù. Người ta dựng các cọc lên và căng một dây giữa các cọc này, cách mặt đất vài mét. Máy bay Skyraider có thể sà xuống và móc đuôi của nó vào sợi dây treo này và nhấc đi bất cứ vật gì được ngoắc vào dây đó. Trong trường hợp REMUS, các máy bay Skyraider sẽ lấy đi các băng ghi thông tin của các tuyến điện thoại của miền Bắc Việt Nam do Tam và Hoàng thực hiện.

Các biệt kích này thực tập việc nghe trộm điện thoại trong mùa hè đó, đầu tiên trong không khí mát mẻ của Đà Lạt một thành phố miền núi của miền Nam và sau đó, trong một khu vực đã chiến của Mỹ, tất cả đều được MACSOG chuẩn y. Họ nghe các băng được giả định là do một biệt kích ở hậu phương địch ghi, nhưng họ hầu như không nghe thấy gì ngoài tiếng lạo xạo của điện thoại.

Một trong những biệt kích này sẽ được cài lại ở miền Bắc để thay thế điệp đài viên đầu tiên của REMUS, người sẽ bị đưa về bằng kỹ thuật Skyhook (móc lên bằng máy bay) nhằm kéo về một điệp viên hoạt động ở Bắc Việt Nam và kiểm tra xem anh ta có bị đối phương khống chế hay không.

Trương Tuấn Hoàng kể lại số phận của họ:

- Chúng tôi đổ bộ vào ban đêm, và sáng hôm sau họ cử người đón chúng tôi. Họ mặc đồ pijama đen, đeo băng tay. Họ lại gần chúng tôi với mặt khẩu chính xác và mọi việc xem chừng rất trôi chảy. Sau đó họ chìa súng vào chúng tôi, và chúng tôi bị bắt làm tù binh. Chúng tôi được đưa vào một cái lán nơi người ta cho rằng toán REMUS hoạt động ở đấy,

nhưng thực ra đó là một cái trại được nguy trang rất tài tình của lực lượng công an nhân dân vũ trang Đây chính là nơi điện đài của toán REMUS đang hoạt động.

Rồi sau đó xảy ra điều gì? Họ thu hết quân trang của chúng tôi, mà chúng tôi chẳng thể làm được gì. Sau đó họ chuyển tôi về trại giam Thanh Trì.

Việc xâm nhập của hai điệp viên được tăng cường cho toán REMUS xảy ra vào lúc MACSOG chuẩn bị rút dần các toán hoạt động tầm xa. Tuy nhiên, những người nằm trong hệ thống chỉ huy từ Washington đến Sài Gòn đang đòi hỏi các thông tin đáng tin cậy về thực trạng của hệ thống đường xâm nhập của Bắc Việt Nam mà người ta gọi là đường mòn Hồ Chí Minh. Một hệ thống đường quanh co và các cơ sở khác, thường nằm dưới đám cây có nhiều chòm lá, khó có thể thấy được từ phía trên.

Trong mùa xuân năm 1967, MACSOG đã triển khai bốn toán trinh sát tầm ngắn đầu tiên, các toán mang tên STRATA, nhiệm vụ của họ là xâm nhập vào miền Bắc, thường là các khu vực gần đúng những nơi mà các toán tầm xa đã được đánh vào, và báo cáo rõ những điều đang xảy ra trên mặt đất dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh. Tầm hoạt động của họ được mở rộng lên phía Bắc (từ khu phi quân sự) đến gần biên giới Trung Quốc, mặc dù các chuyển công tác của họ chưa bao giờ đến gần phía Bắc đường 7 ở tỉnh Nghệ An. Trong nội bộ MACSOG, họ được hiểu là thuộc các lực lượng của kế hoạch 34B.

Được tổ chức tại Long Thành vào mùa hè, các toán đầu tiên đã đổ bộ vào vùng cán xoong hẹp ở phía Nam của miền Bắc. Toán thứ nhất đã đổ bộ cách vị trí đã định gần 10km. Mấy ngày sau họ đã đụng độ với các lực lượng biên phòng của miền Bắc và bị bắt. Tuy nhiên, việc ra vào nhanh của các toán này trong suốt năm sau chứng minh rằng họ có thể phá các toán biệt kích vào các khu vực cực kỳ nguy hiểm và kéo họ ra sau khi họ đã hoàn thành nhiệm vụ.

Thiếu tá George Gaspard, sĩ quan chỉ huy chiến dịch đã cố gắng mở đầu vào tháng 12 và nói về những vấn đề mà các toán đang phải đương đầu như sau:

- Tung họ vào đó và đưa họ ra an toàn. Đó là điều chúng tôi cố thực hiện. Các cuộc hành

quân của biệt kích tầm xa không thực hiện được nhưng các toán STRATA của tôi đã thực hiện được. Vì vậy, cố gắng trên của chúng tôi đã thành công theo nghĩa đó.

Không giống như các toán hoạt động tầm xa, các toán STRATA quả thực đã thực hiện được điều tưởng như không thể thực hiện. Họ luôn vào và ra, trước lúc lực lượng biên phòng phát hiện thấy họ. Năm 1968, trong hàng chục phi vụ, chỉ có năm toán bị mất cả hoặc một phần. Một thành công đáng mong muốn so với sự thất bại 7 năm của các toán hoạt động tầm xa. 27 năm sau, một thành viên cũ của một toán STRATA đã diễn tả điều đó như sau:

- Chúng tôi đã thực hiện được gì? Tôi không thể nói về các toán khác, nhưng chúng tôi đã đến vùng biên giới trong mùa hè năm 1968 và ít nhất cũng đã thực hiện được một điều. Tôi là người chỉ huy của toán STRATA 114, trước khi tôi rời khỏi miền Nam. Người ta yêu cầu tôi tìm ra cái hang ổ chết tiệt của miền Bắc đang khống chế một trong các điện đài của biệt kích hoạt động tầm xa của chúng tôi. Chúng tôi đã thấy họ ư? Ồ vâng, đúng là chúng tôi đã thấy họ. Nhưng dĩ nhiên họ cũng thấy chúng tôi. Tôi và hai người nữa bị bắt, nhưng chắc rằng người ta đã nói lại là chúng tôi đã nhìn thấy họ.

Hoàng Văn Chương, người chỉ huy trước của toán 114 đã mất gần 15 năm lao động khổ sai để nhận được tin về những người còn sống sót trong toán của anh ta.

May thay MACSOG đã chấm dứt các cuộc hành quân của biệt kích tầm xa trong tình hình này. Một danh sách ngày càng dài của những toán biệt kích tầm xa đang làm việc cho Hà Nội đã tác động mạnh hơn vào việc giảm số biệt kích có sẵn của MACSOG.

Thí dụ vào năm 1967 các máy bay vận tải C123 và C130 với phi hành đoàn Đài Loan và Mỹ của không lực MACSOG được tăng cường bằng máy bay cánh quạt và phản lực, đang vận chuyển một khối lượng đồ tiếp viện ngày càng tăng và thực hiện các phi vụ khác liên quan đến các toán hoạt động tầm xa ở trong lòng miền Bắc. Điều đó có nghĩa là các nguồn lực còm cõi của MACSOG ngày càng bị Hà Nội tiêu hao. Hà Nội đang gián tiếp khống chế các nguồn lực của MACSOG giỏi hơn cả đại tá John Singlaub, người chỉ huy của chính MACSOG.

Singlaub, người chỉ huy của MACSOG đến Việt Nam vào tháng tư năm 1966 đã sớm có kết luận rằng mọi toán biệt kích ở miền Bắc đều đã đầu hàng. Trong cuốn tự truyện của mình Singlaub cho biết ông đã nghiên cứu kỹ các hoạt động của các toán biệt kích tầm xa. Và kết quả của việc nghiên cứu này đã củng cố niềm tin của ông ta rằng các toán này chắc chắn đã đầu hàng. Singlaub tin vào đại tá Robert Kingston với việc mở đầu các cuộc hành quân nghi binh nhằm đánh lạc hướng miền Bắc khi Singlaub cố gắng xác định những kẻ phản bội ở phía Việt Nam hoặc Mỹ trong cuộc hành quân này.

Tài liệu nghiên cứu của MACSOG xác nhận rằng các cố gắng này là một bộ phận lớn hơn nhiều của Mỹ để buộc chặt lực lượng an ninh của miền Bắc vào vùng cán xoong đó. Các văn bản quân sự của Việt Nam thể hiện sự lo lắng về khả năng đổ bộ của Mỹ và vùng cán xoong này, niềm tin chính vào cuộc hành quân nghi binh, trong đó MACSOG có tham gia một phần, nhưng miền Bắc đã chẳng huy động các nguồn lực để chống lại sự kiện bất ngờ ấy. Điều đó tạo thêm một bằng chứng rằng miền Bắc đã nắm chắc cuộc hành quân nghi binh lớn của Mỹ, không phải chỉ là những cuộc hành quân của đối phương Miền Nam của họ. Trong cuốn tự truyện của mình, Singlaub mô tả một sự việc, tình cờ cho rằng đại úy Fred Caristo đã phát hiện ra một điệp viên miền Bắc trong hàng ngũ của Ban chỉ huy kỹ thuật chiến lược, sau đó Caristo cho điệp viên này nhảy dù trở lại miền Bắc. Điều này có thể được coi ngang với việc sử dụng một trong các tù binh hoặc kẻ đào ngũ của miền Bắc vào bộ phận khác của chương trình nghi binh và không được coi bằng một trong các toán biệt kích bán quân sự tầm xa được tuyển mộ ở Miền Nam.

Tài liệu nghiên cứu của MACSOG xác nhận rằng các cuộc hành quân đánh lạc hướng đã bắt đầu trong mùa thu năm 1967 khi các biệt kích tầm xa cuối cùng được thả dù vào miền Bắc. Vào lúc này, MACSOG đang chỉ huy và cung cấp lại 17 toán biệt kích tại chỗ (hai biệt kích chủ bài và 15 toán biệt kích, bốn trong các toán này và các điệp viên sừng sỏ đã được tung vào miền Bắc trong năm 1967).

Các toán biệt kích này đã nhận được 24 phi vụ tiếp viện trong năm 1967. Toàn bộ 15 toán (trừ toán VOI mất tích) đã bị Hà Nội khống chế (xem hình 6). Trước mùa hè năm 1968 những cuộc hành quân của biệt kích tầm xa cuối cùng đã kết thúc, và nó được thay thế bằng

một toán hỗn hợp của CIA/MACV khi Singlaub rời khỏi Việt Nam để nhận nhiệm vụ khác.

Không có điểm nào trong các tài liệu của MACSOG hỗ trợ cho bản báo cáo về việc đại úy Caristo trong năm 1966-1967, theo mô tả của các biệt kích còn sống sót, đã đào tạo sĩ quan cho toán HADLEY, toán RED DRAGON và các toán STRATA trước đây đóng tại Long Thành vào giữa năm 1967. Không có bằng chứng nào về việc Caristo đã thực sự thành lập mạng điệp viên của riêng ông ta ở miền Bắc và ông ta không tiến hành một cuộc hành quân nào chống lại tình báo của miền Bắc. Theo Singlaub thì điều này nằm trong các thành tích của Caristo. Singlaub cũng tin rằng Caristo đã khởi tạo khái niệm STRATA, nhưng điều này thật đáng ngờ. Các tài liệu của tác giả cho thấy rằng chương trình STRATA bị thất bại từ đầu cho đến cuối năm vì việc thực hiện không được rõ ràng ngay từ ban đầu. Toán STRATA đầu tiên được phái ra miền Bắc đã được thả xuống cách khu vực dự định 10 km và bị bắt sau khi bị cầm chân hàng tuần lễ quanh các ngọn núi. Các nỗ lực của chương trình STRATA được cải thiện mạnh mẽ với sự bổ nhiệm sĩ quan tác chiến mới, thiếu tá George Gaspard, tháng 12/1967.

Trùng hợp với sự kết thúc của các toán biệt kích tầm xa, một kế hoạch công tác mới được giao cho các biệt kích trong tù ở khu vực K, trại giam Quyết Tiến một trại khổ sai ở tỉnh Hà Giang, sát biên giới Trung Quốc. Công việc bắt đầu kế hoạch 3 tháng cuối năm 1967, theo các mệnh lệnh của Ban chỉ huy trại để xây dựng các nhà giam phụ.

Các cán bộ của trại giam không giải thích gì hơn là cần phải có thêm các nhà giam khác và các tù nhân không nên hỏi. Qua nhiều năm họ đã biết rằng họ chỉ được làm theo lời chỉ bảo, không được thắc mắc.

Ngay sau cuộc tổng tấn công tháng hai 1968 ở miền Nam, các tù nhân mới được đưa đến khu vực K, nhưng họ bị giam cách ly với những người đã ở đó. Các phạm nhân biệt kích hiện có chỉ có thể xác định rằng những người mới đến là người Việt Nam. Vào cuối năm đó, hai trong ba tù nhân mới, được xác định là Phạm Ngọc Khánh và Lê Trung Tín, toán viên của toán RED DRAGON. Họ là toán biệt kích tầm xa cuối cùng được đánh ra miền Bắc.

Khánh và Tín đã mô tả với các bạn tù việc họ nhảy dù xuống tỉnh Hà Giang vào ban đêm như thế nào. Đợt nhảy dù này trở thành một thảm họa, các thành viên của toán bị tán loạn xuống các sông suối. Theo cách nói của các không quân thì đó là một "chuyến nhảy dù tồi tệ".

Mới đặt chân xuống mặt đất các biệt kích này đã bị bắt. Một số bị bộ đội của các đơn vị phòng không Trung Quốc đang triển khai ở khu vực này bắt. Khánh và Tín biết rằng hai thành viên khác trong toán của họ là Vũ Sư và Nguyễn Hữu Tân cũng đang ở trong các nhà giam lân cận. Họ đã bị giam cách ly ở các trại tạm giam của công an tỉnh Hà Giang cho đến bây giờ. Sau đó Khánh và Tín đã tiết lộ với các tù nhân khác rằng những điện báo viên của toán này đã trở thành kẻ phản bội và đã đánh điện đài của họ dưới sự điều khiển của Bộ Công an. Kết luận của họ đã dựa vào thực tế là 2 điện báo viên này đã bị giam cùng với họ.

Sau đó không lâu, người ta nghe thấy tiếng nói của 3 thành viên mất tích khác của toán RED DRAGON trong số những người mới đến khác ở khu vực K. Những mẩu tin ngắn được gói quanh các viên đá và được ném qua các bức tường với hy vọng sẽ tìm được các thông tin phản hồi. Không có một phản ứng nào cho đến khi Khánh và Tín gửi được một bức ngắn cho hai điện báo viên mất tích của toán RED DRAGON. Một thư trả lời báo rằng những thành viên còn lại của toán này đã được bổ sung cho khu vực K.

Sau một thời gian, các tù nhân khác ở Quyết Tiến đã nhận ra được những giọng nói mới ở khu vực K và họ đã thu nhặt dần các tin tức về những người này để tìm hiểu xem họ là ai. Tất cả bọn họ dường như là những điện báo viên thuộc dân tộc ít người đã xâm nhập vào các khu vực của Sơn La và Lai Châu. Một số tù nhân biết họ, nói rằng họ là những người của các toán đầu tiên được phái ra miền Bắc trong năm 1961-1962. Cuối cùng một toán trên 30 người đã được chia làm 4 nhóm ở các nhà giam mới ở khu vực K.

Những biệt kích ở Quyết Tiến rất ngao ngán khi biết rằng một số cuộc hành quân của họ bị lâm vào tình trạng nguy hiểm do các thành viên của toán đã tự nguyện hợp tác với kẻ thù. Khi nói chuyện với nhau, họ thấy rằng trong năm 1967, không có tù nhân nào ở Quyết Tiến thuộc về các toán có những điện báo viên đang làm việc cho miền Bắc. Như vậy có nghĩa là

còn có những toán khác mà họ chưa hề biết?

Những tù nhân cao tuổi hơn suy luận tới khả năng miền Bắc sử dụng các điện báo viên bị bắt, chỉ có thể là những người dân tộc miền núi chứ không phải là những người ở miền xuôi. Họ không nghĩ rằng những người vùng xuôi có thể giống những người này, vả lại, họ thông minh hơn. Mặt khác, họ nghĩ rằng những người dân tộc miền núi như Tày, H'mông và Thổ thường dốt nát và ít hiểu biết. Rõ ràng là những cán bộ thẩm vấn mưu trí của Bộ Công an đã thấy là họ dễ bị thuyết phục.

Những biệt kích ở Quyết Tiến biết rằng họ đã có thông tin về hoạt động điện đài trá hình thật đồ sộ, nhưng họ thiếu các phương tiện để báo về Nha kỹ thuật. Bất kỳ ý nghĩ nào về việc cảnh báo cho Sài Gòn rõ hoạt động của miền Bắc cũng bị thay thế ngay bằng ý nghĩ về sự sống sót, dù chỉ thêm một ngày nữa.

Đại úy Nguyễn Thái Kiên, chỉ huy toán RED DRAGON đang ở khu nhà giam mới, cùng với các điện báo viên phản bội. Một số ít tù nhân khác đã biết vì sao người ta cách ly Kiên.

Kiên đã làm việc cho Sở trắc địa địa hình năm 1964 với hàm trung úy. Cơ quan này còn đang phải chịu những hậu quả của việc ám sát Diệm và việc phế bỏ tổ chức tình báo của Trần Kim Tuyến. Các sỹ quan mới được đưa về vào năm 1965, Sở chỉ huy đã chuẩn bị mở rộng các cuộc hành quân ở vùng biên giới.

Với cái chết của Diệm, một cơ quan tình báo cấp quốc gia mới của Miền Nam đã nổi bật lên: Phủ đặc uỷ Trung ương tình báo (CIO) được CIA cố vấn và hỗ trợ về tài chính đã chi phối các hoạt động tình báo, cũng đã gây ảnh hưởng nhiều hơn so với tổ chức của bác sĩ Tuyến.

Các tin tức tình báo do các toán biệt kích thu nhận được cung cấp cho CIO cũng như Bộ Tổng tham mưu liên quân của quân đội miền Nam. Sở trắc địa địa hình đã được đổi tên thành Sở kỹ thuật (STS), và trung úy Kiên nắm quyền chỉ huy của 1 trong 5 toán đã chiến ở vùng biên giới do một cơ quan mới thành lập gọi là Sở liên lạc. Sau đó Kiên trở thành sỹ

quan chỉ huy chiến đấu của các cuộc hành quân ở vùng biên giới. Ông ta kết hợp những thông tin về lực lượng của quân địch trong các khu vực mà các toán sẽ hoạt động, bao gồm cả các thông tin thu được qua thẩm vấn, cũng như các thông tin do quân đội miền Nam thu được trong việc thu và giải mã các cuộc truyền tin của Bắc Việt ở Lào.

Năm 1966, Kiên được bổ nhiệm làm chỉ huy của toán RED DRAGON, khi đó STS được đặt tên lại, và trở thành Nha kỹ thuật (STD). Ban đầu toán RED DRAGON có gần hai mươi người, nhưng nó bị chia làm hai toán vào thời gian đánh đi mùa thu năm 1967. Một toán được giữ lại ở phía sau để tăng viện cho toán RED DRAGON sau này.

Nhiệm vụ của toán RED DRAGON là nhảy dù xuống tỉnh Hà Giang, gần biên giới của miền Bắc với Trung Quốc. Nguồn tin tình báo đáng tin cậy xác nhận sự hiện diện của 2 sư đoàn phòng không của CHND Trung Hoa trong khu vực này, cũng như để chi viện ra bên ngoài Trung Quốc. Tiếp sau sự điều phối ở Sài Gòn giữa tùy viên quốc phòng của Cộng hòa Trung Quốc (Đài Loan) và miền Nam Việt Nam, một đội đặc nhiệm gồm 14 biệt kích Đài Loan đến Long Thành. Họ huấn luyện RED DRAGON để chuẩn bị nhảy dù xuống Hà Giang, ở đó sẽ tiến hành các cuộc hành quân chung với các toán của Kiên.

Ngày 21 tháng 12 năm 1967, chiếc máy bay C130 với đội bay theo hợp đồng của Đài Loan cất cánh bay ra miền Bắc chở toán RED DRAGON, nhưng không có biệt kích Đài Loan. Đại úy Kiên là người nhảy ra khỏi máy bay đầu tiên khi nó bay tới nơi dự định thả dù. Người phụ trách điện đài của ông ta bị kẹt cứng ở cửa. Phải mất khá lâu mới gỡ được và đẩy ra khỏi máy bay trước khi những biệt kích còn lại có thể nhảy theo.

Sau khi bị bắt, Kiên bị giam ở nhà tù tỉnh Hà Giang, người miền Bắc thuyết phục hai điện báo viên của toán để liên lạc điện đài với Sài Gòn. Để giải thích rằng họ không thể cung cấp tín hiệu an toàn của Kiên, người ta chuyển một đoạn tin nói rằng người đại úy này đã bị giết.

Kiên được chuyển về trại giam Thanh Trì, nơi các thành viên của các toán có điện báo viên đã bị Hà Nội sử dụng. Anh ta bị giam cách ly ở một trong các phòng của khu D. Năm 1968,

các tù binh Mỹ từ miền Nam được đưa đến đó. Để giữ Kiên cách ly với các biệt kích khác, cán bộ trại giam đã thay các buồng của tù binh biệt kích và tù binh Mỹ ở khu D. Việc này đã ngăn chặn các nhóm duy trì việc tiếp xúc với nhau.

Trong khi đó, MACSOG và STD đã bị ảnh hưởng bởi các cuộc oanh tạc trong mùa xuân năm 1968 để ngăn chặn miền Bắc theo lệnh của Tổng thống Johnson. Hành động này đã có hàm ý rõ ràng đối với các toán biệt kích đường không tầm xa, liên lạc từ sâu trong miền Bắc. Một số sĩ quan của MACSOG tin rằng việc ném bom ngăn chặn sẽ làn cho sáu toán bị bỏ rơi sâu trong miền Bắc, không có phương kế nào để tái tiếp viện nếu các toán này vẫn còn "an toàn". Những người khác trong MACSOG từ lâu đã kết luận rằng các biệt kích dường như đều bị quân thù khống chế, và hoạt động này có thể đã bị kết thúc vài năm trước (xem phụ lục 5).

MACSOG đã bắt đầu cho rằng các toán được chuyển ra miền Bắc có nhiều khả năng đã bị bắt. Ví dụ: ngày 18 tháng 10 năm 1967, toán T2 có 4 người thay thế cho toán HADLEY, đã đổ bộ bằng máy bay trực thăng xuống Hà Tĩnh, ở phía bắc địa điểm cuối cùng của HADLEY mà người ta biết rõ. Bây giờ toán VOI, không hề liên lạc bằng điện đài kể từ sau khi đến, và người ta cho rằng các thành viên của toán này đã chết hết.

Một phần, MACSOG đáp lại cho những nỗ lực của Hà Nội là sử dụng những cuộc hành quân nghi binh thực sự đầy tham vọng. Kế hoạch Borden liên quan đến việc sử dụng những tù binh của miền Bắc được tách riêng ra ngay sau khi bị bắt, trước khi điều này trở thành vấn đề liên quan đến hồ sơ cán bộ. Sau khi giải quyết xong vấn đề tâm lý, họ được đưa vào các phi vụ chống lại lực lượng của mình. Gần 55 biệt kích được tung ra trong năm 1967, nhưng chỉ có 5 người quay về với MACSOG. Người ta hy vọng rằng phần hữu ích là ở chỗ họ sẽ kết hợp chặt chẽ với các ban an ninh quân sự trong việc tìm kiếm các quân nhân bắt mất. Một chương trình liên quan, Earth Angel (thiên thần của trái đất), đã phát triển các toán lính đảo ngũ của miền Bắc, họ được trang bị vũ khí và phái vào các phi vụ trinh sát chống lại các lực lượng võ trang trước của họ. Các nhóm này đã xâm nhập vào Lào và Campuchia tương đối dễ dàng và chịu ít thương vong.

Kế hoạch Urgent (khẩn cấp) liên quan đến việc lôi kéo, tuyển lựa và cài lại ở miền Bắc các thường dân bị các lực lượng hải quân MACSOG bắt trên biển. Chương trình này có cả các "biệt kích giả", đó là những người có thể xuất hiện như các biệt kích, nhưng thực tế họ không thực hiện nhiệm vụ này. Vào năm 1968, ít nhất là có 11 biệt kích "khẩn cấp" và 2 biệt kích giả ở vùng duyên hải của miền Trung Bắc Việt, nhưng hai biệt kích giả không bao giờ báo cáo sau khi trở lại địa bàn Vinh. Kế hoạch Oodles (vô vản) thậm chí còn nhiều tham vọng hơn. Đó là đội quân biệt kích ma, chỉ tồn tại trong phạm vi các buổi phát sóng trá hình để tạo nên ấn tượng về một lực lượng biệt kích lớn dọc theo biên giới phía tây của miền Bắc. Các đoạn tin đánh cho các toán biệt kích quốc gia này được chuyển qua các buổi phát thanh tuyên truyền của Liên minh "Gươm thiêng ái quốc" (SSPL), một lực lượng kháng chiến ma. Vào mùa hè năm 1967, các đoạn tin của MACSOG đánh cho các toán như HADLEY rồi phát đi từ Bắc Việt và người ta tin rằng nó đã bị đối phương khống chế được phối hợp chặt chẽ với các chương trình trá hình. Khi cuộc ném bom hạn chế chống lại miền Bắc xảy ra vào mùa xuân năm 1968, một nhóm sĩ quan đặc biệt của CIA và Bộ Quốc phòng đến Sài Gòn để tiến hành phân tích sự an toàn của từng toán một trong từng đợt phát sóng từ trong lòng của miền Bắc Việt Nam. Mùa hè đó, các sĩ quan này kết luận rằng tất cả các toán đã bị đối phương khống chế sau khi được đánh vào một thời gian ngắn.

Trong khi kiểm tra công tác an ninh, các chuyên gia tình báo này cũng cố gắng so sánh đặc điểm riêng của việc chuyển mã móc "đầu tiên" của các điện báo viên với tín hiệu móc phát đi Bắc Việt. Họ thấy rằng băng ghi âm của điện báo viên "trước đây" thực hiện một cách điều luyện trong các năm đầu, đã trở lên lộn xộn đến mức không còn phù hợp với các cuộn băng của từng điện báo viên.

Thậm chí sự kết luận của toán này về nguy cơ tên biệt kích chủ bài nổi tiếng là ARES đã phát huy tác dụng. Các sĩ quan MACSOG lấy làm tủi nhục với sự đánh giá này. Họ nhớ lại thời gian trong năm 1964, sau những đợt không kích đầu tiên của Mỹ trong ngày 5 tháng 8, khi ARES đã lớn tiếng ca ngợi không kích và yêu cầu oanh tạc nhiều hơn nữa để quét sạch các mục tiêu của quân thù ở Bắc Việt Nam.

Xét cho cùng, ARES rất có thể là gián điệp đôi mặc dù vào thời điểm đó người ta không biết

điều ấy, những lời anh ta kêu gọi tiếp tục các cuộc không kích của Mỹ nói nhiều về các nỗ lực của Bắc Việt để kích động hành động đó trong tình hình bấy giờ.

Vào tháng tư năm 1969, các điện báo viên được sử dụng vào các hoạt động nguy trang của miền Bắc được báo cáo là nằm trong khu biệt giam B trại giam Thanh Trì. Có một vài bằng chứng cho thấy Hà Nội đã thay thế các điện báo viên của chính họ, rõ ràng người ta biết không ai trong MACSOG hoặc STD có thể hiểu nổi sự thay thế đó. Một sự cả gan như vậy chỉ có thể được nỗ lực thực hiện khi Hà Nội biết rõ về cuốn băng lộn xộn đã trải qua công tác phân tích an ninh hỗn hợp năm 1968.

Các hoạt động đánh lạc hướng và STRATA vẫn còn kéo dài thêm nhiều tháng, khi HADLEY dần dần bị vắt hết mọi thông tin họ có. Nhiệm vụ đã hoàn thành, giờ là lúc các toán viên được đưa vào một nhà giam đặc biệt, mà người ta biết rõ đó là trại Thanh Trì.

-----o0o-----

(Hết mục 14)

15. CHUỘT VÀ NGƯỜI (*)

Vào cuối mùa hè năm 1967, thành viên của toán HADLEY bị đẩy lên xe tải quân sự và bị xích tay vào với nhau. Những người áp giải họ, thành viên của lực lượng Công an Nhân dân vũ trang ra lệnh cho họ nhìn xuống sàn, cúi gầm mặt xuống tránh để dân làng trông thấy, vì nếu thấy, dân làng có thể giết họ. Những biệt kích này nửa tin nửa ngờ vào lời những người dẫn giải, nhưng dù sao họ vẫn cúi đầu xuống thực hiện đúng lời dặn.

Rời khỏi vùng duyên hải Hà Tĩnh và đi ra phía Bắc, họ chỉ đi vào ban đêm và dừng lại tại các địa điểm đã chọn trước để nghỉ ngơi vào ban ngày. Chuyển đi thật yên ổn trừ khi họ nghe thấy tiếng máy bay phản lực ở đâu đó trên đầu và sau đó dội bom ở phía xa. Những tù nhân này mỉm cười, còn những vệ binh thì sốt ruột.

Sau vài ngày rong ruổi trên đường, đoàn dẫn giải nhỏ này được đưa vào một hợp tác xã ở vùng quê, và các tù binh được chia làm 4, có người bảo vệ trong một ngôi nhà khó nhận biết ở địa phương. Ngay sau lúc rạng đông, họ bị đánh thức dậy và đưa tất cả ra khỏi ngôi nhà đó. Đi ra sân, họ lại bị khoá tay bằng xích và đưa mọi người vào ẩn dưới bóng cây. Lại bắt đầu một ngày nóng gắt. Những người bảo vệ biết rằng các tù binh không thể chạy trốn, nên đã để họ đấy, không có người gác.

Bỗng nhiên xuất hiện một bà già, có lẽ là người ở trong ngôi nhà mà họ vừa ngủ đêm qua. Bà lại gần và nhìn họ chằm chằm: "Vì sao tất cả chúng mày lại còm nhom thế? Bị bắt lâu chưa?".

Những câu hỏi của bà rất thân mật, hơi tò mò và giống như một bà cô hỏi các cháu mà lâu ngày bà chưa gặp. Những người lính biệt kích này cũng trả lời các câu hỏi của bà một cách thân mật. Câu chuyện phiếm của họ tiếp tục trong gần ba phút, cho đến khi người bảo vệ trở lại. Thấy người bảo vệ này, bà già vội lảng đi, thái độ của bà đã thay đổi. "Bọn tay sai của đế quốc Mỹ? Cứ nhằm vào chúng ta, giết hại nhân dân...". Bà tiếp tục nói huyền thuyên. Các

tù binh ngồi đó và mỉm cười nhìn xuống đất. Họ biết rằng cơn tức giận của bà chỉ là trò chơi chữ.

Trong vài phút nữa họ lên đường. Tay bị khoá giật cánh khuỷu, nhìn chăm chăm xuống sàn xe, họ chỉ cảm nhận được các cú xóc liên hồi. Họ liếc nhìn những xe tải chở đầy hàng chạy xuôi về phía nam, phá vỡ sự đơn điệu của chuyến đi. Họ đến Hà Nội vào cuối buổi chiều, và cuối cùng chiếc xe tải dừng lại một cách thận trọng ở cửa nhà giam Hoả Lò. Ngày 18/8/1967, toán HADLEY chính thức được đưa vào hệ thống nhà giam Trung ương của Bộ Công an Bắc Việt.

Lời nói lảm nhảm của một tù nhân trong đêm đầu tiên ở Hỏa Lò nghe như một vở Kịch độc thoại kỳ dị.

Một tù nhân bị cùm ở phòng bên thốt ra một lời than vãn rầu rĩ: "Ôi, cán bộ! Tôi đã ở trong nhà tù 8 năm rồi và tôi vẫn chưa được phép viết thư về nhà cho gia đình". Những lời than vãn của anh ta còn nhắc đi nhắc lại.

Một cán bộ đến yêu cầu tù nhân đó im lặng, giọng anh ta hạ thấp: "Tôi đã chuẩn bị đủ giấy và bút chì cho anh, anh đã nhận được đầy đủ chưa? Anh muốn nói với tôi rằng anh chưa nhận được những thứ đó phải không?"

Người tù trả lời: "Chưa! Tôi chưa nhận được gì cả. Vì sao anh không cho phép tôi viết thư về nhà?".

Vị cán bộ này cười khẩy:

"Hãy quên vợ anh ở nhà đi! Và nên để cô ấy lấy một người khác. Anh thật sự phải cố gắng cải tạo nhiều. Rồi anh có thể được tha và cưới một người đàn bà khác".

Trong buổi tối ngày hôm sau các tù binh của toán HADLEY bị khoá tay đưa ra khỏi nhà giam Hoả Lò và đưa lên một xe tải nhỏ có mui kín. Chỉ có ánh sáng lọt vào qua một số dải

nhựa trong tấm vải bạt bên cạnh. Sau một chuyến đi tương đối ngắn, vùng ngoại ô của Hà Nội, những người bảo vệ đồn tù binh ra khỏi xe và dẫn họ đến một ngôi chùa có cổng vòm xây bằng gạch. Những chữ đã mòn, hầu như bị bụi thời gian che phủ chỉ ra rằng đó là chùa Tân Lập, nhưng người ta thường quen gọi là chùa Thanh Trì, (tên của huyện ngoại thành). Một số người gọi Thanh Liệt là tên làng đặt trại giam, cách Hà Nội 7 km về phía nam. Đó là một nhà giam đặc biệt, nhà giam phụ của Hoả Lò, giam các tù nhân được Bộ Công an quan tâm đặc biệt.

Những người mới đến được giam trong các phòng giam riêng biệt ở khu vực phía trong phạm vi khu vực A, một dãy nhà dài nhìn ra giữa sân. Họ được lệnh phải giữ im lặng, nhưng điều đó chỉ làm tăng thêm tò mò. Họ càng muốn được tiếp xúc với nhau để biết những phạm nhân có ở trong trại giam này. Họ sớm suy ra rằng nhà giam này có 18 phòng giam ở phía trước và 18 phòng giam ở phía sau. Các tên viết trên tường phòng giam cho thấy rõ các biệt kích khác đã được giam ở Thanh Trì. Trong phòng giam 11 ở phía trước khu vực A, ở phía cao trên tường có tên Đàm Văn Phình: phía dưới tên của anh ta, những chữ quốc ngữ cho biết quá trình Phình đã bị giam đầu tiên ở các phòng giam phía trước, sau đó được chuyển về các phòng giam phía sau và rồi lại chuyển đến các phòng giam phía trước. Phình đã là thành viên của toán EAGLE. Tất cả điều đó chỉ còn lại cái tên của anh ta được vạch vào bức tường đầy bụi. Sau những ngày im lặng cô đơn là những đêm của tử thần. Tử thần đã báo hiệu trong những lần giám sát phòng giam theo định kỳ bằng những âm thanh nhất định. Mỗi cửa phòng giam có một tấm tôn nhỏ để che kín khe hở. Người bảo vệ sẽ mở tấm tôn để xác định các tù nhân trong phòng giam của mình có còn không.

Với người sống sau tấm tôn nhỏ này khi đóng là phát lên tiếng kêu "tách" thật nhanh, gọn, sau đó lại yên lặng. Khi người bảo vệ phát hiện một xác chết, những người lao công đến ngay tiếp theo những tiếng động của cửa phòng giam mở ra, rồi kéo xác chết đưa ra khỏi phòng giam. Việc chuyển xác chết thường làm vào ban đêm để tránh các con mắt tò mò, như trường hợp của tù nhân ở phía sau khu vực A đã xé áo sơ mi của mình và tự treo cổ trong tháng 2 năm 1968. Những tù nhân khác nghe thấy và đã gọi anh ta, nhưng anh ta không bao giờ trả lời nữa. Một số người nói rằng anh ta đã không hiểu được họ, vì anh ta là người Lào, một người dân tộc H'mông của tướng Vàng Pao đã bị bắt ở biên giới phía Bắc.

Nhiều ngày gộp lại thành các tuần, rồi thành các tháng. Trong tháng 3 năm 1968, một người mới đến đi qua trước khu vực A. Anh ta mặc bộ pijama sọc đỏ, đầu cạo trọc hoàn toàn. Trông anh ta giống như Bạch Mươi, một thành viên của toán T2, người được giữ lại ở Long Thành trong tháng giêng năm 1967. Vài lần anh ta đi ngang qua sân có người bảo vệ. Mỗi lần anh ta xuất hiện rất nhanh và sau đó, người ta không thấy anh nữa. Các tù nhân chỉ biết được thời gian qua những lần người chỉ huy tù đọc báo thường là hai hoặc ba lần trong mỗi tuần. Những lần đọc báo này nhằm làm cho họ lạc hướng trong việc háo hức mò tìm trong một thế giới đen tối nơi chỉ có một chút ánh sáng nhỏ nhoi lọt qua khe sắt dưới cửa phòng giam. Trong những dịp này, đại úy Lộc, người chỉ huy trại vác người thấp, trạc tuổi 50, kéo chiếc ghế của mình ra sân ở trước khu vực A, và đọc to các mục đã lựa chọn trên tờ báo Nhân dân hoặc tờ Quân đội nhân dân, trong khoảng 1 giờ. Nghe giọng của ông ta các tù nhân có thể biết ông ta là người Miền Nam, một cán bộ Việt Minh, thuộc "người tập kết" ra Bắc năm 1954.

Mặc dù các bài báo đều có tính chất chính trị, nhưng luôn luôn có điều gì đó, ở đôi chỗ, hướng những tù nhân biết về ngày trong tuần, hoặc ngày đó hay ít nhất là tháng đó. đôi khi ông Lộc giao công việc vặt này cho trung úy Hoan, trưởng Ban quản giáo của nhà tù, hoặc tiểu đội trưởng Vương, người phụ trách nhà ăn. Thậm chí đôi khi giao cho cả trung sỹ Sử, y tá của Trại giam đọc khi các sĩ quan mắc bận.

Ông Lộc thường mặc quần áo thường phục, các sỹ quan công an khác đôi khi xuất hiện cũng ăn mặc như vậy; nhưng khi ông ta mặc bộ đồng phục màu rêu thẫm, áo khoác có các túi to và cổ có gắn quân hiệu đỏ thì ông ta đi lại khệnh khạng như một con công. Các tù nhân Mỹ đến vào cuối năm 1968, dường như họ mến trung úy Hoan hơn các sỹ quan khác. Luôn luôn vui vẻ với nụ cười, người trung úy 40 tuổi này thỉnh thoảng lại cho thuốc lá. Anh ta chỉ cao hơn 1,5 mét vì vậy người ta đặt tên kèm cho anh là "ông bé" hoặc "ông lùn".

Các tù binh người Việt lấy làm ngạc nhiên khi thấy những người Mỹ đến. Câu chuyện về các tù binh Mỹ dần dần lọt ra ngoài. Sau này khi họ thuật lại những người lính biệt kích qua mã móc, những người Mỹ này đã bị bắt ở thành phố Huế trong cuộc tổng tấn công tháng 2

năm 1968. Họ có 13 người, tất cả cùng một nhóm trong đó có người Philipin. Những người Mỹ này ít khi cho biết tên của họ. Những người mới đến phân ra bốn khu vực chính của trại giam, một số ở chung trong một phòng rộng (tám người) ở khu C, còn sáu người kia thì hai người một phòng ở khu B: các phòng 1,2 và 8. Trại giam cũng còn một khu D, nhưng những người tù ở đây luôn luôn giữ bí mật.

(*) Trong những chương này người viết tỏ ra thiếu khách quan, có chỗ xuyên tạc chế độ giam giữ của chúng ta đối với những tên biệt kích bị bắt. (Chú thích của người dịch).

Rõ ràng là ngay từ đầu không có người Mỹ nào nói chuyện với bất kỳ người Việt Nam nào. Có lẽ cán bộ phụ trách trại giam hy vọng rằng việc này sẽ ngăn chặn được sự giao tiếp, tuy nhiên họ đã không thấy được một điều: nhiều lính biệt kích biết tiếng Anh. Vào tháng 9 năm 1968, các tù nhân người Mỹ và người Việt Nam ở khu B đã tổ chức một cuộc đàm thoại ngắn. Việc này chính là do hai tù nhân Mỹ ở đó, Bob Olsen và Larry Stark.

Olsen và một tù binh Mỹ khác là những người đầu tiên đến phòng 2, khu B. Những lính biệt kích Việt Nam đã gõ tín hiệu móc lên các bức tường để liên lạc với họ, và biết rằng ông ta là nhân viên dân sự của tổ chức các kiến trúc sư và kỹ sư Thái Bình Dương. Một người Mỹ khác, trạc độ năm mươi, chỉ ở đó một thời gian ngắn trước khi được chuyển đến phòng biệt giam ở khu A.

Khi có người tù tiếp sau ở cùng buồng của Olsen đến, anh ta la hét và nói lảm nhảm suốt. Khó mà hiểu được anh ta nói gì, nhưng rõ ràng là anh ta đang gọi tên vợ mình, lặp đi lặp lại

và luôn luôn la hét. Những người bảo vệ Việt Nam trị tội la hét rất nghiêm và khi thấy tiếng la hét họ thường chạy đến. Khu B yên lặng hẳn khi người cùng phòng với Olsen bị đánh ngất xỉu. Qua hai ngày sau, anh ta lại tiếp tục rên rỉ và la hét, và sau mỗi lần bị những người bảo vệ đánh thì anh ta mới chịu yên lặng. Anh ta bị đưa trở lại khu A lớn. Olsen trả lời rằng người cùng phòng trước của anh ta thật là "điên khùng". Phải đến những năm sau này các biệt kích Việt Nam mới biết rằng anh ta đang mô tả tình hình của một người mà không cho biết tên.

Người cùng phòng tiếp theo của Olsen và Larry Stark, anh ta không biết tên hiệu móc. Olsen kiên trì dạy anh ta mã móc trong một tháng để anh ta có thể giao tiếp với các biệt kích Việt Nam trong khu trại giam. Stark nói rằng anh ta là đại uý hải quân, trước đây đóng ở Đức, và đã ở thành phố Huế 6 tháng trước khi bị bắt.

Những người tù trong khu A đã có thể nói thầm qua cửa với những người ở phòng bên và biết được tung tích của họ. Những người ở khu B không có lợi thế đó, trừ số ít người may mắn đã xoáy được một đinh để đục các lỗ nhỏ ở cánh cửa. Các lỗ này đủ để nhìn thấy thế giới bên ngoài, thậm chí họ chỉ thấy những người tù khác và cán bộ đi lại. Một chiếc nút bằng vải nhỏ bịt các lỗ này cũng đủ làm cho những người bảo vệ không phát hiện được sự nguy trang đó. Trong 8 tháng sau nhiều tù nhân đã nhìn thế giới bên ngoài qua các lỗ nhỏ đó.

Vì sự bố trí của các phòng giam, lỗ đinh này cho phép một người tù có thể thấy tất cả mọi người vào lúc ăn cơm. Những người bảo vệ khi đến một phòng mở khoá cửa và cho phép tù nhân đó bước ra ngoài để lấy bát thức ăn rồi sau đó khoá cửa trước khi đi sang phòng bên.

Những người biệt kích không bao giờ biết được tung tích một số người trong khu B, kể cả những người ở phòng 1 và 8. Những người tù ở phòng 8 mặc đồng phục màu xanh có sọc trắng. Một người trong số họ trạc 50 tuổi và thấp so với một người Mỹ. Người cùng phòng với anh ta thì rất mảnh mai, cao và trẻ hơn. Sáu người Mỹ này được chuyển đến khu C trong tháng 3 năm 1969, và những người biệt kích Việt Nam không còn giao tiếp với họ nữa. Những chuyến bay định kỳ của máy bay Mỹ luôn luôn động viên tinh thần của các tù nhân

Mỹ ở Thanh Trì. Tiếng máy bay phản lực bay nhanh và thấp làm cho họ rất mừng, liền sau đó những người bảo vệ chạy tới và quát họ phải im lặng. Máy bay thường bay đến bất ngờ. Hầu như vào lúc tiếng còi báo động vang lên, đều đều và kéo dài trong khoảng 2 phút, kèm theo lời thông báo qua hệ thống truyền thanh mà tất cả những người tù có thể nghe được "Đồng bào chú ý! Đồng bào chú ý! Máy bay địch cách Hà Nội 80 km đang bay về phía Thủ đô từ hướng Đông Nam". Lời loan báo máy bay Mỹ luôn luôn bắt đầu như vậy khi còn cách xa 80 km. Trong vòng không hơn một phút, lời loan báo sau là: "Máy bay địch cách 30 km, yêu cầu toàn thể đồng bào xuống các hầm trú ẩn". Đại úy Lộc đi quanh trại giam và bảo mọi người đừng sợ. Họ chỉ cần chui xuống gầm giường khi máy bay đến. Ông ta luôn nhấn mạnh: "Không có gì phải lo lắng, không có gì phải lo lắng".

Những chuyến bay ban đêm thì luôn luôn ngoạn mục. Máy bay đến ở tầm thấp, hình như cánh của chúng chĩa ra phía sau, bay qua trại giam trước khi mọi người nhận ra chúng. Lực lượng an ninh của trại giam và dân quân địa phương triển khai với đủ loại vũ khí sẵn có. Pháo sáng cháy rực bầu trời. Qua các ô thoáng nhỏ trên các bức tường, các tù nhân có thể nhìn thấy pháo sáng khi chúng được bắn lên từng đợt. Người Bắc Việt Nam không bao giờ lãng phí, chờ cho máy bay sa xuống thấp và ngay thời điểm đó họ bắn các loạt đạn đầu, các máy bay phản lực vội bay đi.

Một tù nhân người Việt đến buồng 6 trong khu B. Anh ta ngồi trong phòng giam 3 ngày, những người bảo vệ chuyển thức ăn cho những tù nhân khác nhưng không chuyển cho anh ta. Cuối cùng anh ta cảm thấy đói thực sự. Anh ta than vãn: "Cán bộ ơi, tôi đói lắm, tôi đói thật. Sao các ông không cho tôi ăn?". Anh ta than vãn liên tiếp trong 3 ngày, nhưng những người bảo vệ vẫn phớt lờ.

Sau đó Lê Văn Nhung ở phòng 3 bắt đầu ngân nga hát. Tiếng hát của anh ta vọng đến tai những người bảo vệ.

Những lời kêu rên vì đói đã không làm ai sốt ruột. Bị đói không trái với luật lệ về qui định của nhà tù, thậm chí được phép phàn nàn về cái đói và được tự chết vì đói. Còn các cán bộ nhà tù lập luận rằng đói là chuyện thường tình xảy ra trong nhà tù. Vì sao phải sốt ruột chỉ

vì một vài biệt kích đói?

Nhưng hát thì dứt khoát không được phép. Người bảo vệ chạy đến phòng của Ngung và nút chiếc nắp đậy khe hở ở cánh cửa: "Ai cho phép anh hát?", người bảo vệ la lớn qua chiếc cửa sắt.

"Vì tôi buồn", Ngung ghen ngào trả lời.

"Vì sao anh buồn?", người bảo vệ hỏi tỏ vẻ lúng túng.

"Vâng, tôi buồn vì sợ rằng ngày mai tôi sẽ không được ăn."

"Vì sao anh nói vậy?", người bảo vệ hỏi với giọng nghiêm khắc nhưng có phần tò mò.

"Thật đấy, người tù này đã bị lơ độ đường, dù hẳn là ai đi nữa, trong những ngày qua đã không có chút thức ăn nào. Anh ta nằm đó rên rỉ và than vãn. Chính vì vậy mà tôi buồn. Nếu người tù đó đã không có chút thức ăn nào trong nhiều ngày thì tôi sợ rằng có thể ngày mai sẽ đến lượt tôi, sẽ không được chút thức ăn nào". Tiếng nói của Ngung tan biến trong im lặng. Người bảo vệ này đi gọi trung sỹ Du, người phụ trách nấu bếp, trung sỹ Du đến với vẻ bức tức và đứng ở đấy khi cánh cửa phòng giam mở ra: "Anh là đồ nói dối", Du nói to với người tù ở phòng số 6. "Vì sao anh nói rằng anh đã không ăn gì? Anh đã được cấp thức ăn cơ mà?". Qua giọng nói của anh ta người ta có thể thấy rằng anh ta đang cố lấp liếm một sự thật là anh ta chưa cho người tù này một thứ gì.

"Không thừa cán bộ", tiếng trả lời nhỏ nhẹ, "tôi chưa nhận được một thứ gì từ khi tôi đến. Tôi rất đói và quá đói đã mấy ngày nay".

Sau khi trung sỹ Du rời đi, người bảo vệ lên vào phòng giam, anh ta hỏi: "Anh bị bắt ở đâu?". "Ở biên giới", câu trả lời bằng tiếng miền Bắc nhưng với giọng nặng và lạ.

Ngung có thể thấy người tù này có nước da sáng, rõ ràng là anh ta chưa ngồi tù lâu. Anh ta

là ai? Lào? Có phải là anh ta ở một toán quan sát đường? Tù nhân này được chuyển đến khu A trong vài ngày, và Ngung không bao giờ còn thấy anh ta nữa.

Trong khi trại giam Thanh Trì trở thành trại giam biệt kích đầu tiên trong hệ thống trại giam của Bắc Việt, hầu như cái nghề trưởng bộ phận nhà ăn ở trại giam của tiểu đội trưởng Lê Văn Vượng trong lực lượng an ninh đã kết thúc. Nhiều người miền Bắc rất sợ loại tai họa này khi họ phải khai bổ sung lý lịch cá nhân hàng năm và phải kê khai bất kỳ người bà con nào đã vào miền Nam năm 1954 trong thời gian chia cắt đất nước.

Năm 1968, trong khi kiểm tra thức ăn cấp cho những tù nhân mới được chuyển đến khu B, tiểu đội trưởng Vượng lần đầu tiên đã trực tiếp đối mặt với các tù nhân mới. Khi anh ta mở phòng 3, một lính biệt kích bước ra để nhận bát ăn thức ăn của mình rồi bước vào phòng giam, không nhìn người bảo vệ hoặc tiểu đội trưởng Vượng.

Không! Không thể như vậy được. Tiểu đội trưởng Vượng cảm thấy như bị sét đánh. Người tù đó chính là cháu anh ta, Lê Văn Ngung.

Không thể như thế được! Nó không thể ở đây. Ngung trạc khoảng 25 tuổi; Vượng đã không thấy hắn từ lâu trước năm 1954, khi gia đình Ngung chuyển từ Hà Đông ra Hà Nội.

Vượng bỗng thấy mình rơi vào hoàn cảnh trầm trọng. Anh ta luôn luôn biết rằng anh có một người anh cùng cha khác mẹ đã mất tích năm 1955. Anh không biết người đó còn sống hay đã chết. Vượng đã hết lòng phục vụ Cách mạng, và tương lai của anh đã được bảo đảm bởi sự phục vụ đó. Nhưng bây giờ tất cả đã trở nên nguy hiểm. Anh cố đứng thẳng để che giấu sự run sợ ở bên trong.

Ngung đã biết chắc về Vượng. Anh ta cũng đã ngỡ ngàng khi thấy Vượng lần đầu mấy tháng trước, khi anh đọc báo cho những người tù ở khu A nghe. Anh đã nắm chắc đó là ông chú của mình và muốn tránh Vượng bằng bất cứ giá nào. Trong đôi mắt của Ngung, do đã sống và làm việc với những người Cộng sản thì rõ ràng chú anh là một người phản động.

Ngung biết rằng mọi sự thừa nhận công khai về ông chú lúc này có thể gây nhiều vấn đề phức tạp, đặc biệt là với Ngung đã bị đối. Bây giờ phải yêu cầu ông chú cho ăn là hoàn toàn vô lý.

Tuần lễ sau đó, khi Ngung đi ra bể nước ở trước các phòng giam khu B để tắm, thì Vương đang đứng đó nói chuyện với một người bảo vệ. Anh ta nhìn người cháu và ra hiệu trong khi vẫn nói chuyện với người bảo vệ đó "Anh có thấy người kia không? Anh ta là người cùng làng với tôi". Ngung phớt lờ anh ta.

Một tuần lễ sau trung úy Hoan lệnh cho Ngung đến phòng quản giáo của trại giam. Hoan đang ngồi đó ở sau chiếc bàn và có chú của Ngung ngồi bên cạnh. Hoan ra hiệu cho Ngung ngồi xuống chiếc ghế đối diện với họ.

Hoan bắt đầu "Nào, hãy cho tôi biết anh đã học được gì về hệ thống của chúng tôi ở đây?" Ông ta muốn nói về hệ thống Cộng sản ở Bắc Việt.

Ngung trả lời thẳng thắn: "Tôi không hiểu gì về hệ thống ở đây. Làm sao mà tôi hiểu được? Cả ngày tôi chỉ ở một mình trong phòng giam đóng kín như bưng".

Hoan nhìn anh ta tò mò: "Anh muốn nói rằng anh không thấy tất cả mọi việc ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vĩ đại là tốt hơn phải không?"

Ngung trả lời "Không, tôi không thấy điều đó".

Trung úy Hoan ngồi đó im lặng, suy nghĩ và cân nhắc.

"Nếu chúng tôi cho phép anh trở về thăm làng của anh, liệu anh có thể nhớ được đường về làng đó không?".

Ngung biết con đường đó, nhưng vì đã lâu nên anh ta chỉ nhớ con đường đó một cách mơ hồ. Lúc đó anh mới 11 tuổi vào lúc kết thúc cuộc chiến tranh trước, nhưng anh ta không

muốn thú nhận rằng anh biết đường về nhà với một người như trung uý Hoan.

Ngung trả lời "Không, tôi không nhớ rõ những con đường đó. Từ khi tôi ở đó đến nay đã 20 năm. Đúng là tôi không còn nhớ gì về những con đường đó". Giọng nói của anh ta lịm đi tan biến.

Hoan tiếp tục nói: "Thôi được, vậy anh có thể nhớ một người bà con nào nếu anh gặp họ không? Anh có thể nhớ ra họ nếu anh gặp lại họ không?"

Câu hỏi này bỗng làm Ngung sững sờ. Điều gì phải đến đã đến. Điều đó có nghĩa là Vượng đã báo cáo việc nhận ra Lê Văn Ngung, người tù biệt kích này là cháu của anh ta. Điều quan trọng bây giờ là phải tránh mọi sự thừa nhận rằng anh ta đã nhận ra chú mình.

"Không, chẳng có cách nào để nhớ được, vì đã quá nhiều năm. Khi đó tôi còn quá trẻ".

Họ đột ngột ngừng hỏi Ngung và đưa trả về phòng giam.

Tiểu đội trưởng Vượng đã tự thừa nhận một thực tế là đứa con trai của anh mình là một tù nhân, nhưng không thể làm gì để giúp anh ta.

Anh phải nghĩ về cuộc sống của chính mình. Bởi vì một người cháu như vậy có thể làm thay đổi toàn bộ sự nghiệp của một người.

Để quên cái chết và nỗi thất vọng ở Thanh Trì thì có những lúc sự vui đùa là liều thuốc tốt nhất. Một trong những lần đó đến với Lê Văn Ngung là khi anh ta bắt được một chú chuột nhỏ đang chạy loanh quanh trong phòng giam của mình. Anh dùng một chiếc kim nhỏ và sợi chỉ để khâu qua các tai của nó. Trên một mảnh giấy chỉ bằng một chiếc tem thư, anh ta đã cẩn thận viết các chữ in bằng mực làm bằng gạch đã được nghiền thành bột. Sau đó anh ta cẩn thận khâu sợi chỉ qua một lỗ nhỏ ở mỗi góc trên của mảnh giấy và thắt chặt các đầu. Anh nhìn con chuột đang giữ chặt ở lưng bị buộc một mảnh giấy nhỏ ở dưới cổ giống như một chiếc vòng đeo cổ.

Ngung quỳ xuống bên cửa và từ từ đẩy con chuột ra ngoài một cách cẩn thận để khỏi làm rách mẩu giấy. Con chuột chạy như điên ra ngoài về bên phải tới phòng giam của Larry Stark. Sau vài phút yên lặng, Larry Stark gõ nhẹ qua bức tường "Con chuột này ở chỗ anh đến phải không?"

Ngung ngồi đó, trên mặt sàn, chân bắt chéo, đầu cúi xuống, cười khoái trá. Anh cầm chắc đinh gỏi trong tay để đánh tín hiệu trả lời: "Vâng!".

Ngung biết rằng Larry đang cười. Anh không thể nghe thấy, nhưng có thể cảm thấy phản ứng của anh ta. Ngung mỉm cười thoải mái, sau chuyển sang cười thành tiếng. Rồi bỗng cười phá lên. Anh cố phá tan im lặng để người bảo vệ nghe thấy cho đến khi rát cả họng. Anh biết Larry sẽ đánh giá cao tính hài hước và cách làm công việc này. Ngung hy vọng rằng Larry đã không chuyển con chuột đó đến một người nào khác. Bất cứ ai thấy chiếc biển con trên con chuột với các chữ "con cáo ranh mãnh" tự nhiên sẽ biết rằng chiếc biển đó do một người Việt Nam làm. Sau đó những người bảo vệ mù chữ tự cho là ai đó đã điều cợt và người đó sẽ sang địa ngục.

Cuối cùng thì các cuộc hành quân bán quân sự bí mật của Washington chống lại Bắc Việt Nam cũng đi đến kết thúc. Vào ngày 22 tháng Giêng, mười ngày trước cuộc tổng tấn công mùa xuân 1968. Bộ tư lệnh Thái Bình Dương sẽ quyết định không tăng cường toán RED DRAGON và ngày 5 tháng 3, huỷ bỏ các kế hoạch sử dụng toán AXE. Washington đã dự kiến giới hạn ném bom vào ngày 1 tháng 4, và thêm một bằng chứng nữa là giới hạn các phi vụ giữa vĩ tuyến 17 và 19 từ 13 tháng 3 và giới hạn các cuộc hành quân ra phía bắc vĩ tuyến 20 vào ngày 4 tháng 4. Các cuộc hành quân trinh sát của STRATA vào vùng cán xoong ở phía Bắc của Bắc Việt, dọc theo đường mòn Hồ Chí Minh tiếp tục phải được chuẩn y theo từng trường hợp một, khi các phi vụ tái cung cấp của RED DRAGON và REMUS đã được xếp vào ngăn kéo vào ngày 13 tháng 4. Các cuộc hành quân tâm lý chiến của REMUS đã bị huỷ vào ngày 15 tháng 5.

Ngày 21 tháng 5, Bộ tư lệnh Thái Bình Dương đã gửi đi nội dung của kế hoạch xem lại tất cả

các toán biệt kích tại chỗ và bắt phải giới hạn việc tái tiếp tế khẩn cấp vào ngày hôm sau. Theo lệnh ngày 3 tháng 7, các cuộc hành quân trên biển được phép tiếp tục đến vĩ tuyến 20. Ngày 27 tháng 7, mọi việc tái tiếp tế khẩn cấp cho các toán biệt kích hoạt động tại chỗ đã bị đình chỉ để chờ kết quả chính thức của việc phân tích tình trạng an toàn của các toán này. Một phi vụ máy bay lên thẳng để hỗ trợ toán HADLEY đã bị hủy bỏ ngày 18 tháng 8. Các cuộc hành quân của biệt kích chủ bài ở địa bàn thành phố Vinh đã bị đình lại ngày 8 tháng 9; việc tái tiếp tế cho toán TOURBILLON cuối cùng đã bị thương tổn vào ngày 30 tháng 9, các cuộc hành quân đường biển đã bị đình chỉ ngày 7 tháng 10, và cuối cùng, ngày 1 tháng 11, ngay trước cuộc tổng tuyển cử 1968 ở Mỹ, toàn bộ cuộc hành quân bán quân sự chống lại Bắc Việt Nam, được người ta biết theo tên mã là Footboy đã hoàn toàn kết thúc.

Trong năm 1964, kế hoạch 34A đã được miêu tả chân thực khi gửi đi một đoạn tin nói rằng những người nhận nó không định nghe. Các lực lượng Quân đội nhân dân ở miền Nam đã bị tiêu hao nhiều trong cuộc Tổng tấn công mùa xuân 1968, và hệ thống hậu cần của họ ở vùng cực nam buộc phải rút sang Campuchia, việc ngừng ném bom làm cho Hà Nội phải ân xá nhiều tù binh, khi Washington đang tìm các giải pháp trong các cuộc đàm phán mật ở Paris. Trong năm 1968, Hà Nội có các mục tiêu riêng của mình, chắc chắn trong tầm tay, thậm chí nếu các mục tiêu này còn xa đến 7 năm.

Quyết định mùa xuân 1968 của chính quyền Johnson về chương trình xuống thang là một thủ đoạn chính trị thô thiển nhằm thu thêm phiếu bầu cho những người Đảng Dân chủ trong cuộc tổng tuyển cử ngày 3 tháng 11. Trong thực tế khái niệm rút lui đã hình thành trong giai đoạn lập kế hoạch quân sự ở Sài Gòn, ít nhất là từ năm 1966.

Chiến tranh sẽ kết thúc. Với tất cả các sự việc này, yếu tố chủ yếu chỉ còn là thời gian. Những người lính biệt kích ở sâu trong các trại giam của Bắc Việt đã không biết đến những quyết định xuống thang này. Họ không nhận thức được về các hoạt động dẫn đến kết thúc việc trả lương cho họ, khi họ bị xoá tên trong các sổ sách quản lý của MACSOG, Liên đoàn quan sát thuộc Bộ Tư lệnh viện trợ quân sự Mỹ.

-----o0o-----
(Hết mục 15).

16. LÀM RÕ SỰ THẬT.

Mùa thu năm 1968, phòng 2 trong khu B nhận một người mới-Phạm Việt Phúc, một điệp báo viên của toán HADLEY! Trong suốt thời gian đó anh ta ở đâu và đang làm gì? Lê Văn Ngung thấy người bảo vệ mở cửa buồng 2 và Phúc bước ra để nhận một bát thức ăn khá lớn.

Một bát to! Và anh ta còn có cả thịt nữa chứ!

Ngung bắt đầu đánh moóc lên tường để gây sự chú ý của Phúc. Việc này đã có kết quả? Phúc trả lời, nhưng anh ta tránh trả lời bất kỳ câu hỏi trực tiếp nào về việc anh ta đã ở đâu, đã làm gì, và vì sao được xuất ăn nhiều hơn bình thường cùng với cả thịt. Anh ta có thuốc lá, thuốc đánh răng và cả dầu để thắp sáng nữa!

Những tù nhân khác của toán HADLEY không bao giờ có được những thứ như vậy. Ngung đánh moóc nhấn đi nhấn lại với Phúc: "Anh được nhiều thức ăn hơn tôi".

"Đâu có, chúng ta đều có được một thứ như nhau. Vậy anh bảo tôi có nhiều hơn là có hàm ý gì?"

Đó là điều mà Ngung hy vọng mở đầu câu chuyện, anh ta đánh moóc lại: "Được tôi sẽ xem ngày mai ăn gì và tôi sẽ nói cho anh rõ đó là cái gì".

Ngày hôm sau, Ngung dán mắt nhìn qua lỗ cửa khi Phúc bước ra ngoài phòng giam để lấy bữa ăn trưa. Anh ta chờ cho đến khi người bảo vệ đã rời đi.

Phúc đánh moóc trước "Nào hãy nói với tôi hôm nay tôi có gì để ăn?"

Ngung trả lời ngay "Anh có cơm và cải xoong".

Phúc hỏi "Tôi có cái gì khác nữa?"

Ngung trả lời rất thận trọng: "Hôm nay anh có thịt."

Phúc hoảng sợ, anh biết rằng chắc Ngung đã thấy thức ăn của mình và suy ra rằng anh ta đang được đối xử ưu tiên hơn. Ngung nói "Trông anh khá đấy, còn tôi thì còm nhom."

Phúc im lặng. Ngung biết rằng mình đã mở mả và anh ta tiến tới. Ngung hỏi: "Anh đã liên lạc với ban chỉ huy bao lâu rồi?". Phúc đáp: "Đâu có! Tôi chẳng liên lạc với ai".

"Tôi biết là anh có. Tôi biết điều này từ trước khi chúng ta còn ở Hà Tĩnh. Ngay sau khi chúng ta bị bắt, tôi biết ngay từ đó anh đã sử dụng điện đài". Đó là một thủ đoạn.

Cuối cùng Phúc đầu hàng. "Tôi đã liên lạc với Ban chỉ huy. Những người Cộng sản ép tôi phải sử dụng điện đài".

Ngung hỏi: "Có toán nào được phái ra tăng cường cho chúng ta hay không?"

Đầu tiên Phúc trả lời là không có những người thay thế. Ngung lại dọa Phúc: "Tôi biết là có. Một cán bộ đã bảo tôi như vậy. Họ bảo tôi rằng có một toán đã đến".

Cuối cùng Phúc diu giọng: "Tôi nghĩ là có một toán". Ngung nhấn mạnh "Có phải toán Trần Hiếu Hoa không?"

"Người ta... có một danh sách... các tên rất lạ."

"Có bao nhiêu người trong toán này?"

"Chắc phải có 6-7-8 người."

Ngung biết rằng Phúc đang lẩn tránh và nói dối về thành phần của toán. Khoảng 3 tháng sau, Nguyễn Thế Khoa, điện báo viên thứ 2 của toán đó cùng ở với Phúc trong phòng 3. Ngung hỏi Khoa về toán thay thế. Khoa trả lời đúng là có toán thay thế, nhưng máy bay trực thăng của họ đã bị pháo mặt đất bắn hạ. Đại úy Dung đã ở trên máy bay đó và bị bắt làm tù binh. Khoa cũng bảo Ngung rằng anh đã liên lạc bằng radio với một kỹ sư ở Bắc Việt tại Hà Tĩnh, anh ta hình như là một biệt kích hoạt động tại chỗ của Bộ chỉ huy. Người kỹ sư đó bố trí để gặp Khoa ở một địa điểm nào đó và nói anh ta sẽ giúp Khoa lọc ra, nhưng cuộc gặp đó không bao giờ xảy ra.

Ngung trả lời một cách bức tức rằng Khoa đã nói dối như đồ chó đẻ. Anh ta kết tội Khoa đã bịa ra câu chuyện về người kỹ sư đã nỗ lực để trở lại Nam Việt Nam. Sau khi chửi rửa, Ngung bảo Khoa rằng anh ta đã biết từ đầu rằng Khoa sợ chết vì cộng sản hơn anh ta. Khoa trả lời yếu ớt rằng nếu Ngung không tin anh ta thì anh ta không thể nói gì hơn.

Rõ ràng là Khoa không thích nói về công việc mình đã tiến hành trên điện đài. Đầu tiên anh ta cố giải thích điều đó ngay, nên nói rằng anh đã gặp hoàn cảnh khó khăn vì đã cố gắng để báo cho Bộ chỉ huy biết anh ta đang hoạt động dưới sự điều khiển của Bắc Việt. Khoa biết rằng người Mỹ đã lấy mẫu băng ghi âm mã moóc phát sóng của anh, khi thấy có những đặc tính đặc biệt mà người ta đã biết là "cách điều khiển" của anh. Khoa nói rằng trong lúc phát sóng cho Bắc Việt, anh đã thận trọng kéo dài một số đặc điểm để thay đổi cách đánh, hy vọng rằng Bộ chỉ huy có thể so sánh với băng ghi mẫu tại ở Long Thành có âm thanh của cách đánh qua không trung từ Hà Tĩnh và kết luận rằng có điều gì đó đã trục trặc. Rõ ràng là

điều đó đã không đem lại kết quả vì các buổi phát sóng từ trụ sở của toán đó vẫn tiếp tục.

Những điện báo viên được thu dụng khác sau đó khai rằng đại úy Dung đã chỉ thị cho họ hợp tác nếu họ bị bắt và làm bất cứ điều gì người ta yêu cầu họ làm để tự bảo vệ. Đại úy Dung không bao giờ nói như vậy trong lúc anh ta chỉ dẫn cho toán HADLEY. Và Ngung kết luận rằng những điện báo viên được thu dụng đã nói dối.

Khoa và Phúc đã sớm được chuyển đi nơi khác, và phòng của họ có một số người mới đến ở. Với chiếc giũa móng tay đã khá mòn. Ngung bắt đầu vạch các nét vạch dài, ngắn quen thuộc.

"Đa đít đít đít đa". Đó là mã móc của tín hiệu "BT". Đó là tín hiệu mã các điện báo viên phải đánh đi đầu tiên khi họ truyền tin qua không trung, điều đó có nghĩa là họ sẵn sàng bắt đầu phát sóng.

"Đa đít đa", người tù mới trả lời bằng mã móc cho "K", có nghĩa là người điện báo viên ở đầu kia đã sẵn sàng để truyền tin. Aaa! Một điện báo viên khác!

Những nét gạch hầu như không phát ra âm thanh được tiếp tục giữa các phòng.

"Anh là ai?"

"Trương Tuấn Hoàng"

"Anh là ai?", một mã gạch chuyển đến từ người tù không trông thấy ở phòng 3.

Ngung trả lời bằng bí danh "Lê Nhất".

Trương Tuấn Hoàng nhanh chóng trả lời: "Anh có phải là người chỉ huy của toán T không?"

"Đúng?"

Hoàng tiếp tục: "Không thể tin được! Người ta cho rằng anh đã chết! Đại úy Dung nói có tin là anh đã chết, anh đã bị rắn độc cắn chết. Anh không bao giờ tiếp tục đánh điện nữa vì anh đã chết."

Ngung choáng váng, không thể tin được rằng Bộ chỉ huy đã nhắc lại tin này, một sự vi phạm cơ bản của bất cứ thủ tục an toàn về vận hành nào, dù nó là hư hay thực. Điều đó không có ý nghĩa gì đối với Ngung.

"Anh nhảy xuống khi nào?"

"Vào ngày 18/8/1967 cùng với Đỗ Văn Tám. Anh đã biết Đỗ Văn Tám là người mà chúng ta gọi là Tám mọt. Chúng ta là nhóm tăng cường cuối cùng cho toán REMUS, Tám đang ở đâu đây."

"Vì sao anh bị bắt?"

Trương Tuấn Hoàng không trả lời. Sau một thời gian ngắn ở phòng 3, Hoàng đã được chuyển sang khu C.

Trong vòng vài ngày, Ngung nhận thấy có điều gì không ổn khi một cán bộ bỗng nhiên vào phòng giam của anh và kiểm tra phòng cẩn thận. Dường như cán bộ này đang tìm kiếm một vật gì đặc biệt. Bỗng nhiên người cán bộ đi về phía trước và chỉ vào một số dấu vạch trên bức tường. Mọi điện báo viên trong trại giam đều biết đó là gì, những dấu vạch nhẹ bằng đinh lên lớp vữa mềm khi người tù vạch các dấu gạch dài và ngắn tạo thành các vạch ngang và dấu chấm của mã mót-không cần bàn cãi gì nữa, đó là bằng chứng của việc liên lạc. Cán bộ này hỏi: "Cái gì đây?"

Ngung nói: "Tôi hoàn toàn không có ý đồ gì".

"Anh đừng giả vờ! Đi theo tôi!", Ngung được hộ tống đến trụ sở nhà giam ở phòng quản chế. Năm cán bộ đang ngồi đọc báo bên chiếc bàn. Người cán bộ, trạc 30 tuổi mặc quần áo

thường phục là người có giọng nói Hà Nội và nói tiếng Anh rất giỏi, làm phiên dịch cho tù binh Mỹ; trung úy Vượng, sỹ quan thường trực của trại giam; trung úy Hoan, trưởng ban quản giáo; đại úy Lộc, chỉ huy trại giam và một sỹ quan trẻ thực hiện các việc vặt cho Lộc. Ngung được chỉ ngồi vào chiếc ghế ở phía đối diện của bàn và 5 người. Họ nhìn anh ta trừng trừng.

Ngung kêu to "Thưa cán bộ!", đó là cách xưng hô của mọi tù nhân với cán bộ.

Hoan bắt đầu "Hôm nay anh có khoẻ không?", giọng anh ta thân mật và có vẻ quan tâm.

"Thưa cán bộ, hôm nay tôi không được khoẻ lắm", Ngung trả lời, giọng anh ta hạ thấp dường như anh bị ốm.

Hoan tiếp tục cách nói đùa thân mật: "Anh nghĩ thế nào về việc cải huấn từ lúc anh đến đây?"

"Thật tình tôi chưa nghĩ về điều này. Tôi không hiểu nó là gì?"

"Tức là anh thật sự cố ý không hiểu chế độ miền Bắc của chúng tôi phải không?"

"Thưa cán bộ, tôi không nhận thức được điều gì. Tôi không có cái gì để đọc. Tôi luôn luôn ở trong phòng giam. Ở đó chẳng có gì để nhận biết trong bóng tối. Chỉ có bốn bức tường của phòng giam. Mỗi ngày tôi được ăn 2 bữa. Đó là tất cả những điều mà tôi biết".

Hoan nói: "Vậy thì hãy cho chúng tôi biết anh ở Miền Nam lúc nào, anh học được bao lâu? Anh đã học đến cấp nào?"

"Thưa cán bộ, sức học của tôi chỉ ở mức trung bình".

"Còn tiếng Anh thì sao? Anh có biết tiếng Anh không?"

"Có ạ, tôi đã học một ít khi còn ở nhà trường. Nhưng như ông biết, đến nay đã quá lâu hầu như tôi đã quên hết. Vả lại tôi chỉ học trong vài năm, và sau đó mỗi tuần chỉ học một hai giờ". Giọng nói của Nhung yếu dần đi.

"Anh có biết về quốc tịch của những tù nhân ở phòng bên cạnh phòng anh không?"

"Tôi có thể nghe các âm thanh, tiếng nói của những người ở phòng giam bên cạnh, nhưng không rõ lắm. Tôi không biết họ là ai. Họ có thể là người Trung Quốc, Pháp hoặc gì đó. Tôi không biết, tuy vậy tôi chắc chắn họ là những người nước ngoài".

"Anh có biết rằng những người Mỹ đang ở trong phòng bên cạnh phòng anh không?"

"Không, tôi không biết. Tôi không biết họ là ai, chỉ biết rằng chắc chắn họ là người nước ngoài".

"Anh có nghĩ rằng anh có thể nói tiếng Anh với một người Mỹ?"

"Thưa cán bộ, khi còn đi học tôi đã học nói và viết tiếng Anh. Đã lâu rồi hầu như tôi quên hết".

"Nếu chúng tôi cho phép anh nói chuyện với một người Mỹ, anh có thể nói chuyện với người đó không?"

"Thưa cán bộ, tôi đã học thứ tiếng này lâu lắm rồi...". Giọng của Nhung chìm xuống.

"Anh đã giao tiếp với những người Mỹ! Anh đã nói chuyện với những người Mỹ!", giọng nói của ông ta thay đổi, nhấn đi nhấn lại với vẻ đe dọa.

"Tuyệt đối không? Tôi chưa giao tiếp với họ. Vả lại tôi không thể nói chuyện với họ. Làm sao tôi có thể nói? Người bảo vệ luôn đứng ngay phía ngoài các phòng giam. Những người

bảo vệ không cho phép nói gì".

"Vậy hãy cho chúng tôi biết một lần nữa. Có lúc nào anh đã giao tiếp với những người Mỹ chưa?"

"Không, không bao giờ".

"Hãy nói sự thật. Anh phải nói sự thật, nói tất cả mọi điều."

"Tôi đang nói sự thật với ông. Thậm chí tôi không biết đủ tiếng Anh để giao tiếp với bất kỳ người Mỹ nào".

Lúc này anh ta nói chậm lại, nhấn vào từng chữ: "Hãy nói với chúng tôi về sự thật".

"Tôi đang nói với ông về sự thật."

"Được rồi. Chúng tôi sẽ để anh quay về phòng giam. Chúng tôi muốn anh suy nghĩ qua bữa trưa rồi anh sẽ trở lại gặp chúng tôi chiều hôm nay, và chúng ta sẽ nói chuyện thêm về điều này".

Ngưng trở về phòng giam của mình. Anh chờ qua bữa trưa, cả buổi chiều và buổi tối, nhưng không có ai gọi lại anh.

Sáng hôm sau, người bảo vệ đến phòng giam của Ngưng và hộ tống anh về Ban quản giáo. Đang chờ anh có trung úy Vượng, trung úy Hoan và một phiên dịch tiếng Anh không quen biết.

"Bây giờ anh có muốn nói gì khi anh đã có thời gian để suy nghĩ lại?"

"Thưa cán bộ. Không có gì thay đổi."

"Anh thật là búong bỉnh! Hai người đã nhận dạng anh, anh là người nói dối!"

Hoan đưa tay xuống và kéo ngăn kéo ở chiếc bàn của anh. Anh lấy ra một túi tăm nhỏ bằng vải nylông. Ngung nhận ra nó ngay. Anh đã làm ra nó bằng tay trong phòng giam của mình và tặng cho Larry Stark và Bob Olsen.

"Anh có biết cái này không?"

Ngung ngồi đó không nói, mắt trừng trừng. Điều đó có nghĩa là người cán bộ này đã khám phá ra việc anh ta liên lạc với Stark và Olsen. Thật đáng ngạc nhiên, người trung uý này không đưa ra chiếc khăn tay mà Ngung đã làm bằng tay thêu dòng chữ "Tặng Bob và Larry nhân ngày lễ Giáng sinh" mà anh đã chuyển cho họ trong tháng 12/1968. Trung uý này ném chiếc túi nylông xuống bàn. Đôi mắt Ngung theo dõi động tác này. Chiếc túi rơi gần cặp tài liệu dày có tên của Bob Olsen và vợ anh ta, Carol, nổi bật trên lễ của một tờ giấy thò ra khỏi tập hồ sơ dày.

"Anh đã nói chuyện với những người Mỹ, chúng tôi biết hết mọi điều! Chúng tôi còn biết rõ những điều anh đã nói! Anh phải kể lại chính những điều anh đã nói với những người Mỹ. Anh phải nói với chúng tôi sự thật. Những người Mỹ này đã kể với chúng tôi mọi việc. Tôi ra lệnh cho anh phải nói sự thật."

Ngung đã không nói gì và được dẫn trở về phòng giam của mình. Ngung suy luận rằng một hoặc cả hai người Mỹ này đã nói ra. Trên đường quay trở về phòng giam của mình, anh ta cố nghĩ ra một kế hoạch hành động. Anh quyết định rằng hành động tốt nhất là thú nhận mình đã nói chuyện với những người Mỹ này. Anh sẽ tránh đưa ra các chi tiết và khai rằng họ chỉ nói chuyện về thời tiết và những điều trần tục khác mà những người tù luôn luôn nói tới.

Sau này người ta yêu cầu anh ta quay lại Ban quản giáo để viết một bản kiểm điểm nói chi tiết về các cuộc đàm thoại của anh với Stark và Olsen. Khi anh viết xong, người bảo vệ đưa bản kiểm điểm này cho trung uý Hoan. Ngày hôm sau Hoan ra lệnh gọi Ngung trở lại. "Thế

là đủ. Anh đã khai ra một ít", rồi Hoan nhắc lại những điều mà Ngung đã trao đổi với Bob Olsen, như hướng và khoảng cách đến sông Hồng và chi tiết về các nhà hàng ở thành phố Hà Nội. Sao họ biết được tất cả điều đó? Ngung nhìn người cán bộ. "Thưa cán bộ, tôi nghĩ rằng người Mỹ này chắc hẳn đã nhầm lẫn. Anh ta chắc đã nhầm tôi với một cuộc nói chuyện với người bảo vệ". Ngung trình bày có một lần khi một người bảo vệ nói chuyện với Olsen anh ta đã chỉ cho Olsen xem một tấm ảnh của vợ và các con anh, và nói với Olsen rằng anh ấy sống ở Hà Nội.

Người cán bộ này ngậy ra nhìn Ngung trừng trừng. Rồi anh ta đập bàn để làm Ngung chú ý vào thực trạng của vấn đề: "Đây là chiếc bút chì và vài tờ giấy. Tôi muốn anh ngồi đây và viết mọi điều mà anh đã giao tiếp với những người Mỹ này. Lần này chúng tôi muốn biết tất cả mọi điều. Ngung tỏ ra chấp hành theo lệnh, nhưng anh ta cẩn thận lọc bỏ đi hầu hết các cuộc nói chuyện dài của họ. Vài tuần sau thật là căng thẳng. Trương Tuấn Hoàng vừa trở lại khu B, cho biết một tin tức đáng quan tâm, ở trại giam hiện đang có những hoạt động điều tra. Người ta nói rằng họ tập trung vào sự tham ô và đánh cắp tiền chi cho khẩu phần thức ăn của tù nhân.

Đối với Ngung dường như điều đó đã được giải thích bằng cuộc viếng thăm đột xuất mới đây của một cán bộ cấp trên, mà theo lời của một cán bộ ở trại Thanh Trì là "một cán bộ rất có uy tín của Bộ Công an". Ông là một người có vóc to chắc nịch, trạc tuổi sáu mươi. Các nhân viên đi theo ông để mở từng cánh cửa và kiểm tra từng phòng giam. Người cán bộ này ngó vào, dường như việc này đang trông đợi vào ông, và dường như là ông không muốn làm điều đó. Chuyến viếng thăm này thật quá bất thường. Rõ ràng là có điều gì đó đang xảy ra.

Vài tuần lễ sau, một người bảo vệ đến phòng giam của Ngung và nghiêm khắc bảo Ngung đi theo anh ta. Anh ta dẫn Ngung ra sân ở phía trước khu A. Ngung hy vọng được chuyển lại một trong những phòng giam của khu A, anh bước qua ngưỡng cửa, nhưng người bảo vệ đẩy anh sang bên trái vào một trong 2 phòng giam kỷ luật. Ngung bước vào phòng 20 và cánh cửa đóng sập lại sau lưng anh. Trừ những lần đưa thức ăn vào, cánh cửa luôn bị khoá liền trong hai tháng.

Trong phòng 19 bên cạnh có 2 tù nhân rất kín đáo. Họ phá vỡ bầu không khí đơn điệu gần như hoàn toàn im lặng khi họ được cho ra ngoài để quét sân. Những người tù khác: những người Mỹ, cao và hốc hác, chân họ gầy như que củi; đi ra ngoài sân từ các phòng giam ở khu A để quét sân hoặc để tập thể dục.

Vào cuối tháng 10, Ngung được chuyển sang phòng 13 ở khu A. Cánh cửa phòng bên, phòng 14, được mở rồi đóng lại. Có người nào đó ở chung với anh ta trong phòng giam bên cạnh. Trong vài ngày anh đã liên lạc với người láng giềng ở phòng 14, nhưng không bao giờ có một câu trả lời. Anh rửa anh ta về sự im lặng và hỏi tại sao không thể trả lời. Một hôm anh nghe thấy người bảo vệ hỏi người tù này về tên, tuổi và quê quán ở đâu. Giọng nói của anh ta cho thấy rằng anh ta là Đại, Quận trưởng Quận Phú Bài ở Tỉnh Quảng Trị, miền Nam Việt Nam. Vài ngày sau, Đại được chuyển sang phòng 20 và Ngung không bao giờ còn gặp lại anh ta nữa.

Vào ngày 3 tháng 11 năm 1969, người bảo vệ thường trực đến vào lúc tảng sáng và mở cửa phòng giam của Ngung. "Thu dọn các đồ đạc của anh rồi đi với tôi", anh ta nói thế.

Ngung đi ra nhanh và thấy 3 thành viên của toán HADLEY đang đợi anh ta ở khu A. Để lại phía sau một người bạn thân nhất, Lương Trọng Thường, bị nhốt ở phòng 2 của khu B. Bị khoá tay và đẩy lên chiếc xe Jip đậu ở phía ngoài cổng trại giam Thanh Trì. Những người tù này nhanh chóng được chở dọc theo sông Hồng hướng về phía biên giới Trung Quốc.

-----oOo-----

(Hết mục 16).

17. NHỮNG KẺ PHẢN BỘI Ở PHONG QUANG.

Người giảng viên bước vào lớp học. Chắc chắn đó là một buổi chiều nữa trôi đi chậm chạp đối với các hạ sỹ quan-sinh viên của lớp học của trường C500 thuộc Bộ Công An. Lúc ấy là cuối tháng 4. Đêm trước trời rất lạnh. Trường này là điểm khởi đầu của các sỹ quan An ninh và tình báo trẻ chuyên nghiệp trong hệ thống An ninh Quốc gia của Bắc Việt. Chiều hôm đó hàng chục sinh viên được nghe chuyên đề nghiên cứu về xâm nhập và cách nhận ra chúng. Giảng viên nhìn vào các sinh viên trẻ ngồi trước mặt mình và bắt đầu một cách chậm rãi:

“Xâm nhập là một loại gián điệp mà các bạn sẽ phải đối phó”, ông mở đầu đồng dạng: “Tôi sẽ trình bày những điểm chính của cuộc điều tra liên quan đến một biệt kích đã bị bắt năm 1962 ở biên giới giáp Trung Quốc, đó là một vụ kinh điển vì nó làm nổi bật những sự việc điển hình về một điệp viên với những nét đặc trưng, các bạn cần phải nắm vững nếu các bạn muốn thực hiện tốt các nhiệm vụ của một cán bộ An ninh Quốc gia chuyên nghiệp”.

Lớp học im phăng phắc, mọi con mắt đều đổ dồn vào giảng viên khi anh ta trình bày về một điệp viên của miền Nam được đánh ra miền Bắc bằng thuyền như thế nào dưới sự chỉ đạo của cơ quan tình báo Mỹ và bộn tay sai bù nhìn của chúng. Điệp viên này tên là Hồng, đã đổ bộ an toàn và về nhà y ở thành phố cảng Hải Phòng trót lọt. Ở đó y liên lạc với người anh ruột là một trung úy của Bộ Công An. Là một cán bộ An ninh tốt, trung úy đã báo cáo với cấp trên về sự trở về của người em và thế là một kế hoạch được mở ra để bắt tên xâm nhập này.

Thầy giáo nói tiếp với giọng đều đều về các chi tiết của phương pháp được các chiến sỹ An ninh Quốc gia sử dụng để tiến hành công tác phản gián nhằm bắt và vô hiệu hoá một điệp viên thù địch cùng tất cả những người mà điệp viên này liên lạc.

Thầy giáo tóm tắt: “Vậy nên các bạn có thể thấy rằng điệp viên này đã bị thất bại vì y không

hiếu các tập quán của địa phương. Nếu y là một điệp viên từng trải, là sỹ quan theo như lời của hắn thì không đưa ra các loại câu hỏi ngờ nghệch như y đã đặt ra ở biên giới Trung Quốc. Đó là một vụ kinh điển, cho thấy rõ vì sao các bạn phải nhạy bén với các loại câu hỏi do người nào đó đặt ra. Các bạn phải nghe xem người ta đang nói gì, muốn biết gì.”

Trường C500, gần thị xã Hà Tây, ở phía Tây Hà Nội, ở rất xa huyện Phong Quang, tỉnh Lào Cai, phần cực Bắc của Việt Nam.

Mùa đông đó đã kéo dài trên biên giới Trung Quốc. Mùa xuân đến vẫn còn lạnh, đêm trước hầu như lạnh buốt và đường như mùa đông chưa muốn kết thúc. Trại giam Phong Quang cách thị xã Lào Cai 17km về phía Đông Nam theo đường chim bay, thấp và biệt lập cách xa mọi trận ném bom của Mỹ. Nó được phân biệt với các trại giam lao dịch cấp Trung ương khác. Biển hiệu treo trên lối vào khu A, trại chính kề bên trụ sở của nhà giam, chỉ ghi đơn giản "Trại Phong Quang". Một ít người đã được nghe về trại giam này vì nó nằm ở cuối con đường quanh co bụi bặm dài khoảng 10km.

Những bức tường chung quanh trại giam xây bằng đá và xi măng không thể tạo ra cảm giác ấm cúng-toàn một màu xám xịt và sự cách ly điển hình của thế giới trại giam. Một đặc điểm nổi bật của sự cách ly này là một khu vực có xây tường đặc biệt bao quanh 2 nhà giam không có tên, nằm khuất ở một góc xa của trại giam. Bất cứ ai nhìn thấy cũng không có gì đáng chú ý, đó chỉ là 2 nhà giam làm bằng gỗ lợp ngói, ở mỗi phía có 5, 6 cánh cửa chớp luôn khép kín. Nó là khu trại giam đặc biệt. Một người nấu ăn bắt đầu phao tin rằng có những người Mỹ đang ở đó, vì anh ta đã nghe các tù nhân nói rằng những người ở trong đó là các biệt kích Mỹ .

Khu vực giam đặc biệt này thỉnh thoảng đã giam các biệt kích, và những người mới đến trại Phong Quang nhanh chóng nắm được tôn ti trật tự ở đây. Lượng khẩu phần thức ăn được cấp hàng tháng phân biệt rõ người này với người kia. Những người ở trong phòng 1 được cấp các bát thức ăn nhiều hơn những người ở các phòng khác. Lời nói này do những người ở phòng 1 đưa ra. Họ được cấp với mức 18 đồng một tháng, không phải là 12 đồng như mọi người khác. Họ là những người đặc biệt, và họ được tin cẩn. Ngoài những khẩu phần ăn

thêm, họ còn được cấp các đồ vật khác. Mỗi người đều có chăn. Họ không phải ngủ với 2 bộ đồng phục nhà tù chỉ cốt giữ cho khỏi bị chết rét. Những biệt kích này vừa được chuyển từ trại giam Thanh Trì lên đã biết ngay trung sỹ Bội là người khoá cửa các nhà giam, để quản trị viên tên là Thụy có thể chuyển thức ăn cho những người tù ở phòng 2. Bội là một trung sỹ kỳ cựu hiểu được cách thực hiện các nhiệm vụ của mình. Sau hết anh được Công an tin cậy, đã thề bảo vệ Đảng và Nhà nước cũng rất cừ khôi trong việc thực hiện công việc của mình.

Trung sỹ Bội cũng như nhiều người Việt Nam không tham gia vào một âm mưu nào và anh thường nghĩ ra các biện pháp để chống lại việc gây bè phái chống lại nhau giữa các cá nhân và các nhóm. Những người tù tốt nhất cho mục đích này là những người tù hình sự. Họ sẽ làm mọi việc mà họ được chỉ bảo. Một phần công việc của anh ta là xác định những nỗi lo sợ lớn nhất của mỗi tù nhân. Họ sợ sệt là cán bộ sẽ khai thác điều gì đó. Mỗi người đều lo sợ hoặc cố giấu một điều gì đó. Một số tù nhân sợ ốm đau; những người khác lại sợ cái chết. Cả hai loại người này đều sẵn sàng chấp nhận quá trình cải huấn. Trung sỹ thực hiện đúng lịch hàng ngày. Anh ta không bao giờ thay đổi ngay cả vài phút khi anh ta đi qua dốc để chuyển thức ăn. Điều đó thể hiện một phần của sự thối nát, thể hiện trong công việc hàng ngày mà mọi người có thể làm theo để đảm bảo rằng những người tù này có phản ứng rất nhạy trước những sự việc đơn giản như tiếng động khi mở khoá. Việc này giống hệt như cách huấn luyện độ thính, nhạy cho một con chó.

Thụy thật có ích như một phương tiện để kiểm tra những người khác. Ở độ tuổi 29, và nguyên là hạ sỹ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, anh ta đã được chọn làm một quản trị viên sau án tù 3 năm vì tội móc túi. Thụy sẽ được thả ra trong vài năm nữa, nhưng anh thấy cần tỏ cho cán bộ biết rằng anh ta đang muốn góp phần của mình để phục vụ đất nước bằng việc giúp kiểm tra các biệt kích gián điệp Mỹ ở đây.

Thụy cẩn thận mở cửa, bước vào trong và đặt xuống một nồi cơm ngô còn nóng xuống ổ rơm có vài biệt kích đang nằm yên lặng. Người tù ở gần cửa nhất nhúc nhích và nhìn anh ta khi Thụy từ từ nhìn quanh căn phòng trước khi rời đi. Những người tù khác từ từ ngồi dậy, hy vọng nhận được bữa cơm khác có cơm ngô nguội, không có rau. Đến nay, điều này đã

tiếp tục xảy ra hơn một tuần. Một số người nói rằng người cán bộ nhà giam này đang thực hiện mục đích riêng của mình, họ đã thay đổi thức ăn để làm giảm sức khoẻ và tinh thần của các biệt kích. Một số người khác nói rằng những người bảo vệ đã phải giải quyết với các tội phạm nấu ăn; những người nấu ăn này có thể ăn mọi thứ họ muốn, chỉ cần họ cung cấp một phần lớn gạo của những tù nhân cho những người bảo vệ. Một tù nhân khác nói rằng những người bảo vệ chỉ cần ăn cấp gạo rồi bán đi một phần, phần còn lại họ mang về cho gia đình. Một người bảo vệ nghe thấy nói rằng những tù nhân này cảm thấy thoải mái khi họ có thể đứng ngoài cuộc chiến tranh Giải phóng trong một trại giam thật dễ chịu, không còn sợ bị giết nữa. Những người tù cho rằng họ cần nhiều thức ăn hơn là lượng thức ăn họ đang được cung cấp. Làm sao những người tù lại có thể sống và lao động cực nhọc khi chỉ được ăn có 3 lạng gạo một ngày.

Trung sỹ Bội tiến lại bên ngoài các nhà giam. Anh kéo chốt sắt gài cửa và khoá lại. Những người trong phòng 2 tiến dần đến chỗ ngồi và chờ đợi, họ chuyển nồi cơm và những chiếc bát từ người này đến người kia. Mỗi người múc một thìa cơm rồi chuyển cho người bên cạnh; những người ở tầng dưới chuyển tiếp chiếc nồi cho những người ở tầng trên cứ như vậy chiếc nồi đi quanh phòng cho đến lúc hết nhẵn, chỉ có một âm thanh duy nhất là tiếng nhai nhóp nhép, vì những người tù này cố thu nhận một lượng dinh dưỡng nhỏ được tiết ra từ bữa ăn.

Vào khoảng 11 giờ, Trung sỹ Thông và Thụy đi thu nồi và bát. Vài tù nhân gây náo động. Một người đứng dậy và đi đến chỗ đặt ống nứa dùng để đi đại. Mùi hôi thối của nước giải cũng không đến nỗi tồi như mùi của chiếc hộp gỗ nhỏ dùng để đi đại tiện. Mùi hôi thối này không còn là vấn đề nữa đó chỉ là một bộ phận khác của đời sống trong trại giam.

Cánh cửa mở ra. Một người mới đến, một tù nhân ở buồng 1 từ từ đi vào. Điều rõ ràng mà "tên con hoang" này muốn là dò la tin tức để làm vui lòng Bội. Bội chịu trách nhiệm về toàn bộ công việc lao động của tù nhân, và có người đồn rằng anh ta và Thông đã được lệnh của trung úy Trúc bắt các lính biệt kích phải làm việc nặng nhọc hơn.

Trúc là sỹ quan chịu trách nhiệm chỉ huy nhà giam biệt kích. Điều quan tâm chủ yếu của

anh là lập lý lịch cá nhân của mỗi tù nhân sau khi nhận được các báo cáo hàng ngày của 2 trung sỹ. Trúc quyết định ai sẽ được lọc ra để đối xử đặc biệt. Trúc cố tìm ra ai là người tiến bộ. Điều này phải cân nhắc kỹ lưỡng.

Có lời đồn rằng các tù nhân ở phòng 1 là những kẻ phản bội. Giả sử họ là những điệp báo viên của các nhóm đầu tiên đã đánh điện cho các lực lượng An ninh Cộng sản và chuyển cho chỉ huy biệt kích ở miền Nam rằng mọi điều đều tốt đẹp rằng toán của họ đã tuyển thêm nhân viên, đào tạo người mới... có điều gì đó rất lạ. Các toán này đã nói gì với Sài Gòn? Thật là khó mà tin được rằng một sự lừa bịp như thế lại có thể trót lọt trong nhiều năm như vậy. Lẽ ra phải đánh giá cẩn thận từng trường hợp ở Sài Gòn. Nhờ vào đâu mà Bắc Việt lại tiến hành công việc được lâu như vậy. Nếu người nào đó nghĩ về điều này quá lâu thì có thể làm cho người ta hoá điên lên được.

Dẫu sao những biệt kích này có thể suy ra là: Sài Gòn lẽ ra phải biết rằng tất cả bọn họ đã bị bắt. Sài Gòn sẽ không nên bỏ rơi họ. Nếu họ chết, có nghĩa là cộng sản đã thắng, và không một ai muốn nghĩ như vậy. Họ vẫn thường nghĩ rằng nếu họ thoát được và còn sống thì họ sẽ là những người chiến thắng thật sự, chứ không phải những người bắt họ.

Người tù ở phòng 1 tạm nghỉ, có lẽ để cảm nhận các ý nghĩ của họ, anh ta bước chậm đến giữa phòng cẩn thận nhặt mẫu giấy của ai đó. Anh ta ngồi xuống đầu thấp của tấm phản gỗ dài và nhìn chăm chăm ra cửa.

Người biệt kích cũ này dường như thích một người trong số họ.

Anh ta mặc bộ quần áo tù có sọc đã quá cũ, và cũng gầy nhom như họ. Anh ta cao khoảng 1m8. Có lẽ anh ta không đến nổi còm như vậy, mà do anh ta cao nên nhìn có vẻ thế. Một người dân tộc Thái Trắng ở Lai Châu, hơn người ở phòng 2 khoảng 10 tuổi. Có người nói rằng anh ta là điệp báo viên được hai năm đã làm việc ngay từ khi các toán đầu tiên được tung ra miền Bắc.

Anh ở đâu? Anh làm việc với toán nào? Anh đã ở đây bao lâu? các câu hỏi này được 5, 6 người bỏi nhanh, nhẹ nhàng trong lúc họ đang run sợ bởi trời nóng tới 40 độ C.

Một số đã nhận thức được mình là ai và đại diện cho cái gì. Tuy nhiên những người mới đến vẫn bị sưng sờ khi họ biết là đã có những kẻ phản bội ngay từ lần đầu tiên. Một số người không quan tâm gì. Có lẽ họ bị ép buộc phải dùng điện đài của mình. Hơn nữa ai biết được sự thật? Chỉ vì họ nhận được các khẩu phần ăn khá hơn, chỉ vì họ được chọn ra để đối xử đặc biệt, điều đó chẳng có ý nghĩa gì cả. Ôi phải chăng vì cuộc sống? Đó là điểm yếu làm cho Công an túm được gáy. Những tù nhân này tin tưởng rằng một ngày nào đó toàn bộ hệ thống Cộng sản sẽ sụp đổ và quân đội Cộng hoà Việt Nam sẽ đè bẹp những tên con hoang này. Cho đến lúc đó, sự sống sót có ý nghĩa làm cho cuộc sống dễ chịu và chung sống với nhau, đó là cách duy nhất để đối phó với "những kẻ mặc áo ka ki" (tiếng lóng chỉ những người công an). Có thể những tin đồn là thực, và chỉ vì những kẻ phản bội này mà nhiều biệt kích đã bị giết. Nếu những tin đồn đó là đúng thì sao họ lại làm thế?

Những suy nghĩ ấy cứ lặng lẽ xuất hiện trong mỗi người. Nếu nói công khai thì rất nguy hiểm vì không biết ai là người có thể tin tưởng được. Lúc ấy họ cứ để cho điệp báo viên phản bội nói. Đó là lúc cần lắng nghe xem liệu anh ta có còn chút sự thật nào trong những lời đồn đại về những người ở buồng giam số 1 không.

Người tù ở phòng 1 chỉ ngồi đó, nghe các câu hỏi, chú ý xem ai nói gì. Một người có thể trả lời rất nhiều cho một câu hỏi của người nào đó. Họ muốn bày tỏ những gì họ nghĩ, những gì họ quan tâm. Đó là điều trung sỹ Thông muốn biết xem những người tù biệt kích đang nghĩ gì. Từ đó Thông có thể điều chỉnh kế hoạch giảng dạy của mình. Anh và Bồi sẽ xáo trộn việc phân công lao động thay đổi một chút về mức độ quản lý tăng mức sợ hãi, và dần dần làm cho mọi người cộng tác với họ. Đó là điều Thông suy nghĩ khi anh nhấn mạnh phương pháp cơ bản là: "Tư tưởng sẽ dẫn đến hành động". Thông biết rằng bằng cách chuyển hoá tư tưởng những người này sẽ thực hiện bất cứ điều gì cần thiết cho Nhà nước một cách vô thức. Những đáp ứng trở nên tự giác. Nhưng trước tiên anh cần biết những tù nhân này đang nghĩ gì?

Người tù lắng nghe không cho Minh là người cung cấp tin tức bí mật, còn tù nhân khác mong được sống sót. Có hại gì đâu đối với một chút ít tin tức? Hơn nữa mọi người khác ở phòng 1 cũng đang làm điều ấy. Điều đó có hại cho ai? Khán giả của anh trả lời các câu hỏi chậm rãi, lặng lẽ với một vẻ thờ ơ.

Phải, anh ta ở ban chỉ huy kỹ thuật. Anh ta đã được đào tạo từ nhiều năm trước ở trung tâm đào tạo không lực miền Nam ở khu Hoàng Hoa Thám. Phải, anh ta đã nhảy dù xuống phía Tây của miền Bắc Việt Nam, vào khu vực gần Điện Biên Phủ.

Anh ta là điệp viên của toán. Anh này đã cùng đến trại giam Phong Quang cùng với các người khác cách đây không lâu. Họ đã bị giam ở đâu? Rất nhiều nơi. Thật khó mà nhớ được. Bây giờ anh ta được chuyển đến phòng 1. Có bao nhiêu nhân viên điện đài cùng bị giam với anh ta?

Khi những người khác chú ý lắng nghe họ thấy rằng anh ta chẳng nói gì cả. Họ nghe những gì anh ta nói, không bình luận, nhưng họ đếm trong đầu những người ở phòng 1, ở đó có nhiều người hơn là người tù đã chỉ ra. Thí dụ có một chỉ huy toán đã được thu dụng. Tên con hoang đó được coi là kẻ xấu nhất. Hắn ta chính là anh chàng đã khoe khoang rằng cán bộ cộng sản đã cởi mở đưa anh ta đến các nhà hàng và các tiệm cà phê trong thành phố Hà Nội và chỉ cho anh ta những điều tuyệt vời. Bao nhiêu người đã chết bởi hắn ta? Quân khốn kiếp, bây giờ thì không còn là vấn đề nữa. Tất cả bọn chúng bây giờ đều có chung một tình thế. Một người tù nói: "Anh biết đấy chúng tôi gửi về một đoạn tin nói rằng chúng tôi đã hợp thành một nhóm lớn và chúng tôi cần nhiều thiết bị hơn. Chúng tôi đã chuyển về nhiều bức điện báo cho Sài Gòn rằng chúng tôi đã lập một cơ sở đào tạo lớn ở trong rừng. Sau đó chúng tôi yêu cầu cung cấp quần áo đồng phục. Họ đã cấp quần áo đồng phục! Thật khó mà tin được". Anh ta dừng lại nhìn vào 6 người tù đang chăm chú nghe anh ta nói. Anh ta tiếp tục: "Thật là hảo huyền! Quần áo đồng phục! Các anh có thể tin điều đó không? Họ cần gì những quần áo đồng phục đó?".

"Anh bị bắt thế nào?", một giọng hỏi nhỏ từ phía góc xa của tấm phản thấp.

"Một số việc đúng như vậy", anh ta nói, "cuối cùng chúng tôi yêu cầu giúp đỡ để rút ra, và yêu cầu Sài Gòn cấp cho một máy bay để đưa chúng tôi ra ngoài. Sài Gòn đã đánh điện báo toạ độ mà chúng tôi phải chuyển đến một địa điểm an toàn và chờ máy bay lên thẳng sẽ được phái đến để chở chúng tôi đi. Chúng tôi đã chuyển đến địa điểm mới nhưng không có gì xảy ra, không có máy bay lên thẳng. Vì thế chúng tôi lại đánh một bức điện yêu cầu cho chỉ thị. Báo cho Sài Gòn biết chúng tôi đang ở địa điểm mà chúng tôi đã chuyển đến theo lệnh. Sài Gòn trả lời rằng địa điểm của chúng tôi không an toàn phải chuyển đến một địa điểm thứ ba. Vì thế chúng tôi lại phải chuyển đến địa điểm mới. Chưa ai từng biết đến. Sau đó chúng tôi đã mất liên lạc với Sài Gòn và bị bắt.

Lẽ dĩ nhiên không ai tin anh ta. Mấy người nằm im lặng lắng nghe anh ta nói thao thao. Bây giờ mọi người tự hỏi có điều gì khác lạ đã xảy ra. Thật khốn nạn? Mọi việc họ tiến hành trong nhiều năm đã thực sự do Cộng sản điều khiển.

Đó là hầu hết những điều tồi tệ mà đại úy Dung đã kể cho họ nghe trong việc cải huấn của họ. Nếu có ai hỏi họ đang làm gì, anh ta nói rằng họ phải trả lời: "Tôi đi tìm ông Hương". Cuối cùng họ được đưa về Phong Quang cùng với nhau, họ thấy rằng đại úy Dung đã nói với nhiều toán: ROMEO, HECTOR, HADIEY.; để nói lên cùng một điều. Tất cả bọn họ cùng được bảo điều này. Đại úy Dung đã nghĩ về điều gì? Vào lúc đó không ai trong số họ nghĩ được điều nào. Cuối cùng đại úy Dung là sỹ quan đào tạo và đã chiến của họ, người được coi là hiểu biết và lời nói, việc làm đều đúng. Thực vậy, anh ta đã từng phái hết toán này đến toán khác bằng cách đưa cho họ một khẩu lệnh giúp cho người Bắc Việt thường nhận dạng ra họ là các biệt kích ở Long Thành.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi những người hỏi cung đã cười phá lên khi các biệt kích này trả lời câu đó trong lần thẩm vấn đầu tiên. Câu hỏi tiếp sau luôn luôn là: "ông Hương ở cách đây bao xa?". Họ đều trả lời rằng ông ta chỉ cách đấy một hoặc hai kilomet. Và ông

Hương làm gì? Ông ta là một tiểu phu và ông ta sẽ nói cho họ biết những điều phải làm.

Ngủ xuân!

Người tù ở phòng một này thật không còn cách gì để biết những người biệt kích đang nghĩ gì nhưng anh ta tiếp tục nói chậm rãi, đôi mắt anh tình cờ nhìn vào từng người một cách thờ ơ. Không ai lắng nghe anh. Mọi người đã quay lưng lại phía anh. Anh ta tiếp tục nói không nhận thấy rằng họ đang phớt lờ anh. Anh ta nói "OK chào các anh". Anh ta đứng dậy và từ từ đi ra cửa để hít thở không khí ấm áp của mùa xuân. Bây giờ anh ta sẽ cho Thông biết tên những người đã nghe, những người đặt câu hỏi, những người dường như tỏ ra tức giận và những người đã không trách mắng anh, điều đó có hại gì? Anh ta chuyển lại cho trung sỹ Bội, đến lượt bảo mọi người đi ra ngoài doanh trại của họ để bắt đầu đan rổ. Cánh cửa của phòng 2 bỗng nhiên mở tung, và Bội bước nhanh vào trước sự im lặng đó. "Mọi việc đều ổn cả. Nhà nước đã đối xử tốt với các anh. Không ai trong các anh bị chết. Giờ là lúc đền đáp lòng tốt của Nhà nước. Hãy tiếp tục đi, các anh, tất cả những người biệt kích gián điệp bù nhìn lười biếng?".

Anh ta đi chậm dọc theo các doanh trại và đá vào các tấm phản gỗ có những con người đang run rẩy. Anh ta dừng lại ở cuối phòng và quay lại để nhìn các biệt kích tự xô đẩy nhau ra đầu các tấm phản và đuổi chân ra. Sau đó anh ta bước chậm về phía cửa và đứng đó với nụ cười trên môi. Người tù ở phòng 1 đã làm tốt công việc của mình. Thông đã nói đi nói lại về yêu cầu có thêm thông tin. Bội biết rằng anh ta làm việc này chỉ cốt làm vui lòng trung uý Trúc, còn trong lòng anh ta thì tức giận. Thông là trung sỹ phụ trách việc giáo dục, không phải là người phụ trách lao động. Việc gì anh ta phải chõ mũi vào lĩnh vực trách nhiệm của Bội? Hơn nữa, kế hoạch triển khai lao động đã được thực hiện đúng, và sản lượng đã tăng lên. Lao động được sử dụng làm phương tiện để gây sức ép với những tù nhân, một phương pháp làm cho họ bận rộn. Việc này sẽ làm giảm khả năng chạy trốn bằng cách làm cho họ bị hao mòn thể lực gần đến mức suy sụp. Người cán bộ này để ý rằng những người tù đang bắt đầu lao động tốt và đáp ứng yêu cầu cải tạo tư tưởng. Đó là một loại sách giáo khoa cổ điển về việc cải huấn được áp dụng vào môi trường đã được khống chế.

Để làm cho họ yếu đi hơn nữa, Trúc bảo những người nấu ăn giảm các khẩu phần của những người tù. Dùng những thứ khác thay thế cho gạo, giữ lại một ít thức ăn của mỗi tù nhân, giảm số lượng rau. Điều đó sẽ làm cho họ đói, giảm khả năng chạy trốn của mỗi người và làm cho các tù nhân dễ bảo hơn. Đó là tất cả những điều làm theo sách vở. Và không có tội. Ai cũng biết rằng các tù nhân đều gom tội để rải dọc theo đường chạy trốn, một cách đảm bảo để chó không đánh hơi được họ.

Một người khác đã làm cho Bội phải quan tâm, đó là một người chỉ huy toán bị bắt trong tháng 1 năm 1967. Theo hồ sơ của ban giáo dục trại giam, bản lý lịch của anh ta cho thấy rằng việc cải tạo của Ngung không được tiến hành một cách đơn giản. Mọi chỉ huy của toán đều là những trường hợp có khó khăn.

Những người ở đó có xu hướng theo gương họ và đến với họ để được khuyên giải. Một chỉ huy toán mạnh là người mà các tù nhân khác thường tập hợp quanh anh ta chẳng hạn như Nguyễn Hữu Duyên, người bị bắt năm 1966. Đó là lúc bắt đầu dùng nhiều cùm hơn, dùng kỷ luật khiến trách ít hơn, tách họ ra khỏi những người chỉ huy của họ và tăng sự nghi ngờ giữa họ với nhau.

-----o0o-----

(Hết mục 17).

18. CẢI HUẤN.

Sau vài ngày đến Phong Quang, những người lính biệt kích mới chuyển đến nhận được bộ quần áo đồng phục mới của nhà tù, màu xám, không có sọc. Nhiều tù nhân chính trị và

hình sự cũ cũng mặc đồng phục xám không có sọc thay cho quần áo tù có sọc đang được loại dần, kẻ màu đỏ và trắng cho tù chính trị và các gián điệp biệt kích, kẻ màu xanh và trắng cho các tù thường phạm.

Trung sỹ Bội đi vào các trại cùng với một người tù chính trị. Khi anh ta đọc lên các số chỉ định cho người tù nào, thì người tù khác đóng dấu số của tù nhân mới đến lên mỗi bộ đồng phục nhà tù. Chữ BP đứng đầu là ký hiệu trại Phong Quang, và ba chữ số là dãy số dựa theo thứ tự tổng giam của mỗi người. Con số cuối cùng sẽ là số lẻ cho tù chính trị và số chẵn cho các tù thường phạm.

Việc đóng dấu các con số trở thành một trò lố bịch vì sau vài lần giặt là chúng biến sạch. Tuy vậy cán bộ trại giam đã phê bình các tù nhân có số nhìn không rõ, nhưng không có cách gì để giải quyết vấn đề này.

Cán bộ trại giam chịu trách nhiệm đối với các kế hoạch phân công lao động hướng dẫn các tù nhân mới bắt đầu sản xuất các giỏ tre. Họ không có các chỉ tiêu sản xuất, thời gian làm việc của họ không được điều chỉnh. Cán bộ theo dõi sát mọi tù nhân và đánh giá phản ứng của họ với môi trường và các công việc của họ hàng ngày.

Các giờ học buổi chiều và truyền bá chính trị vào buổi tối thường kèm việc tự kiểm điểm hàng ngày và phê bình các bạn tù về ý thức chấp hành của họ. Trong giai đoạn đánh giá ban đầu người cán bộ đánh giá thái độ của từng tù nhân, điều kiện thể chất và sự tự nguyện làm theo hướng dẫn.

Sau đó giờ lao động ngày càng tăng, và chỉ tiêu sản xuất được nâng lên dần cho đến khi các tù nhân chỉ còn thời gian để làm việc, ngủ và học tập chính trị. Trong việc cải huấn cần tổ chức lao động sản xuất. Trước tiên, cán bộ chỉ định một tù nhân làm người lãnh đạo buồng giam. Nhiệm vụ của anh ta là đếm đầu người vào buổi sáng và buổi tối khi những người bảo vệ kiểm tra các tù nhân trong buồng. Sau đó, các tù nhân được tổ chức thành các nhóm lao động và người ta chỉ định người lãnh đạo nhóm.

Trại giam Phong Quang giới thiệu cho những người mới đến về hệ thống trợ cấp chăm sóc hàng tháng cho mỗi bệnh nhân trong trại giam trung ương và trại giam lao dịch do Bộ Công an quản lý. Mỗi tù nhân được cấp 15 đồng mỗi tháng để ăn uống và các sinh hoạt khác. Đó là sự thay đổi được hoan nghênh-từ phụ cấp 12 đồng ở trại Thanh Trì, trại giam cấp tỉnh được áp dụng mức thấp hơn mức ở các trại Trung ương.(**)

Gạo và các nhu yếu phẩm khác hoặc là do các tù nhân trồng hoặc được Chính phủ cung cấp theo giá của Nhà nước. Gạo mua ở các cửa hàng của Nhà nước với giá 30 xu (0,3 đồng) 1 kg, có nghĩa là Nhà nước chi 4,5 đồng về tiền gạo cho mỗi tù nhân trong 1 tháng. Số tiền 10,5 đồng còn lại trong mười lăm đồng tiền trợ cấp hàng tháng được dùng để mua các thực phẩm khác, như rau, thịt, cá, và các thứ vặt vặt bao gồm 2 bộ đồng phục của trại giam, dép, đĩa, bát, thuốc đánh răng, dầu để thả đèn và thuốc.

Không bao giờ tiền trợ cấp hàng tháng cho mỗi tù nhân vượt quá 15 đồng. Bộ ban hành các mức trợ cấp cho tù nhân và giao cho mỗi chỉ huy trại giam quản lý tiền. Mức phụ cấp cho mỗi tù nhân không bao giờ thay đổi dù rằng lao động của trại giam có sản xuất được một số sản phẩm chính hay không. Những tù nhân ở trại giam Phong Quang tin rằng cán bộ này tham ô tiền trợ cấp. Họ thường khiếu nại rằng trại giam đã mua một số thứ ở địa phương, trong khi những thứ đó vẫn được trại viên trồng, nhưng thực chất không được hưởng chút gì.

Việc phân phối thực phẩm là vũ khí đầu tiên được dùng để vận động tù nhân. Những ai chịu hợp tác và làm việc cần cù sẽ nhận được nhiều thực phẩm hơn, bình thường là một bát to hơn, tính tương đương với mức ăn hàng tháng vào khoảng 18 đồng. Làm việc cần cù có nghĩa là làm những công việc theo lệnh của cán bộ, bất kể các lệnh đó liên quan đến lao động sản xuất hoặc cung cấp tin tức. Để đảm bảo mức trung bình là 15 đồng cho mỗi tù nhân trong 1 tháng thì khẩu phần ăn của những người hợp tác kém sẽ bị giảm đi. Những tù nhân không tuân theo các mục tiêu cải huấn thường chỉ nhận được các suất ăn tương

đương với 12 đồng 1 tháng. Cơm bữa của họ thường được thay bằng khoai tây hoặc khoai lang.

Phong Quang cũng có nghĩa là tự cải huấn thông qua nỗi đau của cùm kẹp theo lệnh của đại úy Trình Văn Thích chỉ huy trại. Sự đổi xử này đã bắt đầu không kèn không trống từ đầu năm 1970 trong dịp Tết Nguyên đán, là thời gian mà Việt Nam tiễn năm cũ và chuẩn bị cho năm mới, là thời gian xoá bỏ mọi cái cũ và khởi đầu những cái mới. Tuy nhiên cán bộ của trại giam Phong Quang đã được người ta chứng minh rằng nỗi đau của cải huấn thì không như vậy, nó được mang từ năm này sang năm sau.

Người thư ký của Bộ trưởng Quốc phòng Mc Namara cẩn thận điều chỉnh micro. Phái đoàn báo chí biết rằng đã xảy ra điều gì đó liên quan đến Việt Nam. Bây giờ mọi người đã biết đến cái tên Sơn Tây. Viên thư ký này đã mô tả sự nỗ lực vào ngày 18 tháng 11 năm 1970 để cứu các tù binh Mỹ ở một trại giam nhỏ tại vùng quê phía tây Hà Nội. Đó là một nỗ lực đầy mạo hiểm, nhưng ở đó không có tù binh. Rõ ràng là họ đã chuyển đi trong tháng 6 vì lũ dâng lên đe dọa trại giam. Viên thư ký này lấy làm thỏa mãn rằng cuộc tập kích đường không bí mật đó được tướng Donald Blackburn hoạch định đã được giữ kín.

Việc di chuyển những tù nhân chỉ là sự trùng hợp.

Các biệt kích ở trại Phong Quang không bao giờ được nghe về cuộc tập kích Sơn Tây trong lúc họ ở đấy. Các buổi phát thanh buổi tối của Đài phát thanh Quân đội nhân dân qua loa phóng thanh đã được biên soạn cẩn thận để loại các báo cáo này ra ngoài. Những người biệt kích có thể có các cảm giác lơ mơ. Họ đã không bao giờ biết cho đến mãi sau này khi thấy rằng cuộc tập kích Sơn Tây là lý do của việc xây dựng vôi vàng ở bên ngoài khu A. Sợ rằng công trường có các cọc đặt rải rác trên các khu vực trồng trái của khu trại giam bị máy bay trực thăng tấn công. Các đầu cọc được làm nhọn và sơn đen, mỗi cọc có đường kính hơn 30cm và cao hơn 9m.

Vào khoảng thời gian Tết năm 1970, ba người tù thuộc dân tộc Hoa đến Phong Quang, cùng với toán bị bắt ở biên giới Lào năm 1967 và hai người Mỹ. Những tù nhân khác đã thấy

người Hoa này đến trại Thanh Trì năm 1968, nhưng không ai trong các tù nhân đã có thể nói chuyện với họ. Ở Phong Quang, câu chuyện lạ về sự tống giam của họ đã được sáng tỏ.

Người ta nhận ra họ là Triệu Chí Kiên, Lương Minh Phát và Lý Mậu An. Họ đã bị bắt ở Phú Bài gần thành phố Huế trong cuộc tổng tấn công tết 1968. Các lực lượng Việt Cộng bắt được 3 người này khi họ đang đi xe vétpa. họ bị tình nghi là các gián điệp của CIA. Họ khẳng định nhận là các thợ may tư nhân may và bán các bộ đồng phục cho quân nhân Mỹ. Họ chống lại việc bắt bớ này nhưng vô ích. Triệu Chí Kiên đã có vợ con sống ở khu Kowbon của Hồng Kông. Lương Minh Phát nói với những tù nhân khác rằng anh ta là người Hoa, nhưng là công dân Indonesia. Bộ ba này vẫn còn bị giam, năm 1982, họ ở trại K1 nhà giam Thanh Phong. Họ thường kêu gọi các biệt kích viết thư cho gia đình họ để báo cho biết rằng họ vẫn còn sống. Kiên viết hết thư này đến thư khác cho vợ anh và gửi những thư đó cho các biệt kích khác với hy vọng rằng họ có thể được tha. Năm 1986 một lính biệt kích đã bay sang Hồng Kông và nhắn tin cho vợ của Kiên. Chị ta chạy tới trại tị nạn mà người biệt kích này đang bị giữ và cầu khẩn các cán bộ của Trại cho chị ta nói chuyện với người đàn ông đó. Các cán bộ này đã từ chối và chị ta đã bị cưỡng bức rời khỏi đó với nước mắt giàn dụa trên mặt.

Các lính biệt kích ở Phong Quang và những người tù khác đã sống sót qua cảnh tù đầy và nhận được giấy phóng thích. Dĩ nhiên là khi bị giam giữ ở dọc biên giới Trung Quốc thì họ không thể trốn thoát. Họ không thấy những biệt kích mới được đưa vào hệ thống trại giam này. Qua những lần tranh thủ nghe đài phát thanh, họ mới biết rằng cuộc chiến tranh đã kết thúc. Nhưng họ vẫn còn phải tiếp tục giữ vững tinh thần và niềm tin rằng họ sẽ không bao giờ bị những người đã phái họ ra miền Bắc lãng quên. Đạo quân nhỏ bé có 51 biệt kích bị tù ở những trại giam nằm rải rác trong tỉnh Hà Giang ở phía cực Bắc của tỉnh này cũng có chung niềm hy vọng đó. Đây là địa điểm của các tù nhân ở Yên Thọ và Yên Hoà gần Phú Thọ đã sơ tán đến trong thời gian chiến tranh 1965.

Vào năm 1970, Mỹ đang chuyển sang chiến lược Việt Nam hoá. Lúc đó tướng Westmoreland là tư lệnh quân đội Mỹ ở Lầu Năm Góc, và tướng W.Abrams là tư lệnh của Bộ Tư lệnh hỗ trợ quân sự ở Việt Nam. Khi các lính biệt ở Phong Quang đang trải qua nỗi khủng khiếp của gông cùm, thì các lực lượng của Mỹ ở miền Nam đang rút đi.

Những người lính biệt kích này không thể nào biết được rằng họ đã bị xoá tên vì bị coi là đã chết. Trong mùa xuân năm 1972, đội quân tuyệt mật MACSOG đã đạt đến mười nghìn người trong năm 1971 đang bị giải thể, họ chỉ được thanh toán lần cuối cùng bằng một túi gạo và một chuyến xe đưa về tận nhà. Phần chi phí của các cuộc hành quân của MACSOG, đã được vào sổ ở Washington với một khoản tiền khiêm tốn là 25 tỷ đô la trong 2 năm, trước khi những cuộc hành quân của nó kết thúc (xem phụ lục 8 và 9). Cuộc sống của những người bị giết và mất tích, cả người Việt Nam và người Mỹ, không bao giờ được đưa vào các dự toán tài chính.

Thành viên của toán bị phái ra miền Bắc trước năm 1968 có thể được coi là các cuộc hành quân của toán biệt kích hoạt động tầm xa độc đáo đã chấm dứt vào cuối năm 1967. Mặc dù các toán STRATA vẫn tiếp tục được đưa vào Lào và vùng cán xoong Bắc Việt Nam. Bây giờ họ gặp những nhóm tù nhân mới là thành viên của các toán trinh sát biên giới và những tên đầu ngừ của quân đội miền Bắc được MACSOG thu dụng để duy trì các cuộc hành quân nghi binh của các kế hoạch như Borden và Earth Angel.

Ngày 26/12 năm 1971, 23 lính biệt kích cuối cùng ở khu trại giam biệt lập và 34 biệt kích ở phòng 3 của trại giam Phong Quang được đưa lên xe tải hạng nặng để đưa lên trại giam mới ở phía tây bắc, trại giam trung tâm số 1 bên ngoài thị xã Lào Cai thuộc tỉnh Lào Cai. Nơi đó sẽ là nhà của họ trong một năm rưỡi nữa tại một địa điểm gọi là Phố Lu.

() Các số liệu này không đúng với thực tế - BTV.**

-----oOo-----
(Hết mục 18).

19. CHUẨN BỊ TRAO TRẢ.

Vào cuối năm 1971, hầu như tất cả lính biệt kích được tập trung tại nhà giam cấp Trung ương: Trại giam trung ương số 1, nằm ngoài thị xã Lào Cai gần biên giới Trung Quốc; nhà giam Tân Lập gần Phú Thọ ở đồng bằng sông Hồng, phía tây nam Hà Nội và trại giam Hoàn Bồ, ở vùng đồi núi Đông Bắc thị xã Hòn Gai. Các biệt kích chủ bài được phân tán ra nhiều trại giam khác. Việc chọn lọc các tù nhân để chuyển đến mỗi trại giam trong năm 1971 rõ ràng là đã được hoạch định chu đáo.

Trong những tù nhân đầu tiên rời khỏi Phong Quang vào mùa hè đó, các điện báo viên được thu dụng đã được chuyển đến Tân Lập và Hoàn Bồ. Tân Lập cũng giam nhiều thành viên của các toán biên giới.

Đợt cuối cùng rời khỏi Phong Quang là 47 biệt kích được mệnh danh là “những người không thể cải huấn”. Họ đến trại giam Phố Lu, là tên quen dùng thay cho Trại giam Trung ương số 1. Đến Phố Lu, họ thấy các buồng của họ ở trại Ki trống vắng, trừ 6 người tù đã hoàn thành việc xây dựng các nhà giam thứ ba. Ở đây họ gặp Lâu Chí Chan, một người nhái của toán CANCER mà lần đầu họ thấy ở Thanh Trì.

Hiện nay Chan là người tù làm thợ mộc. Đầu năm 1972, một đạo quân biệt kích khác từ Quyết Tiến đến Phố Lu. Như vậy tổng số biệt kích lên đến 167 người. Hai nhóm biệt kích được giam trong các buồng giam riêng biệt nhưng cùng một trại giam rào kín. Nó bị phân cách bởi một bức tường, và nói chung được cách ly với nhau. Một người tù chính trị “kỳ cựu” da nhăn nheo đã ở Quyết Tiến hơn 10 năm nói: “Bạn sẽ không bao giờ đoán được điều gì đã xảy ra sau khi bạn rời đi”.

“Tiểu đội biệt kích đã ra lệnh cho chúng ta đi đào các hài cốt! Các bạn có thể tin được điều này không? Họ đưa chúng tôi ra đào các ngôi mộ”.

“Đào các ngôi mộ à? Để làm gì?”, một người biệt kích đặt ra câu hỏi hơi tò mò.

"Phải, họ đưa cho chúng tôi một con trâu và cái cày rồi bảo chúng tôi đi đào hài cốt. Họ phái chúng tôi ra ngoài để làm việc trong các nghĩa địa cũ ở ngoài các ngọn đồi. Các anh có tin được không? Họ bảo chúng tôi rằng công việc này rất dễ xúc cảm, ý tôi nói là việc đào mộ. Họ chỉ cho chúng tôi ra ngoài khi các tù thường phạm đi làm ở vườn rau trở về. Chúng tôi được phái ra vào giữa trưa để cày lật các ngôi mộ lên, và chúng tôi phải quay trở về trước khi các tù thường phạm ra làm việc vào buổi chiều."

"Vì sao họ lại muốn cày lật các ngôi mộ lên?"

"Ai mà biết được. Chúng tôi đã làm việc ở các nghĩa địa cũ đó hết cả tuần, tìm các ngôi mộ, nhưng chẳng thấy gì cả. Họ bảo chúng tôi phải tiếp tục cố gắng đào các ngôi mộ lên và lấy hài cốt ra. Có điều gì đó liên quan đến việc các hài cốt sắp được chuyển về nhà. Sau một tuần, chúng tôi không thể tìm được hài cốt nào. Rồi họ bảo chúng tôi ngừng việc tìm kiếm".

Sau một lúc, ông già đó bước đi xa khuất vào thế giới riêng của ông ta. Những lính biệt kích sau khi nghe những lời nói lảm nhảm của ông ta nghĩ rằng họ đã hiểu phần nào những điều ông ta nói. Chắc là Bộ phải cố tìm các hài cốt của các biệt kích đã chết ở Quyết Tiến trong 10 năm trước khi đình chiến. Chắc họ muốn có các bộ hài cốt, bộ hài cốt của bất cứ người nào, nếu họ bị ép phải giao trả các hài cốt của các biệt kích đã chết.

Các biệt kích biết rằng những ngọn đồi xung quanh Quyết Tiến có đầy rẫy các nấm mồ. Các nghĩa địa được đắp trong thời kỳ 1961-1965 đã bị bỏ đi từ lâu; trong những năm sau người ta sử dụng các nghĩa địa mới hơn. Rồi những nghĩa trang mới hơn đó lại bị bỏ mặc cho cỏ và thời tiết, không ai có thể nhớ được đã có bao nhiêu nghĩa địa được đắp. Vì thế họ không lấy làm ngạc nhiên khi thấy ba ông tù chính trị già đã không tìm thấy gì. Sau hết, việc chôn cất thường được tiến hành vào ban đêm, các ngôi mộ đều không có bia. Đường như rất khó cho các cán bộ nhà giam ghi chép lại chính xác chỗ chôn của từng người. Hơn nữa một số nghĩa địa cũ đã biến thành các ruộng trồng rau từ nhiều năm trước, và tất cả các hài cốt đã trở nên hỗn độn sau nhiều năm bị cày xới.

Một lính biệt kích cũ tự nghĩ rằng đó chính là loại công việc mà Bộ muốn làm. Anh biết làm gì khi anh cần các bộ hài cốt của biệt kích và anh hoàn toàn không biết chúng ở đâu, nhưng anh lại cần các bộ hài cốt để thoả mãn một người nào đó!

Anh chỉ có thể đào mộ của một người nào đó. Ai mà biết được có gì khác nhau?

Vào tháng 8 năm 1972, các lính biệt kích được chuyển từ K1 đến K3. Không lâu sau khi di chuyển, một phái đoàn đã đến Phố Lu dưới quyền chỉ huy của trung tá Xy thuộc Bộ Công an. Ông là một cán bộ trại giam lão thành của Bộ Công an. Người ta báo cho các lính biệt kích rằng họ sẽ được học tập chính trị về những thay đổi đang xảy ra ở Việt Nam, về điều mà ông Xy gọi là "Tình hình mới và lịch sử của cuộc đấu tranh yêu nước chống lại bọn xâm lược nước ngoài của người Việt Nam và những người anh hùng đã chống lại những kẻ xâm lược trong thời gian qua". Có một nhóm gồm hàng chục cán bộ An ninh đi theo trung tá, hầu như họ đều mặc quần áo thường.

Trong tháng sau, cả nhóm này đã tham gia vào việc biên soạn chương trình huấn luyện. Ông trung tá bắt đầu việc giới thiệu một chủ đề, còn các tù nhân phải chuẩn bị một bản đánh giá về tài liệu đã được giới thiệu. Sau đó các nhóm tù gặp một cán bộ an ninh, người đã cẩn thận hướng dẫn việc thảo luận về mục tiêu đã được xác định trước lớp học. Việc trình bày có thể kéo dài từ nửa ngày đến một ngày, còn ngày hôm sau được dành cho thảo luận nhóm và kiểm điểm cá nhân. Trong thời kỳ này mọi việc đều được hoãn lại, để tập trung vào việc "học tập trao trả tù binh".

Ít nhất có 4 cán bộ của nhóm ông Xy chịu trách nhiệm về giảng dạy chính trị, những người còn lại xét duyệt các hồ sơ của tù nhân do cán bộ trại giam lưu giữ. Các thông tin trong hồ sơ của mỗi tù nhân đều được đánh giá xác định phản ứng của người đó đối với tài liệu đã trình bày.

Trung tá Xy tự cho mình là một nhà thơ thành công và là người có học vấn uyên thâm, am hiểu về văn chương cổ điển của Việt Nam. Trong nhóm của ông có một phụ nữ khoảng 25 tuổi, một nhân viên nghiệp vụ của lực lượng An ninh có vóc dáng đẹp, ẩn hiện thấp thoáng dưới bộ quần áo đen bóng loáng, cô cũng hiểu biết sâu về văn chương cổ điển Việt Nam, và

vì thế người ta không ngạc nhiên thấy ông Xy làm việc rất gần gũi với người cán bộ nữ được ông che chở này.

Mỗi khi một tù nhân được gọi ra để phỏng vấn cá nhân với một cán bộ, người sĩ quan này ngồi đối diện với tù nhân qua một cái bàn, bao giờ cũng có một tách trà và một đĩa bánh nhỏ. Một số cuộc phỏng vấn nhắc đi nhắc lại, không hơn việc xét duyệt hồ sơ là mấy. Những người tù khác thì xem xét các điều ghi chú của tù nhân trong những năm đầu, những nhận xét đặc biệt về một số cá nhân mà người tù đó đã phục vụ trong khi còn ở miền Nam. Người cán bộ nhấn mạnh rằng nếu tù nhân đó muốn được phóng thích thì phải có trách nhiệm đưa những vấn đề này ra trước các cơ quan liên quan.

Đối với một số tù nhân, thì cuộc phỏng vấn này có tính chất đe dọa khi người cán bộ báo cho tù nhân rằng ông ta có thể được mời ra “phục vụ cách mạng” nếu anh ta được phép trở về nhà. Thí dụ một người nào đó có thể đến thăm và yêu cầu giúp đỡ trong “cuộc đấu tranh” để đánh đuổi những kẻ xâm lược nước ngoài ra khỏi đất nước và đấu tranh với những cán bộ tham nhũng. Nhận xét như vậy có một hàm ý rõ ràng là những người cộng sản có thể sử dụng các tù nhân này sau khi họ được phóng thích. Người nào đã trải qua một cuộc phỏng vấn này, khi đi ra cũng đều run sợ.

Trước khi phỏng vấn, mỗi tù nhân phải hoàn thành một bản sơ yếu lý lịch mới nhất và kèm theo một tờ khai trình bày thái độ của mình sau khi trở về miền Nam. Tờ khai này luôn luôn được kết thúc bằng yêu cầu được hồi hương.

Đối với một số tù nhân, có tài liệu thứ 3. Trong các cuộc phỏng vấn riêng, các người tù được lựa chọn, phải chuẩn bị để yêu cầu được giữ lại ở miền Bắc.

Cán bộ này giải thích rằng mỗi tài liệu có một vai trò riêng để hỗ trợ cho các cuộc thương lượng đang tiến hành liên quan đến Hà Nội và chi nhánh của họ ở miền Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời. Thí dụ, một tài liệu phác họa và cách những tù nhân dự định để cư xử sau khi được phóng thích sẽ sử dụng để chứng minh rằng cá nhân đó muốn hồi hương về

miền Nam. Nó sẽ hỗ trợ cho yêu cầu hồi hương thông qua Chính phủ Cách mạng lâm thời. Tài liệu thể hiện mong muốn ở lại miền Bắc sẽ được nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sử dụng trong các cuộc thảo luận với chính phủ Sài Gòn để giải thích lý do của một cá nhân không được hồi hương.

Mọi người đều hoàn thành hai tài liệu đầu tiên. một số tù nhân có "cơ hội" để chuẩn bị tài liệu thứ 3 thì phải hoàn thành tài liệu này. Còn những người khác thì không làm. Những người nào từ chối yêu cầu ở lại miền Bắc thì không bị ép buộc phải làm thế.

Những người tù đầu tiên buộc phải phỏng vấn cảm thấy rằng họ đã đóng kịch. Hầu hết đã rời đi với ấn tượng là mỗi cuộc phỏng vấn đều được thu vào băng để đảm bảo việc ghi chính xác cuộc thảo luận. Họ đã chuyển ấn tượng này cho những người đang chờ được phỏng vấn. Khi những người khác sắp đến lượt phỏng vấn, họ biết rằng họ phải rất thận trọng đối với mọi điều họ nói.

Trong khoảng hơn một tháng tập trung học tập chính trị, trung tá Xy luôn áp đảo bằng cùng một câu hỏi: "các anh sẽ trở lại liên Nam chứ, và khi nào?"

Xy cố ý tránh bất kỳ câu trả lời cụ thể nào. Thật vậy, ông ta thường gật đầu và cười. Những người biệt kích cũng nêu ra thắc mắc với các giảng viên chính trị, nhưng họ luôn luôn lảng tránh. Một cán bộ giải thích như sau:

- Nhà nước thật sự quan tâm đến các anh, và hy vọng rằng các anh sẽ được trở về nhà. Chính các anh đã tấn công chúng tôi. Chính các anh đã xâm phạm miền Bắc với âm mưu lật đổ chính quyền. Các anh đã vi phạm pháp luật của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đúng ra các anh sẽ không được trở về, nhưng vì tính chất nhân đạo của Nhà nước, Nhà nước sẽ xem xét từng trường hợp của các anh để xác định xem các anh có thể được trở về với gia đình các anh không.

Việc bồi dưỡng chính trị và giảng dạy ở Phố Lu cũng tương tự như các hoạt động ở nhà giam Hoàng Bồ. Ở đây, các lính biệt kích phải đương đầu với phân đội có đến 20 cán bộ kể

cả một đại úy là phụ nữ có tên là Hoa ở Bộ Công an dưới quyền chỉ huy của một trung tá. Có vài lần, trung tá Xy đến Quảng Ninh và gặp riêng các cán bộ làm việc ở đó.

Trong phân đội đầu tiên có một sĩ quan trẻ hàm đại đội trưởng Tô Bá Oanh, tham gia vào việc hướng dẫn và phỏng vấn từng tù nhân.

Đại úy Hoa tâm sự rằng có một số biệt kích có thể được trở về trong khi các người khác sẽ không được trở về. Chị tránh nói người nào. Sáng trưởng trại thì né tránh các cuộc thảo luận này.

Trong các cuộc phỏng vấn cá nhân do Hoa tiến hành, chị yêu cầu các tù nhân trao đổi "cởi mở và thẳng thắn", và cả việc đối xử với họ trong nhà giam. Một tù nhân phàn nàn rằng cán bộ nhà giam Quảng Ninh đã đánh đập những người tù. Về việc này chị trả lời rằng "những hành động như vậy là các sai sót về phần của chỉ huy trại giam, có thể quên đi". Chị cũng đề nghị các tù nhân, từng người một yêu cầu được giữ lại ở miền Bắc.

Việc học tập ở Quảng Ninh bắt đầu trong tháng 10 năm 1972 và kéo dài ít nhất đến tháng 12, khi các cuộc tập kích của máy bay B52 làm cho các tù nhân phải chuyển đến các địa điểm sơ tán của trại giam không xa nhau lắm. Ở đây họ có nghe nói về một người Mỹ "tiến bộ" tên là Nam ở Hoàng Bồ với một phụ nữ Việt Nam và có hai con.

Khi đợt học tập chính trị ở Phố Lu kết thúc vào tháng 11 năm 1972, thì điều kiện sinh hoạt chung đã được cải thiện, và mỗi người lính biệt kích bắt đầu tin rằng anh ta sẽ được trở về Cộng hoà Việt Nam theo các điều khoản của các cuộc hoà đàm ở Paris, đến nay sắp được giải quyết. Các cán bộ trại giam đối xử với các tù nhân đã mềm mỏng hơn. Bầu không khí đã có phần lạc quan. Không có ai, kể cả các cán bộ trại giam và cán bộ của Bộ Công an đã từng nói rằng những người lính biệt kích có thể được hoặc sẽ không được hồi hương trong khi trao đổi tù binh, nhưng mỗi người lính biệt kích đã bắt đầu tin rằng việc hồi hương chỉ còn vài tháng nữa thôi.

Vào ngày 27 tháng 1 năm 1973, Hiệp định Hoà bình Paris đã được ký kết, việc ngừng bắn đã được hai bên thoả thuận và có hiệu lực. Mỗi người lính biệt kích ở Phố Lu đều đọc bản

sao Hiệp định do cán bộ cung cấp. Các tù nhân đều chăm chỉ vào phần hàm ý rõ ràng họ sẽ được trở về nhà, mặc dù các cán bộ còn ngập ngừng trong việc trả lời cho những câu hỏi nhắc đi nhắc lại của họ. Mỗi người trong số họ đều trích ra một câu cụ thể:

“Những ai có liên quan đến cuộc chiến tranh ở Việt Nam thì đều được giải quyết và được trao trả.”

Đó là ngôn ngữ ngoại giao nói thẳng rằng "Những ai có liên quan đến cuộc chiến tranh ở Việt Nam sẽ được hồi hương".

Bây giờ những lính biệt kích này hy vọng sẽ sớm được trở về nhà.

Họ được trả lại K1 vào tháng hai năm 1973 và được cấp các máy khâu, với lệnh may quần áo mới. Rõ ràng là họ sắp có quần áo mới để hồi hương, và các cán bộ trại giam nhắc nhở rằng các quần áo này phải được may nhanh. Các máy khâu này đã phải làm việc 24 giờ mỗi ngày. Một số tù nhân cắt vải thành mảnh trắng để may các áo sơ mi ngắn tay và màu xanh thẫm để may quần. Trong khi những người khác may ráp các mảnh với nhau.

Quần áo đã được may đủ cho mỗi tù nhân hai bộ mới, một túi nhỏ để đựng quần áo và một chiếc mũ. Tất cả các bộ quần áo này đều được cắt cùng một khổ. Sau khi may xong, chúng được mang ngay vào kho của trại giam "để cấp vào một thời điểm thích hợp".

Cán bộ thường xuyên đến kiểm tra công việc và luôn miệng nhắc "Đây là quần áo của các anh. Hãy may cẩn thận."

Mấy tuần Sau, giữa lúc việc trao đổi tù binh đang được tiến hành, các lính biệt kích chỉ mong tìm được một cán bộ cho họ biết họ sẽ được trả lại miền Nam như thế nào và khi nào. Họ không thể hỏi cán bộ chỉ huy trại giam, thiếu tá Ngô Bá Toàn, vì anh ít khi đến khu vực của họ. Cuối cùng họ phải hỏi trung úy Y, trưởng ban giáo dục và người phó của anh, trung sĩ Hao Liêu. Câu trả lời lơ mơ của họ làm cho các tù nhân bỏ đi.

"Hết cách?", họ cười nói: "Hết cách! Không có cách gì để tất cả các anh sẽ được trao đổi.

Chẳng có cách nào! Nếu các anh xem cẩn thận, các anh sẽ thấy rằng không có một dấu chấm hay dấu phẩy nào trong toàn bộ bản Hiệp định đề cập đến bất cứ người nào trong các anh. Chẳng có gì cả. Tuyệt đối chẳng có gì cả. Thậm chí các anh còn không được nói đến. Hãy chỉ cho chúng tôi một điểm, chỉ một điểm thôi, có nói đến bất kỳ ai trong các anh, chỉ một điểm thôi".

"Nhưng, nhưng có đề cập đến việc trở về của ai đã có liên quan đến cuộc chiến tranh này, chúng tôi đã tham gia, chúng tôi là những người tham gia! Hiệp định nhất định phải đề cập đến chúng tôi!"

Trung úy Y chỉ lắc đầu và lại cười. Những lính biệt kích sững người.

Mỗi đêm, các loa phóng thanh trong các trại giam của đài phát thanh Quân đội Nhân dân phát thanh trong 1 hoặc 2 giờ. Các tù nhân lắng nghe các mục nói về ngừng bắn và các báo cáo về các tù nhân đang được trao đổi, mặc dù bản tin này đọc rất chậm. Đó luôn luôn chỉ là những nhóm tù binh nhỏ của Bắc Việt Nam đang trở về nhà. Trong khi số tù binh của Bắc Việt Nam nhiều gấp 3 hoặc 4 lần đang được trở về miền Bắc. Khi nghe những tin về việc hồi hương của các tù binh Mỹ, họ nghĩ rằng đây là dấu hiệu rõ ràng rằng việc trao trả lại họ phải được thực hiện từ lâu trước đây. Họ đều nhận biết rằng thành viên của các toán biên giới và các lính át chủ bài đã được trao trả ở nơi khác. Điều đó dường như ngụ ý rằng các tù nhân đang được phiên chế thành các nhóm để hồi hương.

Khi các cuộc trao đổi tù nhân đang diễn ra chậm chạp thì những người tù ở Phổ Lu cảm thấy rằng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đang trao trả tù nhân rất chậm, như những ngư dân bơi thuyền ở ngoài khơi, khi họ trong ngóng và đợi chờ, có lẽ để cân nhắc xem liệu có phải trả biệt kích khi có ai đó đòi hỏi.

Nỗi lo sợ của những người lính biệt kích đã tăng lên do một thực tế là các sỹ quan của lực lượng vũ trang Cộng hoà Việt Nam bị bắt ở thành phố Huế trong cuộc Tổng tấn công Tết 1968 vẫn đang còn bị giam ở các nhà giam kỷ luật K1, họ đã ở đấy từ năm 1972.

Phải chăng điều đó có nghĩa là miền Bắc sẽ giữ lại một số tù nhân để mặc cả?

Nhưng vì sao vậy?

Và họ vẫn còn phải chờ...

Họ đã nghĩ rất đúng tới khả năng của các cuộc đấu tranh giữa Washington và Hà Nội đang diễn ra ở mức cao nhất về vấn đề tù chính trị. Những người lính biệt kích đều đã phạm tội hoạt động gián điệp được Hà Nội coi là loại tù chính trị đặc biệt. Có lẽ Hà Nội không bao giờ có ý định phóng thích họ, dĩ nhiên, trừ khi Washington sẵn sàng đưa ra hàng vạn tù nhân ở Nam Việt Nam mà Hà Nội và Chính phủ Cách mạng lâm thời đang gọi là "các tù chính trị bị chính quyền Thiệu giam giữ". Với yêu cầu phải phóng thích họ, mà Washington thì không muốn bị dính líu vào bất kỳ sự thoả hiệp nào như vậy. Bắt đầu từ tháng 2 năm 1973 các tù nhân Mỹ bị giam giữ ở miền Bắc được trao trả cho các chuyên viên của Mỹ ở Hà Nội và được chở bằng máy bay về căn cứ không quân Clack ở Philipin để lấy tin tức tình báo và kiểm tra sức khoẻ ban đầu. Một thiếu tướng của Quân lực Hoa Kỳ dẫn đầu một nhóm người phỏng vấn bay từ Sài Gòn đến căn cứ Clack để xử lý việc hồi hương của các thương dân Mỹ. Các nhóm phỏng vấn Klao đại diện cho mỗi quân chủng cũng đã bay đến.

Những câu họ dùng để hỏi các tù binh trở về là do cơ quan tình báo Bộ Quốc phòng (DIA) vạch ra, chính cơ quan này trong năm 1965 đã hỗ trợ đắc lực cho các phi vụ của MACSOG và tranh luận rằng các toán biệt kích ở trong lòng miền Bắc Việt Nam đang cung cấp các thông tin tình báo có giá trị. Bây giờ người Mỹ xác định rằng yêu cầu ưu tiên về tình báo này vẫn không thể giải thích được.

Đáng tiếc là văn phòng DIA chịu trách nhiệm về vấn đề tù binh và những người Mỹ mất tích, sau đó do Charles Trowbridge, tư lệnh Hải quân lãnh đạo đã không có báo cáo về các tổn thất của biệt kích Việt Nam trong lực lượng của MACSOG. Những người Mỹ, chứ không

phải những người nước ngoài, quan tâm đầu tiên đến DIA, và DIA không có câu hỏi nào về các cuộc hành quân vụng trộm của biệt kích Việt Nam, họ có thể vẫn còn bị giam giữ. Trong những tuần hồi hương của những tù nhân Mỹ cuối cùng vào ngày 1 tháng 4 năm 1973, tư lệnh Trowbridge đang bị ép phải giảm biên chế. Hình tượng bao trùm của các trại giam trong thời chiến đã bị xoá bỏ, trừ một số đặc biệt ít ở địa bàn Hà Nội. Lầu Năm góc sớm chuyển sang mục tiêu xem xét tình hình của những người Mỹ vẫn còn trong danh sách mất tích và quá trình báo tử của họ quá chậm, chỉ dựa trên những phát hiện dự đoán. Thậm chí những lính biệt kích được xác nhận là còn sống thì cũng chỉ được coi là một vấn đề thuộc về chính phủ của họ, chứ không phải thuộc về Washington.

Trong những thường dân Mỹ hồi hương có Larry Stark và Bob Olsen, hai tù nhân bị giam ở phòng kế tiếp với Lê Văn Ngung ở khu B, trại giam Thanh Trì. Họ đã nói với những người phỏng vấn bất cứ điều gì, nhưng cũng chẳng làm cho người Mỹ gợn lên mối quan tâm đối với số phận của gần bốn trăm lính biệt kích đang sống thiếu ăn trong các trại giam của Hà Nội.

Trung úy Nguyễn Quốc Đạt của không lực Nam Việt Nam, một người anh hùng của các biệt kích đã gặp anh chớp nhoáng khi anh đến trại giam của họ ở vùng cán xoong, cũng được các tù nhân Mỹ cùng giam với anh ở Hoả Lò nhớ đến.

Khi được phóng thích, những người Mỹ yêu cầu phải làm điều gì đó để cứu anh ta, và các chuyên viên Mỹ đã có thể can thiệp để cứu anh ta. Phan Thanh Vân, một phi công lái máy bay C-47 đã bị bắn hạ ở Ninh Bình ngày 1 tháng 7 năm 1961 cũng được phóng thích, nhưng những người khác thoát chết trong các vụ rơi máy bay thì đã chết trong trại giam lâu rồi.

Tháng tư năm 1973, Trung tâm Giải quyết thương vong hỗn hợp (JCRC) ở Sài Gòn, do tướng Rôbert Kingston chỉ huy nộp cho Bắc Việt Nam bản danh sách ưu tiên của những người Mỹ và những người nước ngoài chưa được giải thích, mà Hoa Kỳ quan tâm đến họ. Không có tên một biệt kích nào xuất hiện trên bản danh sách đó hoặc các bản danh sách sau của người Mỹ, người Việt và người các nước khác sau này được JCRC trình bày với người đại diện của Hà Nội.

Việc chỉ huy mới của tướng Kingston có nghĩa là sự quay lại một tổ chức mà ông ta đã phục vụ từ đầu cuộc chiến tranh, nhưng dưới một dạng khác. Tại thời điểm đó, điều làm cho JCRC trở thành một bộ phận của MACSOG và được biết dưới cái tên che đậy là Trung tâm JPRC. Trước đây Kingston đã là sĩ quan dã chiến của các toán biệt kích xâm nhập vào miền Bắc giữa năm 1967.

Ở cương vị mới của mình, tướng Kingston kinh hoàng thấy rằng cơ sở dữ liệu về các tên của người Mỹ bị bắt được đưa vào máy tính của JCRC vẫn chưa được giải thích, thật là một cơn ác mộng. Các địa điểm mất tích của nhiều người Mỹ ở vùng biên giới đã được đưa vào máy tính không chính xác. Trong những bức điện của ông ta chuyển về Washington nói về các dữ liệu đã không đưa vào bất cứ cái tên nào của hàng trăm lính biệt kích do MACSOG phái đi và cuối cùng họ được báo cáo là bị bắt (xem phụ lục 10).

Không phải là mọi biệt kích đều bị giữ lại ở Bắc Việt Nam. Thí dụ như 9 trong số 10 người Việt Nam của toán ILLINOIS, đã bị bắt ở Lào với đại úy Frank Cius và trung sĩ Ronald Dexter đã được Quân đội nhân dân Việt Nam cho hồi hương trở lại Cộng hoà Việt Nam ở điểm trao đổi tù binh bên sông Thạch Hãn. Trong số những người này có Nguyễn Văn Chiến, người phiên dịch của Dexter; Hà Văn Sơn, thành viên Việt Nam thứ 10 của toán này do bộc lộ "thái độ hiếu chiến" nên chưa được hồi hương.

Những người Mỹ làm việc cho cơ quan tình báo của đại tá William Le Gros tại văn phòng tùy viên quân sự đóng tại Sài Gòn đã phỏng vấn Nguyễn Văn Chiến và các thành viên khác của toán này. Họ muốn biết số phận của Dexter và phi hành đoàn của chiếc máy bay trực thăng Chinook bị bắn rơi tại Lào, Chiến cho biết rằng Dexter đã bị người hộ tống đánh chết bằng dùi cui ở phía Bắc thị xã Thanh Hoá.

Sau đó Chiến yêu cầu truy lĩnh tiền lương căn cứ vào hợp đồng tuyển dụng của anh ta. Những người phỏng vấn này đã trở nên kinh ngạc, Văn phòng tùy viên quân sự này gửi ngay một bức điện cho DIA ở Washington nói rằng Chiến và những người khác sẽ không nói gì trừ khi họ nhận được tiền truy lĩnh. Bức điện này ghi chú rằng việc phỏng vấn Chiến đã

kết thúc khi anh ta trở nên căm hờn về vấn đề truy lĩnh.

Các cán bộ Nam Việt Nam cũng phỏng vấn Chiến và các thành viên khác của toán, những người ở cùng với các biệt kích trong trại giam và những người sau cùng được biết là vẫn còn sống. Chưa ai được hồi hương. Rồi Chiến và những người đã hồi hương khác trở về với gia đình. Đối với họ, cuộc chiến tranh này đã qua.

"Chiến ư? Một toán đã hồi hương năm 1973? Tôi nhớ chắc chắn là như vậy. Họ yêu cầu được truy lĩnh. Họ phải đòi khoản nợ này. Họ đã ký hợp đồng và họ phải được thanh toán. Tất cả những người lính đã ký hợp đồng. Tiếc thay MACSOG đã bỏ đi. Chẳng nơi nào có tiền. Nhưng những người Mỹ có một số tiền ở đâu đó và phải thanh toán hết theo qui định của các hợp đồng của họ."

"Còn về những người lính biệt kích chưa được hồi hương thì sao?" Tôi hỏi. Anh ta trả lời: "Tôi không biết rõ".

Khi các cuộc trao đổi tù nhân đang diễn ra chậm chạp thì những người tù ở Phổ Lu cảm thấy rằng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đang trao trả tù nhân rất chậm, như những ngư dân bơi thuyền ở ngoài khơi, khi họ trong ngóng và đợi chờ, có lẽ để cân nhắc xem liệu có phải trả biệt kích khi có ai đó đòi hỏi.

Nỗi lo sợ của những người lính biệt kích đã tăng lên do một thực tế là các sỹ quan của lực lượng vũ trang Cộng hoà Việt Nam bị bắt ở thành phố Huế trong cuộc Tổng tấn công Tết 1968 vẫn đang còn bị giam ở các nhà giam kỷ luật K1, họ đã ở đấy từ năm 1972. Phải chăng điều đó có nghĩa là miền Bắc sẽ giữ lại một số tù nhân để mặc cả? Nhưng vì sao vậy?

Và họ vẫn còn phải chờ...

Họ đã nghĩ rất đúng tới khả năng của các cuộc đấu tranh giữa Washington và Hà Nội đang diễn ra ở mức cao nhất về vấn đề tù chính trị. Những người lính biệt kích đều đã phạm tội hoạt động gián điệp được Hà Nội coi là loại tù chính trị đặc biệt. Có lẽ Hà Nội không bao giờ có ý định phóng thích họ, dĩ nhiên, trừ khi Washington sẵn sàng đưa ra hàng vạn tù nhân ở Nam Việt Nam mà Hà Nội và Chính phủ Cách mạng lâm thời đang gọi là "các tù chính trị bị chính quyền Thiệu giam giữ". Với yêu cầu phải phóng thích họ, mà Washington thì không muốn bị dính líu vào bất kỳ sự thoả hiệp nào như vậy. Bắt đầu từ tháng 2 năm 1973 các tù nhân Mỹ bị giam giữ ở miền Bắc được trao trả cho các chuyên viên của Mỹ ở Hà Nội và được chở bằng máy bay về căn cứ không quân Clack ở Philipin để lấy tin tức tình báo và kiểm tra sức khoẻ ban đầu. Một thiếu tướng của Quân lực Hoa Kỳ dẫn đầu một nhóm người phỏng vấn bay từ Sài Gòn đến căn cứ Clack để xử lý việc hồi hương của các thương dân Mỹ. Các nhóm phỏng vấn Klao đại diện cho mỗi quân chủng cũng đã bay đến.

Những câu họ dùng để hỏi các tù binh trở về là do cơ quan tình báo Bộ Quốc phòng (DIA) vạch ra, chính cơ quan này trong năm 1965 đã hỗ trợ đắc lực cho các phi vụ của MACSOG và tranh luận rằng các toán biệt kích ở trong lòng miền Bắc Việt Nam đang cung cấp các thông tin tình báo có giá trị. Bây giờ người Mỹ xác định rằng yêu cầu ưu tiên về tình báo này vẫn không thể giải thích được.

Đáng tiếc là văn phòng DIA chịu trách nhiệm về vấn đề tù binh và những người Mỹ mất tích, sau đó do Charles Trowbridge, tư lệnh Hải quân lãnh đạo đã không có báo cáo về các tổn thất của biệt kích Việt Nam trong lực lượng của MACSOG. Những người Mỹ, chứ không phải những người nước ngoài, quan tâm đầu tiên đến DIA, và DIA không có câu hỏi nào về các cuộc hành quân vụng trộm của biệt kích Việt Nam, họ có thể vẫn còn bị giam giữ. Trong những tuần hồi hương của những tù nhân Mỹ cuối cùng vào ngày 1 tháng 4 năm 1973, tư lệnh Trowbridge đang bị ép phải giảm biên chế. Hình tượng bao trùm của các trại giam trong thời chiến đã bị xoá bỏ, trừ một số đặc biệt ít ở địa bàn Hà Nội. Lầu Năm Góc sớm chuyển sang mục tiêu xem xét tình hình của những người Mỹ vẫn còn trong danh sách mất tích và quá trình báo tử của họ quá chậm, chỉ dựa trên những phát hiện dự đoán. Thậm chí những lính biệt kích được xác nhận là còn sống thì cũng chỉ được coi là một vấn đề thuộc về chính phủ của họ, chứ không phải thuộc về Washington.

Trong những thường dân Mỹ hồi hương có Larry Stark và Bob Olsen, hai tù nhân bị giam ở phòng kế tiếp với Lê Văn Ngung ở khu B, trại giam Thanh Trì. Họ đã nói với những người phỏng vấn bất cứ điều gì, nhưng cũng chẳng làm cho người Mỹ gợn lên mối quan tâm đối với số phận của gần bốn trăm lính biệt kích đang sống thiếu ăn trong các trại giam của Hà Nội.

Trung úy Nguyễn Quốc Đạt của không lực Nam Việt Nam, một người anh hùng của các biệt kích đã gặp anh chớp nhoáng khi anh đến trại giam của họ ở vùng cán xoong, cũng được các tù nhân Mỹ cùng giam với anh ở Hoả Lò nhớ đến. Khi được phóng thích, những người Mỹ yêu cầu phải làm điều gì đó để cứu anh ta, và các chuyên viên Mỹ đã có thể can thiệp để cứu anh ta. Phan Thanh Vân, một phi công lái máy bay C-47 đã bị bắn hạ ở Ninh Bình ngày 1 tháng 7 năm 1961 cũng được phóng thích, nhưng những người khác thoát chết trong các vụ rơi máy bay thì đã chết trong trại giam lâu rồi.

Tháng tư năm 1973, Trung tâm Giải quyết thương vong hỗn hợp (JCRC) ở Sài Gòn, do tướng Rôbert Kingston chỉ huy nộp cho Bắc Việt Nam bản danh sách ưu tiên của những người Mỹ và những người nước ngoài chưa được giải thích, mà Hoa Kỳ quan tâm đến họ. Không có tên một biệt kích nào xuất hiện trên bản danh sách đó hoặc các bản danh sách sau của người Mỹ, người Việt và người các nước khác sau này được JCRC trình bày với người đại diện của Hà Nội.

Việc chỉ huy mới của tướng Kingston có nghĩa là sự quay lại một tổ chức mà ông ta đã phục vụ từ đầu cuộc chiến tranh, nhưng dưới một dạng khác. Tại thời điểm đó, điều làm cho JCRC trở thành một bộ phận của MACSOG và được biết dưới cái tên che đậy là Trung tâm JPRC. Trước đây Kingston đã là sĩ quan dã chiến của các toán biệt kích xâm nhập vào miền Bắc giữa năm 1967.

Ở cương vị mới của mình, tướng Kingston kinh hoàng thấy rằng cơ sở dữ liệu về các tên của người Mỹ bị bắt được đưa vào máy tính của JCRC vẫn chưa được giải thích, thật là một cơn ác mộng. Các địa điểm mất tích của nhiều người Mỹ ở vùng biên giới đã được đưa vào

máy tính không chính xác. Trong những bức điện của ông ta chuyển về Washington nói về các dữ liệu đã không đưa vào bất cứ cái tên nào của hàng trăm lính biệt kích do MACSOG phái đi và cuối cùng họ được báo cáo là bị bắt (xem phụ lục 10).

Không phải là mọi biệt kích đều bị giữ lại ở Bắc Việt Nam.

Thí dụ như 9 trong số 10 người Việt Nam của toán ILLINOIS, đã bị bắt ở Lào với đại úy Frank Cius và trung sĩ Ronald Dexter đã được Quân đội nhân dân Việt Nam cho hồi hương trở lại Cộng hoà Việt Nam ở điểm trao đổi tù binh bên sông Thạch Hãn. Trong số những người này có Nguyễn Văn Chiến, người phiên dịch của Dexter; Hà Văn Sơn, thành viên Việt Nam thứ 10 của toán này do bộc lộ "thái độ hiếu chiến" nên chưa được hồi hương.

Những người Mỹ làm việc cho cơ quan tình báo của đại tá William Le Gros tại văn phòng tùy viên quân sự đóng tại Sài Gòn đã phỏng vấn Nguyễn Văn Chiến và các thành viên khác của toán này. Họ muốn biết số phận của Dexter và phi hành đoàn của chiếc máy bay trực thăng Chinook bị bắn rơi tại Lào, Chiến cho biết rằng Dexter đã bị người hộ tống đánh chết bằng dùi cui ở phía Bắc thị xã Thanh Hoá.

Sau đó Chiến yêu cầu truy lĩnh tiền lương căn cứ vào hợp đồng tuyển dụng của anh ta. Những người phỏng vấn này đã trở nên kinh ngạc, Văn phòng tùy viên quân sự này gửi ngay một bức điện cho DIA ở Washington nói rằng Chiến và những người khác sẽ không nói gì trừ khi họ nhận được tiền truy lĩnh. Bức điện này ghi chú rằng việc phỏng vấn Chiến đã kết thúc khi anh ta trở nên căm hờn về vấn đề truy lĩnh.

Các cán bộ Nam Việt Nam cũng phỏng vấn Chiến và các thành viên khác của toán, những người ở cùng với các biệt kích trong trại giam và những người sau cùng được biết là vẫn còn sống. Chưa ai được hồi hương. Rồi Chiến và những người đã hồi hương khác trở về với gia đình. Đối với họ, cuộc chiến tranh này đã qua.

“Chiến ư? Một toán đã hồi hương năm 1973? Tôi nhớ chắc chắn là như vậy. Họ yêu cầu được truy lĩnh. Họ phải đòi khoản nợ này. Họ đã ký hợp đồng và họ phải được thanh toán. Tất cả những người lính đã ký hợp đồng. Tiếc thay MACSOG đã bỏ đi. Chẳng nơi nào có tiền. Nhưng những người Mỹ có một số tiền ở đâu đó và phải thanh toán hết theo qui định của các hợp đồng của họ.”

"Còn về những người lính biệt kích chưa được hồi hương thì sao?" Tôi hỏi. Anh ta trả lời: "Tôi không biết rõ".

-----o0o-----

(Hết mục 19).

20. TUYỆT THỰC

Thời gian trôi đi, số phận của những người tù ở trại Phổ Lu càng mờ mịt, khi các buổi phát thanh đưa tin rằng việc trao đổi tù binh đã bị trì hoãn.

Theo cách "giải quyết của người châu Á" thì việc vài người lính biệt kích ở trại F3 muốn vượt qua bức tường ngăn để ăn cơm cùng với các biệt kích F2 vào ngày chủ nhật, trung tuần tháng 5/1973 được coi là vô tội. Ngày chủ nhật sau, cảnh đó lại tái diễn. Vào ngày chủ nhật thứ ba các lính biệt kích lại trèo qua bức tường này và khi họ ăn cơm xong thì người sỹ quan trực trại giam đến. Nắm chặt tờ giấy trong tay, anh khoá cửa ngoài của khu vực này và bước vào khu trại F3.

Anh cầm giấy đọc: "Theo lệnh của ban chỉ huy trại giam yêu cầu tất cả các tù nhân phải giải tán và trở về khu vực của mình".

Rồi anh ta làm động tác quay đằng sau và rời khu trại, không nhìn trở lại, không ai nhúc nhích.

Mười lăm phút sau, người sĩ quan trực này quay lại và đọc lệnh giải tán lần thứ hai. Lại không ai có phản ứng gì.

Sau lần thứ 3, khi sĩ quan trực này vừa đi khỏi thì cánh cửa nhà giam bỗng nhiên được mở tung và anh ta quay vào. Lần này có một số đông những người bảo vệ mang theo vũ khí đi theo. Trong khi vài người bảo vệ luôn quay nòng súng chĩa vào các tù nhân thì những người khác túm lấy Đặng Đình Thụy và kéo anh ta vào phòng giam kỷ luật, rồi cùm lại.

"Không ăn! Tuyệt thực! Yêu cầu anh em tuyệt thực! Tuyệt thực!". Tiếng của Nguyễn Văn Tân rất rõ khi anh thét lên những lời mà mọi người muốn nói ra, nhưng chỉ có Tân mới có can đảm nói: "Chúng ta không ăn! Tuyệt thực! Yêu cầu tất cả anh em tuyệt thực! Tuyệt thực!".

Là một lính biệt kích ở toán ROMEO ít nói và hầu như không quấy rầy ai. Tân bắt đầu hô, ngay lập tức những người khác cũng hô theo cho đến khi trở thành tiếng la hét om sòm.

"Tuyệt thực! Tuyệt thực! Tuyệt thực!"

Tiếng hô cứ tiếp tục, tiếp tục khi những người này trèo qua các bức tường từ từ để quay về khu trại giam của họ.

Cuộc tuyệt thực bắt đầu vào ngày hôm sau, ngày 4/6/1973. Người ta đã báo cho các cán bộ của Bộ Công an biết về việc này. Theo ý kiến của họ, thì những người tù này phải câu kết với những người ở bên ngoài vì các cuộc tuyệt thực đã nổ ra ở cả ba trại giam khổ sai biệt kích. Điều đó có nghĩa là những người tù ở một trại giam đang liên lạc với những người ở trại

giam khác. Âm mưu thông đồng với nhau như vậy có thể làm cho Bộ máy An ninh Quốc gia bối rối.

Trại Phổ Lu đã tiến hành các biện pháp cảnh giác cao về An ninh. Tất cả những người bảo vệ đang có mặt xô vào khu K1 và triển khai dọc theo các bức tường ở bên ngoài, ngay bên trong trại giam và bên ngoài khu giam biệt lập. Súng máy được bố trí ở các bức tường bên ngoài và bên trong trại giam.

Cuộc tuyệt thực này làm cho các cán bộ trong trại giam lo sợ vì thiếu tá Toán, người chỉ huy trại giam đi vắng. Trung úy Nguyễn Văn Tuấn, chỉ huy phó phải đối phó với sự nhiễu loạn trong trại giam chính, nhưng anh ta thiếu kinh nghiệm trong cách xử lý việc này.

Sự thiếu kinh nghiệm và tính không quả quyết của anh thể hiện rõ khi anh đi vào các nhà giam ở khu F2.

Mặc dù Tuấn cố nói lên thật to, rõ ràng là để che giấu nỗi lo sợ của mình. Anh không sợ những lính biệt kích, nhưng anh sợ rằng nếu xử lý tình huống này không đúng sẽ ảnh hưởng đến công việc của anh.

Nỗi lo sợ này bộc lộ ra khi anh làm ra vẻ can đảm nói: "các anh phải thấy rằng thực tế chúng tôi đã khống chế được tất cả các anh. Ở đây các anh hoàn toàn nằm trong tay chúng tôi, nếu chúng tôi bóp lại thì các anh sẽ chết, nếu chúng tôi nói lỏng ra thì các anh mới có thể thở được. Ai nghĩ rằng việc này là đúng thì hãy đứng ra phía trước và tiếp tục tuyệt thực. Chúng tôi sẽ tổng khử tất cả các anh".

Trung úy Tuấn đứng đó, tư thế đĩnh đạc, chờ họ trả lời.

Ba lính biệt kích đứng lên trả lời.

Lâu Chi Chân, một người nhái to, dày dạn của toán CANCER bị bắt ở Vịnh Bắc Bộ năm 1966, là một trong ba người đó. Anh ta bước lên phía trước, mở phanh ngực áo và hét to vào Tuấn: "Anh nghĩ là anh tốt lắm à, có giỏi cứ bắn đi! Bắn! Hãy bắn vào ta đây, những tên cộng

sản khát máu dã man. Hãy bắn tao đi!".

Tuấn đứng đó sững sờ, mất niềm tin trước khi quay đi và bước ra khỏi phòng giam. Những người bảo vệ đóng cửa và khoá lại. Tuấn mới chỉ được rèn luyện và có kinh nghiệm trước những người tù luôn phục tùng mệnh lệnh, với những người tù luôn tuân theo mệnh lệnh của cán bộ. Còn loại cứng đầu tỏ ra đầy thách thức kiểu này là hoàn toàn mới đối với anh. Tuấn đã mắc phải bệnh quan liêu cố hữu, chẳng làm được điều gì tốt hơn là những việc làm sau.

Thiếu tá Toán trở về trại Phổ Lu ngay khi anh nhận được tin về cuộc tuyệt thực này. Ông đi thẳng vào các nhà giam F2 cùng với người cán bộ chủ chốt của mình. Sau khi nhìn chăm chặp vào những tù nhân một lúc, Toán nói hoàn toàn bình tĩnh: "Các anh thật là điên rồ, các anh có biết không, thật là điên rồ. Vì sao các anh lại tuyệt thực? Hãy nhìn lại tất cả các anh! Các anh đều đã quá mệt mỏi! Các anh sắp chết, và ai sẽ là người thua? Chính các anh là những người sẽ phải chịu thua! Thôi hãy ăn đi. Tiếp tục ăn đi, để có sức khoẻ tốt, rồi một ngày nào đó ai mà biết được có thể Đảng và Nhà nước sẽ khoan hồng và cho các anh được về nhà, các anh chắc chắn sẽ được hồi hương."

Thế đấy! Lần đầu tiên ông ta đã thực sự nói ra cái từ trao trả! Suốt hai năm 1972-1973 ông ta đã lảng tránh từ đó.

Bây giờ sau một thời gian dài, ông ta đã dùng đến nó, nhưng từ này không có ý nghĩa nữa, vì đã quá muộn.

Thiếu tá Toán đứng đó, ông mỉm cười, ông gần như cười ra tiếng khi giọng nói của ông trở nên dễ cảm thụ: "Tất cả các anh thật điên rồ. Tôi được biết tất cả các anh muốn cho Thụy được phóng thích. Tôi cũng biết rằng các anh muốn các điều khoản của Hiệp định Paris được thực hiện để tất cả các anh đều được trao trả. Nếu các anh muốn Thụy được trở lại, đó là việc tôi có thể giải quyết ngay ở đây. Nếu các anh muốn tôi có thể thả cho Thụy quay lại đây với các anh ngay chiều hôm nay. Còn về Hiệp định Paris thì đó là điều rõ ràng nằm ngoài thẩm quyền giải quyết của tôi. Vậy đấy. Tôi không có thẩm quyền ở bất kỳ lĩnh vực nào khác. Khi Nhà nước chỉ thị cho tôi phải thực hiện việc gì, tôi sẽ thực hiện việc đó. Khi

Nhà nước chỉ thị cho tôi phải tiêu diệt cái gì thì tôi sẽ tiêu diệt cái đó. Đó là những điều mà Nhà nước và Chính phủ có thẩm quyền hướng dẫn và yêu cầu tôi thực hiện."

"Còn về Thụy, tôi sẽ cho anh ta trở về đây với các anh ngay trong chiều nay, nhưng tôi yêu cầu tất cả các anh tiếp tục ăn uống bình thường sao cho các anh giữ được sức khoẻ để chuẩn bị cho ngày mà Đảng và Nhà nước sẽ bố trí cho anh được về đoàn tụ với gia đình. Nếu tôi cho Thụy trở lại thì liệu các anh có tiếp tục ăn uống bình thường không?"

Ngồi yên lặng, những người biệt kích suy ngẫm về đề nghị của ông Toán, cuối cùng họ đồng ý tiếp tục ăn nếu Thụy được thả. Không khí đối địch đã tan biến.

Đó là một thắng lợi nhỏ. Một số biệt kích nghĩ rằng đó là một bước ngoặt quan trọng đầu tiên có thể dẫn đến những việc khác sau này. Cuộc tuyệt thực này đã kết thúc và những người lính biệt kích bắt đầu lui về các nhà giam của họ. Trong mấy ngày sau đó, cán bộ trại giam bắt đầu gọi một số người đến báo cáo với sỹ quan trực ban họ biết những gì đã xảy ra. Những người tù này có thể báo cáo với cán bộ của trại về những tên đầu sỏ, những thông tin cần thiết giúp cho cán bộ này có thể xác định được sự trừng phạt thích hợp. Các kế hoạch của họ trở nên không có hiệu quả, do một mảnh giấy được cuộn lại và bắn bằng giấy cao su vào các phòng giam F2. Mảnh giấy này có một dòng tin ngắn: "Họ đã tổ chức một đơn vị tự nguyện để tấn công lại tất cả các anh. Không được rời khỏi phòng giam của các anh".

Đó là cách mà những người tù đã liên lạc với nhau có hiệu quả trong hàng chục năm. Đoạn tin này được bắn từ khu này sang khu kia, đó là phương tiện liên lạc có hiệu quả cao chưa bao giờ ngừng. Trong tháng 6, toàn bộ phân đội biệt kích ở các nhà giam F1 và F2 được lệnh chuẩn bị chuyển tới các địa điểm mới. Trong danh sách đã chuẩn bị có 50 tên. Những người tù này đã được tập hợp tại cổng trước sẵn sàng để được chở đi. Họ thấy vài chiếc xe tải và nhiều người trong lực lượng bảo vệ bên ngoài đang chờ ở cổng. Mọi việc có vẻ bình thường, chỉ là việc chuyển sang nơi khác.

Khi những người tù chuẩn bị ra khỏi khu K1, một cán bộ đi tới và chỉ định một số người trong bọn họ xếp thành một hàng và những người khác xếp vào hàng thứ hai. Rồi cán bộ

này chỉ vào một hàng có 21 tù nhân và nói rằng họ phải chuyển đến Quyết Tiến. Rõ ràng là danh sách 50 người này đã là một âm mưu có tính toán. Nó gồm có những phần tử chống đối trung kiên, cũng như một số người tù được coi là những người đưa tin. Trong lúc lộn xộn, 21 người đã được chọn bị đẩy lên một xe tải và chiếc xe này rời đi.

Chiếc xe thứ hai chở những người hộ tống có vũ trang thông thường đi sau chiếc xe kia.

Việc lựa chọn cẩn thận và chuyển ngay 21 tù nhân này có nghĩa là các cán bộ trại giam đã có thể phối hợp nhanh chóng với Bộ Công an ở Hà Nội.

Rõ ràng việc chuyển này là quyết định của Bộ mà chỉ huy trại giam không thể quyết định được. Các chỉ huy trại giam chỉ có quyền kiến nghị một số hành động như việc di chuyển hoặc thả tù, những gì thuộc thẩm quyền của họ.

Hai chiếc xe tải này dừng lại cách nhà giam Phố Lu gần 20 km. Một cán bộ của ban giáo dục được chỉ định đi theo các tù nhân đứng dậy đọc lệnh của Bộ Công an. Nội dung của lệnh xác định rằng việc chuyển này là một quyết định của Bộ và chỉ thị không được đọc lại ở trại giam. Lệnh đã rõ ràng, chính xác và báo hiệu những việc sẽ xảy ra:

- Phụ cấp hàng tháng của các anh được quy định trong hiệp định Paris sẽ bị đình chỉ ngay. Không ai trong các anh kể từ ngày hôm nay sẽ được đặt ra ngoài bất kỳ điều khoản nào của hiệp định này. Từ nay trở đi phụ cấp của các anh sẽ bị giảm xuống mức 12 đồng một tháng và các anh sẽ phải tiếp tục cải huấn.

Anh ta bước xuống và đoàn hộ tống lại tiếp tục đi, khi các xe tải này rú ga chạy về phía Quyết Tiến thì những tù nhân còn lại ở Phố Lu trở nên lo sợ. Phần lớn họ tin rằng việc di chuyển này là phân đội đầu tiên của nhiều phân đội sẽ được chuyển tới địa điểm khác để hành hình. Những người biệt kích còn lại tụ tập ở các phòng giam F3. Họ tuyên bố rằng họ quyết định ở lại với nhau và từ chối trở về các nhà giam.

Những người biệt kích này biết rằng lực lượng bảo vệ của trại giam vẫn còn đang triển khai với các súng máy trên các tháp canh. Nhưng các tù nhân không thể thấy được toàn bộ

lực lượng bảo vệ vào trại giam với các vũ khí tự động và sẵn sàng thực hiện giai đoạn tiếp theo của việc trừng phạt gay gắt những người tuyệt thực. Ngoài lực lượng Công an vũ trang một trung đội đặc biệt đã được Hà Nội phái đến với nhiệm vụ cụ thể là nhanh chóng đàn áp cuộc tuyệt thực một cách có hiệu quả.

Thiếu tá Toán ra lệnh cho những người bảo vệ đứng một bên canh giữ một cách tuyệt đối an toàn và trực tiếp: "Đàn áp cuộc nhiễu loạn!".

Võ Đại Nhân, phó Cục trưởng cục Lao Cải (Ban chỉ huy lao động và cải huấn), nói chung đã thoả mãn với việc cải huấn lính biệt kích ở nhà giam Tân Lập vào mùa thu năm 1972.

Mọi việc đều được tiến hành trôi chảy cho đến khi ngừng bắn. Theo các điều khoản liên quan đến tình hình của những tù nhân được hồi hương. Các cán bộ của trại giam coi đó là thời điểm thích hợp để phân phát các tài liệu tuyên truyền cho các tù nhân.

Một lính biệt kích kêu lên: "Không! Chúng tôi sẽ không đọc bản tuyên truyền này! Đây là một sự vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hiệp định. Ngăn cấm việc sử dụng tài liệu tuyên truyền làm công cụ để gây ảnh hưởng đến các quan điểm của tù nhân".

Cán bộ của Nhân nhanh chóng rút lại tài liệu này.

Những người lính biệt kích đã theo dõi việc thực hiện Hiệp định, đặc biệt là phần nói về việc trao trả tù nhân. Những tin tức này cho thấy rằng các tù nhân thực ra phải được phóng thích, trước hết là những người Mỹ và sau đó là các báo cáo về cuộc đàm phán trao đổi tù nhân qua sông Thạch Hãn. Bây giờ những người lính biệt kích ở Tân Lập nêu lên vấn đề hồi hương của họ với các cán bộ của đại tá Nhân. Câu trả lời của Nhân đối với các câu hỏi của họ là sẽ để cho họ họp với nhau trong một phiên họp chính thức. Theo ông ta thì đây là thời gian thử thách cuối cùng.

"Không ai trong các anh được coi là tù binh chiến tranh theo quy định của Hiệp định". Ông ta bắt đầu: "Tất cả các anh là gián điệp. Các anh không phải là tù binh chiến tranh. Định nghĩa về tù binh chiến tranh nói chung không đề cập đến các gián điệp biệt kích như các anh. Nếu bất kỳ ai trong các anh được trao trả, thì các anh chỉ được trao trả cho người Mỹ vì chính quyền miền Nam không thừa nhận rằng các anh là người của họ".

Vài ngày sau, lời tuyên bố này được tiếp theo bằng những lời tuyên bố khác của ông Nhân nói rằng người đại diện của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ông Lê Đức Thọ, đang đàm phán với người đại diện của Mỹ, tiến sĩ Henry Kissinger. Ông Nhân nói rằng các cuộc đàm phán này bao gồm vài chủ đề, trong đó có việc trao trả các lính biệt kích cho người Mỹ, cũng như số tiền mà Việt Nam Dân chủ Cộng hoà yêu cầu Mỹ bồi thường chiến tranh. Từ những nhận xét này, rõ ràng là việc hồi hương của các tù nhân biệt kích có liên quan với việc bồi thường chiến tranh mà Bắc Việt Nam cố sử dụng những tù nhân này làm đòn bẩy để nhận được tiền của Hoa Kỳ.

Những người lính biệt kích lấy làm sửng sốt. Họ không có cách nào để biết rằng điều này là thật hay giả, và lắng mạ rằng Bắc Việt Nam vi phạm các điều khoản của Hiệp định, đã dùng họ như là "Vật để mặc cả" để moi tiền của Washington. Một số lính biệt kích coi những nhận xét của ông Nhân chỉ hơn lời tuyên truyền một chút để làm cho họ tức giận người Mỹ, nếu họ không được trao trả. Sau đó trong trại giam có tin đồn rằng các cuộc đàm phán giữa ông Thọ và Kissinger đã kết thúc.

Một buổi sáng có một đoàn của Bộ đột xuất về thăm khu giam giữ biệt kích. Cán bộ chỉ huy nhà giam, đại úy Nguyễn Văn Thụy cùng đi với đoàn.

Khi Thụy vào các phòng giam, anh ta ra lệnh cho một biệt kích đến gặp Thực, một cán bộ của Bộ. Thực đọc cho người tù này nghe lệnh của Bộ Công an.

Đây là quyết định của Bộ về việc anh đã chống lại Nhà nước. Anh đã tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, nói xấu Nhà nước, đã chống lại Nhà nước và đã lôi kéo những người khác cùng thực hiện. Ủy ban điều tra về những tội ác này yêu cầu anh phải chuyển đi nơi

khác.

Tù nhân này nhìn chăm chăm vào Thực và sau đó cầm bản sao Hiệp định, chỉ vào điều khoản cấm chuyển tù nhân. Rõ ràng là điều khoản này giải thích rằng việc chuyển tù nhân có thể dẫn đến việc những người tù "khó hiểu" sẽ bị lực lượng giam giữ hành hình. Thực ra Hiệp định không viết theo cách này, nhưng rõ ràng đã ngụ ý cấm việc di chuyển các tù nhân. Người lính biệt kích này từ chối chấp nhận lệnh chuyển đi của Bộ.

Sau khi tù nhân này rời đi để gặp Thực, những lính biệt kích khác đã vội vã chuyển tin nhanh bằng "mã hiệu gõ" về việc một lính biệt kích đã có lệnh bị triệu ra ngoài. Họ quyết định tổ chức tuyệt thực để biểu lộ hành động phản đối nếu xảy ra điều gì không thuận lợi.

Quay trở về phòng giam của mình, tù nhân này đã cho các người tù cùng phòng biết rằng anh ta sắp bị chuyển đi "khử". Phản ứng của các người khác là phát động ngay cuộc tuyệt thực. Rõ ràng là người tù này quay về phòng giam của mình và những người khác đã tham gia vào bước đầu của cuộc rối loạn, một cán bộ nói rằng họ có thể ra ngoài trong một giờ để tù nhân này thu thập các tư trang của mình. Đó là bước đầu trong cố gắng của họ để làm cho tình hình này bớt căng thẳng. Một giờ sau khi cán bộ này từ chối đi vào phòng giam và tuyên bố rằng họ đang tuyệt thực để chống lại chính quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không nghiêm chỉnh thực hiện các khoản của Hiệp định Giơnevơ và việc trao trả họ.

Thực lệnh cho những người bảo vệ nhà giam khoá các cửa phòng giam, rút ra từ khu giam biệt lập và khoá lối vào đằng sau họ.

Cuộc tuyệt thực kéo dài trong 4 ngày. Cứ mỗi giờ cán bộ lại quay lại các phòng giam và kêu gọi những người tuyệt thực đầu hàng. Những tù nhân này tiếp tục từ chối cho đến khi các yêu cầu của họ được đáp ứng. Tình hình đã trở nên bế tắc.

Vào ngày thứ tư, đại tá Nhân từ Hà Nội trở về và đến thẳng khu giam biệt lập. Ông đi vào một phòng có 9 biệt kích, kể cả một người đã là đối tượng của lệnh chuyển đi đầu tiên. Tù nhân này được lệnh đi ra, nhưng anh ta từ chối, trừ khi lệnh này được hủy chính thức.

Với cấp bậc và chức vụ của mình, Nhân không đem lại kết quả trong thương lượng với các tù nhân. Ông đi ra, và vẫy tay ra lệnh cho các lực lượng An ninh vào khu trại giam. Họ kéo tất cả những lính biệt kích này ra sân ngoài. Kẻ chống đối được đưa vào khu K1 và tiến hành lấy khẩu cung tại chỗ. Theo những người biệt kích thì đó chỉ là sự kết án chứ không phải là xét xử.

Nhân và người cán bộ khác ngồi sau một chiếc bàn. Một cán bộ đọc lời tuyên bố đã được chuẩn bị, kể ra các tội lỗi của tù nhân này. Đó là một bản liệt kê dài. Anh ta bị kết tội là chống lại việc cải huấn, thoá mạ chế độ, tổ chức một bộ phận của những người tù khác tiến hành chống đối xúi bẩy tuyệt thực. Người ta đã đọc bản án đầu tiên của anh ta, cũng như bản liệt kê các vi phạm vào điều lệ trại giam từ ngày bị bắt, bao gồm 55 trường hợp anh ta đã bị kỷ luật về các vi phạm khác nhau. Quyết định của Toà án đối với tội xúi bẩy tuyệt thực là án tử hình. Tù nhân này bị giam biệt lập và bị cùm cả 2 chân. Ngày hôm sau anh ta được gọi ra để gặp Nhân, anh ta coi đó là bước đầu tiên trong quá trình hành hình. Võ Đại Nhân đặt ngay câu hỏi.

"Có thấy khẩu súng này không?", ông ta nói: "Đây là súng của Việt cộng, nó không phải là súng để bắn chim. Nó là súng để bắn những tên phản động và những tên giống như anh. Các hành động của anh ở đây đã được đài BBC lợi dụng. Đài này đã phát đi trên toàn thế giới về cuộc tuyệt thực ở đây. Thế giới đã sử dụng cuộc tuyệt thực của các anh thành một công cụ để tấn công chế độ của chúng tôi và chỉ trích hệ thống và Nhà nước của chúng tôi".

Mai Đại Học tỏ ra hãnh diện. Anh ta cười mỉm nhìn đại tá Nhân.

Nhân thét lên "Anh cười cái gì?".

"Điều mà ông vừa nói với tôi có nghĩa là việc làm của chúng tôi thật bỏ công". Học cười lớn.

Nhân bắt đầu la hét. Rõ ràng là không kiềm chế được mình, ông ta đá chiếc ghế và đập bàn. Ông gọi những người bảo vệ đem tù nhân này về phòng giam kỷ luật và cùm cả hai chân. Kể

cả sau khi Học được đưa đi, Nhân vẫn còn tiếp tục nói lung tung, hất đổ bàn ghế trút tức giận của mình vào bất cứ vật nào ở chung quanh.

Vài ngày sau bổ sung thêm các lính biệt kích khác. Lần này ở khu K2 cũng bị chuyển đến các phòng giam kỷ luật.

Vào ngày bị cùm thứ tư của Học. Nhân gọi anh ta đến gặp một lần khác.

"Anh đã bị kết án tử hình nhưng tôi vẫn chưa ra lệnh thi hành". Nhân nói: "Đừng có tưởng rằng chúng tôi sẽ để cho anh sống. Một lý do duy nhất mà chúng tôi chưa bắn anh là vì tên của anh đã xuất hiện trong danh sách những tù nhân sẽ được trao trả cho Mỹ. Tên của anh có thể ở trong danh sách đó, nhưng chắc chắn là chúng tôi sẽ bắn anh trước khi có người nào đó được trao đổi để chuyển lời cảnh cáo cho những người khác".

Hai tháng sau một nhóm có hơn 20 kẻ phá rối đã được chuyển từ trại Tân Lập đến trại giam Quyết Tiến.

Đối với Bộ Công an thì các cuộc tuyệt thực ở Tân Lập và Phổ Lu không phải là vấn đề nghiêm trọng. Họ đã có sẵn các kế hoạch phòng ngừa để đối phó với tuyệt thực. Tại một khu vực đang chú ý, căn cứ vào những câu hỏi lặp đi lặp lại của cán bộ trại giam trước những tù nhân sau sự kiện này, cho thấy rằng các cuộc tuyệt thực đã xảy ra cùng một lúc ở các trại giam biệt lập Theo ý kiến của các chuyên viên An ninh Quốc gia thì việc này liên quan đến một loại kênh truyền thông bí mật đã làm cho các tù nhân ở một trại giam này có thể phối hợp với các tù nhân ở trại giam khác.

Những tù nhân này chỉ dựa lưng vào nhau và mỉm cười với nhau mỗi khi nghe thấy cán bộ trại giam thể hiện sự quan tâm đến vấn đề này. Bộ Công an đã không bao giờ có thể phát hiện ra điều bí mật đó.

-----o0o-----

(Hết mục 20).

21. TRỞ LẠI QUYẾT TIẾN.

Cuộc tuyệt thực đã qua, nhưng sự tàn nhẫn vẫn còn tiếp tục dưới sự quản lý mới.

Nhiều người trong số 21 lính biệt kích đầu tiên được chuyển đến trại giam Quyết Tiến là những người tuyệt thực ở Phổ Lu. Trong khu trại mới này họ đã trải qua thay đổi đột ngột về sinh hoạt trong tù, những công cụ gông cùm và biệt giam trước mắt cũng như lâu dài của chế độ quản lý trại giam ban đầu đã thay thế cho việc sử dụng lao động để cải tạo các lính biệt kích. Đầu tiên các cán bộ trại giam giảm các khẩu phần ăn của họ, tiếp đến lệnh chuẩn bị hồ sơ tự kiểm điểm theo nghi thức. Sau đó họ được đưa vào các phòng giam kỷ luật.

Những ngày phải lao động nhiều giờ, tăng sản phẩm lao động, tự kiểm điểm và các buổi học nhóm đã thay thế bằng việc giam dài hạn với các khẩu phần chết đói. Việc giam biệt lập này được tính toán cẩn thận để làm mất phương hướng, nhằm lẫn, tê dại, mất cảm giác và làm cho mỗi người tù chỉ còn tập trung vào sự sống sót. Kết hợp với việc giảm khẩu phần thực phẩm hàng tháng ngay lập tức và quyết liệt. Việc giam biệt lập cũng đảm bảo rằng những người trong các nhà giam kỷ luật không thể tiến hành một loạt hoạt động nào khác. Nhưng ngược lại việc này cũng làm tăng thêm những cảm giác của lính biệt kích về sự cô lập và cho phép cán bộ trại giam có thể đập tan bất kỳ sự câu kết nào giữa những người lính biệt kích, đó là nhiệm vụ đầu tiên mà các cán bộ trại giam đã thực hiện một cách khéo léo.

Việc gông cùm luôn sẵn sàng được thực hiện ngay không do dự, là một hình thức trừng phạt mà mọi người đã biết nếu họ tỏ ra ít quan tâm nhất đến cái mà cán bộ gọi là "lười biếng" hoặc bất cứ hình thức đối xử nào khác có thể giải thích là sự xúc phạm tư tưởng XHCN hoặc hành vi chống lại CNXH. Việc gông cùm đã được trù tính kỹ, được thực hiện một cách tinh xảo và hoàn toàn hữu hiệu. Trung sỹ Tô, trưởng ban giáo dục trại giam là người

bắt đầu thực hiện việc này. Anh đã nhận được chỉ thị của đại úy Lang, cán bộ chỉ huy mới của trại giam Quyết Tiến. Lang thích thú với cương vị mới của mình. Trước kia anh là cán bộ cấp phó của người chỉ huy cũ, Nguyễn Sáng. Lang chú ý nhìn trung sỹ Tô bước nhanh vào các phòng giam biệt lập, hạ sỹ Thua chịu trách nhiệm về những tù nhân bị giam biệt lập cùng với Tô. Với một bó giấy và những chiếc bút chì trong tay, Tô đi vào phòng giam những tù nhân mới đến. Anh mỉm cười khi nhìn chung quanh. Những tù nhân này, một số thì ngồi còn số khác thì nằm trong các ổ rơm, họ nhìn lại Tô đang có vẻ kiêu ngạo. Họ biết rằng anh sẽ phải đương đầu với họ như là với một nhóm, vì không ai được chỉ định làm người đứng đầu các phòng giam.

Giọng của Tô trầm nhưng đồng dục: "Ban chỉ huy trại giam đã hướng dẫn mỗi người trong các anh phải viết một bản tự kiểm điểm, nêu rõ và đầy đủ mỗi hành động của các anh, các sai phạm của các anh và nói rõ các anh dự định sửa chữa như thế nào".

Anh phát giấy và bút chì cho mỗi tù nhân rồi bỏ đi. Tô ngại rằng các tù nhân này sẽ không viết điều gì và anh thật sự không quan tâm. Số phận của 21 người này đã được định đoạt. Các cán bộ chỉ huy đã thảo luận về cách xử lý các tù nhân này, đặc biệt là nếu họ từ chối tuân theo các mệnh lệnh. Để an toàn, lực lượng bảo vệ phải luôn cảnh giác, họ sẽ giám sát chặt chẽ các lính biệt kích này. Nếu họ muốn bị đối xử hà khắc, thì sẽ được hà khắc. Họ sẽ bị giam ở đây trong thời gian theo yêu cầu của Hà Nội và đây là lúc để dạy cho họ một bài học. Chỉ còn một vấn đề là người nào sẽ được chọn trước. Trong các nhà giam biệt kích, Nguyễn Minh Châu là người đầu tiên được chọn. Anh ta nhìn chằm chằm vào chiếc bảng treo trên tường có viết 4 điều quy định đối với tù nhân. Họ đã được kiểm tra các quy định này ngay khi đến Quyết Tiến ngày hôm ấy.

Thành thật thú nhận các tội lỗi của mình. Cải tạo tư tưởng và bám sát các quy định. Cải tiến công tác. Giúp đỡ các bạn tù khác được giáo dục lại và báo cáo cho Nhà nước biết bất cứ người nào khác trong xã hội bên ngoài đã phạm các tội ác mà chưa bị bắt. Trước đây Châu đã thấy các biển tương tự như vậy nhưng anh đã bỏ qua. Chúng là một phần của đời sống nghi thức trong tù, nhưng lần này đã khác. Châu cương quyết bước lại gần tấm biển, giật nó xuống và giẫm lên nó. Rồi anh quay đi và trở về chỗ ngủ của mình. Anh nằm xuống và đánh

một giấc.

Vào lúc 12 giờ trung sỹ Tô quay lại để kiểm tra sự tiến bộ của họ. Các tờ giấy vẫn nằm đấy không được sử dụng. Anh quay lại lần nữa vào lúc 14 giờ vẫn thấy rằng các tù nhân vẫn chưa làm gì. Anh quay đi chẳng nói chẳng rằng. Vào lúc 18 giờ anh quay lại lần thứ 3 và vẫn chưa điều gì được thực hiện. Đó là thời điểm để thực hiện bước tiếp theo.

Trung sỹ Tô xướng lên các tên Nguyễn Văn Hình, Nguyễn Văn Đô và một biệt kích thứ 3. Họ được những người bảo vệ kéo ngay ra và đưa vào khu kỷ luật ở phía sau khu K, một dãy nhà có 18 phòng giam, 9 phòng ở mỗi bên, hành lang ở giữa. Tô biết rằng họ dễ có thể bị đưa vào dãy các nhà giam với những tên phá rối này.

Tối hôm đó khi Tô quay lại khu kỷ luật này, không ai viết một điều gì. Một hoặc 2 ngày sau đó vào lúc 18 giờ bỗng có tiếng chó sủa kèm theo các tiếng kêu của một nhóm đông các tù nhân, cán bộ và người bảo vệ. Buồng của phòng biệt kích được mở ra cho Tô vào cùng với những người bảo vệ có vũ trang, trong đó có 4 người dắt theo những con chó Đức đang gầm gừ. Khi những người bảo vệ ulla vào phòng giam này, thì lập tức diễn ra cảnh hỗn loạn và họ đọc to những mệnh lệnh khó hiểu giữa tiếng chó sủa. Trung sỹ Tô đứng đó với mảnh giấy trên tay, chờ cho tiếng ồn giảm đi. Anh nhìn lướt nhanh khắp phòng giam trước khi đọc tờ ghi chú:

"Lê Văn Ngung, Nguyễn Minh Châu, Trần Ngọc Bính, Đặng Đình Thụy, Hoàng Văn Vân, Nguyễn Văn Tập". Anh chỉ vào từng tù nhân mỗi khi xướng tên của họ. Những người bảo vệ nhanh chóng tóm từng người trong khi những con chó vừa sủa vừa kéo căng các dây dắt. Một lính biệt kích đứng dậy, anh ta đang ngậm một điếu thuốc lá.

Tô bước lại quát: "Anh tưởng rằng anh còn có thể hút thuốc ư, Ngung?". Vẩy bàn tay ra trước mắt người lính đó anh ta làm cho tàn của điếu thuốc đó bay ra. Thái độ của Ngung rất đặc biệt. Thời gian phải sợ hãi đã qua. Không ai sẽ được về nhà, vậy thì các cán bộ nhà giam có thể làm gì, giết họ ư? điều đó không còn là vấn đề nữa. Cẩn thận triển khai khắp bên trong trại giam, cảnh giác với bất kỳ sự nhiễu loạn nào khác là một lực lượng có đến 50

người bảo vệ được trang bị đầy đủ với 4 hoặc 5 con chó săn. Khi những người tù bị xô ra khỏi phòng của mình, thì những người bảo vệ lập tức xích tay họ, kéo giạt cánh khuỷu ra phía sau. Sau đó họ kéo lê những người tù ở bên ngoài vào các phòng giam và vào dãy nhà biệt lập có các phòng giam kỷ luật. Những người bảo vệ nhanh chóng đẩy các tù nhân vào bên trong. Cứ 2 người một phòng. Mỗi người đều bị đè xuống sàn xi măng và mỗi người ở một phía. Các mắt cá chân họ bị đặt chéo và cùm lại, với thanh sắt xuyên qua các lỗ khuyên của chiếc cùm giữ chân họ không nhúc nhích được.

Trong những tháng trôi qua năm 1974 và sang đầu năm 1975, những người biệt kích ở Quyết Tiến chỉ biết rất ít về thế giới bên ngoài. Họ gần như hoàn toàn bị cách ly. Họ chỉ biết được một ít tin tức của thế giới bên ngoài qua một số tù thường phạm thi thoảng có người nhà đến thăm. Những lính biệt kích này biết rằng nhịp độ của cuộc chiến tranh ở miền Nam đã tăng lên, nhưng có rất ít tin tức cụ thể về những gì thực sự đang xảy ra.

Rồi vào tuần đầu tháng năm năm 1975, một cán bộ giáo dục của trại giam đột nhiên đi vào khu của họ và trưng lên những tấm ảnh về đời sống của miền Nam. Những người lính biệt kích lần đầu tiên được thấy đất nước của họ kể từ ngày họ bị bắt, đối với một số người đã bị bắt đến 14 năm. Người cán bộ này đã đóng xong các bức ảnh lên tường, anh đứng lui lại để ngắm nghía công trình của mình. Anh nói: "Hãy xem chúng tôi đã giải phóng Sài Gòn. Cộng hoà Việt Nam đã bị tiêu diệt và quân đội bù nhìn đã đầu hàng!"

Những người lính biệt kích sững sờ vì cơn sốt chết lặng người, không thể nói lên lời, không thể nói được gì ngoài việc ngắm những bức ảnh trên bảng. Có một bức ảnh chụp các xe tăng của Quân đội nhân dân Việt Nam đang ào xuống đường cao tốc Biên Hoà chuẩn bị tiến vào Sài Gòn, bên cạnh một bức ảnh về chiếc xe tăng xông vào Dinh Độc Lập. Chiếc ảnh khác chụp hai dãy An ninh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, trong đồng phục màu trắng đứng hai bên đường xa lộ bên cạnh cổng trụ sở cảnh sát ở phố Võ Tánh. Những người An ninh này đang chào quân Bắc Việt Nam tiến vào trụ sở Cảnh sát quốc gia.

Những người lính biệt kích chăm chú nhìn các bức ảnh dường như mô tả Sài Gòn, nhưng đó là Sài Gòn tràn đầy quân đội Bắc Việt Nam.

"Vì sao họ đã không biết được tí gì về việc này? Và vì sao chiến tranh lại kết thúc đột ngột như vậy?"

Nhìn chăm chú gần vào những bức ảnh này, những người tù cố xác định xem đây là thực hay là những thứ mà Bộ sáng chế ra để lừa dối họ hơn nữa. Phần lớn đã quay đi, về các phòng giam của họ bỏ công việc còn dở dang lại đằng sau. Họ ngồi đầy thất vọng trong mấy ngày và không chịu tin vào những gì họ đã thấy. Những người này đã hy vọng rất lâu rằng miền Nam, hiện nay đã đầu hàng, ngày nào đó sẽ chiến thắng. Một sự đầu hàng, chỉ dựa trên các tấm ảnh là quá đáng để họ có thể chấp nhận.

Khi những người lính biệt kích đầu tiên bắt đầu nói về chủ đề này trong những ngày sau đó. Họ suy luận rằng đó có thể là những bằng chứng về một loại chính phủ liên hiệp.

Hầu hết những người lính biệt kích ở trại giam Quyết Tiến vẫn không chịu chấp nhận một thực tế về sự đầu hàng không điều kiện và sự sụp đổ của nền đệ nhị cộng hoà của chính phủ Cộng hoà Việt Nam cho đến năm 1977, hai năm sau sự kiện này. Chỉ đến khi họ gặp các sĩ quan của các lực lượng vũ trang Cộng hoà Việt Nam đến lao động ở Quyết Tiến năm 1977, thì những người lính biệt kích này cuối cùng mặt đối mặt với thực tế khắc nghiệt là chiến tranh đã kết thúc thực sự.

Một trong những người đã đối mặt với thực tế này là một người tù dài hạn tên là Ớt, quê Hà Nội. Anh ta bị bắt năm 1958, như là một biệt kích hậu cứ trong mạng điệp viên của Trần Minh Châu, một trong những điệp viên hậu cứ được CIA đào tạo ở Tây Ban Nha năm 1954. Một số biệt kích bị giam ở Quyết Tiến trước năm 1972 biết anh ta ở đây, nhưng không rõ lắm vì anh ta đã bị giam cùng tù chính trị của Bắc Việt Nam. Hầu hết những người biết anh ta trong giai đoạn này đều nghe nói rằng anh ta là người chống lại những ai tin rằng với lý do nào đó, có ngày anh ta sẽ được phóng thích. Nhưng sự kiện 30 tháng 4 năm 1975, hầu như làm cho cá tính của Ớt thay đổi đột ngột.

Ốt vẫn còn những bà con sống ở Hà Nội, nhưng anh ta không có những người bạn thực sự trong số những người ở trại giam. Vào năm 1975, người ta biết anh là người còn sống sót cuối cùng của mạng điệp viên Trần Minh Châu. Những người khác đã chết nhiều năm trước, phần lớn họ đều ở các nhà giam làm bằng gỗ ở Quyết Tiến.

Ốt đã thấy nhiều tù chính trị được phóng thích năm 1973. Cả anh cũng muốn được phóng thích, nhưng anh biết rằng anh không bao giờ có thể sống yên ổn ở miền Bắc vì anh đã phạm tội làm gián điệp. Anh chỉ có thể sống ở miền Nam. Hy vọng này đã tan biến vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Một thời gian ngắn sau sự đầu hàng này, Ốt bắt đầu nói đến việc anh mong muốn được phóng thích. Bây giờ cuộc chiến tranh đã kết thúc, đã có những cuộc đàm phán về việc phóng thích tù chính trị. Ốt cảm thấy rằng cơ hội duy nhất của anh là trở về quê hương Hà Nội của mình. Trong quá khứ, anh đã nói rằng cuộc đời của anh là ở mạng điệp viên, nhưng bây giờ mọi việc đã thay đổi: toàn bộ mục tiêu của anh là được phóng thích và chứng minh rằng anh đã được cải huấn. Anh đã biết cách để thích ứng.

Ốt, người ở phòng giam 11 đã được chỉ định làm người đứng đầu nhóm may gồm có một nhóm hỗn hợp những người lính biệt kích ở các phòng 11 và 12 ở khu K. Người giúp việc của anh là một lính biệt kích, Đoàn Phương. Bây giờ Ốt thể hiện bằng lời nói về sự khinh miệt đối với "các lính biệt kích bù nhìn". Điều đó rõ ràng là anh không căm ghét những người biệt kích, mà đó chỉ là lời nói của Cộng sản Việt Nam được lặp lại như đúc, nhằm để thuyết phục những người bắt anh ta rằng anh đã thực sự thay đổi. Ốt đã phải báo cáo cho thượng sỹ Tín, một cán bộ giáo dục chịu trách nhiệm theo dõi thái độ của những người trong nhóm thợ may này.

Trước đây Tín chỉ là hạ sỹ ở Quyết Tiến năm 1974, anh ta đã được đề bạt nhanh chóng. Cuối cùng những người lính biệt kích đã quyết định phải làm một điều gì đó với những lời chỉ trích của Ốt thường làm cho họ tức giận. Một hôm các thành viên của nhóm này đang đi

hái rau cho bữa cơm tối. Ớt đã bước ra và nói đi nói lại rằng số rau này không được nấu trong ngày hôm ấy. Anh ta có quyền quyết định như vậy vì những người tự chịu trách nhiệm trồng rau là thành viên trong nhóm may của anh ta. Trong hoàn cảnh bình thường thì người ta phải nghe theo những chỉ dẫn của anh, nhưng lần này do sự phẫn uất trào lên họ đã chống lệnh của Ớt.

Họ đã luộc rau trong căn nhà bếp của nhóm này, trong khi Ớt tức giận vì mệnh lệnh của anh ta đã không được tuân theo. Những người biệt kích trao đổi với nhau và quyết định rằng đây là lúc phải cho anh ta ăn một trận đòn, phải dạy cho Ớt biết thế nào là lễ độ. Ngay trước khi bữa ăn đã sẵn sàng, đa số tù nhân ở phòng 11 và 12 đã tụ tập đông đủ. Họ túm lấy Ớt và đấm đá anh tới tấp. Đến lúc họ dừng lại thì hầu như anh ta đã bị đánh gần chết và chỉ có thể bò lê trong phòng giam. Ớt được chuyển đi và trở thành nhóm trưởng của nhóm may 1, gồm các tù chính trị ở trong các phòng giam biệt lập, sát với phòng họp của trại giam. Anh ta đã được phóng thích khỏi trại giam và trở về Hà Nội vào cuối năm 1976 hoặc đầu năm 1977.

Ngày 2/9/1976, toàn bộ những người trong trại giam được triệu tập đến phòng họp lớn phía trong cổng trước. Đại úy Lang đã đọc nhanh bản danh sách khen thưởng các nhóm lao động đã có thành tích trong cuộc thi đua sản xuất. Sau đó mọi người đều ngạc nhiên khi anh đọc một bản đã in sẵn:

- Trong dịp này, Bộ Nội vụ kỷ niệm ngày 2/9 bằng sự ban hành một chỉ thị đặc biệt, nghị định về ân xá đặc biệt. Chỉ thị này đã được ban hành với quan điểm thực tế là ngày nay đất nước đã được thống nhất và để tỏ lòng khoan hồng của Nhà nước.

Lang tiếp tục cẩn thận đọc nguyên văn của nghị định dự kiến cho phép một số tù chung thân được chuyển sang làm việc ở khu vực sản xuất và nhấn mạnh rằng việc này sẽ được áp dụng cho những người đã cải huấn có kết quả. Sau lời giới thiệu này anh đọc chậm và đồng dạng những tên, tội ác và các án quyết của hơn 20 biệt kích cùng con số tương tự của các phạm nhân bị kết án chung thân. Những lính biệt kích này, hầu hết là những người đã bị bắt trong những năm đầu của thập kỷ 60. Tất cả đã bị tổng giam vì tội gián điệp biệt kích và hầu như đã nhận án tù 25 năm.

Mặc dù nghị định này có điều khoản "ân xá" song Lang không bao giờ đề cập đến một người nào thực sự được hưởng ân xá. Nhiều lính biệt kích cười thầm, cho rằng đó chỉ là một thí dụ khác về trò chơi chữ của Bộ Nội vụ.

Khi các tên phạm nhân được đọc lên, một số lính biệt kích cảm thấy tức giận. Họ biết rằng một số người được lựa chọn đã không giữ được lòng trung thành. Tuy nhiên sau đó mọi người đều đồng ý rằng những tù nhân được lựa chọn này là những thành viên của các toán bị bắt sớm nhất, họ đã bị kết án dài nhất và khắc nghiệt nhất. Chỉ có một ít tên trong danh sách này là những điệp báo viên đã được Hà Nội thu dụng. Còn những người cung cấp tin tức tồi tệ nhất thì không có tên trong bản danh sách này, và điều đó làm cho nhiều người nghe cảm thấy vui thích.

Đầu tháng 10/1976, một số tù nhân được lựa chọn đã rời khỏi trại giam Quyết Tiến. Những người đã bị giam trong phòng giam kỷ luật có thể nghe thấy những lời chào tạm biệt, nhưng họ không có cách gì để biết về những điều đang xảy ra .

Những lính biệt kích được coi là đã chuyển đến trại giam Tuyên Quang bằng xe tải, nhưng đầu tiên họ được đưa đến thị xã Hà Giang và bị giam ở trại giam của tỉnh Hà Giang cách thị xã 4km. Họ được đặt dưới sự quản thúc tạm thời của lực lượng An ninh tỉnh và được phân công xây dựng các nhà giam tạm thời.

Trong vòng 4 tháng họ lại được chuyển về trại giam Trung ương số 1, trại giam Phố Lu ở bên ngoài thị xã Lào Cai. Họ xây dựng các nhà giam ở trong khu vực rào bằng dây thép gai có tên là Công trường Hồng Thắng. Đó là trại giam cách ly phụ của Phố Lu được gọi là trại giam Hồng Thắng mà trước đây được biết là trại giam phụ K4. Số tù nhân ở Hồng Thắng ngày càng đông lính biệt kích đến từ các trại giam khác.

Vào đầu năm 1977 rõ ràng là có điều gì đó đang xảy ra dọc biên giới phía Bắc. Những người lính biệt kích ở Quyết Tiến vẫn còn bị ngăn cách với thế giới bên ngoài, nhưng họ vẫn có thể cảm nhận thấy điều gì đó trong không khí này. Mùa xuân đó ba nhóm biệt kích đầu tiên đã

được chuyển đến trại giam Tuyên Quang hiện nay đã hoàn thành bởi những tù nhân đã chuyển đến trong mùa thu năm 1976 theo nghị định ân xá đặc biệt. Cùng đi với họ đến Tuyên Quang là những lính biệt kích Đài Loan còn sống sót ở trại giam Quyết Tiến. Nhiều lính biệt động cũng được tha có điều kiện và được chuyển đến công trường Hồng Thắng ở trại giam Phố Lu trong mùa xuân đó, như là một bộ phận của điều được gọi là giai đoạn 2 của việc thực hiện Nghị định ân xá đặc biệt này. Trong năm 1977, có cuộc đàm thoại ở Washington về việc bình thường hoá các mối quan hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Nhưng Việt Nam vẫn chưa có hoà bình. Vì các đám mây chiến tranh đã hình thành, Bộ Nội vụ và Quân đội nhân dân Việt Nam bắt đầu chuyển một số lớn tù nhân từ khu vực lân cận của các vùng biên giới với Trung Quốc và Campuchia, nơi có dấu hiệu về các hành vi thù địch. Đó là một lý do đặc biệt. Khi cuộc chiến tranh nổ ra, Việt Nam đã không cần đến đội quân thứ năm có tiềm lực ở sau lưng mình.

Vào cuối năm 1977, hầu hết các tù nhân ở Quyết Tiến đã được chuyển về Tuyên Quang, trừ một nhóm nhỏ cỡ trung đội còn được giữ lại ở phía sau để duy trì trại giam, xây dựng lò bánh mì và một hệ thống thuỷ lợi cần thiết để mở rộng sản xuất lương thực và chuẩn bị bàn giao trại giam này cho Quân đội nhân dân Việt Nam sử dụng làm trụ sở của họ. Một nhóm nhỏ của những tù nhân mới, nguyên là các sĩ quan và cán bộ dân sự của Nam Việt Nam đã đến để giúp họ. Những lính biệt kích ở Quyết Tiến cứ 4 tháng 1 lần được thay thế cho những người ở Tuyên Quang. Trong năm 1978, những người lính biệt kích cuối cùng được rút khỏi Quyết Tiến, trở về Tuyên Quang.

Khi những hoạt động thù địch ở biên giới tăng lên trong năm 1978, những tù nhân ở Tuyên Quang được chuyển đến trại giam Trung ương số 5, trại giam Lam Sơn ở tỉnh Thanh Hoá. Những tù nhân ở trại Phố Lu cũng được chuyển về phía Nam, một số được chuyển đến trại giam 52, trại giam Hà Tây ở tỉnh Hà Sơn Bình và một số tương đối nhỏ được chuyển đến trại giam Kim Bôi. Những cuộc di chuyển này phù hợp với việc di chuyển các sỹ quan nam Việt Nam từ các nhà giam ở các tỉnh phía Tây Bắc, đang được quân đoàn 776 của Quân đội nhân dân Việt Nam có trụ sở ở Yên Bái quản thúc, được chuyển về các trại giam an toàn hơn ở đồng bằng sông Hồng.

Mùa xuân đó, Lý Cà Xa, rồi một tù nhân ở Hồng Thắng và một tên tướng cướp nổi tiếng trong các băng cướp bị bắt trong những năm trước đây đang xây dựng trại giam chính ở đó. Lý Cà Xa trốn sang Trung Quốc cùng với một nhóm độ 10-20 người được tạm tha khác kể cả một số biệt kích Đài Loan và 2 biệt kích Việt Nam-Lê Trung Tín và Voòng A Cau, Tín và Cau là những người lính biệt kích đầu tiên đã trốn thoát khỏi nhà giam có kết quả, cho dù họ chỉ trốn sang Trung Quốc.

Vào tháng giêng năm 1979, đại đa số tù nhân ở Trại giam Phố Lu đã được sơ tán. Tuy nhiên những người lao động ở Hồng Thắng vẫn đang phải làm việc hết tốc lực ở đó. Trong tháng 2/1979, các lực lượng của Quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc đã tấn công qua biên giới và nhanh chóng tràn vào các huyện biên giới của Lào Cai, Lý Cà Xa đã đi cùng với lực lượng tấn công đầu tiên và hộ tống quân Trung Quốc vào trại giam Phố Lu. Những người dân Thị xã này kinh hoàng chạy qua trại giam Phố Lu khi họ được báo là Quân đội nhân dân Trung Quốc đã vào thị xã Lào Cai. Trại giam này rơi vào tình trạng hoảng loạn. Những cán bộ trại giam còn lại chuyển các tù nhân và những người tạm giam ra ngoài thật nhanh. Một người được tạm tha lái một chiếc xe ủi đến đến địa điểm tập kết ở Yên Bái đã mất tích. Khi những tù nhân bắt đầu định cư ở khu 1 của trại giam Trung ương số 5 thì một nhóm nữ tù nhân đã đến đó. Họ đã được chuyển ra khỏi trại giam Phố Lu khi các toán quân Trung Quốc tiến vào sâu. Một cán bộ phụ trách các phụ nữ này đã nhanh chóng rời đi để hộ tống họ. Sau này các tù nhân đó đã nói lại rằng quân Trung Quốc đã tàn phá cả hai trại giam Phố Lu và Phong Quang.

Những tù nhân ở Hồng Thắng cũng được chuyển về trại giam Tân Lập, ở đó họ xây dựng một trại giam mới, trại K7. Những người khác, từ Quyết Tiến đến ở trại K1 của trại giam Trung ương số 5 ở Thanh Hoá. Tại đây họ thấy một biệt kích già, bây giờ là người gánh nước và một nhóm sĩ quan của chế độ Việt Nam Cộng hoà. Đó là thiếu tá của Sài Gòn-Van Van Cưa mà nhiều lính biệt kích còn nhớ được từ những ngày còn ở Nam Việt Nam trong năm 1966-1967. Những người tù Nam Việt Nam được chuyển đến nhà tù Lam Sơn sau cuộc tuyệt thực của họ ở trại giam trước, như cuộc tuyệt thực của biệt kích nổ ra năm 1973 trại Phố Lu.

Cuối năm 1979, các biệt kích ở Lam Sơn được chuyển đến trại giam Thanh Phong ở huyện Thọ Xuân-Thanh Hoá. Những lính biệt kích được tạm tha ở trại K7 Tân Lập và đại úy Tô Bá Oanh cũng được đưa đến trại lao động Thanh Lâm. Tháng 12 đó, một số người được tạm tha đã được về thăm gia đình họ. Nhiều người đi về miền Nam và không bao giờ quay trở lại nữa.

Có lẽ đó là điều mà miền Bắc muốn nó xảy ra, hoặc có lẽ đó chỉ là một biện pháp khác để kiểm tra công tác "cải huấn" của họ.

-----o0o-----

(Hết mục 21).

Phần V

TRỞ VỀ TỪ CỎI CHẾT (1980-1994)

22. NHỮNG NHÀ TÙ Ở THANH HÓA.

Đối với đa số lính biệt kích, Phong Quang thể hiện một giai đoạn thay đổi rõ rệt. Một thời họ đã từng là những tên gián điệp biệt kích bí ẩn đáng ghét hơn là đáng sợ. Sự đầu hàng của Cộng hoà Việt Nam và việc chuyển hàng nghìn tù nhân dân sự và quân sự của Nam Việt Nam đã làm thay đổi cách nhìn của miền Bắc.

Một số lính quân đội Nam Việt Nam ở Phong Quang, Hà Tây và Nam Sơn còn rất ngạc nhiên khi thấy rằng hàng trăm tên biệt kích còn sống sót. Khi những lính Nam Việt Nam trở về nhà và sau đó rời khỏi Việt Nam, họ thường viết về những người lính biệt kích đã không chịu chết...

Đầu năm 1982, nhóm cán bộ An ninh Quốc gia đã đến Thanh Phong để phỏng vấn một số biệt kích đã ở Long Thành giữa những năm 1960. Trọng tâm thẩm vấn là hiểu biết của lính

biệt kích về Võ Đại Tôn, thành viên cũ ban lãnh đạo kỹ thuật chiến lược, đã ở Long Thành trong giai đoạn đó. Tôn đã bị bắt ở Lào trong vụ xâm nhập "kháng chiến" xuất phát từ Thái Lan. Sau đó chính phủ Lào đã chuyển anh ta cho Việt Nam và hẳn được đưa ra Hà Nội để xét xử.

Trong cuộc họp báo, Tôn đã gây bức tức cho những người bắt anh ta bằng việc tấn công Chính phủ Hà Nội thay cho việc thể hiện thái độ ăn năn. Cuộc họp báo đã phải hoãn lại và Tôn đã bị đưa trở lại biệt giam. Những người lính biệt kích cũng đã đóng góp chút ít trong cuộc phỏng vấn của các quan chức Hà Nội.

Cuối năm 1979 những tù nhân ở Thanh Phong dần dần được tha. Mùa hè năm 1982 đa số lính biệt kích đã được tha về nhà. Trước khi tha, nhân viên An ninh Quốc gia đã nói với nhiều người trong số họ và thông báo những lợi ích tiếp tục của họ đối với Nhà nước. Họ đã nói cho một số người được lựa chọn phải chuẩn bị để trong tương lai "đón khách" bằng các tín hiệu đặc biệt người ta mong đợi. Những người biệt kích này sẽ làm những gì họ được yêu cầu.

Tháng 12 năm đó, những người còn lại ở trại K1 được chuyển về trại giam Trung ương ở huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Mùa thu năm 1987, 7 biệt kích cuối cùng ở đó rốt cuộc đã được phóng thích trở về nhà, trong số họ có Nguyễn Hữu Luyến, nhân vật nòng cốt cứng rắn đến cùng.

Cho đến năm 1989 phần lớn phạm nhân cải tạo lao động ở Thanh Lam đã được tha. Một số người dân tộc H'mông được tuyển chọn ở Lào để hoạt động trong các toán gián điệp đầu năm 1962, không có nhà cửa, gia đình nên tiếp tục ở lại trại. Thêm hai người nữa đã chết ở đó năm 1993. Một lính biệt kích được tha theo lời hứa danh dự đối với trại cải tạo lao động đã kể lại việc trở về nhà của anh ta sau 15 năm lao động nặng nhọc.

Tôi hỏi anh ta: "Anh cảm thấy như thế nào?"

"Cảm thấy như thế nào ư? Anh không thể tưởng tượng được".

"Ấy! Tôi muốn nói rằng gia đình anh phản ứng như thế nào?"

Người lính biệt kích kể lại chuyện này:

"Tôi nhớ khi trở về đến ga tàu Sài Gòn, lúc đó ban đêm và tôi biết không thể đi bộ về ngay với mẹ tôi được. Tôi đã không liên lạc gì với bà 15 năm qua. Chúng tôi được phép viết thư về nhà sau năm 1976 song đa số chúng tôi nghi ngờ rằng đó là âm mưu của Bộ Nội vụ vì vậy chúng tôi chẳng bao giờ viết thư về nhà. Một số chúng tôi được thăm thân ở trại nhất là những người có người thân ở miền Bắc. Tôi nhớ Nguyễn Thái Kiên đã được bác mình là Nguyễn Thái Phiệt đến thăm, mọi người nói rằng ông này là biên tập viên báo Quân đội nhân dân. Đa số chúng tôi không muốn gia đình chi phí cho chuyến đi Bắc để thăm chúng tôi. Chúng tôi có thể giấu diếm gửi thư qua những người thăm của họ. Trong trường hợp của tôi, tôi không viết thư về nhà.

Tôi biết nếu tôi đi ban ngày có thể sẽ gây ngạc nhiên lớn. Anh phải hiểu là suy nghĩ và cách hành động của tôi được thực hiện theo một thực tế là tôi đã xa nhà đi lao động vất vả 15 năm. Tôi không thể tả lại được và không ai có thể tả được.

Tôi đi bộ từ trung tâm Sài Gòn về nhà mẹ tôi. Tôi ngủ ngoài đường, ngay trong trường hợp này tôi cũng đã chạy đến trạm tuần tra kiểm soát. Cuối cùng tôi chẳng có giấy tờ gì và giấy thông hành của tôi đã hết hạn. Tôi tìm thấy một quán cà phê nhỏ đối diện với nhà mẹ tôi. Lúc đó khoảng vài giờ trước lúc rạng đông và tôi ngồi ở đó.

Lúc tảng sáng thì mẹ tôi ra khỏi nhà, tôi vẫn ngồi đó và quan sát bà, tôi chú ý nhìn xem có người nào khác ở chung quanh, tôi không nhìn thấy ai và tin rằng là an toàn.

Mẹ tôi bắt đầu đi xa khỏi nhà và tôi đi theo rất nhanh cho đến khi đến cạnh bà, tôi đi bộ song song cùng với bà mấy bước, chẳng nói gì, tôi không tin rằng bà nhận ra khi tôi ở đó một lúc nhưng tôi đoán là bà đã cảm nhận thấy sự có mặt của tôi và điều đó làm bà giật mình, bà dừng lại vài giây. Tôi nhìn bà mà nói "Mẹ ơi, con đây mà".

Mẹ tôi chỉ nhìn chăm chăm tôi trong mấy giây, sau đó túm chặt tay tôi và dắt tôi trở về nhà như hồi tôi còn con nít và bà đã đưa về nhà khi tôi làm điều gì đó xấu.

Bà đưa tôi đến buồng trước, tới trước bàn thờ gia tiên. Có một bức ảnh của cha tôi ở chỗ dành cho những người đã chết, bên cạnh đó là ảnh của tôi. Mẹ tôi nhìn tôi, sau đó lại nhìn bức ảnh, bà nhìn tôi lần nữa sau đó lại nhìn bức ảnh. Hồi sau bà nói: "Đó là con, mẹ tưởng là con đã chết".

Sau đó mẹ tôi hỏi tôi không nhiều. Tôi ở nhà, còn cái gì nữa cần phải nói? Nguyễn Văn Hình chậm rãi quay đi nhìn ra cửa sổ không nói lời nào, không người nào cần đến.

-----oOo-----

(Hết mục 22).

PHẦN KẾT

Khi viết cuốn này thì hơn một trăm lính biệt kích trước đây đã được tái định cư ở Mỹ. Gần hai trăm người sống sót cùng với hàng trăm mẹ goá con côi của những người đã chết vẫn còn ở lại Việt Nam. Mặc dù có một số người muốn ở lại, hầu hết trong số họ muốn rời khỏi Việt Nam.

Để đủ tiêu chuẩn được nhập cư vào Mỹ theo chính sách hiện hành thì những người lính biệt kích trước đây phải ở tù ít nhất là ba năm sáu tháng sau 5/1975. Cơ quan nhập cư và nhập tịch (INS) kết luận rằng bất cứ trường hợp ở tù nào trước thời hạn đó đều được coi là

tù nhân chiến tranh bị giam giữ trong thời chiến, trên cơ sở INS vận dụng chính sách của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ. Khi viết cuốn này, INS không tin rằng hầu hết lính biệt kích đang ở Việt Nam vẫn còn bị giam giữ 3 năm sau tháng 5 năm 1975 và tin là họ đã được giảm án tù trước thời hạn đó. Hầu hết những người làm đơn xin phỏng vấn nhập cư đều bị giám đốc khu vực của INS ở Bangkok từ chối.

Nguyễn Hữu Luyện, người tổ chức và là cố vấn cho toán HECTOR là một trong những lính biệt kích cuối cùng được phóng thích sau 21 năm lao động khổ sai. Anh ta cố trốn khỏi Việt Nam bằng thuyền và như dự đoán đã bị bắt. Đầu năm 1992, anh ta đã được phóng thích và được phép rời Việt Nam để tái định cư ở Mỹ. Hiện tại Luyện và vợ anh ấy sống ở Đông Boston, bang Massachusetts. Anh ta học tiếng Anh và dạy tiếng Việt. Thế là cố gắng để sinh tồn.

Một trong bảy người cuối cùng được phóng thích khỏi lao động khổ sai là một người dân tộc H'mông tên là Quang Rạng, người đã tới ngôi nhà mới của anh ta tại Chamblee, bang Georgia vào năm 1992. Ngọc Ban, vợ Rạng là một người phụ nữ đầy nghị lực, đã nói chuyện với một đám đông tụ tập khoảng 400 người vợ và thành viên của các gia đình người Việt Nam ở địa phương tại Atlanta, Georgia vào tháng 7/1992. Chị ấy đã đề cập đến việc người ta nói rằng chồng chị đã mất tích. Mặc dù chị vẫn được trả tiền tuất nhưng chị vẫn tiếp tục chờ chồng trở về. Chị ấy tin chồng chị sẽ trở lại.

Thành viên của các toán từ CASTER đến RED DRAGON đã vượt Thái Bình Dương và định cư khắp nơi trên nước Mỹ, từ Boston đến Seattle. Trong số họ có Mai Nhuệ Anh, chỉ huy toán HECTOR 2; Quách Nhung, linh hồn sống sót của toán HORSE; Trương Tuấn Hoàng, điệp viên cuối cùng được cử đi bổ sung cho toán REMUS; và Hà Văn Chấn, chỉ huy toán CASTER; người cùng toán của anh ta Đinh Anh là những thành viên của toán đầu tiên được đưa vào Bắc Việt Nam theo kế hoạch của CIA nhằm tiến hành hoạt động điệp vụ chống Hà Nội. Dù sao, trong thế giới ngày nay người ta cũng chưa biết liệu Washington có giao một nhiệm vụ thiện chí nào cho các toán đó không.

Điệp viên đơn trước đây là Trần Quốc Hưng đã thực hiện một chuyến xâm nhập. Hưng đã

viết về những kinh nghiệm ở tù của mình và của đồng đội trong ba cuốn sách với đầu đề là "Thép đen" (Black Steel). Các chương của cuốn sách đã được đọc trên đài phát thanh tiếng Việt ở California. Người ta đã chú ý theo dõi các buổi phát thanh này trong khi các chương trình nhạc kịch trên ti vi vào buổi chiều thì bị quên lãng. Lê Văn Bưởi một điệp viên đơn cũ đã tới Mỹ năm 1993. Khi viết cuốn này thì Bưởi đang điều trị bệnh ung thư ở Utica New York. Anh ta bị ung thư vòm họng và có thể không sống nổi để đọc cuốn sách này. Trước khi rời khỏi thành phố Hồ Chí Minh năm 1993. Bưởi đã được điều trị bằng phương pháp chạy tia ở một bệnh viện địa phương. Theo những người làm công tác xã hội ở Utica thì Bưởi không chỉ chạy tia quá nhiều ở thành phố Hồ Chí Minh mà phương pháp điều trị này còn lan ra cả toàn bộ đầu của anh ta. Trí nhớ của Bưởi mất dần và đầu bị đau thương xuyên. Anh ta vẫn cố giải thích những điều anh ta và những người yêu nước của mình đã cố làm trong khoảng 35 năm nay. Anh ta mong rằng khi chết không ai phải bận tâm gì cả.

Lê Văn Ngung, trước đây là chỉ huy của toán HADLEY, hiện nay làm nghề chạm trổ thiếc và tạo khuôn mẫu cho Kirk và Stieff ở Baltimore, bang Maryland. Công việc anh ta làm là một công việc nghệ thuật đầy kiên nhẫn. Vũ Viết Tinh, một thành viên trong toán hiện nay là người gác cổng của bệnh viện ở Indiana và đã lấy vợ hồi tháng 12/1994.

Nguyễn Không, người đã bị bỏ rơi trên bãi biển cùng với các thành viên khác của toán NAUTILUS, hiện nay làm nghề đánh bắt tôm cá ở Vịnh Mexico chứ không phải hoạt động gián điệp ở Vịnh Bắc Bộ. Mỗi lần trở về thăm nhà anh ta lo ngại vợ mình lại có mang thêm lần nữa. Tôi nói với anh ta điều đó có thể xảy ra bởi vì ăn phải nước ở New Orleans. Anh ta cười nhưng tỏ ra không tin điều tôi nói. Cả hai chúng tôi đều hiểu là phải làm gì đó để vợ anh ta gần gũi anh ta hơn. Không là chồng thứ hai của cô ta, người chồng thứ nhất của cô ấy bị súng máy bắn chết trước mặt cô ta khi họ cố chạy trốn bằng thuyền khỏi miền Trung Việt Nam.

Bùi Minh Thế thuộc toán BECASSINE trốn khỏi Việt Nam bằng thuyền. Một sĩ quan quân đội Nam Việt Nam cũ bảo anh ta trở lại Việt Nam và tham gia vào lực lượng mà anh ta gọi là "kháng chiến". Thế đã từ chối và chuyển đến ở Henderson Louisiana. Đã nhiều năm nay vợ chồng Thế đã đoàn tụ sau hàng chục năm xa cách. Những ngày đó anh ta nằm liệt giường và

có thể không bao giờ biết được sự ngưỡng mộ của tôi đối với dũng khí của anh ta.

Đặng Công Trình chỉ huy phó toán SCORPION, một người kiên cường nhất trong toán những người chống đối trung kiên, hiện đang làm việc tại một cửa hàng ở California. Phần lớn những công nhân cùng làm việc với Trình không biết gì về quá khứ của anh ta.

Thuý, vợ của Trịnh Văn Truyền, một dân chài cũ thuộc toán NAUTILUS 3, di cư cùng chồng đến Biloxi, Mississippi và Truyền đã trở lại cuộc đời trên biển. Thuý đã bị bắn ở New Orleans, Louisiana vào ngày 31/7/1990 trong một vụ cướp giật đang tìm kiếm tiền mua thuốc phiện. Chúng chỉ giật được của cô ta một cái ví trống rỗng. Cô ấy đã có mang 7 tháng, đứa trẻ chưa sinh ra bị giết bởi một viên đạn do bọn cướp bắn ra. Cô ta được cứu sống nhưng không bao giờ có thể có con được nữa. Mới đây Truyền lao vào con đường nghiện ngập và gọi cho tôi từ bệnh viện. Truyền nói với tôi là Truyền gần như bị cắt cụt một ngón tay. Cuộc sống trên Vịnh Mexico những ngày đó thật khó khăn. Nghề đánh bắt tôm không đưa lại hiệu quả gì cả. Chúng tôi nói chuyện một lúc và điều đó dù làm cho Truyền cười lên được một tý. Vợ Truyền là một người rần rỏi nhưng không kiên cường rần rỏi bằng người chồng của chị ấy lúc trong tù.

Một trong những người trốn khỏi Việt Nam đầu tiên là Nguyễn Văn Hình, một thành viên của toán ATILLA. Ở Singapore anh ta bị từ chối tái định cư ở Mỹ. Mặc dù vậy anh ta đã nói với các quan chức lãnh sự Mỹ về thời gian ở trong tù. Họ không đơn thuần tin anh ta và còn nghi rằng anh ta là một tên tội phạm của miền Bắc Việt Nam giả danh một người nào đó đã chết. Trong khi ở trại tị nạn tại Singapore Hình đã gặp một người Việt Nam khác, một ni cô cũ bị cấm không được hành đạo ở Việt Nam sau năm 1975. Hai người đã cưới nhau và tái định cư ở Hà Lan. Họ đang xây đắp một tổ ấm gia đình. Hình thường không hay viết thư. Anh ấy giải thích rằng anh ta phải viết quá nhiều bản tự kiểm điểm trong nhà tù. Tôi nghĩ rằng tôi hiểu được điều đó.

Trần Văn Tư và Nguyễn Văn Lực đang ở Úc. Tư bị sẹo đầy hai mắt cá do bị xiềng xích trong thời gian ở tù. Lúc đó Tư gần như sắp chết. Jessica Martinel, giọng nói quen thuộc với

nhau trên điện thoại, nhìn vào bức ảnh mắt cá chân anh ta và muốn quăng nó đi khi biết rằng những mắt cá chân đó bị biến dạng gần như mãi mãi. Tôi muốn kể cho cô ta toàn bộ câu chuyện về mảnh xương mà đồng đội của Tư đã tìm thấy từ mắt cá vỡ của anh ta mà anh ta đã giữ từ bao năm nay-một bùa hộ mệnh đã giúp anh ta sống sót. Bây giờ chị ấy có thể hiểu được điều đó.

Thỉnh thoảng người ta kể về những mẩu chuyện của những người thuộc nhóm quan sát và nghiên cứu của trợ lý chỉ huy quân sự và những đồng nghiệp người Việt Nam của họ. Đó là những người như Mai Văn Học và Hoàng Văn Chương thuộc toán STRATA. Lâu Chi Trân, Châu Hên Xương, Lý Si Lau, Vũ Đức Gương hoặc những người nhái dưng cảm khác đã từng cưỡi sóng dữ với tốc độ gần 50 dặm/giờ, vượt qua Vịnh Bắc Bộ trong tiếng động của các lực lượng tuần tra ngư lôi đã báo cho quân địch biết rằng những cư dân từ địa ngục đang đến.

Năm 1986, Vũ Đức Gương đề nghị trả khoản tiền còn nợ anh ta. Năm tiếp theo toà án liên bang giải đáp những ý kiến tranh luận của Bộ Quốc phòng và đã đưa ra một trường hợp tương tự trước đó trong một vụ khiếu kiện liên bang năm 1865 để từ chối đề nghị bồi thường của Gương về khoản đã ngồi trong nhà tù Bắc Việt Nam gần 20 năm. Lưu ý kiến của toà án và quan điểm của Bộ Quốc phòng thì thực tế là những chi tiết về quá trình hoạt động của Gương vẫn được đánh giá cao. Vụ án kết thúc.

Đa phần những người sống sót đã định cư và cố gắng vun đắp cho cuộc sống gia đình ở những mức độ thành công khác nhau. Thỉnh thoảng họ lại tụ họp với nhau quanh một chai Whisky và kể về thời gian trước đây, về những người bạn tù đã chết và những người trung thành. Khi bọn họ vào tù thì hầu hết là còn độ tuổi hai mươi. Sau hai mươi năm hoặc hơn, bây giờ họ đã già và thấy chẳng có gì là sai khi tán tỉnh những cô gái trẻ hơn họ hai mươi tuổi. Họ nhuộm tóc và làm trẻ lại một vài tuổi. Chẳng ai thấy ngại ngùng. Phần lớn họ sẽ trở thành những công dân có ích. Một ngày nào đó khi lớp con cháu đọc về họ, họ sẽ hiểu về cha ông mình nhiều hơn những kỷ niệm mờ nhạt của những năm dài trong quá khứ đưa lại.

Một số ít trong những người lính biệt kích không gặp may mắn lắm. Hoàng Ngọc Chinh, Doãn Phương, Nguyễn Văn Ly đã vỡ mộng làm quan. Họ cố chạy trốn khỏi Việt Nam,

Phương và Ly chạy bằng thuyền còn Trinh thì đi đường bộ qua Campuchia. Chẳng bao giờ được gặp lại họ nữa.

Lê Trung Tín thuộc toán RED DRAGON từ Trung Quốc quay trở lại. Hiện nay anh ta đang cố thuyết phục các phỏng vấn viên đầy nghi ngờ của cơ quan nhập cư và nhập tịch ở thành phố Hồ Chí Minh rằng anh ta là người được quyền đó. Tín và người bạn đồng hương của anh ta là Voòng A Cau đã làm những gì mà người lính làm. Họ đã trốn và là hai người đầu tiên chạy khỏi Bắc Việt Nam vẫn còn sống. Cơ quan nhập cư và nhập tịch cho rằng họ đã không đủ thời gian ở trong tù để được phân loại nhập cư vào Mỹ.

Một người kém may mắn hơn là Hoàng Đình Mỹ, một thành viên của toán HECTOR. Tháng 12 năm 1984 Mỹ đã đứng trước vành móng ngựa của toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Toà đã tuyên án các thành viên của một nhóm kháng chiến do một người Việt Nam ở nước ngoài tại Pháp đứng đầu tên là Lê Quốc Tuý. Nhóm này đã bị bắt trong khi đang hoạt động ở Nam Việt Nam, có lẽ là ngay sau khi từ cái gọi là căn cứ của họ ở Thái Lan xâm nhập vào Nam Việt Nam. Thông tin được đưa ra công khai trong thời gian xử án đã cho thấy rằng Bộ Nội vụ Việt Nam đã xâm nhập vào cái gọi là "tổ chức kháng chiến" của Lê Quốc Tuý vài năm trước đó, và đã thực sự kiểm soát được tổ chức này. Vào năm 1995 Mỹ vẫn còn trong tù ở Nha Trang.

Mỹ đã rời nhà tù Thanh Lam vào năm 1981 và trở về nhà tại miền Nam Việt Nam trước khi chạy sang Thái Lan. Một trong những cộng tác viên của Tuý ở Thái Lan gọi tên "đại tá Giang Nam" công khai tuyển mộ Mỹ trở về trong một tuần thì bị bắt vào năm 1982. Trong quá trình xét xử anh ta, bên nguyên đã đưa ra những bằng chứng buộc tội gồm các tài liệu thu được trên một chiếc thuyền đánh cá được cung cấp cho cái gọi là "nhóm kháng chiến" của Tuý. Các điện đài đặc biệt không rõ của nước nào sản xuất cũng bị thu giữ. Chúng được coi là điện đài thuộc loại dành cho điệp viên dùng để liên lạc với các địa điểm như ở Thái Lan. Điện đài phải có người điều khiển, nhưng người điều khiển điện đài này cho mạng lưới điệp viên lại không được xác định.

Đây không phải là những điện đài của điệp viên đầu tiên được chở bằng tàu vào Việt Nam

Cộng sản. Hai mươi năm trước, các nhóm N1, N3 và N7 đã chuyển điện đài cho gián điệp đôi Đông Bắc Bắc Việt Nam. Nếu nhóm kháng chiến có truyền thông tin trên điện đài của điệp viên thật thì người nghe nghĩ gì mà tin rằng các điệp viên của nhóm này đang sống, khoẻ mạnh bình thường ở Nam Việt Nam.

Lỗi lầm không sửa chữa và lặp lại lỗi lầm.

Trung tá Nguyễn Sáng làm giám đốc ban quản lý các nhà tù ở Hà Nội trong suốt mùa hè năm 1979 và được biết là đã về nghỉ hưu năm 1982. Anh ta đã phục vụ Đảng và có lẽ không bao giờ ân hận về nhiệm vụ anh ta đã làm. Trung tá Tô Bá Oanh, chỉ huy trại tù lao động ở Hồng Thắng, thông tin cuối cùng được biết nay là đại tá chỉ huy nhà tù ở tỉnh Sông Bé. Anh ta bây giờ lo lắng đối với những người vi phạm pháp luật xã hội hiện hành hơn là đối với những người lính biệt kích trước đây.

Nguyễn Văn Tân thuộc toán ROMEO, người lính biệt kích bị đánh trong thời gian biểu tình tuyệt thực năm 1973. Sau khi tái định cư ở Mỹ, đã làm đơn đòi bồi thường thương tật. Năm 1988, một bác sĩ người Việt đã khám cho Tân và từ Califorma gọi điện cho tôi để hỏi về một vài hiểu biết bên trong nào đó về nguyên nhân những vấn đề khó hiểu của Tân.

Anh ta nói: "Nội tạng của Tân không còn làm việc tốt nữa, tôi không hiểu tại sao...Tân rất khó chịu khi giải thích những điều gì đã xảy ra. Anh có thể viết cho tôi, giải thích tất cả về vấn đề này được không?".

Vài tuần sau tôi đã thảo một bức thư cho đại tá không quân Kimball Gaines, chỉ huy cơ quan đặc biệt của DIA về vấn đề POW/MIA ký. Bức thư đã cố gắng giải thích những điều gì xảy ra đối với Tân trong thời gian biểu tình tuyệt thực ở Phố Lu năm 1973 nhưng bức thư đó không phản ánh được toàn bộ câu chuyện. Tôi hy vọng rằng ông bác sĩ người Việt ở San Jose đọc bức thư ông đại tá Gaines cũng không thể giải thích đầy đủ được.

Lương Văn Inh thuộc toán DOG đã định cư ở vùng rừng núi của Nam Việt Nam, một vùng không xa Đà Lạt nơi người nước ngoài vẫn thường đến nghỉ mát, gần huyện Đức Trọng

nhưng vẫn còn rất hẻo lánh và hoang sơ. Đầu tháng 6/1994 bệnh sốt rét tái phát nặng nề đã làm cho Inh sa sút về sức khoẻ. Người thầy thuốc ở địa phương đã bảo vệ Inh đưa anh ta đến bệnh viện. Trong cơn giông bão hai đứa con của anh ta cùng với hai người địa phương vào lúc nửa đêm đã bắt đầu lần theo đường mòn xuống núi mang theo anh ta bằng bình trên võng, tiến ra đường cái cách xa 4km. Inh đã chết khi họ chưa ra đến con đường. Vợ anh ta đã viết cho tôi về việc anh ta ra đi: "điều duy nhất mà chồng tôi mong muốn là con cái được học hành và tự do... và bây giờ anh ta không còn nữa..."

Cuối cùng Des Fitz Gerald đã đúng. Điều đó có ý nghĩa tinh thần. Đáng tiếc anh ta không bao giờ gặp lại những người mà anh ta nói đến.

Họ đã sống sót. Cuối cùng theo cách của riêng mình họ là người chiến thắng.

Câu chuyện về chiến công của đội quân những người lính biệt kích hy sinh hãy còn đó. Ngày 23/8/1995, David F. Lambertson, đại sứ Mỹ tại Thái Lan đã gửi một bức thư điện dài 5 trang cho Bộ Ngoại giao và INS chất vấn tại sao việc bỏ tù sau năm 1975 của hầu hết lính biệt kích còn sống sót lại không được giám đốc khu vực INS sửa đổi lại chính sách của mình vẫn không chấp nhận hầu hết những người lính biệt kích trước đây được xem xét nhập cư vào Mỹ theo tinh thần hướng dẫn về chính sách đối ngoại của Bộ Ngoại giao đã được nhất trí thông qua.

Bức điện của ngài đại sứ đã xảy ra cùng lúc với việc đưa ra tập hồi ký đang được tranh luận rộng rãi của ông Robert Mc Namara đầu đề là hồi tưởng quá khứ: "Tấn bi kịch và những bài học về Việt Nam". Một phần cuộc tranh cãi xung quanh cuốn sách xuất phát từ câu hỏi được nêu ra là liệu ông Mc. Namara và các thành viên trong guồng máy bên trong của Tổng thống có đánh lừa Tổng thống về bản chất dính líu của Mỹ ở Việt Nam trước khi xảy ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ vào tháng 8 năm 1964 không. Trên cơ sở vị trí nơi các nhóm điệp viên được thả xuống, tuyên bố của một trong những quan chức CIA tham gia, việc nghiên cứu tài liệu chính thức Của nhóm quan sát và nghiên cứu trợ lý chỉ huy quân sự và bản khai kèm theo đây của những lính biệt kích còn sống sót thì rõ ràng những người lính biệt kích xâm nhập để bảo vệ những cố gắng của CIA ở Lào chứ không phải như Tổng thống được báo cáo là việc xâm nhập của những người lính biệt kích nhằm chống lại Hà Nội vì Hà Nội đã cho các

điệp viên xâm nhập vào miền Nam Việt Nam.

Vào ngày 14/4/1995, tờ thời báo New York đăng bài của Tim Weiner bình luận về những cố gắng của ngài đại sứ nhằm giải quyết bế tắc của INS. Chỉ sau mấy ngày hoàn cảnh của những người lính biệt kích đã được chú ý quan tâm của quốc tế. Đại tướng William Westmoreland, thiếu tướng John Morrison, trung tướng George Gaspard, thượng nghị sĩ John Mc Cain và nhiều người khác đã viết thư cho đại diện của INS. Thư của TNS chuyển đi khi một người nhái trước đây, Dương Long Sang, cố tự sát sau khi lần thứ hai bị INS từ chối. INS tin rằng anh ta không đủ thời gian ở tù tại Hà Nội. Tin về việc Sang tự sát cùng đến với những tin đau thương về việc hai lính biệt kích khác đã chết ở Việt Nam trong khi chờ đợi INS phỏng vấn trường hợp của họ.

Vào ngày 27/4/1995 John Mattes, một luật sư bị bắt hoặc bị giết ở Bắc Việt Nam đã gửi kiến nghị đến toà án liên bang Mỹ về vấn đề khiếu kiện tại Washington D.C đòi tiền bồi thường. Bản kiến nghị chỉ yêu cầu rằng toà án chỉ thị cho chính quyền trả cho các điệp viên trước đây theo đúng với hợp đồng của họ.

HẾT

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>